

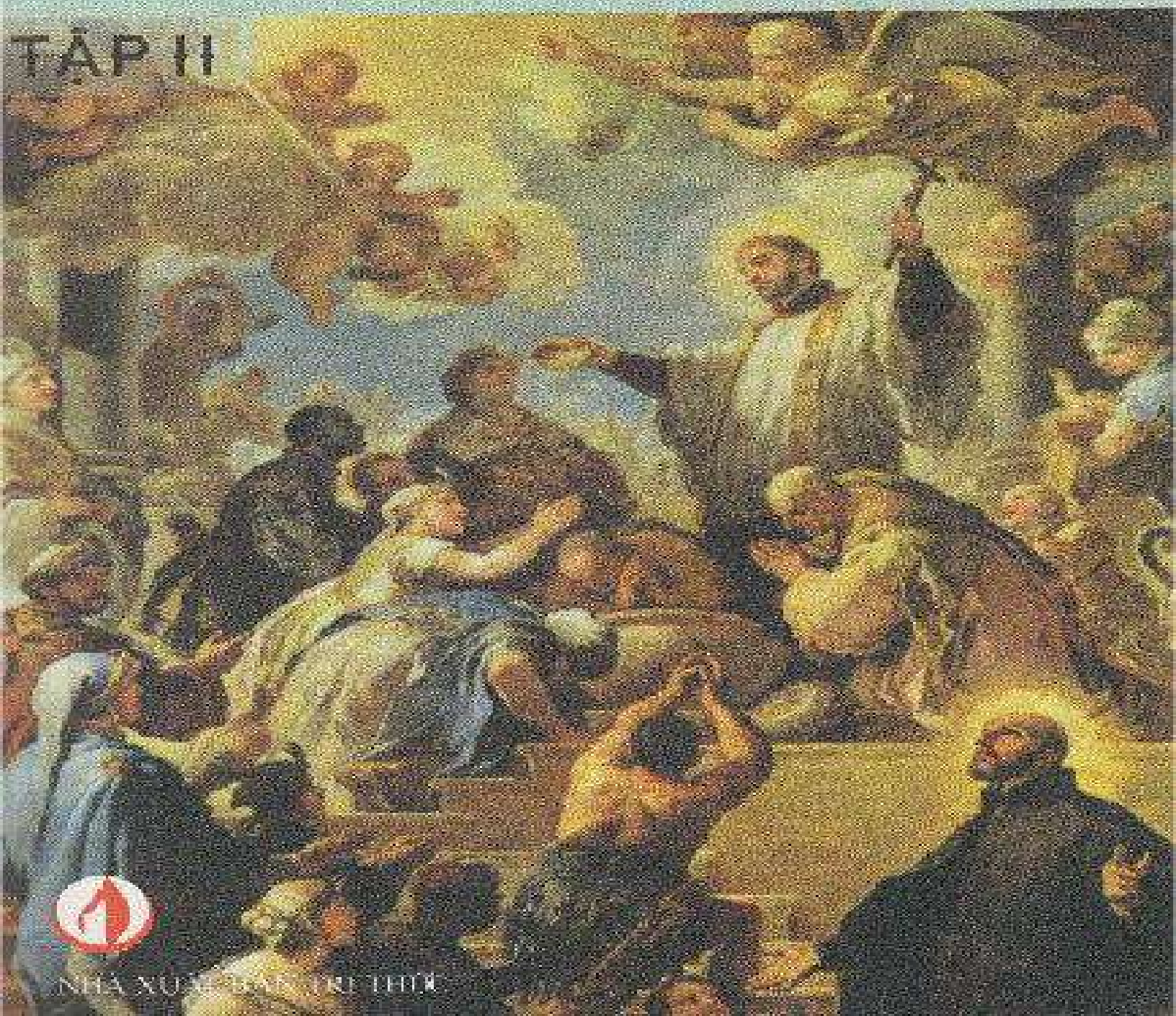
LỮ SÁCH
LINH HOA

HAMVAS BÉLA

Minh triết thiêng liêng

Nguyễn Hồng Nhung dịch

TẬP II



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ THƠ

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI
HAMVAS BÉLA

SCIENTIA SACRA
II
MINH TRIẾT THIÊN LÂNG
Tập II

Nguyễn Hồng Nhung dịch từ nguyên bản tiếng Hungary
(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

ebook©vctvegroup

15-02-2019

Phần thứ tư
SỰ NHẬP ĐỊNH

I. Hermes Trismegistos

1.

Dưới cái tên *Hermes Trismegistos* còn lại vài đoạn đối thoại và những văn bản vụn của thời Alexandria. Ngôn ngữ của những lưu trữ này bằng tiếng Hi Lạp, bởi vậy thoát đầu người ta tưởng tác giả của chúng là một nhà triết học Alexandria sống đầu Công nguyên, hoặc cao nhất là trước Công nguyên một, hai trăm năm.

Nói về nội dung của các tác phẩm, theo một quan điểm đồng nhất, người đọc cần đối diện với những tác phẩm đã thích nghi với tính chất Hi Lạp hóa đặc trưng (*sinkretikus hellenistikus*). Chủ nghĩa *Sinkretizmus* (thích nghi) trong trường hợp này có nghĩa là tác giả từ mọi miền quen thuộc của thế gian cố gắng thử nghiệm tính thống nhất bắt buộc của những tinh thần khác nhau xuất phát từ các nguồn ở Alexandria. Công việc mang tính chất thích nghi này về bản chất khác hẳn sự thích nghi; cái ban đầu chỉ tập hợp chất liệu, cùng lăm hàn gắn lại; cái sau đúng là tạo ra một sự thống nhất.

Giữa nhiều tác giả, văn bản của Mead có ý nghĩa nhất, đáng tin cậy nhất, ngoại trừ những nhầm lẫn xuất phát từ lý thuyết của ông. Văn bản Hi Lạp này không chỉ được coi hoàn toàn cổ, mà còn là một bản dịch nhập định Ai Cập cho phép người đọc quay trở lại thiên niên kỷ thứ tư.

Ngôn ngữ Hi Lạp và thuật ngữ tương tự phái Ngộ đạo (*gnostikus*) trong những lời đối thoại gốc, văn bản gốc, rất ít thay đổi. Ở Alexandria lúc ấy hàng đội quân các nhà bác học làm việc để thu thập

những kỉ vật cổ khắp trái đất cho thư viện. Các đại lí của thư viện từng đi đến tận Trung Quốc, Ấn Độ, Tây Tạng, Iran, Caucasus; Những kẻ kế tục các triều đại cai trị ở Alexandria sử dụng ảnh hưởng của mình để kiếm cho bằng được những văn bản cổ nổi tiếng từ các nhà nước khác. Sau đó cho dịch ra tiếng Hi Lạp và giữ gìn trong thư viện.

Ảnh hưởng sống của các nhân vật đã thánh hóa mai một từ lâu, chỉ còn sách giữ gìn tinh thần thời cổ. Mục đích của thư viện Alexandria là gìn giữ truyền thống của nhân loại ở một nơi. Có thể giả thiết rằng, các văn bản gốc Hi Lạp, ngoài các tên bị gọi khác đi, bản chất không thay đổi. Cái tên Hermes Trismegistos là một sự biến đổi tên theo kiểu Alexandria như vậy.

Theo bản gốc, Hermes có tên là Toth. Dưới cái tên Toth ẩn chứa ba biểu tượng: Toth là một thần linh Ai Cập, và một vị giáo chủ cao nhất của Ai Cập mang tên như vậy, giống như Dalai Lama ở Tây tạng, Zarathustra ở Iran, Puthia ở Delphoi; sau cùng Toth là đẳng cấp giáo chủ, hay là tên gọi của những kẻ đã nhập định. Sau khi đã nhập định, giới giáo sĩ và học giả thường lấy tên của một thần linh là Toth, bởi vì Toth đại diện tinh thần của thần linh thông qua hành động ở loài người.

Trong văn bản nếu người dịch chép lại được một điều gì đó gần như phù hợp với tinh thần tác phẩm thì có thể chấp nhận độ trung thành của bản dịch. Các khó khăn trong sự tin cậy của bản dịch chưa từng là những việc không vượt qua nổi và đặc điểm phổ quát của tiếng Hi Lạp cho phép có thể bước tiếp sang tiếng Ai Cập cũng phổ quát một cách phù hợp nhất. Ngày nay, nếu văn bản Latin cần dịch ra tiếng Pháp, Tây Ban Nha hoặc Ý, các khó khăn gặp phải sẽ lớn hơn một cách phi tỉ lệ, bởi vì cần phải dịch thứ ngôn ngữ Latin phổ quát ra các ngôn ngữ hiện đại đã cá nhân hóa.

Trong trường hợp này thứ bị đánh mất chính là thứ quan trọng nhất: tính phổ quát. Tính chất phổ quát của một ngôn ngữ chỉ mang ngàn này ý nghĩa: có khả năng “gọi tên” tất cả các sự vật, sự việc của thế gian.

Ngày nay cùng lắm chỉ còn ngôn ngữ ngoại giao, ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ văn học. Nhưng những loại ngôn ngữ này cũng đánh mất bản chất phổ quát của ngôn ngữ cổ, đặc biệt đánh mất những khả năng xướng danh “gọi tên” những hiện thực tinh thần cao nhất. Ngày nay người ta vẫn bắt buộc phải sử dụng các từ ngữ Latin hoặc Hi Lạp để diễn tả các hiện thực tinh thần cao nhất.

Phạm trù tác giả hoàn toàn không mang ý nghĩa gì. Trong bất kì văn bản cổ nào đều không có vai trò cá nhân tác giả như ngày nay. Tinh thần phổ quát không nhấn mạnh đến hiệu suất cá nhân con người, không đánh giá, cũng như không dùng để nhận thức.

Ở châu Á, nơi, tinh thần của truyền thống một phần vẫn chính là hiện thực sống, tình trạng trên ngày nay vẫn như vậy. Nếu khách lữ hành châu Âu có mặt ở Ấn Độ nghe thấy một bản Ballad (bài hát cổ) và thích, họ sẽ hỏi tên bài hát. Dịp khác, họ yêu cầu một danh ca khác hát bài Ballad này, và khi người này hát, người châu Âu kia vẫn nhất định không thỏa mãn. Không giống bài hát họ đã nghe.

Lúc đó người Ấn giải thích, ở Ấn Độ không có các cá nhân tự do diễn đạt bản thân mình trong các tác phẩm âm nhạc và thi ca như ở phương Tây. Người biểu diễn bị ràng buộc chặt chẽ vào các tác phẩm họ diễn, cần giữ nguyên bản chất của tác phẩm. Sự ràng buộc này không đem lại sự tùy tiện và không làm mất sự trung thành của bản gốc. Thi ca và tác phẩm âm nhạc mang chất Âu châu, nếu được bảo tồn trong hình thức truyền khẩu truyền thống như vậy, có thể sẽ tồn tại hàng trăm năm và tinh thần của tác phẩm không hề bị thay đổi.

Bản anh hùng ca Homeros được trình diễn ở Hi Lạp là như vậy; hoặc trường ca Nibelung và Edda cũng thế. Sự trung thành không biểu hiện ra bên ngoài như hình thức theo chữ cái ngày nay nhiều khi hoàn toàn đánh mất tinh thần bên trong của văn bản. Trong thời kì xưa người ta gìn giữ sự trung thành đích thực, và vì vậy tên tuổi của các nghệ nhân xưa lớn hơn nhiều, bởi tính chất đích thực của các buổi biểu diễn của họ.

Về tính chất của cội nguồn như ngày nay con người cá nhân thế thốt, rất có thể xưa kia chưa từng mang ý nghĩa gì. Mỗi tác phẩm của truyền thống cổ khi rơi vào thư viện Alexandria có thể giống như việc người Hi Lạp cổ xây một cái nhà thờ, sau đó người Cơ đốc giáo làm lễ rửa tội trong đó, và hôm nay nhà thờ này của người Hồi giáo. Các tôn giáo thay đổi, nhưng cái nhà thờ vẫn còn lại đúng như vậy. Ngôn từ, cách diễn đạt, tên gọi đã thay đổi nhưng tinh thần cơ bản vẫn còn nguyên.

Trong đại đa số những tác phẩm mang tên Hermes Trismegistos đều có thể nhận ra tinh thần cổ tự do của nó. Và tinh thần cổ ngự trị trong thời Alexandria Hi Lạp không hề bị bóp méo, ví dụ: sự thống trị của đạo Phật trong các văn bản của Tử thư Tây Tạng hoặc trong cuốn T'ai I Csin Hua Cung Csih của Trung Quốc.

2.

Tính chất đáng tin cậy của các tác phẩm dịch Hi Lạp dựa trên ba khía cạnh: thứ nhất là các tượng trưng siêu hình học, thứ hai là tên của các vị thần linh, và thứ ba liên quan đến các huyền thoại.

Các tượng trưng siêu hình học được giữ gìn trong các từ ngữ. Nhưng các từ ngữ này không phải là những từ ngữ hằng ngày. Trong các văn bản Hermes Trismegistos người ta gọi từ mang tính chất tượng trưng siêu hình học là logo. Logo nghĩa là sức mạnh, ý nghĩa, tác dụng của tinh thần được tuyên bố, thậm chí trong số nhiều, các logo mang ý nghĩa như những lời kinh (sutra) của tiếng Sancrit.

Mọi liên hệ logos trong tất cả các trường hợp đều mang tính chất phổ quát. Nhiều nơi logos thường trùng với ý nghĩa của từ “buddhi” (Phật tính tiếng Sancrit) Sancrit và “csisti” (sự tỉnh táo) của Iran; trong những trường hợp này logo có nghĩa là sự tỉnh táo trực giác hay sự tỉnh

táo tâm linh. Bí ẩn của logo: trước những kẻ chưa nhập định không được phép trình bày các sự vật.

Nếu để kẻ chưa nhập định tiếp cận, xuất hiện sự thay đổi huyền bí của logo; tác dụng và sức mạnh của logo suy giảm và biến mất. Không hiếm trường hợp, ý nghĩa đích thực của logo bị hiểu ngược hẳn nhất là khi kẻ muốn sử dụng logo chỉ vì lợi ích cá nhân. Đặc tính của logo không chỉ vô tác dụng trong tay kẻ vô đạo, mà: nếu kẻ vô đạo muốn sử dụng logo một cách vô luật lời tuyên bố có thể mang đến những sự nguy hiểm không lường trước cho kẻ đó bởi một sức mạnh siêu việt đã linh thiêng hóa.

Vì vậy một trong những mục đích của sự nhập định là người thầy dạy cho học trò các bí ẩn của logo. Không được phép phát ngôn bất cứ gì từ nhu cầu lợi ích ích kỉ; kẻ nào sử dụng để dãi những từ ngữ của Thượng Đế, kẻ đó đùa giỡn với sự sống của nó, từ ngữ sẽ chống lại nó. Người thầy dẫn nhập kẻ học vào vương quốc linh thiêng của logo - thần ngôn.

Theo quan điểm siêu hình học, nơi nào có logo, chính xác nơi đó xuất hiện huyền thoại. Lời tuyên bố đầu tiên ở tất cả mọi trường hợp đều mang tính chất siêu hình học. Cái logo tuyên bố chính là sự tượng trưng của cái vô hình và vô ngôn. Cái huyền thoại tuyên bố, cũng vô ngôn nhưng đã hữu hình.

Theo Veda con người nhận ra tượng trưng siêu hình học bằng trực giác tâm linh và tâm bồ đề, và nhận ra hình ảnh huyền thoại bằng *manas*. *Manas* là sự nhạy cảm bên trong, sự nhạy cảm với các hình ảnh cổ của linh hồn. Nói theo diễn dịch của Gúenon: *sens interne*. Logo và huyền thoại cùng nhận ra điều này, nhưng bằng giác quan khác: con người nhận ra logo bằng khả năng siêu nhân phổ quát, nhận ra huyền thoại bằng khả năng mang tính chất tập thể. Logo và huyền thoại cùng nói lên một điều: một cách vô ngôn và khôn tả.

Khía cạnh thứ hai đáng tin cậy của các tác phẩm Hi Lạp liên quan đến tên của các thần linh. Các thần linh - nếu điều này lại trêu tức

người ta lần nữa - như các công thức đại số, không thể định nghĩa nổi. Các thần linh không phải là các nhân vật cố định có hình thù rõ ràng. Trực giác tâm linh và sự nhạy cảm bên trong (manas) cùng một lúc nhìn thấy những đường nét và đặc tính mới hơn, và tìm ra những khuôn mặt và tên gọi cho những thứ này. Theurgia như một hoạt động tạo dựng.

Con người nhạy cảm với cái nhìn trực giác sẽ nhìn sự vật một cách bí ẩn (theurgikus). Sự bí ẩn này như một hoạt động tạo dựng trái ngược hẳn với tư duy khoa học ngày nay-thứ chỉ tạo ra các hình thức trừu tượng.

Khía cạnh thứ ba đáng tin cậy của các tác phẩm Hi Lạp là sự nhận thức bằng những hình ảnh huyền bí. Các thi phẩm lớn của Dante, Heros, Vergilius, Shakespeare đầy rẫy những hình ảnh (được gọi là) thiên định mà bất cứ chỗ nào cũng có thể trích dẫn, và là tác động thực chất của tác phẩm.

Điều bí mật của những hình ảnh này: chỉ dẫn tới những biến đổi, những quá trình bên trong (được gọi là) sự thanh tẩy, sự ngộ ra, và bằng những điều này nâng đời sống con người lên cao. Ý nghĩa của những hình ảnh này là sự đánh thức. Biến con người thành kẻ tỉnh táo. Và cái gì sống trong các thi phẩm, trong một mức độ nhất định cũng sống trong huyền thoại. Nội dung của huyền thoại là hình ảnh đánh thức, là hình ảnh cổ, hình ảnh thiên định. Tác dụng của các hình ảnh này phổ quát và mang tính tập thể; không một ai có thể rời bỏ nổi tác động của những hình ảnh này.

Tính chất đáng tin cậy của các đối thoại Hermes Trismegistos phụ thuộc vào những điều sau: có hay không những tượng trưng siêu hình học bên trong nó? Dồi dào hay ít ỏi những quan điểm mang tính chất phổ quát của sự sống siêu việt và sau cùng, có hay không những hình ảnh thiên định huyền bí bên trong?

Cả ba đặc tính này ngay lập tức có thể nhận ra trong các đối thoại Hermes Trismegistos. Có thể thấy các dịch giả đã cứu vớt toàn bộ

những gì quan trọng trong các tác phẩm khi dịch chúng từ ngôn ngữ Ai Cập cổ sang các ngôn ngữ đã Hi Lạp hóa.

3.

Sự nhập định luôn dẫn nhập vào một huyền bí nào đấy, nhưng ngay bản thân sự nhập định đã mang tính chất huyền bí.

Trong thời cổ, khi sự nhập định còn là một tổ chức, và nhân loại là tổ chức quan trọng nhất của nó, sự nhập định diễn ra theo luật, giữa những điều kiện nghiêm khắc bên ngoài. Thiếu sự nhập định không thể đạt tới các vị trí giáo chủ, vua hay thượng nghị sĩ, thậm chí để trở thành linh mục, quân nhân, quan tòa, hay thầy thuốc, nhân viên hành chính cũng không thể.

Ngoài những nhập định đẳng cấp thông thường để một thanh niên gia nhập vào hoạt động xã hội người đó còn cần trở thành một sinh linh tỉnh táo và biết dự phần vào một đời sống tinh thần cao hơn.

Việc học tập này độc lập hoàn toàn với trường học. Trường học chỉ đem lại kiến thức mang tính chất vật chất và số lượng; còn sự nhập định mang đến các mức độ tinh thần và sự tỉnh táo. Kinh Veda gọi sự học tập ở trường là *vidnya*, còn mức độ tinh thần và sự tỉnh táo là *vidja*. Sự phân biệt này ở Iran, Trung Quốc, Tây Tạng cũng giống hệt như ở Ai Cập, ở Mỹ với các tín đồ Orphikus và Pythagoras.

Ngày nay sự nhập định đã hoàn toàn biến mất, chỉ còn lại sự học tập ở trường học một cách không mấy lành mạnh. Bởi vì ngày nay con người chỉ tham dự vào *vidnya* (kiến thức, số lượng nhận thức) còn mức độ tinh thần và sự tỉnh táo thì không biết đến, nên sự nhập định không còn chạm đến họ một cách trực tiếp nữa.

Điểm xuất phát là: các giác quan ràng buộc con người vào thế giới vật chất, nhưng kinh nghiệm và xúc cảm về hiện thực của con người không có. Con người chỉ có đời sống; còn sự sống của nó ẩn hiện trong bóng tối. Ai một lần trong đời cũng sẽ đạt đến ngưỡng chót của đời sống, một lúc nào đấy hoặc trong giây phút hấp hối, kẻ tỉnh táo sẽ đạt tới sớm hơn kẻ mê muội, nhưng con người đều sẽ phải mở mắt ra một lần trước hiện thực đích thực.

Cái chết và sự nhập định là một hiện tượng liên quan với nhau. Bởi nhập định vừa là cái chết vừa là sự sinh ra. Chết trong thế giới vật chất và sinh ra trong thế giới tinh thần. Cái chết cắt đứt thô bạo đời sống, làm tan vỡ mối quan hệ có vẻ cần thiết với thiên nhiên vật chất. Sự nhập định cũng đúng như vậy: cắt đứt sự liên tục của đời sống bằng một can thiệp nhân tạo, và làm cản trở hướng của các giác quan hướng về thiên nhiên.

Nhập định cần phải như thế vì con người cần nhập vào sự sống thông qua phần bị cắt đứt bằng can thiệp nhân tạo. Nói bằng ngôn ngữ ngày nay: sự nhập định cắt đứt mối quan hệ với thiên nhiên bằng phương pháp do người thầy chỉ dẫn, và ở vị trí bị cắt đứt này người thầy sẽ dẫn dắt, đưa tinh thần của sự sống siêu nhiên vào linh hồn người. Quá trình này mang tính chất Hi Lạp hóa, và có thể nguồn gốc của nó bắt nguồn từ truyền thống Orphikus-Pythagoras cổ, mang tên: *metanoia*. Có nghĩa là sự chuyển hóa.

Sự nhập định có họ hàng với cái chết, và cùng lúc cũng là sự sinh ra. Một số truyền thống gọi nó là sự tái sinh. Đôi khi sự tái sinh xảy ra không cần sự nhập định, khi con người từ trực giác tâm linh tỉnh táo tự dẫn dắt mình chuẩn bị, một cách đạo đức, một cách cần thiết cả về mặt tinh thần lẫn linh hồn. Nhưng *metanoia* - sự chuyển hóa này chỉ xảy ra từng phần, và như vậy không hoàn thiện. Trong thời cổ các ông thầy thường chuẩn bị toàn diện cho những người trẻ tuổi nhập định một cách phù hợp nhất.

4.

Sự nhập định thường cần đi kèm với những điều kiện bên ngoài cần thiết.

Bắt đầu từ giây phút Brahmácsárin - người học trò trẻ của Brahma - xuất hiện ở cửa phòng ông thầy với cây đuốc trong tay, cần phải tiến hành đầy đủ các bước dài của nghi lễ. Ngày nay người ta giải thích một cách tượng trưng những chi tiết nghi lễ này. Họ nhầm. Thực chất như sau: quá trình diễn ra bên trong người học trò và trong thế giới tinh thần và vật chất tự nhiên có sự phù hợp quan trọng.

“Cái gì có ở trên phù hợp đúng như vậy với cái có ở dưới - Hermes Trismegistos tuyên bố trong cuốn Tabula Smaragdina - cái ở dưới cũng phù hợp đúng như vậy với cái có ở trên”.

Trong thiên nhiên mọi điều xảy ra đúng như trong tinh thần và trong linh hồn. Sự phù hợp của con người thiên nhiên trong các sự kiện tinh thần chính là các nghi lễ. Đây là sự phù hợp mà ngày nay người ta không hiểu hoặc cho là phép thuật.

Các mức độ thức tỉnh của học trò cũng cần phải thể hiện ra hình thức bên ngoài: bằng trang phục, bằng màu của trang phục, cách may cắt, bằng đồ vật trang trí trên đầu, bằng sự lựa chọn các cử chỉ, và chọn lựa thực phẩm.

Sau khi đã thử thách những người học trò Ai Cập bằng những bài thi cuối cùng khó nhất, trưởng lão đãi một bữa ăn chung. Bữa ăn này gọi là *süntrophion*, là nghi lễ thực phẩm thống nhất của những lính canh của tinh thần thần linh Toth hợp nhất trong và nhờ thực phẩm.

Vết tích của bữa ăn này ở thành Roma gọi là *caenaromana*. Đây là bữa ăn tối hợp nhất với thần linh. Bởi vì: cái gì ở dưới cũng giống như cái ở trên. Trong thế giới tinh thần sự hợp nhất diễn ra cùng lúc với bữa ăn tối hợp nhất, và việc cùng ăn là ý nghĩa của nghi lễ, không là gì khác.

5.

Truyền thống cổ không dạy những gì chưa từng ai nghe thấy bao giờ, những gì hoàn toàn mới, đặc thù, đặc biệt và vì thế cần nhiều thời gian và sự cố gắng.

Tư tưởng của truyền thống là những tư tưởng tuyệt đối và vĩnh cửu, là những điều tất cả mọi người đều biết và hiểu một cách trực tiếp, là những điều ai cũng nhận ra. Phần quan trọng nhất không thể so sánh với bất cứ gì của truyền thống chính là *sruti*, lời tuyên bố, xuất hiện, ra đời cùng thế gian. Nó không hề xuất hiện như thể một người ở một nơi nào đấy viết ra toàn bộ và tiếp tục truyền bá.

Lời tuyên bố trong Tạo Hóa chính là sự sống, là gốc gác, là mục đích, là sự sáng sủa tinh tảo của ý nghĩa, của hiện thực. Khi thế gian xuất hiện, cùng lúc xuất hiện cả tri thức về nguồn gốc, sự sống, mục đích, ý nghĩa, hiện thực của thế gian, là cái trong tinh thần của Tạo Hóa cùng thời với tạo hóa và cùng với sự tinh tảo, sự sáng sủa. Khi trong linh hồn tạo hóa cùng lúc xuất hiện mục đích, ý nghĩa, dạng hình, hiện thực và những quá trình, nhận thức chột lóe lên, trí nhớ tinh tảo hình thành, và đây là đặc thù từ thuở đó cho tới nay của linh hồn. Linh hồn gìn giữ các tư tưởng. Bởi Linh hồn là tạo hóa, là Sinh Linh tạo nên thế gian.

Truyền thống gọi tư tưởng đầu tiên có liên quan đến tạo vật đầu tiên là Lời Tuyên Bố, là ý nghĩa cổ, mục đích cổ của sự vật, là sự bí ẩn của tạo hóa, là những quy luật của đời sống thế gian. Gọi là lời tuyên bố bởi vì những tư tưởng này xuất hiện cùng sự mở ra của sự sống trong buổi ban mai của thời gian: chúng cùng lúc mở ra cùng tạo hóa và biến thành sự tinh tảo trong linh hồn.

Linh hồn đều nhớ ra tất cả những kí ức này. Huyền học Hi Lạp gọi kí ức này là *anamnesis*: những kí ức cổ của con người nhớ ra một cách siêu việt những sự vật tuyệt đối của sự sống. Khi con người sống trong

thiên nhiên vật chất, bằng sự giúp đỡ của kí ức cổ (*anamnesis*) nhận ra những sự vật tuyệt đối, là cái mà thời cổ người ta thường nói đấy là sự tiếp nhận lời tuyên bố.

Nghe thấy và gắn bó với lời tuyên bố không phải là cái gì kì lạ đối với những khát vọng mơ hồ nào đó. Biết về nó và hiểu về nó không đòi hỏi con người phải đi thu thập, học hỏi từ đâu. Linh hồn mang trong bản thân điều này, tùy theo cá tính. Chỉ cần thức tỉnh. Sự dạy dỗ của lời tuyên bố là kiến thức tổng quát nhất và trực tiếp nhất, là thứ tất cả mọi người không cần nghe duy nhất một từ, cũng hiểu.

Nghe thấy, gắn bó, nhận thức, hiểu ra lời tuyên bố - cần hai bước: con người cần nâng mình lên đến mức hiểu được logo-siêu hình học, và cần tỉnh táo.

Cần phải được nâng lên mức độ logo, bởi lời tuyên bố chỉ có thể hiểu và nắm được bằng logo; Logo tạo ra thế gian, và ai muốn hiểu bí ẩn của tạo hóa, người đó cần phải biết rằng: logo - thứ tạo dựng thế gian, bản thân nó chính là lời tuyên bố.

Thứ tạo dựng thế gian, thứ đó là ý nghĩa, là sự sáng sủa, là ý chí, là bản năng; là tư tưởng, ý tưởng, ý muốn, là kinh tế, là lửa, sức mạnh, quyền lực, giới hạn, hình ảnh, kiến thức, tình yêu thương, sự phù hộ, chính là logo. Bởi vậy cần nâng lên mức độ logo.

Cùng lúc đó cần phải giữ vững sự tỉnh táo. Bởi vì lời tuyên bố không thể do một linh hồn vật vờ lĩnh hội.

“Lời tuyên bố chỉ có thể nghe thấy - Böhme nói - như một âm thanh bên trong, và chỉ con người tỉnh táo mới trải qua”.

Lời tuyên bố là những tư tưởng tuyệt đối và vĩnh cửu, mà con người ai cũng nhớ ra, là những tư tưởng tất cả mọi người ngay từ đầu đều đã biết, không cần lời giải thích, là những ấn tượng cổ: trạng thái bắt đầu của sự sống, là tạo hóa, mục đích của thế gian và đời sống, là những quy luật sự sống.

Truyền thống Ai Cập nói, Hermes Trismegistos là người ở mức độ tỉnh táo đến mức đã nếm trải qua ấn tượng “lời tuyên bố nghe thấy như

một âm thanh bên trong”. Tri thức của Hermes được “ghi lại trong bầu khí quyển eter” - ghi lại trong tinh thần của con người.

Lời tuyên bố ở Ấn Độ được bảy đạo sĩ tiếp nhận. Ở Trung Quốc do Hoàng Đế. Ở Mexico do Kecalcoat, Rắn Bút, ông thầy của nhân loại.

Sự bắt đầu của tạo hóa, của sự sống, ý nghĩa, mục đích và định luật của nó con người biết từ lúc mới sinh ra, và trong tri thức từ thuở khai thiên lập địa con người mang theo mình có cả sự nhập định.

Rằng cái gì là sự nhập định, không cần phải dạy dỗ, giống như cái gì là sự sống, là đời sống, cái gì là ý nghĩa và mục đích của tất cả. Trong tận cùng sâu thẳm của linh hồn chứa đựng tri thức về sự nhập định, rằng sinh ra trong sự sáng sủa của thiên nhiên chưa đủ - ý nghĩa và mục đích đích thực của đời sống trần thế là ở đây, trong số phận này, trong cái TÔI này, trong không gian, thời gian này, cần phải sinh ra lần nữa trong cộng đồng, cần phải sinh ra lần thứ hai từ sự sáng sủa vật chất đi vào sự sáng sủa chói lọi cao hơn.

Sự nhập định cũng chính là một ấn tượng cổ, như sự sống, như linh hồn, số phận, hiện thực. Trong nhân loại cổ sự nhập định quan trọng nhất, là một hành động có ý nghĩa quyết định toàn bộ đời sống. Kẻ nào chưa trải qua điều này, kẻ đó chỉ sinh ra một lần. Thực thể đó không thể coi trọng nổi: nó là người anh em thiu thiu ngủ trong đờ dãn vật chất, như súc vật hoặc cây cỏ.

Nhân loại thực thụ sinh ra hai lần (*dvidzsa*) và cộng đồng đích thực là cộng đồng của những con người đó. Của những kẻ đã nhập định, những kẻ đã thức tỉnh và trở thành một phần trong lời tuyên bố. Lời của những kẻ này, logo của những kẻ này nằm trong sự thống trị, trong luật lệ, trong sáng tạo; như kinh Veda nói: trong sự thâm dật tiếp nối đời sống. Những kẻ này là sự thức tỉnh Veda, là những con người chân chính.

6.

Với câu hỏi, các quá trình hình thức của sự nhập định là gì, cần trả lời như sau:

- Quá trình đầu tiên là những hoạt động say mê cho mục đích vật chất nhất thời trong một đời sống vô trách nhiệm và bị mê ngủ;
- Quá trình thứ hai bắt đầu khi con người đôi khi chậm rãi, đôi khi đột nhiên tỉnh thức khi nhận ra nếu đời sống con người cứ tiếp tục vô trách nhiệm và dờ dẫm, sẽ rơi vào vô nghĩa, vào cái không có gì; nhận thức này thường bất thành linh và rúng động;
- Quá trình thứ ba là sự khủng hoảng; con người vẫn bằng toàn bộ thực thể của mình bám chặt lấy thế gian vật chất, nhưng phân vân và bơ vơ đi về phía các giá trị vĩnh cửu và tận cùng; nó từ từ thấy những hiện thực sâu sắc hơn đời sống vật chất, nó thức tỉnh, đời sống của nó mở rộng ra; sự thức tỉnh và mở ra đôi khi chỉ diễn ra trong vài khoảnh khắc, và người ta gọi khoảnh khắc đó là sự ngộ ra;
- Quá trình thứ tư là cuộc chiến dài lâu và khó khăn, để con người từ bản thân mình quên đi đời sống vật chất hữu hạn và trở nên rảnh rỗi dần trong sự sống;
- Quá trình thứ năm là sự trầm tĩnh dần dần tới khi con người thấy sự giải thoát khỏi những điều kiện thiên nhiên vật chất một cách hoàn toàn là không tưởng; con người thánh thiện hóa những nỗ lực và mọi khả năng của mình hướng về sự cứu vớt bản thân bằng sự phục vụ nhân loại phổ quát.

Khi hiểu ra các quá trình hình thức trong phác họa cơ bản này không ai giấu được sự ngạc nhiên, rằng các quá trình này trong hình

dạng khác, nhưng gần như trong cùng một ý nghĩa, và thực ra là lời chỉ dẫn đến các quá trình cổ, mà họ đã gặp không biết bao nhiêu lần.

Bởi vì điều này, người ta thường nhìn thấy trên sân khấu, nghe thấy trong âm nhạc, đọc thấy từ một truyền thuyết hoặc từ một tiểu thuyết. Đây là điều nói về các nhịp điệu đơn giản hóa về mặt hình học của sự sống: đây là các hình thức cơ bản, các công thức cơ bản. Đây là hình dạng tuyệt đối không thể đơn giản hóa thêm được nữa.

Vậy đây là hình dạng gì vậy? Một cuộc sống vô tư, vô trách nhiệm, vô giới hạn - sự khủng hoảng rung động - sự thức tỉnh bất ngờ về cái cao hơn, vượt quá đời sống, và sự cố gắng chậm rãi từ từ vươn lên một sự sống cao hơn.

Đây là một công thức cơ bản, mà các kết cấu bi kịch dựa trên đó, là kết cấu của âm nhạc, của tiểu thuyết và thi ca, là các kết cấu của hội họa, điêu khắc, triết học: khởi nguồn từ nền tảng của thiên nhiên - sắc nét dần - đạt đến điểm điển hình - trải qua trạng thái ngộ ra (*catharsis*) và cân bằng lại trong sự sáng sủa.

Tất cả mọi sáng tạo rơi ra từ tay con người và mang nội dung tinh thần đều giữ gìn những nhịp điệu này: những nhịp điệu nhập định - bởi vậy tất cả những gì rơi khỏi tay con người đều một lần nữa nói lên một ấn tượng cổ của sự nhập định. Mọi hình ảnh cổ của lời tuyên ngôn tinh thần của con người đều xảy ra trên cơ sở ấn tượng cổ của sự nhập định, và chỉ có thể diễn ra như vậy mà thôi.

Mọi sáng tạo của con người đều chứa đựng một đời sống dẫn thân vào sự khủng hoảng, thanh lọc bằng sự khủng hoảng, và sau rốt trấn tĩnh lại. Mọi sáng tạo văn học, nghệ thuật, triết học đều là bản sao nhạt nhòa của sự nhập định - kể cả những sáng tạo đáng tin tưởng nhất, ngay trong bản thân nó cũng giữ gìn, duy trì, và thể hiện những mệnh lệnh của sự rung động và thanh lọc bằng cách truyền bá ấn tượng tương tự nảy sinh từ con người.

Và tác phẩm càng mang tính chất quyết định và có ý nghĩa, càng thể hiện rõ nét ấn tượng cổ của sự nhập định càng giống với sự nhập

định đích thực. Tác phẩm dưới tác động trực tiếp của sự nhập định như vậy thường là các vở bi kịch và các tác phẩm âm nhạc lớn. Bi kịch của Nietzsche được cho là bắt nguồn từ âm nhạc. Rất có thể đúng như vậy.

Nhưng cả hai thứ đều xuất phát từ tính chất huyền bí của sự nhập định: một đội ngũ các hình ảnh tượng trưng dẫn dắt linh hồn con người - bí ẩn của sự giải nghĩa các hình ảnh tượng trưng, không phải về Oidipus, về Antigone, về Philoktetes, về Aias, mà về linh hồn người. Linh hồn là thứ mang số phận người sống trên trái đất và linh hồn nhận lấy số phận này để thức tỉnh.

Linh hồn trên điểm đỉnh của số phận rơi vào sự khủng hoảng và cần phải thanh lọc, tẩy rửa: cần phải thức tỉnh. Bi kịch là một sự mô tả linh hồn anh hùng - *tés heroikhes tükhes episztasis* - âm nhạc cũng không khác. Và cả hai cùng lúc nói lên một cách tượng trưng quá trình nhận thức ra ánh sáng và trạng thái từng trải tỉnh táo mà sự nhập định dạy dỗ.

II. Bình luận

1.

Nhan đề của Chương XIII trong cuốn *Corpus Hermeticum*: “Bài giảng trên Núi Thần bí”. Người ta gọi là bài giảng trên Núi, cho dù chẳng có núi nào ở đây, truyền thống thường biểu hiện sự nhập định của người học trò bằng hình ảnh tượng trưng gắn với Núi Thiêng “*Epistes tou orous metabaseos*”.

Núi ở Hi Lạp là Olimpik, ở phương đông là Sinai, Tabor, ở Iran là Albodj, ở Ấn Độ là Meru. Người ta thường gọi là Núi Thiêng của châu Âu, của Tây tạng, của da đỏ châu Mỹ.

Hai nhân vật của cuộc đối thoại: Toth và Hermes. Kẻ trước là học trò, người sau là thầy. Hermes là nhân vật đã Hi Lạp hóa của một cái tên Ai Cập cổ. Về nhân vật này chỉ cần ghi nhớ dường như thời cổ người ta hay cho rằng Hermes xuất thân từ dân tộc Seth. Là con trai thứ ba của Seth Adam và Eva, là nhánh thứ ba của nhân loại đầu tiên.

Cain là con người trần thế, là sinh linh thức tỉnh từ bên dưới đi lên, giống như sau này phái Ngộ đạo dạy: là nhà thờ thoái hóa. Nhà thờ (*ekklésia*) không được hiểu như một đám đông mà như một cộng đồng tâm linh đã được chọn lựa.

Những cách gọi lâu đời này gần như không có ngoại lệ, trong mọi trường hợp đều nói đến các hiện sinh tâm linh, ví dụ: *politheia* không có nghĩa là nhà nước, mà theo ngôn ngữ ngày nay: là tâm lý tập thể (*kollektiv psyche*).

Cain là hình ảnh tượng trưng của tâm linh bị hư hỏng của con người thể gian, con người vật chất mà làn khói, làn hơi thở mang tính chất nặn nhân hướng xuống lòng đất. Abel là con người từ trên cao đi xuống, là hình ảnh tượng trưng của nhà thờ trời. Tội ác giết người của Cain trong các thời gian cổ chỉ ra sự kiện phạm pháp của nhân loại nguyên thủy, khi con người vật chất đã chiến thắng người trời.

Seth, con trai thứ ba không đến từ trên cao hay từ lòng đất mà là một con người thật sự, không phải quỷ, cũng không phải thiên thần mà là con người, một thực thể bậc trung, hình ảnh tượng trưng của nhân loại. Trong Seth, dù vật chất cai trị, nhưng kí ức về những huyền bí lớn mang theo từ thế giới tinh thần vẫn còn sống động. Thế hệ của Seth không chứa những đặc tính Thần của Abel, nhưng cũng không mang nỗi đam mê máu-thịt tằm tối và thèm khát, tính chất vật chất hóa nặng nề của Cain.

Các thế hệ của Seth quay trở lại với thế giới của Adam Kadmon - những người thầy và những kẻ đi thức tỉnh của nhân loại. Các nhà tiên tri, các nhà lập pháp, các giáo chủ, các trưởng tộc. Đại diện nổi bật nhất của thế hệ Seth là Henoch, nhà tiên tri khai huyền.

Thế hệ của Seth là thế hệ lãnh đạo trên con đường Ánh Sáng *“Trên con đường này bản thân dạy dỗ không quan trọng, mà là sự chuyển đổi bên trong không thể lường trước, thức tỉnh do sự dạy dỗ”*. Seth một mình mang theo tri thức *“Bằng hành động, hiện thực, hình ảnh tượng trưng không đếm xuể quay trở về MỘT, và bằng tri thức này cảm nhận nỗi con người đánh mất gì, nếu sống ngoài MỘT”*.

Không được phép hiểu những cái tên Cain, Abel, Seth như các cá nhân, con người lịch sử cá nhân càng không được phép. Những cái tên giống như ngôn từ, không ngoại lệ, đều để đánh dấu các hiện sinh huyền bí.

Manu ở người Hindu, Buddha, Bodhisattva, Tulku ở Ấn Độ và Tây Tạng, Zarathustra ở Iran, Toth và Hermes ở Hi Lạp đều từng là các hiện sinh huyền bí, không phải là cái Tôi lịch sử. Con người lịch sử đã

nhân cách hóa các hiện sinh này. Các hiện sinh này nhập thể vào con người. Nhập thể của Cain, Abel, Seth không có nghĩa là các cái Tôi cá nhân hóa của những đứa con của Adam và Eva tái sinh, mà có nghĩa là hiện sinh tinh thần cổ và vĩnh cửu một lần nữa mang hình dạng trần thế trong thực thể người.

Hermes, như một người thầy của truyền thống Ai Cập vô cùng cổ xưa, xuất thân từ các thế hệ của Seth, và sau nạn hồng thủy là kẻ đã cứu tri thức cổ trước tai họa vũ trụ, là người đầu tiên giảng dạy tri thức cổ này. Từ đó đến nay Hermes trở thành hình ảnh tượng trưng của hiện sinh huyền bí như Seth: là kẻ nhập định, kẻ tiếp tục truyền bá tri thức Hermes cổ, Hermes đã nhập thể.

Trong Lời Đối Thoại, Hermes đã dẫn dắt học trò Toth lên núi Thiên nhập định, cốt lõi của lời dạy dỗ: sự tái sinh.

Lời Đối Thoại là cấp độ duy nhất của sự nhận định. Trước quá trình quyết định này, là những bàn luận về sự cần thiết phải đắm chìm vào suy tư, sự trong sạch của đạo đức, và sau cùng người học trò cần đưa mắt nhìn vào thế giới bên trong của mình.

Đây là bước chuyển hóa (*metanoia*). Thực ra việc tự đánh giá nỗi suy tư chìm đắm, kỉ luật đạo đức ngặt nghèo không có. Tất cả chỉ tạo ra khả năng đưa con người bước qua, đi qua *metathésis*, chuyển đổi từ thế giới vật chất sang thế giới tinh thần.

Sự giác ngộ phụ thuộc vào sự trong sạch của các tầng chắn bao phủ thực thể người: cần nhìn thấu suốt bên mê và ảo ảnh. Cần sống trong sạch về mặt đạo đức vì thế. Porphyrios nói: Thần không xuất hiện chừng nào linh hồn chưa trong sạch, hay chừng nào con người tự mình chưa xua đuổi ma quỷ đi.

Sự tiếp nhận đạo đức trong sạch, trinh nguyên, lối sống khổ hạnh khiến mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên vật chất không còn căng thẳng, và để con người nhạy cảm hơn với những kinh nghiệm siêu nhiên. Mục đích: cần sự nhạy cảm. Bởi vậy Thánh Phao-lô trong *Lá thư gửi những người Do Thái* đã viết: hãy gắn chặt với niềm tin.

Ngày nay người ta sử dụng nhầm lẫn một cách cơ bản từ “niềm tin”, làm đảo lộn đến tận cùng toàn bộ các tôn giáo từ hàng thế kỉ nay. Niềm tin không phải một hoạt động tri thức hay cảm xúc hoặc bất kì một hoạt động tinh thần hay linh hồn nào của con người: mà niềm tin là kinh nghiệm siêu nhiên và là sự nhạy cảm siêu nhiên.

“Niềm tin không đối chọi với tri thức - theo thánh Saint-Martin - niềm tin là một cử chỉ phép thuật, không phải là tri thức”.

Niềm tin là một tâm trạng siêu nhiên, là sự nhạy cảm, sự cởi mở và khả năng siêu nhiên giúp con người hiểu biết thêm về những thế giới siêu vật chất. Bởi vậy từ Hi Lạp *pisztis* - niềm tin - không dở nhưng cũng không diễn tả được điều này.

Thánh Phao-lô từng dạy dỗ về một niềm tin mang lại phúc lạc, có liên quan đến tâm trạng siêu nhiên, không kêu gọi sự mù quáng. Niềm tin là một kinh nghiệm cao cả hơn tạo khả năng cho con người chuyển hóa, biến động, tạo ra một bước ngoặt lớn.

Bởi vậy Thánh Saint-Martin cho rằng niềm tin là phép thuật. Là bước chuyển trong tín đồ, từng bị cất giấu nhưng mang tính chất quyết định, bởi vì: *“Kẻ được niềm tin chỉ đường đi phía Thượng Đế, kẻ đó cần thay đổi hoàn toàn đến tận từng tế bào vật lí”.*

2.

Bước ngoặt lớn của sự nhập định: quay vào bên trong. Trí thức của sự chuẩn bị này: ấn tượng về MỘT. Kẻ học trò cần hiểu về MỘT như một hiện thực bất biến, không thể đổi thay, vĩnh cửu, không bao giờ mất đi.

Những câu lập luận về bản chất vĩnh cửu bất biến của MỘT có thể bắt gặp trong các chương của kinh Veda nói về *Atman*, trong Kinh Dịch

nói về *dương*, trong Đạo Đức Kinh nói về *đạo*, trong kinh Kabbala nói về *một* hay về *alef*.

Khi ấn tượng về MỘT tương đối mạnh, một tia sáng mờ nhạt bắt đầu le lói trong tinh thần kẻ học trò rằng, thiên hình vạn trạng của cảm giác nhìn bằng mắt trần là một ảo thuật thật sự. Hiện thực chỉ có: MỘT. Trong giây phút ấy nó kêu lên: *“con nhìn thấy toàn bộ, con nhìn thấy bản thân trong cái vĩnh cửu”*. Lúc đó Hermes lên tiếng: *“Con trai ta, đấy là sự hồi sinh”*.

Sự nhập định không bắt đầu bằng lập luận này, cũng như không kết thúc bằng điều đó. Bước ngoặt lớn nhất của quá trình quay vào trong là ngưỡng quyết định. Nhưng đây không phải ngưỡng đầu tiên và cũng không phải là cuối cùng.

Thực ra giờ đây sự sống mới bắt đầu. Là “Niềm tin”. Sự nhạy cảm siêu nhiên giờ đây thức tỉnh. Kẻ học trò giờ đây mới phá tung đời sống bị khóa kín và bước vào sự sống mở.

Bước đầu tiên của kỹ thuật phép màu nhập định là kẻ học trò hướng toàn bộ sự chú ý của nó đến một điểm nằm bên ngoài thế gian (*extramundális*). Có nghĩa là: nếu tri thức con người dưới tác động của sự tập trung và kỉ luật có chủ ý ngày càng tăng, trong một khoảnh khắc nó sẽ đứt rời khỏi hiện thực giác quan, và cần phải có một cái gì đó cho nó bám lấy.

Cần tới một điểm ngoài thế gian bởi vì chỉ những gì thật sự nằm ngoài thế giới giác quan mới gắn bó với con người. *“Chỉ cái gì hoàn toàn khác biệt với cái Tôi mới có thể giải phóng và giải phóng nỗi con người”*. Ý nghĩa của khoảnh khắc này bất tử, mang tính bản chất, quyết định, và sâu sắc đối với toàn bộ số phận con người.

Bởi trong con người tri thức giải thoát này không phải một tri thức từ trước tới nay xa lạ chưa từng biết đến, mà là *“một tri thức được ghi trong bầu khí quyển eter”*, một tri thức đã xác định mà Hermes Trismegistos đã *“viết vào bầu khí quyển eter”*.

Linh hồn trong tri thức này nhận ra cội nguồn và hiện thực đích thực của bản chất mình. Nó thức tỉnh rằng: “*Con người chỉ là bản sao, bản gốc chính là: Thượng Đế*”. Đây là tri thức thiêng liêng, là khoa học thiêng liêng. Đây là sự bắt đầu và kết thúc, là thực chất, là ý nghĩa của mọi sự nhập định.

Đây là điều ở Ấn Độ người ta gọi là *adhjātma-vidja*.

Manu nói: “*Kẻ nào không biết tri thức này, nó trống rỗng trong mọi hành động và tư tưởng... Chỉ kẻ nào biết tri thức này, kẻ đó có thể chỉ huy có hiệu quả quân đội, có thể kết án một cách quang minh, có thể cai trị một cách anh minh*”.

Trong giây phút hiện tại chỉ có ngần này thứ cần còn lại: là kỉ luật tự thân, sự từ bỏ, chay tịnh, thực hành khổ hạnh, lời cầu nguyện, thiền định và các hoạt động chuẩn bị sự nhập định, là những thứ những kẻ theo thuật giả kim gọi là lửa; tiếng Sanscrit gọi là *tapas*, ngọn lửa tự phủ nhận bản thân.

Cuộc sống khổ hạnh không là gì khác ngoài sự thức tỉnh của nguyên tố lửa vũ trụ. Lửa “tạo lập” các sự vật trong vũ trụ, lửa của Herakleitos và Jakob Böhme, hay đúng hơn, chính là logos - nguyên tố tạo dựng các thế gian.

Trong bản thân kẻ khổ hạnh ngọn lửa cháy bùng lên và bắt đầu tiêu hóa nó. Trong quá trình này nó hướng toàn bộ sức lực của mình vào một điểm độc lập với thế gian. Điểm này là hình ảnh cổ ban đầu (*elemental*).

Hình ảnh cổ này là *nước* của Thales, là *apeiron* của Anaximandros, là *con số* của Pythagoras, là *trung* của Khổng tử, là *đạo* của Lão tử. Lịch sử triết học gọi những hình ảnh cổ, điểm ngoài thế gian là lí thuyết cơ bản. Thực ra, không có lí thuyết cơ bản nào ở đây. Các hình ảnh cổ không phải là lí thuyết mà là các ý nghĩa.

Và các ý nghĩa không đứng riêng tách rời: “*Mọi ý nghĩa giữ trong bản thân nó cái toàn bộ khác*” (Saint-Martin). Những hình ảnh cổ ban đầu là các logos, hay như người Hindu gọi: *mahavakja*, những ngôn từ

lớn của sự thông thái, các nguyên tử tạo hóa, *hieroi logoi*, như nhóm Pythagoras khẳng định. Là tư tưởng: “*Lửa Thiên*”.

Không phải là những lí thuyết bởi chúng không tách rời nhau, không mang đặc tính độc lập và riêng biệt. Ý nghĩa của chúng chỉ cùng có trong “sự toàn hảo của sự vật” (*pléroma*), bởi sự toàn hảo của sự vật là ở nơi tất cả các ý tưởng của thế gian, nguyên tượng của tất cả vũ trụ tinh thần (*intelligibilis kozmos*) cùng tồn tại.

3.

Lửa khổ hạnh và sự tập trung vào một điểm ngoài thế gian dần dần tước linh hồn con người khỏi thế giới cảm giác. Bước ngoặt lớn, khi đạt đến một mức độ lỏng lẻo nào đấy, linh hồn bắt đầu đứt đoạn khỏi thiên nhiên vật chất.

Trong giây phút đó linh hồn cảm thấy thế gian vật chất mà nó tưởng là hiện thực duy nhất, nứt toác ra dưới chân. Đây là khoảnh khắc đầu tiên và khó khăn nhất của sự nhập định: trạng thái chân không. Linh hồn bị tước ra khỏi thế giới vật chất, bước ra khỏi thế giới giác quan. Ý thức không biết bám víu vào đâu. Kinh nghiệm bên ngoài đứng lại. Đây là khoảnh khắc của sự đứt đoạn ý thức.

Giờ đây, khi sự liên tục của ý thức bị đứt, bên trong con người nhắc nhở tới một cái gì sơ khai hơn ý thức. Ở châu Âu người ta phân tích quá trình này một cách sai lầm, cần phải sửa lại điều này. Người ta cho rằng tựa như ở đây con người rơi vào một thế giới vô thức - mọi giá phải “vô thức”.

Sai lầm ở chỗ, đối diện với ý thức người ta chỉ nhắc đến cơ cấu gương của ý thức là vô thức. Ý thức là một bộ phận nằm trong thế giới vật chất. Nhưng phần lớn vô thức cũng như vậy. Vô thức là cái Tôi nằm

dưới ý thức. Đây là cái Tôi *samsara*-luân hồi, là Kẻ Vật Vờ - chính là kẻ bằng cơ hội nhập định, người tu hành muốn thoát khỏi nó.

Khi sự liên tục của ý thức đứt đoạn không chỉ cái Tôi vô thức, mà cả cái Tôi siêu ý thức cùng đột nhập. Bên ngoài ý thức có một cái gì đó cao hơn và có một cái gì đó thấp hơn. Một cách dễ dãi có thể gọi những cái này là những cái Tôi. Cần gọi những thứ nằm dưới cái Tôi có ý thức, thân xác, ban ngày, kinh nghiệm, cá nhân là cái Tôi vô thức, cái Tôi cộng đồng; đây là cái mà tâm lí học hiện đại nhận thức được. Còn thứ ngự trị trên cái Tôi cá nhân: cái Tôi vũ trụ; đây là điều tâm lí học hiện đại không nhận biết.

Cái mà tâm lí học hiện đại không nhận biết, lại là cái mà những người thầy cổ xưa rất biết: trong khoảnh khắc chân không, trong sự nhập định cần gọi tên cái Tôi vũ trụ chứ không phải cái Tôi vô thức.

Điểm ngoài thế gian (*extramundális*) cần thiết vì khi chân không mở ra trong con người và đất lở dưới chân nó, nó cần bám vào một điểm tuyệt đối nằm bên ngoài thế gian. Thiếu điểm bám này sự đứt đoạn của ý thức liên tục trở thành một nỗi nguy hiểm vô hình.

Bằng kĩ thuật phép thuật, người thầy thời cổ rất biết điều này; người thầy biết một phương pháp có thể đánh thức được cái Tôi bên trong, cái Tôi siêu việt, cái Tôi mang tính chất Thần, *pratjagatma*, cái Tôi Thượng Đế. Nếu cái Tôi vô thức đột nhập trước, phần lớn đây sẽ là trường hợp “tử vong” của con người.

Nếu cái Tôi siêu ý thức đột nhập: đây là sự tái sinh. Nhưng cái Tôi siêu ý thức là tinh thần chủ quan. Bởi điều mà sự nhập định hướng tới, là giải phóng linh hồn con người khỏi những ràng buộc khóa kín của thiên nhiên vật chất, thoát khỏi luân hồi, khỏi nhu cầu và mở ra cho nó một sự sống mở. Đây là *kaivaljam*, cái MỘT cổ đã hiện thực hóa, là sự tan hòa vào trạng thái thống nhất của vũ trụ.

Chỉ cái Tôi siêu ý thức có thể bước vào sự sống phổ quát. Đây là cái Tôi mang tinh thần vũ trụ, biết tất cả, tỉnh táo, giác ngộ - là THẦN. Đây là cái Tôi không dính mắc vào những hình ảnh vật chất tầm tối và

vào sự lặp lại của các hình ảnh này, không dính mắc vào sự vật vờ như cái Tôi vô thức.

Tiếp theo, ta nói đến sự phân biệt của truyền thống Hindu: *bhédā-buddhi* là sống trong và nhìn thấy thiên hình vạn trạng; *adhédā-buddhi* là vượt qua thiên hình vạn trạng để sống trong MỘT và nhìn thấy MỘT. Đây là hai dạng của trực giác tâm linh. Trước hết là *Abhédā-buddhi*. Tâm nhìn cổ. *Hen panta einai* - như Herakleitos nói.

Đây là tầm nhìn của kẻ đã nhập định, tầm nhìn của Thần, siêu việt, hiện thực, tuyệt đối, chân chính, vĩnh cửu, tinh tảo, là tầm nhìn tâm linh. Tầm nhìn tuyệt đối tâm linh này tiếng Hi Lạp cổ gọi là *theoria* (*nguyên lí*). Đây là sự thông thái, là tầm nhìn trong sáng, tầm nhìn mang tính chất Thần. Con người nhìn thấy và đọc được những gì Hermes Trismegistos ghi trong bầu khí quyển eter. Đây là *tava*, là tầm nhìn sâu sắc-huyền bí, như người Tây Tạng nói.

Cái Tôi trên con đường tập trung tư tưởng hướng tới một điểm ngoài thế gian bay ra khỏi thiên nhiên vật chất và bình tĩnh đứng lại ở điểm nằm ngoài thế gian này. Từ đây, từ điểm này linh hồn soi rọi lại bản thân mình và thế gian. Nó được giải phóng. Tất cả mọi điều, cái xảy ra, xuất hiện, có, nó đều kiểm tra được. Nó có sự đo lường của mình. Có logo của mình - Bởi vì logo trong ngôn ngữ cổ Hi Lạp cũng có nghĩa là sự đo lường.

Nó đứng ngoài thế gian và không bao giờ cần quan tâm đến thế gian nữa. Nó có quan điểm độc lập, có sự đo lường chắc chắn. Đây là là *trung*, là *logo*, là *nước*, là *apeiron*. Linh hồn tước bỏ thiên nhiên vật chất từ bản thân nó và nâng bản thân nó lên cao hơn từ vật chất.

4.

Không chỉ lập luận của Hermes Trismegistos, mà tất cả các văn bản truyền thống, khi nói về con người và xướng danh từ con người, không bao giờ, chưa một lần từng nhắc đến cái Tôi cá nhân. Con người luôn là con người, và không phải con người chung chung, tất cả mọi người, mà là con người phổ quát, *homo aeternus*, kẻ mà cái Tôi cá nhân chỉ là một sự xuất hiện phần nào của nó, đúng như cách thức xuất hiện nhân loại của các thời kì lịch sử, là nhiều dân tộc, nhiều chủng tộc, nhiều quốc gia.

Không được phép quên nhân tố này. Từ con người không mang nghĩa nói chung và không ngoại lệ cho tất cả mọi người, mà chỉ nói đến con người vĩnh cửu. Nhân chủng học thời cổ không nói về con người chỉ sống trong một thời gian lịch sử nhất định (*dzsiva*), mà là con người vĩnh cửu, *homo aeternus*, luôn tồn tại.

Ghi nhớ thứ hai cũng không kém phần quan trọng. Quay vào trong không có nghĩa là trái ngược với hướng quay ra ngoài. Hình ảnh nói về một điểm nằm ngoài thế gian sẽ giải thích rõ điều này hơn. Linh hồn quay lưng lại với thế giới giác quan: từ lúc ấy nó bắt đầu nhìn xa hơn - giống hệt sự hiểu biết khiến nhận thức nhìn cao hơn sự vật và có thể nhận ra mối liên hệ của chúng - đúng như cách thức của trực giác lập tức thấy các mối liên hệ hiện ra nhanh như ánh chớp lóe.

Từ đây linh hồn bắt đầu nhìn thấy từ dưới, từ bên trên và nhìn vào trong. Bởi vì cái Tôi siêu nhân, CON NGƯỜI vĩnh cửu, linh hồn bất tử, cái Tôi mang tính chất Thần không ở bên trong, mà có ở cả bên trong, bên ngoài, bên trên. Đây là hạt nhân, là thực thể bí ẩn. Cái bên trong không phải kết cấu gương của cái bên ngoài mà là một thế gian trên cả mọi giác quan và thiên nhiên.

Nếu giờ đây một người bằng bước chuyển đổi của linh hồn bắt đầu phát hiện trong bản thân mình con người vĩnh cửu, con người vũ trụ và bắt đầu hiện thực hóa nó trong bản thân, ý thức vũ trụ trong nó chột thức tỉnh. Ý thức này không nằm ở dưới hoặc ở trên ý thức, mà là ở “con người-thần”, là khả năng ẩn náu của “con người thượng đẳng”.

Sự thức tỉnh của ý thức không chỉ về nhận thức, mà còn cả về hành vi, ý tưởng, thần tượng, bản năng, sự trong sạch. Ý thức vũ trụ nâng mức sống người lên đúng như cách thức nó bứt con người ra khỏi thiên nhiên vật chất và chuyển đổi vào sự sống mở. Con người vật chất tự trị trong thiên nhiên, con người cá nhân trong đời sống; sau sự nhập định con người trong thế giới tinh thần là *theocentrikus*; đây là *theonom*, con người vĩnh cửu.

Như vậy con người tiến đến gần một bước chuyển lớn mà những văn bản của Hermes đặt tên là *müstérion mega*. Mức độ thứ nhất của nhập định là học tập; mức độ thứ hai là: tầm nhìn, tầm nhìn của con người vĩnh cửu; mức độ thứ ba: sự quan tâm. Cái tôi cá nhân và con người vĩnh cửu tan hòa làm một.

Sau trạng thái rúng động tiêu cực chân không là *-pleroma* - ấn tượng tích cực của toàn hảo sự sống. Và chỉ trong kẻ ý thức vũ trụ tồn tại tinh táo mới đạt đến nơi đây, nơi số phận được giải quyết và giải thể - *lûsis tes heimarmenes*. Đây là kết quả lớn lao của sự nhập định.

Kẻ học trò sau bước đầu tiên cần lựa chọn giữa con đường của những mê mên trần thế (*pravritti-marga*) và con đường thiêng (*nivritti-marga*). Nó chọn con đường thiêng. Cần từ bỏ các khoái lạc. Cái Tôi trần thế cần đốt cháy trong lửa khổ hạnh, trong *tapas*, trong sự chối bỏ bản thân. Giờ đây con đường thiêng đã mở. Số phận dính mắc với thiên nhiên vật chất đã tan rời ra khỏi nó.

Ấn tượng này nhanh tới mức biến thành một quá trình diễn tiếp sau đó. Đây là sự tái sinh. Đây là *müstérion mega*, là điều lớn lao nhất của mọi huyền bí. Là sự bắt đầu cuộc đời của con người tinh thần. Đây là sự rúng động Platon từng nhắc đến, rằng đấy là sự bắt đầu của triết học: bởi vì từ *thaumadzein* có nghĩa là một sự thức tỉnh rúng động, không phải như khoa học thời hiện đại tin rằng, đấy đơn giản chỉ là một sự “đáng ngạc nhiên”.

Trước kẻ nhập định bỗng nhiên mở ra một cộng đồng người phổ quát mới, vượt lên trên cộng đồng vật chất tự nhiên hỗn loạn hời hợt từ

ngôn ngữ, từ giống loài, từ dân tộc. Truyền thống Hermes đặt tên cho cộng đồng mới “*gặp gỡ trong tinh thần của Thần*” là giống loài logo. Những con người của giống loài logo này là những Toth, những Hermes, những Bodhisattva, và Tulk-hậu duệ của Seth.

Đối với họ nền tảng cộng đồng không phải là nòi giống, ngôn ngữ, dân tộc, quốc gia, huyết thống mà còn sâu sắc và nhất thiết hơn thế: ngay từ ban đầu họ đã cùng với nhau trong tinh thần của Thượng Đế, được buộc vào nhau bằng những sợi vĩnh cửu, được linh thiêng hóa trong huyền bí của logo.

Những cộng đồng người tan vỡ không chỉ trong cái chết mà trong cả thời gian. Đây là những cộng đồng hữu hạn, không phải những sự thống nhất thật sự, chỉ là những bản sao không hoàn hảo của MỘT.

Cộng đồng lớn, cộng đồng của giống loài logo: là thể thống nhất trong tinh thần vĩnh cửu. Đây là sự tuyệt đối, là hiện thực, là sự bất tử không bao giờ có thể giải thể, là: *ekklesia*.

5.

Sau đây là những lời giải thích có liên quan đến các phần như: cái tên Trismegistos có liên quan đến nhân vật Hermes đầu tiên, kẻ đã cứu tri thức cổ có trước nạn hồng thủy và lần đầu tiên giảng dạy nó cho nhân loại sau nạn hồng thủy như thế nào. Nhưng, đồng thời Trismegistos cũng nói về mức độ nhập định, và là một trong những mức độ nhập định cao nhất.

Thiên nhiên nguyên sơ (primer) - “*thứ vật chất vượt quá các giác quan*” là thiên nhiên chưa bị vật chất hóa. Còn cách gọi: Con của Thượng Đế rất có thể bắt nguồn từ *gnostikus* (phái Ngộ đạo). Ở phương Đông đây là Con trai của Trời, thường được gọi là con trai của Vũ trụ.

“Sự dạy dỗ của loài giống này không có, nhưng nếu nó muốn, có thể làm nhớ lại kí ức của Thần” - đây đang nói về loài giống logo - Không thể giảng dạy logo. Nhập định, không phải sự dạy dỗ. Cái con người có thể học được chỉ là kiến thức vật chất, tiếng Sancrit gọi là *vidnya*, tiếng Tây Tạng gọi là *rtogspa*. Nhập định là sự thức tỉnh; sự tỉnh táo tiếng Sancrit là *vidja*, tiếng Tây Tạng là *rtogpas*.

Tri thức có thể chắt lọc từ sách, có thể sở hữu hóa cạnh bàn học. Còn sự tỉnh táo chỉ có thể thu thập được bằng sự giúp đỡ của người thầy - Hermes, guru - trên con đường của những quá trình khổ hạnh khó khăn và nguy hiểm.

“Tôi biến thành một cơ thể không bao giờ có thể chết”. Cơ thể bất tử này ở Ai Cập người ta gọi là *sáhu*. Theo kinh Kabbala trong cơ thể con người giữa xương sống có một đốt xương nhỏ bất tử, đây là mầm của cơ thể bất tử, cơ thể lúc phục sinh hồi sinh từ đây.

“Mơ khi ngủ nhưng không có giấc mộng” chỉ dẫn đến trạng thái cao hơn của ý thức. Đây là cái mà sau này nhiều lần người ta gọi là *ekstázis*. Con người giống như đang ngủ, bởi vì đối với thế gian vật chất nó đã bị mất, nhưng nó không mơ ngủ, mà: thấy.

Smriti (kí ức) trong kinh Veda có ba *guna*: *tamas*, *radzsasz* và *szattva*, thực ra là ba mức độ của nhập định. Khi con người chìm vào vật chất tối tăm đậm đặc *tamas* ngự trị nó; khi lửa trong nó tắt, *radzsasz* mê muội cháy; khi con người bước qua những cấp độ cao nhất của tâm linh, lúc đó nó ở trạng thái *szattva*.

Các mức độ của phái Pythagoras: trước tiên là sự chuẩn bị - tinh thần hóa tư duy; bước thứ hai thanh lọc - đây là kỉ luật đạo đức, *tapas*, khổ hạnh; bước thứ ba sự hoàn hảo - đây đã là mức độ tâm linh; bước thứ tư *theophania* - hiện thực hóa các sức mạnh của Thần: sự hoàn thành.

Quá trình quay vào trong được giải nghĩa như sau: những nỗ lực cá nhân, danh vọng cá nhân, nếu biểu hiện trong học tập, trong sáng tạo, trong hành động, luôn chỉ ở mức độ con người vật chất, cùng lắm

là đi trước, vượt lên một số người. Các nghệ sĩ, những kẻ cai trị nhà nước, các nhà tư tưởng thể hiện hoạt động của mình, và bằng điều này bỏ lại sau lưng những kẻ khác, như vậy người ta thường bảo, họ vượt lên trước thời đại của mình. Nhưng những thế hệ tiếp theo bao giờ cũng đuổi kịp họ. Tại sao? Bởi những hoạt động mang tính cá nhân (*individuális*) không bao giờ có thể nâng cao lên quá mức độ vật chất và lịch sử.

Quá trình quay vào trong, nói đúng hơn: hướng quay về phía thế giới siêu nhiên không song song, mà vuông góc với con đường lịch sử. Đây là nỗ lực mang tính vũ trụ, phổ quát, có nghĩa là sự nâng cao lên theo chiều dọc. Những con người của giống loài logo là các thực thể siêu lịch sử, những kẻ từ thời gian đột phá theo chiều dọc và sống trong sự thống nhất của thế giới siêu nhiên. Đây là *ekklesia*.

Hình ảnh mười hai đao phủ của Corpus Hermeticum (mười hai chương ngại của sự nhập định là: sự vô thức, sự tuyệt vọng, sự vô độ, dục vọng, bất công, tham sắc, lừa dối, ghen tị, giả dối, giận giữ, vội vã, độc ác) giới thiệu sự hoạt động phức tạp và khó khăn bên trong của quá trình nhập định.

Tính chất cá nhân không mang ý nghĩa gì khác ngoài ý nghĩa sau đây: con người cần nhiều thời gian, cần nhiều đến mức thời gian không bao giờ đủ, luôn hết “trước thời hạn” của nó. Sự nhập định kéo dài thời gian, cho linh hồn thấy nó vĩnh cửu và bất tử. Từ khoảnh khắc nhận thức được điều này linh hồn thôi chết ngạt trong sự vội vã tuyệt vọng để đạt đến chính bản thân mình. Nó không bao giờ rơi vào trạng thái khủng khiếp vội vã ở một vị trí nữa. Nó biết rằng nó không chậm trễ và không thể chậm trễ.

Số Mười Hai không là gì khác ngoài hình ảnh tượng trưng của đời sống tồn tại trong thế gian vật chất: *Zodiakus* (hoàng đạo). Còn số Mười là thế giới siêu nhiên: ở Iran có mười *amsaspand*, ở Judea có mười *sefiroth*; hệ thống con số của Pythagoras là mười.

Ở Ai Cập Mười là hình ảnh tượng trưng của cái toàn bộ. Số Mười Hai và Mười liên quan đến nhau như thể gian (thiên nhiên vật chất) và tinh thần (absolutum). Ở đây là vấn đề huyền bí học của cầu phương hình tròn.

6.

Poimandres - mục đồng của Con người - là một luận điểm có ý nghĩa nhất của truyền thống Hermes. Ta cần giải thích cặn kẽ phần XXI. Trong văn bản Hermes này nói về các bậc sinh thành trong mối quan hệ với sự tái sinh.

Trong thời cổ, quan điểm nhân chủng học mang ý nghĩa phổ quát. Ý nghĩa của điều này diễn đạt bằng ngôn ngữ ngày nay: chỉ coi thực thể bị rơi vào u mê là cái Tôi cá nhân. Kẻ nào mang trong mình chút ít sự tỉnh táo le lói, kẻ đó đã có thể hiểu chút ít về các phạm trù phổ quát, như một lời tuyên bố nào đấy của tinh thần vĩnh cửu.

Cái Tôi cá nhân không phải là lời tuyên bố của bất kì tinh thần nào, bất kì logo nào, bất kì hiện thực cổ nào mà chỉ là hiện tượng luân hồi (*samsara*) chỉ là một kẻ vật vờ trong sự hỗn loạn của thể gian thiên hình vạn trạng. Cần tước bỏ cái Tôi cá nhân, biến nó thành phổ quát để con người trở thành thực thể tinh thần.

Đẳng cấp thời cổ không là gì khác ngoài các lĩnh vực của tinh thần vĩnh cửu. Sự nhập định vào đẳng cấp ý thức hóa điều này trong các thành viên của các đẳng cấp. Đẳng cấp tinh thần-giáo chủ, đẳng cấp chiến binh-cai trị, đẳng cấp kinh tế từng đã có sự nhập định riêng của mình nhưng tất cả đều dự phần vào sự nhập định phổ quát - ở Ấn Độ trong lời dạy dỗ của kinh Veda, ở Judea trong sự dạy dỗ của Kinh Thánh và kinh Kabbala, ở Ai Cập trong sự nhập định Hermes.

Tại Hi Lạp cổ, Orpheus và Pythagoras từng thí nghiệm phổ thông hóa một quá trình nhập định lớn thời cổ. Các nguyên lí triết học đầu tiên chính là tiếng vang vọng của nỗ lực này, mà Platon là triết gia cuối cùng của nó; nhưng Platon không hiểu rõ mình muốn gì, thậm chí cần và muốn cái gì?

Cần phân biệt sự nhập định trong đẳng cấp, trong nghề nghiệp, trong điều hành công việc khác với cái được đặt tên là Seth, là giống loài logo, là Hermes, là Tulku, là Bodhisattva. Đây là sự thức tỉnh của chủ thể tâm linh. Chủ thể tâm linh cần một quan hệ mật thiết hoàn toàn với một chủ thể tâm linh khác.

Trong thời cổ cũng chưa từng có lời tuyên bố mang tính chất cá nhân. Tất cả hiện tượng tinh thần đều mang tính phổ quát, nghĩa là trong sự thống nhất siêu nhiên, chủ thể tâm linh cần gặp gỡ với một chủ thể khác, sự phổ quát mang ý nghĩa như vậy.

Kẻ học trò không coi thầy, không sống cùng và kinh nghiệm về thầy như với một cái Tôi cá thể, mà như với guru, một người lãnh đạo, Hermes, như với một lời tuyên bố tuyệt đối của tinh thần phổ quát. Còn Hermes, người lãnh đạo không là người dạy dỗ mà - điều này rất quan trọng: là người cha sinh thành - là người trưng bản chất chân chính của học trò ra thế gian.

Sự truyền bá kiến thức cho học trò của Socrates mang một khía cạnh ánh sáng hoàn toàn khác biệt. Socrates là nhân vật đã nhập định, một Hermes, người đã giúp học trò mở rộng linh hồn của họ tuy ông hoàn toàn không có ý thức về điều này. Quả khá là đặc biệt. Nhưng nếu ai quan tâm tới các văn bản truyền thống người đó cần phải làm quen với một thứ ngôn ngữ nhanh, nhạy cảm hơn ngôn ngữ ngày nay rất nhiều.

Ở Ấn Độ, Iran, Tây Tạng guru là cha-mẹ. Người học trò khi bước qua ngưỡng cửa lớn nhất của tâm linh: họ chết đi và tái sinh. Chết đi, có nghĩa là bước ra khỏi hàng ngũ thiên nhiên. Cha không bao giờ còn

là cha, mẹ không bao giờ còn là mẹ, bởi vì nó không bao giờ còn là thực thể, là đứa con của cha-mẹ thiên nhiên nữa.

Cha của nó giờ đây là guru, là người lãnh đạo tinh thần. Là Hermes. Mẹ của nó trong các huyền bí tâm linh khác là Sophia. Bởi vậy khi tái sinh nếu là con trai của Sophia: sinh ra từ Trinh Nữ. Nếu là con trai của Isis: sinh ra từ Thánh Mẫu.

Mức độ Isis trong các hàng nhập định là một trong những mức độ cao nhất. Phù hợp với điểm này ở Hi Lạp cổ có mức độ *Demeter Eleusis*. Ở Ấn Độ có mẹ *Maja* hoặc *Sakti*. Ở Tây Tạng có nữ thần bảo trợ của các nhà khổ hạnh. Linh hồn đã nhập định sẽ là con gái của Thánh Mẫu *Magna Mater* - từ Hi Lạp gọi là: *Perszephone*.

Là con gái bởi vì trong thời trung cổ muộn mẫm sau này, người ta gọi linh hồn là cô dâu: là kẻ đợi chờ và khao khát, là người yêu của chú rể trời. Đây là những hình ảnh cực kì sống động nảy sinh trực tiếp từ ấn tượng của sự nhập định.

Khi người học trò tái sinh từ đấng sinh thành Trời và tinh thần, nó nhận lấy một tên mới. Ý nghĩa của việc đặt tên đặc biệt lớn. Bởi vì đặt tên cho một người nghĩa là đặt lên nó một quyền lực. Việc xưng danh mang ý nghĩa đánh thức. Tôi gọi tên một người, tôi đánh thức người ấy và người tôi đặt tên, người ấy là của tôi. “*Tôi ngự bên trên nó bởi cái tên*”.

Sự lựa chọn tên ở các vị vua chúa và các giáo phái không hề tùy tiện. Lí do bởi tên con người có mối quan hệ với tinh thần vũ trụ, từ bỏ cái Tôi cá nhân và mong muốn gánh vác, tiếp tục đại diện và gìn giữ tinh thần phổ quát trong cái tên. Bởi vậy các giáo phái thường lấy những tên các thánh. Bởi vậy vua chúa thường lấy tên những kẻ trị vì trước đó, vì muốn cai trị tiếp trong tinh thần của họ.

Kẻ nhập định thẩm thấu cái Tôi cá nhân, cải hóa, nâng lên và thay đổi cái Tôi cá nhân. Truyền thống gọi kẻ chưa nhập định là con trai của đàn bà, gọi kẻ đã nhập định là con của Thượng Đế hoặc con của Trời.

Trái ngược với sự sinh ra tự nhiên người ta gọi tái sinh cũng là sự sinh ra từ Thượng Đế. Theo Thánh Phao-lô tái sinh là sự khác biệt giữa con người thiên nhiên và người Trời. Sự tái sinh thực ra chính là sự ra đời: *ousiodes genesis*. Thánh Phao-lô tuyên bố: “*Ta nói cho các người biết, kẻ không sinh ra từ bên trên kẻ đó sẽ không nhìn thấy vương quốc của Thượng Đế*”.

Điều này mang lại ánh sáng mới cho văn bản Hermes. Truyền thống Hermes, tri thức của các thế hệ Seth là nhận thức về sự bí ẩn khi con người sinh ra từ bên trên. Lời đối thoại trên Núi huyền bí cũng dạy như vậy.

III. Bảy nhà thông thái

1.

Văn bản nói về *Con Đường Của Sự Thống Trị* có nguồn gốc từ Alexandria, nhưng thực ra bắt nguồn từ truyền thống Ai Cập cổ - *He basilike hodos* - phù hợp với *yoga-radzsa* ở Ấn Độ, cho rằng, con người trước tiên được sinh ra từ cha mẹ hữu hạn, trong thể xác vật chất nặng nề, trong số phận trần thế. Nhưng lần thứ hai nó được sinh ra duy nhất từ người Cha, theo luật lệ của Bảy Trinh Nữ trong tinh thần và trong linh hồn. Đây là sự tái sinh.

Con Đường Của Sự Thống Trị, hay *yoga-radzsa* nói về sự thống trị, chứ không nói về quyền lực. Việc sử dụng từ *basiles*, hay từ *radzsa* ở đây, như trong truyền thống cổ, không ngoại lệ, trong mọi trường hợp chỉ là hình ảnh tượng trưng, không liên quan đến cái Tôi cá nhân mà đến con người vĩnh cửu, như mọi truyền thống tuyên bố. Vua là linh hồn mang tính chất vua chúa đầu tiên, là linh hồn đầu tiên mà Tạo hóa tạo ra, để thống trị thiên nhiên. Trong trạng thái cổ của linh hồn người, Adam Kadmon là vị chúa của thiên nhiên, mang tri thức Thượng Đế.

Cần tách rời hoạt động tinh thần thống trị ra khỏi thực hành chính trị của quyền lực. Quyền lực không là gì khác, ngoài một sự điều hành nhằm hãm phanh đám đông trong thế gian, bằng sức mạnh của luật pháp, bằng vũ khí, bằng bạo lực, một cách có thể, như một sự cưỡng bức, là mệnh lệnh của *ananké*.

Quyền lực là hành động vật chất dữ tợn không mang cả ý nghĩa lẫn sự thật trong bản thân nó. Bởi vậy cần linh thiêng hóa quyền lực

trong tinh thần của sự thống trị. Vì nếu không được linh thiêng hóa, quyền lực vô nghĩa, độc ác, bất công và phi tinh thần. Thống trị là sự chứng thực quyền lực: bởi vì thống trị giữ gìn sự ủy thác cao hơn dành cho thực hành của hành động.

Quyền lực và sự thống trị trong thời kì lịch sử nằm trong thiên nhiên vật chất, vì vậy không tương hòa với cộng đồng con người: đây là sự khủng hoảng không bao giờ giải quyết nổi của chính quyền và sự thống trị, là một vết thương vô phương cứu chữa.

Khi văn bản nói về nhà vua, về *basiles*, *radzsa* của sự nhập định, cần hiểu là nói về nhà vua của sự thống trị chứ không nói về sự biểu hiện cũng như nhân vật nhân cách hóa của quyền lực trần thế. Nói về tinh thần của vua chúa. Tinh thần của vua chúa không mang gốc rễ vật chất.

Con người ban đầu sinh ra từ các bậc sinh thành hữu hạn: đây là con người thiên nhiên; khi con người tái sinh, chỉ sinh ra từ người Cha theo luật của Bảy Trinh Nữ. Sự sinh ra mang tính vật chất cùng lắm mang lại quyền lực cho con người, nhưng tính chất vua chúa đích thực: không ngự trị trên quốc gia và dân tộc, mà vượt lên trên cả thiên nhiên và thế gian.

Đây là điều trước hết cần phải hiểu. Giờ đây có thể bàn về khái niệm bí ẩn Bảy Trinh Nữ.

Số bảy là con số trinh nguyên. Con số của Athene Parthenos, Athene Trinh nữ là số bảy. Là bảy nữ thần của Erekhtheion ở Akropolis. Con số của Sophia theo phái Ngộ đạo cũng là bảy. Tên Palestine của Sophia là *Hohma* và con số của nàng cũng là bảy. *Athene*, *Sophia*, *Hohma*, *Trinh nữ Thế gian* - *Tore Kosmou* - không sinh ra từ mẹ. Sự ra đời theo định luật Bảy không ra đời từ mẹ; Pallas Athene vọt ra từ đầu cha, thần Zeus. Nữ thần được phôi thai từ tư tưởng, và bước vào thế gian như tư tưởng.

Một chương trong kinh Kabbala có nói đến ý nghĩa tâm linh của cái trụ nền bảy chân. Mỗi ngọn nến cắm trên đó tượng trưng cho một

cái Tôi của con người. Ngọn nến đầu tiên bên phải là thân xác vật chất nặng nề; ngọn nến thứ hai (được gọi là) thân xác thần kinh; ngọn nến thứ ba là nguyên tố cổ có trong thân xác, sự vô thức. Từ bên trái, ngọn nến đầu tiên là thân xác khí, ngọn nến thứ hai là linh hồn, ngọn nến thứ ba là tinh thần. Ở giữa, đứng giữa hai nhóm ba là cái Tôi Thượng Đế, tia lửa của Thần, Ngọn lửa bất tử.

Theo kinh Kabbala: sáu cái Tôi ai cũng có. Nhưng cái thứ bảy, tia lửa của Thượng Đế bất tử không phải trong ai cũng cháy. Tia lửa này chỉ lập lòe, tận trong sâu thẳm con người, chỉ leo lét trong linh hồn (điểm linh quang). Theo thứ tự sự nhập định sẽ tước đi từng cái Tôi của con người và kêu gọi tia lửa từ sâu thẳm linh hồn người biến thành ngọn lửa.

Con số Bảy giải phóng ngọn lửa nhỏ từ bản chất của Tạo hóa. Đây là ngọn nến thứ bảy đứng giữa, hình ảnh tượng trưng bản chất chân chính của con người. Khi con người sinh ra từ luật lệ thứ bảy, ngọn nến thứ bảy sẽ được kêu cháy.

2.

Bảy vị thông thái của Hi Lạp cổ, từ cổ *csiradzsi* của Iran, từ *sapta risi* của Hindu, trong truyền thống có nhiều nhóm Bảy thông thái quen thuộc mà hình ảnh tượng trưng của nó trên trời là bảy ngôi sao và bảy hành tinh của chòm Bắc Đẩu, mang ý nghĩa bảy chốn ở của các nhân vật không tồn tại trong thời lịch sử.

Bảy vị thông thái là chức vị con người của một ai đấy đạt được khi sức lực, ánh sáng, bản chất linh thiêng của thực thể người ấy đã nâng cao, vượt hơn hẳn mức độ của người thường, là kẻ đã bùng cháy trong nó ngọn nến thứ bảy. Đây là thực thể đã tái sinh theo định luật của bảy

ngôi sao sâu thẳm nhất, rạng rỡ nhất của con người đã bùng cháy giữa những cái Tôi vật chất, thiên nhiên, khí và những cái Tôi khác.

Bảy không có nghĩa là ngẫu nhiên có bảy vị thông thái tồn tại, không phải là con số tự tìm ra, bởi vì số bảy đối với kẻ chưa nhập định cũng chỉ là một cái gì đó, giống như ba và mười, mang ý nghĩa tượng trưng. Trong truyền thống Hi Lạp dưới cái tên bảy vị thông thái có mười-mười hai nhân vật cổ được biết đến. Theo truyền thống Ấn Độ từng có bảy tổ chức, như thượng nghị viện, trong hàng thế kỉ từng đứng trên cả các nhà nước và các quốc gia, như một hội đồng cao nhất, đây là các Risi cứ mười hai năm một lần họp nhau lại và đưa ra các quyết định.

Gắn với bảy nhà thông thái trong thời cổ chỉ có nghĩa như sau: như đạt tới một mức độ nhập định cao nào đó. Ở Ấn Độ gắn với Hội đồng Thiêng là bảy mươi *brahman* ở một thời kì nào đó và thành viên hội đồng chỉ có thể là kẻ đã nhập định, kẻ đã phải trải qua một kì sát hạch gắt gao. Một văn bản ghi chép rằng, người ta chỉ chọn người đàn ông trên bảy mươi tuổi vào hội đồng, người trước tiên phải chứng minh được sức mạnh đàn ông của mình.

Nếu một đứa con sinh ra từ trinh nữ nhà thờ, người ta đặt nó vào một cái sọt và thả xuống sông và chú ý đến hướng trôi của cái sọt: nếu nước đẩy nó về phía nhà thờ, đứa trẻ sẽ nhận một sự giáo dục đặc biệt và nó được nhập định một cách bí mật nhất. Còn nếu cái sọt trôi sang bên kia bờ sông, đứa trẻ sẽ thành một kẻ trong đẳng cấp thấp (*chandala*). Ở Ai Cập câu chuyện về Mozes cũng chứng minh phong tục giống như vậy.

Trở thành một trong bảy nhà thông thái có nghĩa là đạt tới mức độ thứ bảy của sự nhập định. Đây là điều mà nhóm Pythagoras gọi là sự “hoàn thành bốn phận”. Đây là *epiphania*, sự hoàn thành bốn phận của các sức mạnh thần thánh.

Hoàn thành các sức mạnh thần thánh khi con người cố gắng thực hiện cái Tôi cá nhân trong các hoạt động sau: chịu khó suy tư, thực

hành sự thiên định cùng lối sống khổ hạnh và nhập định, đây là các hoạt động cùng đi vào lịch sử và sự sống nhân loại của con người.

Bảy nhà thông thái là con người “vũ trụ”, con người tham dự vào sự sáng tạo thế gian, như kinh Veda nói “trong sự thêu dệt nên thế gian”. Những con người này đưa ra lời khuyên cho vua và nhà nước, như ở Ấn Độ, Iran, Judea, Ai Cập. Sáng tạo ra nhiều bộ luật cho các thành phố và các nhà nước mới, như ở Hi Lạp, ở Solo và Bias. Trong các trường hợp nhất định bên cạnh sự thống trị họ còn lĩnh lấy cả quyền lực, như Phereküdés.

Trường học của Pythagoras không là gì khác ngoài hoạt động nâng các học trò lên mức thứ bảy của sự nhập định: để thực hiện các khả năng con người phổ quát được giải tỏa trong các hành động: chữa bệnh, làm khoa học, hoạt động trong xã hội, trong thi ca, trong âm nhạc, trong tôn giáo và trong sự điều khiển nhà nước.

Trong thời kì Đại Hi Lạp những người theo nhóm Pythagoras muốn thiết lập ra một thượng nghị viện bảy nhà thông thái như thế, một hội đồng tinh thần phổ quát đứng trên cả các nhà nước, các dân tộc, các chủng loài, các tôn giáo, là một tổ chức (theo một ghi chép Do Thái) không bị lệ thuộc bởi bất kì ràng buộc trần thế nào, và như vậy có thể giải quyết các sự vụ của nhân loại một cách tự do và khách quan.

Theo dấu vết của Pythagoras, Platon cũng muốn đào tạo một loại người cai trị mang tính chất con người phổ quát: một nhà vua triết gia, kẻ không là ai khác ngoài là bảy vị thông thái thời cổ: là tinh thần và là cái đầu của nhân loại.

Ở Ai Cập kí hiệu của số bảy là cái đầu người. Trinh nữ Athene vọt ra từ đầu thần Zeus.

Mức độ nhập định mà thời cổ gọi là sự hoàn thành bốn phận của con người chỉ có thể hiểu như sau: bằng khả năng nhập định, sau sự sinh ra trong tri thức - *noera genesis* - linh hồn con người cuối cùng chuyển hóa thành sự tĩnh lặng và vĩnh cửu. Con người quay trở về với cội nguồn: với Tạo hóa. Từ bỏ đời sống vật chất, rút vào chờ đợi một

cách bình thản, lặng lẽ, và khi thời gian của nó đến, nó trút bỏ thân xác vật chất nặng nề, để có thể giải thoát. Đây là sự cô độc bình yên kiên nhẫn, tránh xa những đông đúc hỗn loạn đầy nhu cầu - sự luân hồi và *anake* - tránh xa số phận chìm nổi của cá nhân và chung với nhân loại, đây là tiền sảnh của trạng thái hạnh phúc đã tinh thần hóa.

Và khi một kẻ nào đó được gọi đi từ niềm hạnh phúc yên bình đơn độc, rồi được yêu cầu quay trở lại trần thế, điều này không thể so sánh khi nói về sự thực hành nghề nghiệp của một con người mệt mỏi dờ dẩn trong bản năng tăm tối của thiên nhiên vật chất, trong dục vọng cá nhân, trong đam mê rối loạn, trong sự bận rộn, trong các hạn chế, trong sự nghèo nàn tinh thần, trong những đám mây mờ ảo của linh hồn nông nổi và bẩn thỉu. Với một thực thể mang những tính chất như thế quyền lực mới quyến rũ và ngọt ngào làm sao. Bởi vì càng có quyền thế, càng có thể thỏa mãn nhiều hơn các đam mê, các bản năng, các dục vọng. Đây là con người đi từ dưới lên và chỉ đạt tới quyền lực.

Những kẻ đã nhập định đi từ trên xuống. Quyền lực không quyến rũ kẻ đã nhập định. Kẻ nào đã thắng được sự thống trị, với kẻ đó quyền lực là gánh nặng. Họ không vui lòng từ bỏ sự đơn độc yên bình. Họ không sẵn lòng quay trở lại một thế gian của sự hỗn loạn và các nhu cầu. Nhưng khi quay trở lại, họ gánh lấy quyền lực, bởi điều khiến nhân loại sống trong thiên nhiên vật chất chỉ có thể bằng sức mạnh của quyền lực, và họ hoàn thành sứ mệnh từ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ hướng về nhân loại.

Sự thực hành quyền lực ở họ không là đam mê, không là giấc mộng và mục đích công danh, mà: là một nghĩa vụ mang tính chất nghi lễ. Truyền thống Hindu gọi là *karma*. Một dạng chuộc tội mang tính tôn giáo. Không với con người mà với Thượng Đế. Con người sau khi thoát khỏi số phận, một lần nữa nhận lấy số phận một cách có ý thức. Một cách thận trọng, từ xa, từ quan điểm kết án một cách thản nhiên và họ hành động. Không có sự thiên vị. Không có thái độ tốt-xấu cá nhân, dân tộc, giống loài.

Lúc đó con người chỉ có một nỗ lực duy nhất: Đấng Hóa công sẽ làm gì trong vị trí này. Họ làm điều đó. Nếu dân chúng không hài lòng, hoặc họ nhún vai rồi bỏ đi, hoặc sẽ nói như sau: cần phải làm như thế, không có sự khoan nhượng, cần phải làm đến cùng. Tinh thần của những kẻ lập pháp thời cổ: *Menes Ai Cập, Manus Hindu, Minos Kréta, Chamuragga Babilon, Hoàng đế Trung Quốc* là như thế, như thế họ là các bóng ma đến từ bầu thiên hà, họ không nhìn thấy gì hết, không muốn thấy mà chỉ muốn sự thật.

Đây là tinh thần của luật pháp - thứ không phải của nhân loại, không bị cắt rời, không mềm yếu. Mà còn cao hơn nữa. Nhà thông thái đã đi xa, nhưng nếu quay trở lại đời sống một lần nữa, tự gánh phần như một nạn nhân, nhưng cùng lúc, gánh chịu hậu quả một cách hoàn hảo, không bỏ sót, không sai lầm, giống như con người tuyệt đối: *homo aeternus*.

3.

Để hiểu tác phẩm vĩ đại của sự nhập định không gì bằng ví dụ về bảy nhà thông thái. Sự nhập định trong đời sống con người mang một ý nghĩa quyết định duy nhất. Nhập định là một tác phẩm lớn, kẻ theo thuật giả kim gọi là *magnum opus*, hoặc còn có tên là sự tạo dựng con người tinh thần, đây là một quá trình phức tạp bất tử, lâu dài, khó khăn và thượng đẳng. Các nỗ lực tương tự giống như sự nhập định, nhân loại thời lịch sử (hiện nay) chưa hề biết đến.

Bản chất thực sự của con người, nói theo ngôn ngữ của những kẻ giả kim, cần vớt vào lò để nung chảy: một cách cương quyết sống-chết, bằng những quyết định không rút lại - để-một lần nữa (vẫn bằng ngôn ngữ của thuật giả kim) - vàng sẽ chảy ra từ đó. Vàng không là gì khác ngoài là tia lửa bất tử, Ngọn Lửa thứ bảy, cái Tôi thần thánh. Chưa kể

đến việc, công việc này duy trì hàng tháng hay hàng năm trời, mà cần từ bỏ, cần đặt bản thân hoàn toàn dưới sự dẫn dắt của người thầy nhập định, cần tách khỏi gia đình, cần duy trì liên tục sự mặc tưởng khổ ải và nguy hiểm, cần cố gắng hướng đến một mục đích duy nhất và chỉ được phép nhìn thấy một mục đích mà thôi.

Giống như trên mọi lĩnh vực của truyền thống, cần hiểu ý nghĩa tượng trưng của lời giải thích, và không thể tìm thấy trong một truyền thống duy nhất toàn bộ các hình ảnh tượng trưng. Ở Ấn Độ, Trung Quốc, Ai Cập, thậm chí ở Peru, Yucatan và Mexico thời cổ từng đã có đầy đủ một tri thức hoàn chỉnh về sự nhập định.

Nhưng kiến thức nói về các thần hộ mệnh trong truyền thống ở Ai Cập chắc chắn còn lại nhiều hơn so với các kiến thức phổ quát như một nền tảng dẫn nhập về thời cổ. Ngày nay, giống như nhiều điều khác, việc giảng dạy về truyền thống chỉ nằm ở hình thức bên ngoài. Muốn biết hình ảnh về một tổng thể toàn diện chỉ có thể thu thập các phần tử của sự thống nhất cổ từ nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo. Nhưng luôn luôn có sự đe dọa là con người sẽ phân tích và hiểu một cách sai lầm về những phần tử nào đấy, hoặc làm méo mó hoặc giải nghĩa sai chệch chúng.

Nhưng có một sự việc này chắc chắn: dưới cái tên bảy nhà thông thái ẩn giấu bảy mức độ nhập định. Và bảy mức độ còn có nghĩa: linh hồn con người sống trong thiên nhiên vật chất xa rời linh hồn thần thánh bảy lần. Đây là cách cắt nghĩa về bảy cây nến Kabbala: buổi ban đầu Thượng Đế tạo ra linh hồn người, tạo ra tia lửa bất tử, cái Tôi vĩnh cửu. Tất cả những gì con người mang trên nó, chỉ là tấm chăn phủ của cái Tôi, hoặc là tia khúc xạ, là sự mờ昧, là tính chất bị vật chất hóa của nó. Sau khi bước ra khỏi đời sống, những tấm chăn này tan ra, các tia chiếu tắt. Trong quá trình ngụp lặn ở thế giới bên kia từ các lớp vỏ rơi khỏi thực thể người, bởi tất cả đều hữu hạn: lúc đó chỉ cái Tôi vĩnh cửu quay trở lại với Tạo hóa.

Kẻ học trò đi trên con đường nhập định gần như cũng cần đi lên các bậc thang như linh hồn sau cái chết. Đây là tính chất nguy hiểm vô

biên của sự nhập định, rằng con người chỉ có thể hồi sinh nếu trước đây, cần chết đi. Cần phải bước qua ngưỡng cửa của cái chết, và cần phải chịu đựng sự chết.

Ở Ai Cập cái chết nghi lễ mang một ngoại hình đáng sợ. Sau sự chuẩn bị cần thiết người ta khóa người học trò vào nhà mồ và tác động một cách nhân tạo để người học trò trải qua việc bước qua ngưỡng, nghĩa là bước vào cái chết. Huyền bí Mithras và Eleusis là hình dạng mờ nhạt của sự nhập định cổ.

Tia sáng đầu tiên của tia lửa bất tử là tinh thần, tia sáng thứ hai là linh hồn. Tinh thần và linh hồn cùng tia lửa sống với nhau trong lớp chăn phủ cơ thể khí. Đây là cơ thể khí mà con người bước ra trong khoảnh khắc chết đi và bắt đầu dẫn thân vào thế giới vô hình.

Kẻ nhập định cần nhận thức riêng rẽ tính chất của tinh thần, tính chất của linh hồn và tính chất của cơ thể khí. Cần nhận biết riêng rẽ về chúng, như Veda nói: không phải cái này, không phải cái này. Cần phải học để đừng nhầm lẫn tinh thần với bản chất thật của linh hồn, và đừng nhầm lẫn đồng nhất chúng (*adhjasa*).

Không phải cái này, không phải cái này - chỉ có nghĩa như sau: cái Tôi thật sự của tôi không phải cái này. Cái Tôi thật sự vượt qua các chất lượng, hình dáng, là thứ không nắm bắt được, không thể hiểu được, vô hình. Nhưng đây là ai, kẻ nào là hiện thực chân chính để khi so sánh với nó, tất cả chỉ là *maja* - phép thuật, ảo vọng, các lớp vỏ, các lớp chăn phủ. Từ đời sống trần thế có vẻ như cái Tôi thật sự này xa vời nhất? Tại sao?

Bởi vì sự sống trần thế là phép thuật và đời sống trần gian chỉ là một giả tưởng (*adhjasa*). Con người trần thế đồng nhất chính nó, bởi sự bắt buộc và bởi các nhu cầu (*anake*), nó đồng nhất chính nó với thân xác vật chất nặng nề, với thiên nhiên, với thân xác thần kinh, với kí ức vô thức, với thân xác khí, với linh hồn, với tinh thần. Cho dù tất cả những điều này chỉ là gánh nặng. Kẻ nhập định cần nhận biết ra tất cả

những sự nhầm lẫn này. Cần phải hiểu, cái Tôi thật sự gần nhất. Cái Tôi thật sự chính là nó.

Nhận thức không phải là một hoạt động bình thường, phi cá nhân, vô lợi ích, mang tính chất lí thuyết hay quan điểm, mà là sự nỗ lực ở mức độ cao nhất của toàn bộ sức mạnh. Mọi tầng, lớp, mọi lớp chắn phủ, và trên ngưỡng cửa của mọi cái Tôi đều có một sự bảo vệ. Sự bảo vệ này là *Daimon*. *Daimon* là thần hộ mệnh.

Các vị thần hộ mệnh theo truyền thống cổ được lấy tên từ các tinh tú. Không hề ngẫu nhiên. Con người từ bảy tầng rơi chìm xuống sự sống vật chất, và cần thanh lọc bảy vòng để quay trở lại. Bảy vòng này trong vũ trụ cần phù hợp với bảy vòng của các tinh tú. Chiêm tinh học nằm trên nền tảng này. Nhưng vũ trụ và linh hồn con người không tách rời riêng biệt.

Sự tạo dựng vũ trụ xảy ra trong tim con người - một văn bản Hermes nói vậy. Mặt Trăng là thân thể vật lí (*phüsikon*), Merkur (sao Thủy) là tri thức và sự phát minh (*hermeneutikon*), Vệ nữ là thân thể của linh hồn (*epithümetikon*) mà người Hindu gọi là *prana*, Mặt Trời là sự nhận thức (*aisthétikon*), Mars (sao Hỏa) là sức mạnh đời sống (*thümikon*), Jupiter (sao Mộc) là sự hành động, Saturnus (sao Thổ) là tư duy và quan điểm (*theoretikon, logistikon*).

Việc thanh toán, việc nhận thức và tinh thần hóa ba tầng đầu tiên: thân xác nặng nề, thân xác thần kinh và cái vô thức là những nhiệm vụ dễ dàng. Ba tầng này lỏng lẻo, giống như áo quần, gắn với sự sống trần thế, và cái chết sẽ làm tan nó ra từ con người. Nhưng việc thanh toán nó cũng không hề dễ dàng.

Người thầy cần cẩn trọng và chú ý một cách vô bờ bến để theo dõi đường đi nước bước của người học trò. Mọi bước đi cần phân tích bằng giải mã giấc mộng, để phòng ngừa trước. Con người khi sống trên trần thế, chỉ là *prima materia*. Đây là con người tự nhiên với những nguyên tử hỗn loạn trộn lẫn bên trong.

Chính bản thân người thầy cũng không biết có gì ẩn giấu trong học trò. Tất nhiên, người học trò đợi nhập định biết càng ít hơn nữa. Nhưng thời cổ đã tìm ra một phương pháp không thể đánh lừa khi tìm ra bí mật của bản chất ban đầu của con người. Phương pháp này là tìm ra sự liên quan giữa các khả năng con người và các tinh tú. Nền tảng của sự liên quan này là số bảy.

Đây là bảy ngọn nến của Kabbala, bảy lần đường con người tiến hành khi biến thành vật chất nặng nề, và là bảy vòng quay trở lại nếu muốn tìm về cội nguồn. Chiêm tinh học chỉ ra con đường linh hồn con người đi. Nếu người thầy tìm ra con đường này, có thể bảo học trò cần đi con đường nào để quay ngược lại, và nói, ở đâu nó sẽ gặp thân hộ mệnh nào, lúc nào, cần dẫn thân vào trận chiến nào, cần vượt qua những vực sâu nào.

Chiêm tinh học không đơn thuần chỉ là cá tính học như tâm lí học hiện đại tuyên bố. Trong kích thước của khoa học tự nhiên hiện đại, hoặc trong khoa học tinh thần đi chẳng nữa nhân chủng học phổ quát hoàn toàn vô nghĩa và không thể đạt tới. Chỉ trong mối quan hệ lớn nhất và sâu sắc nhất về sự phổ quát mới có thể hiểu nổi và không thể thiếu được nhân chủng học phổ quát.

Kẻ nhập định cần làm quen với các *daimon* của mình để có thể cưỡng lại chúng. Về cuộc chiến đấu này các huyền thoại nói đến nhiều, và bằng những hoang đường bên ngoài thù địch nên truyền thống. Các huyền thoại thời cổ đầy rẫy các văn bản nói về cuộc chiến giữa linh hồn và *daimon*.

Nhưng cuộc chiến này không hề mang tính chất hội họa, văn chương hay sân khấu hấp dẫn. *Daimon*, như ở Ấn Độ người ta thường nói, là thần nghiệp của linh hồn, ngăn không cho linh hồn quay lại cội nguồn. Thần hộ mệnh của số phận bắt con người phải sống đời sống theo lệnh của nó. Và nếu ai muốn bỏ trốn, nó trả thù. Huyền thoại chứa đầy rẫy các *daimon* trả thù.

Cuộc chiến này hoàn toàn bên trong, hoàn toàn vô hình và hoàn toàn trải qua từ kỹ thuật phép thuật của sự nhập định. Bản thân các kỹ thuật này dễ gọi tên. Rất dễ, bởi nơi nào trong số phận của mình con người gặp khó khăn, trong mọi trường hợp chỉ duy nhất một thứ cứu được nó. Duy nhất một thứ: Lời. Logo. Logo hãm phanh daimon. Thần hộ mệnh rút lui và buông thả khi Lời vang lên. Nếu người học trò nhận ra và đặt tên cho *daimon*, daimon sẽ thành nô lệ.

Sự nỗ lực này đến một khoảnh khắc cũng không hề nhìn thấy. Nó tiếp diễn bên trong, người thầy và học trò không ai nhìn thấy và không ai biết gì hết. Sự thể hiện quá trình này quay vào bên trong. Cái thấu kính bên trong và sự nhạy cảm là tri thức đầu tiên đánh dấu sự nhập định.

Người học trò trước hết cần học: cái gì là thấu kính bên ngoài phủ mất thế giới của Thần. Katabasis, thế giới vật chất nặng nề, cần từ bỏ thông qua bảy vòng vũ trụ, cho đến khi kẻ học trò rơi vào đất, vòng tăm tối nhất, nặng nề nhất và bên ngoài nhất, đi vào vật chất, vào sự tăm tối bên ngoài. Tên của nó là sự thất bại, là sự lao xuống dốc.

Thấu kính bên ngoài, nhãn quan thứ yếu hỗn loạn này trái ngược với con đường Thần của con người. Chừng nào con người chưa biết đến thấu kính bên trong, *anabasis*, và đường đi xuống đất chưa mở ra, nó không thể bước tới tiếp tục. Chừng nào nó chưa biết giải thoát khỏi sự tăm tối.

Một trong những nhầm lẫn (*adhjasa*) nguy hiểm nhất là con người tưởng nhãn quan thứ yếu bên ngoài là thấu kính nguyên sơ, tưởng thiên nhiên vật chất tăm tối là sự sáng sủa. Con người đui mù lâm lạc trong vật chất bên ngoài đến mức nó không nhìn thấy bất cứ cái gì ở bên trong. Bước đầu tiên của người học trò là lấy lại cái nhìn nguyên sơ thực chất. Trước khi sự nhập định bắt đầu, người học trò bằng câu nói của Horus quay sang người thầy - Hermes Trismegistos - và nói như sau: “*Con đến, để tìm những đôi mắt của con*”.

4.

Truyền thống Hermes gọi bảy vòng tinh tú là bảy hơi thở của Tạo Hóa (*hepta epithūmata*). Bảy hơi thở không là gì khác ngoài bảy nốt nhạc, bảy màu của cầu vồng, bảy bước của sự nhập định, bảy mức độ huyền bí của Mithras trong mối quan hệ với sự nhập định.

Phép huyền bí Mithras thật đáng ngạc nhiên, tựa như các quá trình nghi lễ của nhập định Ai Cập. Bảy cái hang mở ra nối tiếp nhau tượng trưng cho bảy mức độ. Con đường mở, đi vào bên trong - ngược với hướng thế giới bên ngoài: từ sự tăm tối bên ngoài đi vào ánh sáng bên trong.

Mức độ đầu tiên nhắc người học trò từ đất lên và nâng nó lên cao trong không khí. Đây là bước đầu tiên của niềm cảm hứng (*ekstasis*). *Ekstasis* có nghĩa là: sự mở rộng ra của ý thức. Là trạng thái ở ngoài bản thân, hay còn gọi là bước rút ra khỏi cái Tôi vật chất.

Mức độ thứ hai là sự chuyển dời từ không khí vào vòng quay của các tinh tú. Bước thứ ba, người học trò bước ra khỏi vòng của các tinh tú và đến Sao Bắc Cực. Bước thứ tư do Mặt Trời chỉ lối. Mặt Trời là sự sáng sủa của Thượng Đế. Ở bước thứ năm con người gặp các Trinh Nữ-Số Phận và đợi đợi đến sự nhập định. Đây là các *daimon* và *moira* trong hình dáng đàn bà, ở đây người ta tìm thấy nhiều liên quan họ hàng với các nhân vật Athene, Parthenos, Sophia, Hohma, Trinh nữ Thần.

Ở mức độ thứ sáu linh hồn con người gặp thần hộ mệnh của Sao Bắc Cực. Mức độ thứ bảy là mức độ cao nhất của niềm hứng khởi, ý thức của nó được nâng lên hoàn toàn và nhập vào thế giới Thần: vào mức độ siêu nhiên của một thế giới cao hơn từ Sao Bắc Cực. Thần Mithras hiện ra và nhận lấy linh hồn con người quay trở lại. Đây là sự cứu rỗi.

Bảy bước của phép huyền bí Mithras gần như đồng nhất với bảy cấp độ chiêm niệm *Bonaventura* thời trung cổ và bảy cấp độ *vasistha*

của yoga Ấn Độ cổ, và cũng đồng nhất với bảy lĩnh vực vũ trụ của *Jamblikhos* và bảy đẳng cấp của sự sống.

Về mức độ đầu tiên không có gì để nói. Đây là thể gian vật chất và trần tục. Cái mà linh hồn người nhìn thấy và kinh nghiệm được, và là cái mà trong đời sống vật chất tự nhiên nặng nề ai cũng tự nguyện tin rằng đây là hiện thực duy nhất, dù đây chỉ là thế giới của các giác quan: các sự vật, sự việc, thiên hình vạn trạng của thể hiện vật chất, có thể thấy bằng mắt, nghe bằng tai, sờ bằng tay.

Mức độ thứ hai sâu hơn. Đây là góc độ tinh thần. Là cái nhìn trí thức. Con người bằng tri thức nhận thức ra mối quan hệ và sự liên quan của các sự vật, sự việc, các hiện tượng giác quan. Khi con người biết xác định sự giống nhau và khác nhau, lúc đó không bằng các giác quan nữa, mà bằng tư duy tri thức. Tính chất quy luật và sự bất thường của sự vật cũng do tri thức nhận ra. Đây là bậc thang logic, là bậc thang của tư duy tri thức.

Những ai không hoàn toàn sống đui mù trong sự tăm tối vật chất bên ngoài đều đạt tới cấp độ thứ hai. Những người có khả năng suy nghĩ tinh táo đều nhận ra mối quan hệ, sự giống nhau, sự khác biệt, và tính quy luật của sự vật, sự việc.

Nhưng để đạt đến mức độ thứ ba đã bắt đầu hiếm hoi một cách phi tỉ lệ. Ở đây không nhận thức bằng tri thức thấy nữa mà bằng tri giác bên trong. Tiếng Sanscrit gọi là: *manas*. Guenon dịch từ này ra là *sens interne*. Nhận quan bên trong bắt đầu từ cấp độ này. Khi Horus nói: *Tôi đến để tìm những đôi mắt của tôi* - là sự tìm kiếm bắt đầu từ đây.

Thật nhầm lẫn khi đặt tên cho tri giác bên trong là tâm lí. *Manas* không chỉ thấy mà còn thường xuyên tạo ra các hình ảnh. Cũng như các giác quan không chỉ là nhận quan bên ngoài, mà đồng thời còn là ảo ảnh vật chất; tri thức không là gì khác ngoài sự tạo ra các mối quan hệ và liên kết nhận thức.

Nhưng cũng có lúc - thậm chí thường xuyên - ở nơi có hình ảnh, có liên kết nhận thức, nhưng tuyệt đối không thấy sự vật đâu. Từ tri

giác bên trong, từ *manas* tràn ngập các hình ảnh, như thể nó là trọng tâm thường xuyên của giấc mộng và sự tưởng tượng, những ảo ảnh không thể hiểu, không thể nắm bắt, như từ một nguồn tuôn chảy không thể dừng.

Nhãn quan của cấp độ đầu tiên khó tin tưởng nhất. Di sản tư tưởng châu Âu đã chứng thực nhãn quan của các giác quan không mấy gần gũi so với hiện thực. Đây là sự phù phép rành rành phi hiện thực của thế giới vật chất, là thứ không có gì đúng.

Mức độ thứ hai đã mang tính hiện thực hơn một chút. Tựa hồ như một cái gì đó bắt đầu le lói: sự hợp nhất, dự cảm của một viễn cảnh tinh thần trong sạch xuất hiện trong lối tư duy có tri thức. Nhưng bộ não của con người vẫn run rẩy. Mức độ thứ ba càng mang nhiều tính hiện thực hơn nữa. Các giác quan, chính là những hình ảnh vô nghĩa và phi lí đối với bộ óc tỉnh táo - chủ nhân thực chất của số phận con người. Bởi vì quyền lực thật sự của con người không xuất phát từ thế giới của các hình ảnh giác quan, cũng không của tri thức, mà là của thế giới hình ảnh bên trong.

Trong thế giới của *manas* những nhầm lẫn khủng khiếp đã xảy ra. Những nhân tố phi tư duy, chỉ là các hình dạng như trong giấc mơ, khôn lường, siêu nhiên, đồng nhất và biến đổi, những thứ mà cái Tôi của con người liên tục đồng nhất với chính nó. Những hình ảnh của kí ức tồn tại ở đây, không chỉ của đời sống cá nhân con người, mà còn là cả những kỉ niệm của đời sống nhân loại con người đã thu thập.

Dưới tác động của những quyến rũ thất thường và các mối ác cảm bản năng, các tình cảm được hình thành ở đây. Đây là các hình ảnh, các tình cảm, các bản năng, sự đồng hóa, sự nhầm lẫn dẫn dắt con người vào số phận.

Tính chất hiện thực của vòng *manas* không thể so sánh với tính chất hiện thực của vòng giác quan hay của vòng tri thức. Đúng hơn, như một giấc mộng so với lúc tỉnh, như linh hồn so với thể xác. Các hình ảnh trong vòng *manas* một mặt vẫn còn liên quan đến vật chất đi

xuống, nhưng mặt khác đã mang tính chất liên quan với tinh thần đi lên.

Thiên nhiên vật chất trong *manas* chỉ là hệ thống của các dấu hiệu để con người thể hiện và để hiểu chính mình. Còn cái Tôi bên trong nó kết án các sự kiện của thiên nhiên vật chất. Bói tử vi, xem tương lai, ngoại cảm, dự đoán tương lai là ở vòng này. Vòng giác quan hoàn toàn mang tính cá nhân; là sự phụ thuộc của cái Tôi cá nhân hoàn toàn.

Vòng nhận thức đã bắt đầu mang tính phổ quát hơn. Vòng *manas* ngày càng trở nên phổ quát hơn. Ý nghĩa của các hình ảnh bên trong đối với tất cả mọi người quen thuộc hơn, tổng quát hơn, như hình ảnh của giấc mộng và của thế giới tưởng tượng.

Còn hình ảnh huyền thoại lại càng ở mức độ phổ quát cao hơn nữa. Mức độ thứ tư này so với *manas* hiện thực hơn, sâu sắc hơn, sống động hơn. Hiệu lực của thế giới huyền thoại không chỉ lan truyền trong toàn bộ nhân loại, mà còn có trong mọi thời gian và trong mọi mức độ của sự sống.

Giác quan không biết gì khác ngoài các đồ vật và các hiện tượng của thế gian vật chất; trí óc không biết gì khác ngoài các liên hệ và tính quy luật của tự nhiên; *manas* không biết gì khác ngoài những kỉ niệm chồng chất trong đời sống nhân loại và các kinh nghiệm lọc ra từ các kỉ niệm ấy.

Còn huyền thoại đã vượt qua nhân loại. Nhân quan huyền bí đã biết đến các con quỷ, các vị thần, các thiên thần, các quái vật, thế giới bên kia, những người âm, các sinh linh chưa sinh ra. Huyền thoại sáng sủa bất tận, thông thái hơn, tinh táo hơn, nhạy cảm hơn, so với các giác quan, với trí óc hay trí giác bên trong.

Mức độ thứ năm là thế giới của các ý tưởng và hình ảnh ý tưởng. Mỗi quan hệ của các ý tưởng đối với huyền thoại giống như nhận thức đối với kinh nghiệm giác quan. Con người sống trong thiên nhiên vật chất tưởng rằng hiện thực duy nhất là kinh nghiệm giác quan, và họ nhận thức ra điều này một cách trừu tượng. Con người sống trong thiên

nhiên vật chất bằng đường nọ, cách kia thu thập khái niệm về ý tưởng và huyền thoại, họ nghĩ rằng huyền thoại và ý tưởng cũng trừu tượng nốt. Đây là một trong những ví dụ về sự nhầm lẫn điển hình cho con người sống trong sự tối tăm bên ngoài.

Nhận thức không là gì khác ngoài việc nhận ra và thấu tỏ những nguyên lí, những quy luật cơ bản của thế giới giác quan; ý tưởng không là gì khác ngoài nhận thức ra những nguyên lí và quy luật cơ bản của thế giới hình ảnh vũ trụ huyền thoại. Ngoài ra ý tưởng còn dẫn dắt cả thế giới hình ảnh vũ trụ quay trở lại cội nguồn của nó. Các ý tưởng không phải là các huyền thoại nhợt nhạt như người ta thường ưa thích nói như vậy mà huyền thoại là các ý tưởng đã được tháo gỡ, rơi xuống thế gian và đánh mất cường độ của chúng.

Huyền thoại vẫn còn mang tính chất hình ảnh trong bản chất toàn bộ của nó. Nhưng trong ý tưởng, hình ảnh đã không còn; thứ ý tưởng còn mang tính hình ảnh, trong suốt pha lê là hình tượng. Theo quan điểm này ý tưởng là một hình tượng rạng rỡ. So với huyền thoại, hình tượng phổ quát hơn, tinh thần hóa hơn, nguyên sơ hơn, cao hơn và sáng sủa hơn.

Từ mức độ thứ sáu trở đi tất cả những gì linh hồn người kinh nghiệm được từ năm bậc thang trước từ từ giải tỏa, giờ chỉ nhìn thấy như một sự lơ lửng chậm rãi, từ tốn, với những đường nét lơ mơ, rất ít tính chất hình ảnh, chỉ như hơi nước trắng bạc run rẩy, sáng rõ hơn hiện trên bầu trời xanh.

Trong vòng này, hay gọi là vòng thần bí hoặc tiền sáng của tinh thần trong sạch, linh hồn người bằng một cú sốc kinh ngạc nghiệm ra sự tan vỡ của mọi nhận thức. Bởi vì nhận thức vẫn theo sát con người, trải qua từng bậc thang dù khó khăn. Nhận thức hiểu ra thế giới của *manas*, của huyền thoại, của ý tưởng. Nhưng đến vòng này mọi nhận thức bất lực. Một hoạt động song song cùng nhận thức là quan điểm, đến đây cũng bất lực nốt.

Bởi vì các hình ảnh manas, huyền thoại, và ngay cả trong thế giới của ý tưởng, linh hồn người vẫn biết nhận thức và ghi giữ. Nhưng đến đây, trong thế giới Thần, phi nhận thức, phi quan điểm, giữa lơ lửng phi vật chất, linh hồn ngỡ ngác: nó không thấy hình thức, tri thức, không hướng xác định, không mục đích, chỉ thấy trong ánh sáng chói lòa, các thân thể ánh sáng không đường nét, luôn thay đổi và rạng ngời chuyển động nhẹ nhàng và trong suốt.

Ở cấp độ thứ bảy xảy ra điều này. Sự rạng ngời chiếu sáng phi hình thức và phi nhận thức: Sự Tuyệt đối. Không thân thể, không hình dạng, không chuyển động, bất biến, không nhìn thấu, không cái Tôi, chỉ một sự sống không thể đo nổi từ các cấp độ đã trải qua, sâu sắc và thấu suốt hơn. Và linh hồn càng tiến sâu vào càng nhẹ đi, càng cảm thấy mình gần nhà hơn, hạnh phúc hơn, tươi tỉnh hơn, lặng lẽ hơn. Giờ đây, sau cùng nó đã an bình. Trong thế giới Thần nó đã có thể thở ra nhẹ nhõm: trong những tia sáng lơ lửng nó cảm thấy nhà của nó gần hơn.

Giờ đây trong sự sống bất biến tuyệt đối, phi hình hài, vô bờ bến, nó biết rằng nó đã cập bến. Giờ đây nó có thể thả nó ra. Và một điều kinh ngạc: nó không tan ra. Vòng tuyệt đối này là một sự sống sâu sắc đến mức không một trạng thái tiêu cực nào tồn tại: không có sự tan ra, không có sự biến mất, không có sự hấp thụ. Đây là vòng, nơi tất cả: Có. Đây là sự viên mãn của sự sống rạng ngời, là an bình cân bằng của sự sống trong suốt. Đây là hiện thực tuyệt đối, là cái có từ linh hồn, và là chính bản thân linh hồn.

5.

Thoạt nhìn, con đường của *basileus* và *radzsa* không phẳng lặng, đơn giản hay oanh liệt như các văn bản truyền thống ghi chép. Bởi vì các văn bản để lại cho các thế hệ sau đã được khái niệm hóa, chứ không

như một miêu tả tỉ mỉ về một con đường vua chúa. Cũng không thể khác, vì con đường của tất cả mọi người đều khác nhau - trong các số phận các nguy hiểm khác nhau đe dọa - các sức mạnh khác nhau sống ở những nơi khác nhau với những động lực khác nhau - những cái bẫy bí ẩn gài ở những chỗ khác nhau và những bức tường ngăn cản dựng lên ở chỗ khác nhau.

Kẻ hiểu về con đường là kẻ biết rằng: chủ thể, có nghĩa là con đường của linh hồn thực ra chính là bản thân linh hồn; khi linh hồn tiến lên, nó tiến lên từ bản thân nó; ánh sáng soi rọi con đường là ánh sáng tự thân của linh hồn; mục đích không là gì khác, ngoài chính bản thân linh hồn; và khi đạt đến, nó đã đạt đến chính nó.

Nhưng khó khăn lớn nhất không phải điều này.

Trong các vòng, trong các vương quốc ảnh hưởng trên con đường, như giác quan, nhận thức, manas, huyền thoại, ý tưởng, trong các thế giới Thần, linh hồn biến đổi, nhận lấy đặc tính và tính chất của các thế giới ấy. Con đường không phải là một sự hành hương mà kẻ đi hành hương luôn là một cá nhân ấy. Con đường là sự hóa thân (*metamorphosis*); và trong tất cả mọi vòng đều chứa đựng nỗi đe dọa về sự bất lực của linh hồn, linh hồn có thể thay đổi, bị mắc kẹt và đứng lại.

“Dấu hiệu đầu tiên của sự đứt đoạn với thế giới giác quan - một văn bản Hermes viết - là linh hồn biến thành quỷ”. Trong thế giới vật chất, nó biến thành vật chất, trong thế giới nhận thức nó biến thành nhận thức, trong thế giới *manas* nó thành hình ảnh mộng, trong thế giới huyền thoại nó biến thành sinh linh *daimon*. Nhưng đây cũng vẫn chưa phải đe dọa lớn nhất.

Hiểm nguy lớn nhất, như thời trung cổ người ta từng biết, *“Mi đặt bao nhiêu bước chân về phía Thượng Đế, quỷ Santan đặt bấy nhiêu bước chân về phía mi”*. Nói theo ngôn ngữ siêu hình học: tất cả mọi bước chân trên con đường đi tới ánh sáng đều nhắc nhở đến một sự tối tăm sâu hơn nữa.

Kẻ học trò sắp nhập định không biết những điều đáng sợ này. Lời dạy bảo không nói tới. Không thấy ghi chép ở đâu. Không ai nói đến bao giờ. Cũng không thể nói ra, cũng không thể viết ra, cũng không thể dạy dỗ. Đây là tri thức cá nhân của người thầy dạy nhập định, bất truyền.

Người thầy mang trên mình số phận của học trò, từng trải qua, thấy thay học trò, chịu đựng, xua đuổi ma quỷ, giữ gìn và bảo vệ kẻ học trò. Đây là điều truyền thống nói, người thầy là Cha, và khi học trò tái sinh, một mình duy nhất từ người Cha, trong tinh thần và trong linh hồn sinh ra một lần nữa.

Các văn bản viết về các mức độ, các tầng, hay về các đẳng cấp và các vương quốc, không quan tâm đến con đường của kẻ học trò chờ nhập định, mà chỉ tuyên bố ý nghĩa của bảy màu sắc, bảy âm thanh, bảy ngày, bảy tinh tú, bảy ngọn nến của thế gian.

Về, bảy bậc thang cần phải hiểu như thế nào, các văn bản không nói đến. Con người lịch sử cảm thấy như bị lừa khi nghĩ đến việc học xong bảy năm trung học dễ dàng như thế nào. Bảy mức độ ở Ấn Độ phù hợp với bảy bậc thang của con đường bước ra khỏi cộng đồng người tự nhiên.

Mức độ đầu tiên: chủ gia đình (*grihastha*) là người lập gia đình, công dân, người làm việc trong cộng đồng; mức độ thứ hai là con người đã dâng hiến đời sống cho quyền lợi của một mục đích nào đó (*purohita*); thứ ba, là kẻ đã hãm phanh bản chất xác thịt của mình lại (*fakir*); thứ tư là tín đồ rút vào rừng (*sannjasin*); thứ năm là kẻ hành hương đã tặng lại tất cả tài sản, cắt đứt mọi ràng buộc con người (*nirvānis*); thứ sáu là kẻ chiêm nghiệm trong bất động hoàn hảo (*yogin*); thứ bảy là kẻ mà phái Pythagoras nhận biết như một kẻ đã hiện thực hóa tinh thần của Thần, đã làm tròn bốn phận, trải qua *epiphani*, đây là *brahmatma*.

Phù hiệu của *brahmatma* là cây gậy tre bảy mấu: bảy mấu là bảy mức độ của nhập định. Việc đạt tới từng mức độ là một nhiệm vụ lớn

lao riêng biệt. Nhưng tất cả mức độ cũng dừng lại trong bản thân nó.

Đa số con người chỉ trở thành grihastha (chủ gia đình), kẻ đạt tới mức độ thứ ba (fakir) ít hơn kẻ đạt tới mức độ thứ hai (furohita), kẻ đạt tới mức độ thứ năm (nirvānis) còn ít hơn nữa so với kẻ đạt tới mức độ thứ tư (sanjasin) và kẻ đạt tới mức độ thứ bảy (brahmatma) càng ít hơn nữa so với kẻ đạt tới mức độ thứ sáu (yogi). Có như vậy, bởi vì người thầy của sự nhập định từ chối phần lớn học trò. *“Nếu trong kẻ nào khát vọng giải phóng thức tỉnh hơn thời gian của nó cần đạt đến, - sách luật của Manu tuyên bố - và nó theo con đường đi lên, kết quả sự cố gắng của nó sẽ lao sâu xuống hơn vào tăm tối”*.

6.

Trong đời chúng ta đạt được quá ít - Baader nói - bởi vì chúng ta không thể nhân bản thân mình lên lũy thừa bảy. Con người lịch sử, đặc biệt trong thời hiện đại, nhất là khi sống trong sự vô thức về bản chất sự sống của nó, thường mặc kệ bản thân, nó không hiểu nổi nghĩa là gì nếu một người nâng bản thân mình lên đến lũy thừa bảy.

Tri thức vật chất trắng trợn thay thế tổ chức của sự nhập định. Vật chất đã hấp thụ không bao giờ có thể nâng lên cấp lũy thừa. Học tập là một quá trình bên ngoài, ở giữa các thế gian, là một thứ đọng lại sâu nhất, đậm đặc nhất, nặng nề nhất; đây là sự tăm tối bên ngoài. Học tập không là gì khác ngoài một dạng của sự mơ hồ.

Sự nhập định, khi được tiến hành trọn vẹn trên con đường vua chúa, nhập vào *radzsa-yoga* - theo định luật của Bảy Trinh Nữ, giết chết con người tự nhiên, và chuẩn bị cho sự tái sinh của con người tinh thần, phi dạy dỗ, phi giáo dục, phi nuôi dưỡng.

Sự nhập định là sự dẫn dắt ngược trở lại của linh hồn con người vào chính bản thân nó và vào trạng thái cổ: là sự thức tỉnh của ý thức

thống trị, tính chất vua chúa vốn có. Bảy mức độ là sự giải phóng của linh hồn con người khỏi số phận hành tinh, khỏi vòng của bảy tinh tú; là sự chiến thắng bảy vị thần của số phận, bảy *daimon*. Đây là sự ra đời của sinh linh cổ - *ousiodes genesis*. Đây là lũy thừa bảy.

Con người nâng bản thân mình lên lũy thừa bảy có nghĩa là lên khỏi bảy ngưỡng khủng hoảng, nhân lên bảy lần sức mạnh của chính bản thân, sự sáng sủa, sự tỉnh táo, sự sống của mình; nó đi lên bảy bậc thang, chính là bảy bậc thang nó đã tụt xuống khi rơi chìm vào thiên nhiên vật chất.

Nó bảy lần làm bản thân mình tự do hơn, nâng lên bảy lần khả năng của mình cho có hiệu quả hơn, phong phú hơn. Làm tinh thần của nó bảy lần sáng sủa hơn, làm linh hồn bảy lần nhạy cảm hơn, làm nhận thức bảy lần sắc sảo hơn, làm tình cảm bảy lần ấm áp hơn, làm trí tưởng tượng bảy lần phong phú hơn, làm trực giác tâm linh bảy lần sâu sắc hơn.

Con đường của sự nhập định bởi thế nguy hiểm và khủng hoảng, bởi vì cái xảy ra trong thời gian nhập định trong suốt vô tận. Sự nhập định khó khăn vì nó đơn giản. Khủng hoảng vì con người đã đi quá xa bản tính cội nguồn. Bởi vì cái nó cần thu thập, không phải là một cái gì xa lạ và đặc biệt, mà là một thứ dễ hiểu, tự thân và tất nhiên.

Sự nhập định, như Sankara viết: *“Linh hồn phát hiện ra ý nghĩa của sự lầm lẫn trong u mê và nhận ra bản chất tự do, bất tử của chính bản thân nó”*. Điều dễ hiểu đơn giản, tất nhiên và tự thân, chính vì không cần làm bất kì cái gì: *“Sự giải thoát không phải là kết quả của ngôn từ, của các tư tưởng và sự hoạt động”*. *“Không phải sự đổi thay lẫn hoạt động nói lên sự giải thoát... sự giải thoát không đạt tới; sự tự do này trong bản chất đích thực của cái Tôi chân chính của con người, sống một cách hiện thực, có từ vĩnh cửu, chứ không phải là một cái gì cần phải tranh đấu mới có”*.

“Cái Tôi chân chính của con người không thể đặt dưới quan điểm, đặt dưới sự hoạt động, đặt dưới sự thay thế - bởi vì lúc đó cái Tôi này

trở thành đối tượng của một cái gì đó, của một cái gọi là quan điểm, sự hoạt động, sự thay thế. Thực chất, cái Tôi là một cá nhân tuyệt đối, là chủ thể không bao giờ có thể biến thành sự vật”.

Nói theo ngôn ngữ của Sankara: Khi con người nhân bản thân mình lên lũy thừa bảy, trong ảo ảnh của các hình ảnh, các giấc mộng, các ý tưởng, các nhận thức, nó tưởng hoạt động này dẫn đến sự giải thoát. Không. Sự hoạt động này dẫn tới một nơi khác hoàn toàn. Dẫn đến trạng thái phi hoạt động; đến sự tĩnh lặng; đến sự tránh xa các biến đổi; đến phi nhận thức; đến việc chấm dứt các nỗ lực.

Sự giải thoát không phải là kết quả của sự thay thế, của tư duy, thể hiện sức mạnh, hoạt động, mà là sự nghiên ngẫm để nhận ra mọi tư duy đều là nhà tù, mọi tư tưởng đều là cạm bẫy, mọi nỗ lực đều là xiềng xích trên con đường giải thoát. Tôi chỉ có thể giải thoát, nếu tôi từ bỏ mọi kích động, giác quan, nhận thức, tư duy, sự tưởng tượng, trực giác, sự hoạt động từ chính bản thân, tôi bước ra khỏi bảy vòng quay của bảy *daimon*, từ bỏ thế gian như từ bỏ mọi ảo vọng không có thật, và điều chỉnh lại nhãn quan trực tiếp về hiện thực (*saksatakara*), là nhãn quan cội nguồn của linh hồn con người.

Con người lịch sử không giấu nổi ngạc nhiên khi thấy các ngôn từ của ý nghĩa truyền thống cổ, các ngôn từ của sự nhập định, (không ngoại lệ), đều là những hình ảnh tượng trưng. Ý nghĩa của chúng liên quan đến một cái gì hoàn toàn khác với cái tưởng rằng chúng nói đến, và chỉ ra một hướng khác so với cái tưởng chúng chỉ ra, đưa ra dấu hiệu.

Ngôn ngữ tượng trưng này hướng về điều Sankara đã nói: sự hoạt động, sự biến đổi, sự chuyển biến, sự hoàn hảo, sự tỉnh táo, về các bậc thang, các mức độ. Tất cả đều mang ý nghĩa tượng trưng của ngôn từ. Thực ra chẳng có gì xảy ra hết, chỉ linh hồn rơi vào u mê nhằm lẫn bản thân mình với những hình ảnh được dựng lên về chính bản thân nó.

Giải thoát chỉ có ngần này ý nghĩa: không nhằm, không lẫn lộn các hình ảnh, thậm chí giải thoát chỉ có nghĩa thế này: không ảo vọng.

Giải thoát là “*nhận thức ra ý nghĩa bền mê của linh hồn và nhận biết bản chất tự do, bất tử của chính bản thân linh hồn*”. Con đường vua chúa, *hodos basilike* cũng là cái mà huyền bí trung cổ gọi là *via negativa*. Đây là *metanoia*, là *metathesis*. Đây là *mahajana*. Đây là Đạo. Là CON ĐƯỜNG. Nhưng đây là một con đường ngăn ngừa các bước đi đến tất cả những con đường khác.

Con người cần bước lên bảy bậc thang, để đạt tới mức không bước đi tới bất kì nơi nào nữa - và khi nó biết điều này, rằng không cần phải đi đâu tiếp, nó cập bến và giải thoát. Con người cần nhân bản thân mình lên bảy lần, đến chừng nào nó hiểu rằng cần từ bỏ tất cả mọi hoạt động - và khi nó hiểu ra không có gì để làm nữa, nó giải thoát.

Csiradzsi, sapta risi - chức vị tinh thần của bảy nhà thông thái là sự giải thoát này. Người nào nâng bản thân lên lũy thừa bảy, đạt đến nhiều thứ - đạt đến tất cả. Đạt đến sự giải thoát. Đạt đến tự do vĩnh viễn là của nó, đạt đến sự bất tử vĩnh viễn là của nó. Đạt đến mức sau đó nó không cần chạm đến nữa, bởi nó biết điều này nằm trong nó, đã từng nằm trong nó và là cái Tôi chân chính.

Mức độ nhập định của bảy nhà thông thái không phải là mục đích cuối cùng của đời sống người. Con người được giải thoát biết rằng, nếu tự do này nó chỉ giữ trong bản thân, để hưởng thụ, nó sẽ đánh mất, bởi nó sẽ rơi vào sự cầm tù của tự do của nó. Bảy nhà thông thái lập pháp, cai trị, tư duy. Đây là mức độ *epiphania*, khi con người bằng hành động thực hiện những sức mạnh của Thượng Đế. Như ở Ấn Độ người ta thường nói: không bị ràng buộc bởi bất cứ liên hệ trần gian nào.

Một lần nó đã được giải thoát, nhưng giờ đây nó quay trở lại và cuộc đời của nó là của nhân loại. Rơi vào giữa bảy nhà thông thái không mang ý nghĩa là sự kết thúc của một số phận đời sống, mà có nghĩa là bắt đầu một hành động chân chính.

IV. Các bậc thang phép thuật

1.

Chỉ người nào - Manu nói - trong tất cả các bến đỗ hoàn toàn chủ tâm, tỉnh táo và dứt khoát tham dự, kẻ đó mới được coi là đã giải thoát.

Về sự nhập định thời cổ, con người lịch sử cũng được học chút ít gì đó, họ tưởng rằng điểm xuất phát là đời sống trong tự nhiên vật chất, và mục đích cuối cùng phụ thuộc vào một cái gì đấy như sự cứu rỗi, niềm hứng khởi, niềm hạnh phúc, đời sống vĩnh cửu và những hình ảnh khó hiểu của sự bất tử.

Trong khi đó, điều mà Manu nói rằng cần phải trải qua tất cả các bến đỗ, thậm chí: một cách tỉnh táo, có chủ ý và chủ tâm - không một tri thức nào giải thích nổi. Ngoại trừ các nhà huyền học, những người có thể giải thích các mức độ này; nhưng các tư tưởng của họ không những không trở thành đại cương mà nhiều khi khó có thể tiếp cận.

Khi môn tâm lí học hiện đại thử giải thích những điều huyền bí, lập tức một loạt hiểu lầm cơ bản nổi lên. Tâm lí học cho rằng bậc thang huyền bí là mức độ hoàn hảo của cái Tôi cá nhân. Giải thích này trong tổng thể là sai. Bậc thang ở các nhà huyền học, nhất là trong thời cổ, không phải sự đo lường mức độ hoàn hảo của cái Tôi cá nhân, mà là sự đo lường mức độ sự sống được nâng lên cao hơn.

Các bậc thang huyền bí xét về mặt tâm lí học tuyệt đối không thể hiểu nổi. Vì chúng không phải là tâm lí học mà là siêu hình học. Trọng tâm của tư tưởng không phải là cái Tôi cá nhân mà là sự sống; không

phải con người cá nhân hóa mà là con người siêu việt. Các bến đỗ thực chất có nghĩa là sự nhập định vào các nhiệm vụ đời sống cao hơn.

Để cho tư tưởng này trở nên dễ hiểu hơn, cần biết: với con người sống trong thiên nhiên vật chất, kẻ mà số phận của nó hoàn toàn diễn ra trong niềm vui mang tính chất gia đình, công việc, thể xác, và các khát vọng đi liền với những cái bên ngoài, những kẻ này không cần đến sự nhập định cao hơn. Sự sống của nó không đòi hỏi một sự tinh tảo đặc biệt hơn.

Truyền thống Hindu gọi mức độ đại cương của con người sống trong thiên nhiên vật chất là *grihastha*, là người chủ gia đình. Mức độ này hoàn toàn phù hợp với thiên nhiên vật chất. Đây là: sức khỏe, sự sinh sôi nảy nở, dinh dưỡng, cộng đồng, đạo đức trong sạch, khẩu vị, tính vị tha. Rất ít ỏi kỉ luật tự thân, sự nghiêm túc, trí tuệ minh mẫn trong đó, chỉ cần có cảm giác tập thể đã là đủ.

Nhưng khi nói đến nhu cầu cao hơn so với một đời sống người, lập tức nổi lên không phải câu hỏi làm thế nào để thu được tri thức. Tri thức có thể thu được bằng sự nhẫn nại và chăm chỉ. Cái khó hơn, là mức độ cao hơn nào được sử dụng để thỏa mãn nhu cầu cao hơn. Người nào muốn nhiều hơn cái mức độ chỉ là người chủ gia đình, đối với người ấy giàu có về kiến thức không đủ. Cần phải bước vào mức độ cao hơn nữa của sự sống.

Nhưng bước vào mức độ cao hơn của sự sống không phải là một yêu cầu từ đời sống tự nhiên vật chất. Trong đời sống vật chất tự nhiên có quyền lực, sức mạnh, tài năng, sự khéo léo - nhưng mức độ sự sống lại không có. Con người lịch sử tưởng rằng, bí ẩn của kẻ lãnh đạo, giáo sĩ, quân nhân, kẻ cầm quyền, nhà bác học, nhà thơ là tài năng hoặc khả năng hoặc sức mạnh. Họ tin như vậy bởi để hiểu đời sống, ngoài các nhân tố trong tự nhiên vật chất và thiên nhiên không còn các cách đo lường khác.

Mức độ cao hơn của sự sống không thể thu thập bằng bất kì tài năng nào, sức mạnh nào. Người nào có nhu cầu cao hơn đời sống vật

chất của nó, tự nó phải đòi hỏi từ bản thân, và rất khó thỏa mãn, kẻ đó cần từ bỏ mức độ thỏa mãn trong đời sống vật chất và cần phải bước lên một mức độ cao hơn. Với câu hỏi làm thế nào để thu thập tri thức cho nhu cầu ở mức cao hơn này, câu trả lời sẽ là: chỉ tham gia sự nhập định mới đạt tới.

Sự nhập định chỉ có thể hiểu được bằng siêu hình học. Bởi vì ở đây không nói đến sự tăng trưởng của kiến thức, nhận thức, sự thể hiện các sức mạnh thân xác hoặc tinh thần, sự tiếp thu các nghề nghiệp - những thứ dễ dàng đạt được trong đời sống thiên nhiên vật chất - và cũng như vậy, không hề nói đến sự hoàn thiện cái Tôi tâm lí của thực thể người cá nhân.

Các bậc thang nhập định là các bậc thang phép thuật, dẫn tới một thế giới siêu nhiên bên trên thế gian vật chất. Và tất cả những ai đòi hỏi từ đời sống của mình nhiều hơn những người khác, đều bắt buộc phải bước lên các bậc thang này. Nếu họ không bước lên, họ vẫn cứ tham gia vào một trong những hoạt động của những mức độ sự sống cao hơn: họ sẽ trở thành giáo sĩ, thầy giáo, nhà thơ, kẻ cầm quyền, người quân nhân - nhưng họ không đạt được bất kì kết quả nào, hoạt động của họ chỉ tạo thêm sự nhiễu loạn, công việc của họ không bản chất, vô ích, vô nghĩa, vô giá trị.

Bước lên những bậc thang phép thuật của sự nhập định có nghĩa là, kẻ nhập định bước vào vòng sự sống siêu việt hơn. Truyền thống cổ gọi bước chuyển này là sự tái sinh. Thành viên của tất cả các đẳng cấp (*kast*) đều cần sự nhập định, trừ đẳng cấp thấp nhất, *sudra*.

Những kẻ trong các đẳng cấp cao hơn tuyên bố muốn thực hiện các nhiệm vụ đời sống cao hơn cần phải bước vào mức độ cao hơn của sự sống, sinh ra hai lần. Kẻ sinh ra hai lần tiếng Sanscrit gọi là *dvidzsa*, họ có thể là nông dân, lái buôn, thợ thuyền, quân nhân, quan tòa, kẻ cầm quyền hoặc linh mục. Tất cả những ai có nhu cầu lớn hơn nhu cầu vật chất tối thiểu, đều cần phải nhập định.

Và con người càng có nhu cầu cao hơn, càng cần phải bước lên thêm nhiều hơn các bậc thang phép thuật. Kẻ nào muốn đạt đến mức độ con người cao nhất, thực hiện sức mạnh Thần và hiện thực hóa tinh thần tuyệt đối thông qua chính bản thân mình, kẻ đó cần phải bước lên tất cả các bậc thang, hay nói cách khác: phải đứt đoạn hoàn toàn với thiên nhiên vật chất. Con người này đã thoát khỏi ràng buộc.

Đây là *brahmatma*, như truyền thống Hindu gọi, người có thể đưa vào vòng hoạt động của mình nghệ thuật, sự tiên tri, dạy học, cai trị: tất cả những gì con người này làm, trong tất cả mọi việc làm của nó thể hiện rõ các sức mạnh tinh thần. Đây là con người, như Manu nói, đã giải thoát, và: là kẻ trong tất cả các bến đỗ hoàn toàn chủ tâm, tỉnh táo và dứt khoát tham dự, kẻ đó được coi là đã giải thoát.

2.

Các bậc thang phép thuật người học trò đợi nhập định cần phải bước qua, theo tất cả các truyền thống cổ đều đồng nhất với những bến đỗ mà linh hồn âm từ bỏ đời sống trần tục cần phải trải qua ở thế giới bên kia.

Cần giải thích hết sức cơ bản điều này, không chỉ vì truyền thống dạy về những điều này rất phong phú, mà còn vì chưa bao giờ có thể đến gần tinh thần của truyền thống cổ như lúc này đây. Nhưng trước khi chỉ nêu lên một từ thôi nói về sự dạy dỗ của truyền thống cổ, cần phải hiểu ấn tượng của ngưỡng nghĩa là gì. Có vẻ như: ai đã trải qua điều này, không cần giải thích nữa, nhưng với ai chưa trải qua, không giải thích nổi. Tất nhiên khó khăn này chỉ có vẻ như vậy.

Ấn tượng về ngưỡng không ràng buộc về tuổi tác, giới tính, trình độ, tri thức. Ấn tượng về ngưỡng mọi linh hồn đều nhận biết một cách trực tiếp, và giữ gìn kí ức về nó, không phải trong kỉ niệm của cái Tôi

cá nhân, không phải trong kinh nghiệm vô thức thu thập trong cuộc đời cá nhân, mà trong cái Tôi vĩnh cửu và siêu việt.

Điều này sống động trong mỗi con người, cái Tôi siêu việt và vĩnh cửu, cho dù mơ hồ, vẫn hiện ra một cách trực tiếp qua ấn tượng về ngưỡng này, cái mà truyền thống tôn giáo thường gọi là sự thất bại, sự phạm tội, sự thức tỉnh, là bước rút ra khỏi sự bao phủ tăm tối của vật chất.

Một cách đặc thù, linh hồn con người gìn giữ trong kí ức của nó những bến đỗ của số phận đời sống người vĩnh cửu. Bằng một khả năng bí ẩn nào đó, nó biết nhận ra cái gì đã xảy ra, khi con người sinh ra và khi con người chết đi. Như thế nó đã trải qua một cách trực tiếp, đến mức khi nghe đến tư tưởng luân hồi, đối với nó tư tưởng này không hề xa lạ. Về sự sinh ra và về cái chết tất cả mọi người giữ trong mình không chỉ một ấn tượng mà cả kinh nghiệm cá nhân rõ ràng nữa, và điều đặc biệt nhất, kinh nghiệm này ở tất cả mọi người đều giống nhau.

Ngưỡng là một trạng thái đột ngột mang ý nghĩa một sự thay đổi đến tận gốc rễ một cách bất thành linh, toàn diện toàn bộ những môi trường bên ngoài và bên trong: ngoại trừ một điểm nhỏ nhoi vô hình, toàn bộ các mối quan hệ, liên hệ, môi trường, hướng đi, trạng thái của thực thể người trong một tích tắc hoàn toàn biến mất, đến mức cái thay thế vào đó, mới, lạ lẫm, bất thường, đáng sợ một cách cội rễ và hoàn hảo, bản chất triệt để và bất ngờ của sự thay đổi này đe dọa đến cả sự sống của một hạt mầm bé xíu.

Ngưỡng là trạng thái đột ngột mà linh hồn trải qua, khi bước từ thế gian này sang thế gian khác, khi: hoặc khi sinh ra, thức tỉnh từ sự mơ hồ đặc sệt của quên lãng, hoặc khi chết đi bước ra khỏi thiên nhiên vật chất. Môi trường, mối liên hệ cuộc đời, mối quan hệ, trạng thái, ý thức, quan điểm, tất cả trong giây lát dừng lại, và cơn gió hủy diệt chạm đến hạt linh hồn. Tất cả, cái nó tưởng là rất ráo và có thể tin được là một quyền lực vô hình rung động báo hiệu sự lao xuống vực của linh hồn có thể xảy ra.

Trong thế gian vật chất linh hồn đồng hóa mình với thể xác vật chất, thứ phụ thuộc vào những điều kiện vật chất. Giờ đây khi những điều kiện vật chất này tan rã một cách ma quỷ và linh hồn tưởng rằng nếu các điều kiện biến mất, nó cũng cần bị tiêu diệt. Sức mạnh của sự rung động này mới to lớn làm sao, khiến cho toàn bộ nó, ngoài một điểm bé xíu duy nhất ở trọng tâm linh hồn - hạt giống linh hồn - suy sụp toàn diện vì sợ hãi và khủng khiếp.

Đây là hướng đi xuống của ngưỡng. Còn hướng đi lên của ngưỡng xuất phát từ một điểm nhỏ xíu, một thứ không bao giờ thay đổi, không run sợ, không hốt hoảng, đến ngạc nhiên cũng không, một thứ bình thản, ổn định, chắc chắn, bắt đầu từ từ sáng rạng lên.

Ý thức vẫn chưa quay lại; ý thức là bộ phận của cái Tôi cá nhân, đã tan vỡ. Một cái khác, rộng hơn, phổ quát hơn so với ý thức cũ bắt đầu xuất hiện. Cái này vẫn chứa trong nó thiên hình vạn trạng của kinh nghiệm thu được trong thiên nhiên vật chất. Nhưng những kinh nghiệm này ngày càng mờ nhạt dần, giống như đường nho mất dần chất ngọt để trở thành rượu.

Lúc này từ tất cả những gì con người trải qua trong cuộc sống vật chất, chỉ còn lại một trích xuất đậm đặc: mức độ cao hơn của sự sống. Tri thức về cái Tôi cá nhân cũng bốc hơi. Kỉ niệm của điều này ban đầu giống như ấn tượng về kết quả hoàn thành của một con đường đầy ắp; sau dần con đường cũng mờ dần, và linh hồn tiếp cận tới bản thân mình như đạt tới bến đỗ của sự sống người siêu việt.

Nhưng điều này cũng tan ra, hoặc là một cái gì cũng như thế: kỉ niệm này cô đặc dần và trở nên đậm đặc hơn. Khả năng đứng riêng biệt, một sự sống riêng, cái mang tính chất cá nhân, từ từ chấm dứt. Hạt mầm vô hình, bé xíu ngày càng rõ và chín muồi bao nhiêu, linh hồn càng nâng cao lên đến vòng siêu việt bấy nhiêu, càng bám một cách vững chắc vào sự sống phổ quát bấy nhiêu.

Chủ thể hóa mỗi lúc một sâu hơn được duy trì bằng việc từ bỏ chậm rãi sự sống riêng biệt. Và ở mức độ cuối cùng chủ thể tuyệt đối

nằm trong sự sống tuyệt đối: đây là vị trí tuyệt đối của linh hồn.

Tất cả các ấn tượng ngưỡng mà con người trải qua trong đời, trong mức độ lớn hay nhỏ đều có họ hàng với ấn tượng ngưỡng của cái chết. Có họ hàng bởi vì trong ý nghĩa của truyền thống cổ, ngưỡng giống như một sự chuyển dời khỏi đời sống, thực chất: “bước ra ánh sáng”, như người Ai Cập thường nói: bước chuyển dời từ sự sống người sang sự sống siêu nhiên.

Đây là trạng thái người ta hay gọi là *esktazis*. Còn bản thân ngưỡng (được gọi) là *re-stau*, vạch ranh giới chia cắt giữa sáng sủa và tăm tối, thiên nhiên và thế giới bên kia, đời sống và sự sống. Trên ranh giới của *re-stau*. *Horus*, ánh sáng và *Seth*, bóng tối, giao tranh với nhau. Linh hồn con người là mặt trời, bước ra khỏi bóng tối, khi sinh ra, và bước ra khỏi ban ngày, khi chết đi - khi mặt trời mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây.

Sinh ra không là việc khó khăn, bởi vì linh hồn con người từ sự quên lãng của vật chất không mang theo bản thân mình cái gì; nhưng ngưỡng khó khăn và khủng hoảng chính là cái chết, khi linh hồn cần nâng lên và chuyển đời sống vào sự sống: chuyển sự sáng sủa và tỉnh táo mà nó đã tiếp thu được. Chỉ có một ngưỡng duy nhất chân chính: ngưỡng của cái chết.

Nhưng ở đây theo truyền thống không phải một cái gì đó đợi con người, cái mà nó không thể biết và nhìn thấy trước. Cái đợi con người cũng giống như cái nó sống ở trần gian, chỉ tăng lên cao thêm một cách bao la hơn: đây là sự sống.

Có thể chuẩn bị cho sự sống. Chuẩn bị như con người đã tiếp cận sự sống trong đời nó, thậm chí đã thực hiện. Các bậc thang phép thuật của sự nhập định là các ngưỡng và các mức độ mà con người ngay trong cuộc sống đã có thể bước lên. Bước lên như khi nó chết và từ bỏ thân xác, cái chết đối với nó không là gì khác ngoài bậc thang cuối cùng của sự nhập định.

Theo truyền thống cổ linh hồn chuyển đời cần phải thực hiện các bậc thang phép thuật của sự nhập định bằng các bến đỗ trong thế giới bên kia, điều này đồng nhất với nhau bởi vì các bậc thang phép thuật, các bến đỗ ở thế giới bên kia của linh hồn chuyển đời đều từ thiên nhiên vật chất dẫn đến sự sống siêu việt.

3.

Môn huyền học: là mọi ấn tượng huyền bí và toàn bộ sự nhập định đều nằm trong sự đồng nhất của thế giới bên kia và sự sống siêu việt. Đạt đến mức độ cao hơn của sự sống có nghĩa là đạt tới bến đỗ nhất định của thế giới bên kia. Người học trò đợi nhập định đi hết con đường, đúng như linh hồn con người lúc từ bỏ thế gian vật chất.

Sự dạy dỗ này đối với con người lịch sử vô cùng khó hiểu. Đời sống của nó khép kín đến mức, cái có nghĩa là ranh giới nằm giữa thiên nhiên và thế giới bên kia - *re stau* - ngưỡng giữa đời sống và sự sống, đối với nó là một chướng ngại vật không thể bước qua nổi.

Câu hỏi nổi lên ở đây là: có phải ranh giới trở thành chướng ngại vật không thể vượt qua, vì sự quên lãng mất các tổ chức nhập định, và đời sống bị khóa kín đến mức đó vì cái quá trình có thể mở đời sống ra đã bị người ta quên lãng; hay trước đây đời sống đã bị khóa kín đến mức không bao giờ có thể nghĩ đến chuyện mở nó ra được nữa, bởi vậy các tổ chức nhập định chấm dứt?

Trong mọi trường hợp ở thời lịch sử, sự nhập định, hay việc bước qua ngưỡng của sự tỉnh táo và nâng lên mức độ sự sống cao hơn hiếm khi xảy ra, chỉ ở các vị thánh hoặc ở các nhà huyền học, đôi khi có thể ở các nhà thơ hoặc nghệ sĩ - nhưng những người này phần lớn không hiểu cái gì xảy ra với họ, và: sự sống cùng thế giới bên kia chỉ là một, điều này họ không hề nhận biết.

Trong thời lịch sử, ấn tượng hưng khởi (*ekstazis*) và nhập định (*epopteia*) được coi là sự say mê, sự say sưa ngây ngất, nhân thị siêu nhiên được người ta cho là hiện tượng cực kì đặc biệt, hiếm hoi. Hưởng mở về phía những sức mạnh của sự sống và cái đi kèm theo: sự thiếp đi của cái Tôi cá nhân và ý thức đi kèm, thường bị nhân loại thời lịch sử coi là bệnh lí. Trong thời cổ, sức mạnh của sự sống hoàn toàn thẩm thấu vào con người trong một đời sống mở hơn, sáng sủa hơn, tỉnh táo hơn, một sự sống không thể so sánh nổi so với đời sống ngày hôm nay.

Trong sự sống mở, thế giới bên kia như một cái ngưỡng không hề bị tách ra khỏi đời sống. Đối với con người lịch sử, điều này thật đáng sợ. Đây là thời kì các huyền thoại kể rằng các thiên thần và con người vẫn còn sống cùng nhau. Đây là thời kì, mối quan hệ của những người đã sang thế giới bên kia chưa bị cắt hẳn.

Con người sống trong thiên nhiên vật chất luôn cho rằng đây là nơi mình sống, đây là cách mình sống, và thế là sự sống siêu việt chỉ còn là một phần hết sức bé nhỏ và chật hẹp. Cái chết đối với họ không là gì khác ngoài sự khủng hoảng và thất bại mà linh hồn bị đánh đồng với thể xác phải chịu đựng một cách vô lí. Họ không biết rằng, sự thất bại cần phải trải qua trong không-thời gian ở đây là điều mà sự sống siêu việt đòi hỏi. Bằng điều này, các bậc thang đi về phía sự sống làm dịu đi cơn khủng hoảng trong ý thức con người.

Sự nhập định từng: một mặt là sự thức tỉnh của con người trong một đời sống bị khóa kín, mặt khác là sự phá vỡ những giới hạn bị khóa. Hai điều này không chỉ song song, mà là một và như nhau. Sự thức tỉnh nâng con người lên sự sống cao hơn và cùng lúc mang lại sự sống mở. Nâng lên mức độ mà từ tinh thần của sự sống siêu việt con người nhìn đời sống trong thiên nhiên vật chất và đời sống trong thế giới bên kia chỉ khác nhau về cường độ: đời sống trong vật chất hẹp hơn, nhiều giới hạn hơn, non nớt hơn, bất lực hơn, u mê hơn, nhiều nhượng hơn, vô nghĩa hơn; còn đời sống ở thế giới bên kia tự do hơn, sáng sủa hơn, rộng hơn, có ý nghĩa hơn.

Sự giống nhau của nhập định và bước chuyển dời qua thế giới bên kia như sau: cả hai sự thay đổi đều là, linh hồn nhận thức được bản chất ảo ảnh của thế gian vật chất, đều thấy chỉ có một hiện thực duy nhất là chủ thể, cái Tôi huyền bí, là bản thân linh hồn. Ý nghĩa của cả hai ngưỡng đều là linh hồn người rơi vào giữa những điều kiện để thức tỉnh về giấc mộng ảo vọng của thế gian vật chất, tự nhiên, bên ngoài, đặc thù, và tỉnh thức ra bản chất phù phép của nó - mà sự bổ sung là bắt buộc phải nhìn ra hiện thực của cái Tôi tinh thần mang sự sống, là chủ thể, tuyệt đối.

Sự nhập định và cái chết đều làm tan ra sự phù phép và trải rộng hiện thực chân chính của sự sống: bản chất Thần - chủ thể. Dùng từ của *Schuler*: sự sống không là thế giới bên kia, mà là đời sống chân chính: là những người chết. Cần nghiêm chỉnh nhận ra sự phân biệt này. Sự nhập định và sự chuyển dời không có nghĩa là linh hồn người bước sang một môi trường và thiên nhiên hiện thực hơn; môi trường và thiên nhiên chính cái là cái ảo ảnh và cần tan ra.

Ở mức độ cao hơn của sự sống: thiên nhiên, sự vật, sự việc, vật chất, cái bên ngoài, tuyệt đối không là cái gì khác ngoài phép màu của linh hồn chủ thể. Con người trong sự nhập định, một cách có phương pháp, trong quá trình tinh thần hóa dần dần nhận ra nhân tố này.

Trong cái chết cần phải nhận ra nhân tố này một cách định mệnh. Và ở thế giới bên kia không phải môi trường và thiên nhiên giống như thế gian đã kinh nghiệm hóa này đón chờ con người; cái đón chờ con người là một nhận thức bắt buộc, rằng bất kì hiện thực bên ngoài nào cũng không có. Cái có, cái là hiện thực, và duy nhất, đấy là cái Tôi Thần. Đấy là chủ thể.

Bởi vậy *Schuler* nói, thế giới bên kia không phải là đời sống tinh thần (*kvintessencialis*) - *Schuler* gọi sự sống như thế, đời sống tinh thần là những người chết. Thế giới bên kia không phải là khách thể, mà là thế giới chủ thể, không phải là sự vật và sự việc, mà là thế giới của chủ thể và các chủ thể, và ngoài bản chất của những người chết ra, trong thế

giới bên kia không có gì hết. Toàn bộ thế giới bên kia không là gì khác ngoài sự chủ thể hóa của những người đã chết.

Nhưng không chỉ thế giới bên kia mới chủ thể hóa như thế, mà mức độ cao hơn của sự sống cũng như vậy. Linh hồn con người, khi trải qua những bậc thang nhập định, hay khi chuyển hóa, rơi vào một sự thay đổi căn bản: nó bắt gặp lại bản thân mình bị bứt ra khỏi thế gian bên ngoài và vật chất. Nó bắt buộc nhận ra, cái bên ngoài và thế gian vật chất luôn phi hiện thực, và chưa bao giờ cái thế gian này là gì ngoài sự phù phép của chính bản chất mình trong một sự sống bị thoái hóa.

Kẻ nào giải thích sự dạy dỗ của Tử thư Ai Cập, Hermes Trismegistos, Zohar, Veda Ấn Độ hay Tử thư Tây tạng, hay các cuốn sách cổ thiêng khác là: thiên nhiên bên ngoài mang tính vật chất, là sự bị phù phép của cái Tôi cá nhân, kẻ đó đã hiểu sai về truyền thống. Không có tất cả những điều này. Bởi vì cái Tôi cá nhân cũng không là gì khác ngoài ảo ảnh, thứ sẽ tan ra trên ngưỡng nhập định, hoặc trên các bậc thang của sự chuyển hóa.

Ảo ảnh, sự phù phép là ảo ảnh của *Atman*, *maja*, là ảo ảnh của linh hồn con người siêu việt, con người vĩnh cửu. Chính vì thế ảo ảnh, sự phù phép của cái Tôi cá nhân không thể làm tan ra. Sự tan đi phải bắt đầu chính tự nó - *ahamkara*, bằng sự hút vào tự thân, *ahamkara* không chỉ hút cái Tôi cá nhân, mà cả những cái Tôi vật chất. Đây chính là điều khó có thể làm được.

Sự thanh toán ảo ảnh phải bắt đầu bằng cái Tôi thần thánh, từ linh hồn vĩnh cửu. Thấu ngộ tuyệt đối phải do chủ thể tuyệt đối thao tác. Bản thân cái Tôi cá nhân cũng là một sáng tạo thiên nhiên. Một hóa công, như các cuốn sách thiêng từng nói. Chỉ là ảo ảnh của chủ thể vĩnh cửu. Cá nhân hóa, thiên hình vạn trạng, hình ảnh mộng, ảo ảnh. Và trên các bậc thang nhập định, đúng như trong các bước đầu tiên và đáng sợ nhất của sự chuyển hóa, cần tiêu hủy cái Tôi cá nhân này.

Bước đầu tiên của ngưỡng là cái Tôi cá nhân, cần lay động vị trí thống trị của *ahamkara*, và cần phải đến với *atman*, cái Tôi vĩnh cửu.

Đây là bước cơ bản. Thiếu bước này sự nhập định tuyệt vọng. Bởi vậy mọi thử nghiệm nhập định của châu Âu hiện đại đều thất vọng. Chỉ có thể bước vào sự sống sau khi đã diệt trừ cái cá nhân hóa: bởi sự sống là siêu việt. Và sau khi cái Tôi cá nhân, sự cá nhân hóa - ảo ảnh bị diệt trừ, linh hồn từ từ nhận hiện thực “cái Tôi Thần”, chủ thể.

Thế giới bên kia không phải là thế giới trong nghĩa như thiên nhiên vật chất, mà là sự hiện thực hóa các mức độ khác nhau của chủ thể tuyệt đối và phổ quát. Ở thế giới bên kia không có gì khác ngoài một cá nhân, tinh thần, chủ thể, linh hồn: trên những mức độ khác nhau của sự tỉnh táo, là thứ có nghĩa như sau: trên những mức độ khác nhau của hiện thực hóa sự sống tinh thần hoàn hảo: bắt đầu từ trạng thái u mê đến tận sự thức tỉnh rạng rỡ.

4.

Chỉ giữa những môi trường như vậy và sau những lai lịch như vậy mới hi vọng con người lịch sử hiểu ý nghĩa về các bậc thang phép thuật trong sự nhập định, và những diễn đạt cổ như: “*Sự cắt đứt với những mối quan hệ con người*”, “*Cởi bỏ thân xác*” - “*Sự thanh toán thế giới giác quan*”.

Các cách diễn đạt này nói về sự tước bỏ các tấm chắn bao quanh hạt thực thể người - cái Tôi bất tử. Những lớp chắn bên ngoài đó là: giác quan-thể xác, ngày nay người ta gọi là thực thể sinh học, hệ thần kinh, và sau cùng: thực thể tâm lí, hay ý thức, vô thức cá nhân gắn với linh hồn cá nhân, kí ức, thế giới cảm giác-tưởng tượng, bộ não, trí tưởng tượng. Ba cái này có tên gọi là cái Tôi kinh nghiệm. Đây là thứ mà vài ba trăm năm nay người ta cho rằng đây là con người, với niềm tin, con người không là gì khác ngoài một thể xác, hệ thần kinh, thực thể tâm lí.

Bậc thang lớn đầu tiên của sự nhập định có mục đích: làm lung lay cái Tôi kinh nghiệm này trong vị trí độc tôn của nó. Đây cần là mục đích đầu tiên, bởi vì chừng nào linh hồn còn nhăm lẩn bản thân nó với cái Tôi kinh nghiệm, chừng đó nó vẫn bị khóa lại giữa những vòng sự sống. Mục đích đầu tiên rất cần bởi vì bước đầu tiên này con người không thể tự mình tiến hành. Cái Tôi kinh nghiệm tắc nghẽn trong cổ, khi nghe nói đến cái Tôi bất tử - hướng mở ra về phía sự sống mở. Cần có một người thầy “từ trên” giúp nó giải quyết.

Sự nhập định thời cổ không thể hình dung nổi nếu thiếu người thầy. Kiến thức của người thầy không mang tính chất cá nhân, mà có thể nhận được từ các vị tiền bối, và các vị này lại từ các bậc đi trước nữa. Ở Ấn Độ người ta cho rằng Manus là người cứu các kiến thức nhập định từ các thời đại trước nạn hồng thủy; ở Ai Cập cũng là nhân vật này với tên gọi Hermes Trismegistos đã Hi Lạp hóa; ở Mexico là Kecalcoatl.

Truyền thống Judea cho rằng người nói đến sự nhập định đầu tiên là Seth, con trai của Adam và Eva. Truyền thống khác lại cho rằng tri thức này do các thiên thần dạy cho con người. Bản thân tri thức này ở tất cả các dân tộc cổ đều là bí ẩn của lớp tầng lữ cao nhất - đẳng cấp tinh thần, của Zarathustra, của Toth, Manus.

Còn tại sao cần có thầy bên cạnh người học trò trên các bậc thang khủng hoảng của sự nhập định, câu trả lời không khó lắm. Bên cạnh một quá trình, bất kì là quá trình gì để con người ngộ ra, đều cần đến một quá trình khác. Các cảm giác, sự tưởng tượng, ẩn tượng, tri giác, ý đồ, nếu được tiếp nhận hoặc đào thải một cách dễ dàng, thường không gây trở ngại cho con người, và đều không giúp con người nhận thức.

Nhận thức là giới hạn khi một sự bối rối mơ hồ tiến nhập vào con người: là nơi mọi bản năng dù chạy ra ngoài hoặc vào trong đều bị đổ vỡ một cách tinh vi, như ánh sáng trên mặt nước. Sự đổ vỡ, sự bối rối mơ hồ tiếp diễn trên con đường của các bản năng, sự muộn mẫn bé nhỏ không đo được và nhảy xóc lên này là quá trình “thứ hai”, rất cần thiết để một cái gì đấy trở thành ý thức hóa, để từ đó con người nhận thức ra

một cái gì đấy. Tâm lí học hiện đại gọi quá trình này là *appercepcio* (tự giác).

Nếu sự đổ vỡ vụn vặt này không xảy ra tiếp sau những ức chế nhỏ bé khó đo lường nổi, có lẽ con người sẽ tiếp nhận và đào thải các ấn tượng và các bản năng một cách trơ lì và toàn bộ đời sống sẽ diễn ra một cách vô thức. Ý thức đứng giữa những bản năng bên ngoài và bên trong, nhiệm vụ của nó là làm gãy các tia khúc xạ, và vì thế đánh thức các linh hồn thức tỉnh để nhận thức. Ý thức là bộ phận của *diskontinuitás* (sự gián đoạn).

Khi trong con người quá trình của gián đoạn này đứt, sự thức tỉnh trong giấc ngủ và sự suy sụp cũng tắt. Rất cần thiết phải duy trì sự tỉnh táo, hay duy trì quá trình thứ hai để nhận lấy và bảo tồn nhận thức sự vật, khi ý thức tắt.

Muộn hơn, khi bản thân kẻ nhập định biết tự tắt và tự duy trì ý thức, nó trải qua các mức độ khác nhau của niềm hưng khởi (*ekstazis*), bản thân nó có thể thu quá trình thứ hai từ mức độ ý thức của cái Tôi kinh nghiệm vào sự thức tỉnh của cái Tôi siêu việt, và như vậy không hề đánh mất bản thân trong trạng thái *samadhi* sâu nhất. Truyền thống Hindu gọi sự dập tắt hoàn toàn ý thức là *samadhi*.

Nhưng nếu con người chưa biết cách làm dừng quá trình liên tục của *diskontinuitás* (sự gián đoạn), nó vẫn bị đứt đoạn vì môi trường chẳng hạn, lúc đó sự nhập định dễ dàng biến thành một cái chết thật sự. Bởi vậy cần người thầy bên cạnh học trò, trong thời gian ý thức bị đứt đoạn, thầy sẽ bảo hộ học trò bằng sự tỉnh táo riêng của mình, thay thế ý thức của học trò bằng ý thức riêng của mình. Quá trình này diễn ra tất nhiên, phức tạp, kĩ càng, khó khăn, đòi hỏi trực giác tâm linh, tầm hiểu biết, sự cảm nhận, mà con người thời lịch sử gần như không thể hiểu nổi.

Nhiệm vụ người thầy dạy nhập định cần hoàn thành với học trò của mình là làm lay động vị trí tuyệt đối của cái Tôi kinh nghiệm, để giải thoát kẻ học trò khỏi đời sống khóa kín. Cần phải đánh thức dưới

cái Tôi kinh nghiệm một thực thể tồn tại ở đằng sau, bên trên và ở dưới sâu, một thực thể đại cương hơn, để học trò nhìn thấy bản chất thấp và trong vòng sinh tử của cái Tôi bên ngoài, để học trò tập trung toàn bộ sức lực, không bao giờ đồng hóa mình với cái Tôi giác quan nữa.

Sự nhập định xảy ra từ điểm dễ bị tấn công nhất thông qua ý thức. Người thầy thông qua ý thức đặt học trò dưới những tác động làm lung lay dao động kẻ học trò. Sự bấp bênh của ý thức bắt đầu run rẩy mờ nhạt trong nó. Sự tác động cực kì nguy hiểm và mạo hiểm. Cái mà người thầy muốn đạt tới: làm đứt đoạn sự liên tục của ý thức.

Muốn làm đứt đoạn bởi người thầy muốn học trò trải qua trạng thái nó không còn ý thức nữa. Đây là trạng thái con người trải qua khoảnh khắc của cái chết. Đây là giây phút đáng sợ và khủng khiếp, khi ý thức của con người tắt, cùng lúc đó cái gọi là thế giới bên ngoài cũng tắt, thiên nhiên vật chất cùng ý thức đơn giản là bốc hơi.

Nếu người thầy làm đứt đoạn sự liên tục của ý thức học trò, kẻ đợi nhập định hiểu rằng trong ý thức, nó nhìn thấy thế giới tự nhiên như hiện thực, và thấy cái Tôi tự nhiên như hiện thực, trong khi thực ra nó đang đi xuống một con tàu chắc chắn sắp chìm. Thân xác là con tàu này, với những thứ không thể cứu vãn nổi: da thịt, xương, máu, dây thần kinh, ý thức, trí não, các đam mê. Chừng nào người ta còn nói, chừng đó nó còn không tin. Không thể tin được. Nhưng khi nó trải qua trạng thái đứt đoạn của ý thức, nó cần phải tin. Và giờ đây nó bắt đầu biết tin.

Hành động làm đứt đoạn ý thức vô cùng khó khăn; truyền thống cổ, khi nhắc đến cái chết ở đây, tuyệt đối dùng không thừa từ ngữ to lớn này. Trong con người lúc đó chính xác sự đổ vỡ định mệnh tiếp diễn, cái xảy ra trong giây phút của cái chết. Và sự thăng hoa sau đổ vỡ, sự tái sinh, bằng từ ngữ của truyền thống: sự ra đời không từ người cha và người mẹ thiên nhiên mà theo trật tự của tinh thần vĩnh cửu, trạng thái bước ra thật sự khỏi thế gian. Cách diễn đạt này không hề là sự lạm dụng từ ngữ một cách quá đáng.

Việc trải qua ngưỡng lớn của sự nhập định đòi hỏi một tri thức mà con người lịch sử hoàn toàn không biết đến mảy may. Cần nhận thức lại về con người, linh hồn, tinh thần, thể gian, hiện thực, thứ nhận thức con người lịch sử đã đánh mất từ lâu, giờ đây người ta bắt đầu đi thu nhặt các mảnh vụn của nó. Và chừng nào con người còn chưa biết ít nhất đến nhân chủng học cổ trong những phác họa lớn, chừng đó cần phải im lặng khi nói về chi tiết và kỹ thuật của nhập định.

5.

Sự sống mở và mối quan hệ với cái chết cho phép bàn đôi chút đến các bậc thang phép thuật trên nền tảng của những cuốn tử thư còn sót lại từ thời cổ. Những hình thức lịch sử của các cuốn tử thư này là những cuộc du hành sang thế giới bên kia: những ẩn tượng của Dante, Ar dai Viraf, Odüsszeu. Ngoài cuốn Popol Vuh của Mexico, Tử thư Tây Tạng (*Bardo Tödol*) kỉ vật cổ quan trọng nhất là cuốn Tử thư Ai Cập (*Pert em heru* - có nghĩa là Bước ra ánh sáng).

Katabazis, hay thuật ngữ “cởi bỏ” dễ dẫn đến sự hiểu lầm. Thực ra không có sự cởi bỏ nào ở đây. Nhưng cũng có thể dùng từ “đi lên” (*anabasis*). Không chỉ vì, như Herakleitos nói: “*Con đường đi lên và đi xuống như nhau*”, mà bởi vì sau cái chết linh hồn bắt đầu từ đầu và hoàn toàn mới trong vòng của sự sống, nơi mà hướng đi lên hay xuống đều là tương đối.

Ngưỡng đầu tiên của linh hồn chuyển đời: *re-stau*, ranh giới giữa sáng và tối mà con người thông qua đó bước ra ban ngày. Sự thức tỉnh của linh hồn quyết định bản chất khủng hoảng của bước đi ra này. Linh hồn cần đồng nhất mình với Oziris, với mặt trời, kẻ sinh ra ở đằng đông hằng ngày và chết đi ở đằng tây hằng ngày, nhưng không bao giờ đánh mất sự tỉnh táo.

Oziris - tính chất Thần “*Cắm thù sự ngủ và khinh thường sự mê muội*”. Kẻ vĩnh viễn tỉnh táo. Hình ảnh tượng trưng của cái Tôi bất tử. Linh hồn bước qua re-stau biến thành Oziris, nếu tỉnh táo nó nhìn thấy cái gì đợi nó.

Cái gì đợi nó mới được chứ? Linh hồn từ phút này qua phút kia không cởi bỏ được trạng thái bị phù phép. Nó vẫn tiếp tục ảo vọng, và vẫn tin những hình ảnh nó hình dung là hiện thực. Những hình ảnh đó giờ đây là những con quái vật khủng khiếp tấn công nó. Rắn rết và cá sấu lượn lờ xung quanh, muốn ngoạm chân, tay, đầu nó.

Nhiệm vụ của cuốn Tử thư là chăm sóc thực thể bước vào thế giới bên kia. Cuốn Tử thư thay thế người thầy. Việc đầu tiên của mọi sự bắt đầu là làm cho linh hồn mở miệng. Tại sao? Cần trả lại Lời cho nó. Lời, truyền thống Hindu gọi là *mantra* (Chân ngôn), muộn hơn những người theo truyền thống Hermes gọi là logo.

Mantra không phải là thần chú như người thời lịch sử tưởng thế. Đây là một khả năng phép thuật: Nói ra. Nói. Liên quan. Chuyển. Cũng như thế: yêu. Nói luôn luôn là nói với người khác: mở ra và ôm lấy. Mở ra, ôm lấy, tình yêu thương và sự liên quan chính là nỗi bày tỏ: là mức độ; và điều này không là gì khác ngoài sự tỉnh táo. Vì Lời con người đến với sự tỉnh táo. Đây là ý nghĩa của *mantra*.

Những Lời thiêng, lời kinh mà cuốn Tử thư đưa vào miệng kẻ chuyển hóa, đánh thức linh hồn nó khỏi sự suy sụp. Lay động, để linh hồn đừng rơi vào quyền lực của cá sấu, rắn rết - những ảo ảnh riêng của nó. Lời đánh thức kí ức của linh hồn, ấn tượng của sự nhập định trong kí ức. Lời đánh thức trái tim nó. Cần bảo vệ trái tim, bởi vì tim là ý thức trời, là trung tâm của tình yêu thương. Khi quái vật định cướp linh hồn đi, cần đọc *mantra*: “*Trái tim này của Oziris. Mi đừng cho phép nó lấy mất trái tim của ta. Đừng cho phép nó làm tổn thương*”.

Quái vật rút lui khi nghe tên Oziris. Giờ đến quái vật tấn công Lời. Đây là nguy hiểm lớn nhất. Bởi vì linh hồn bằng khả năng của Lời đặt tên được sự vật và các thực thể, việc đặt tên là một hành động phép

thuật, thu quyền lực của chúng. Lời mở ra một quá trình khủng khiếp, thứ quan trọng nhất trong cả đời sống và sự sống: nếu con người tiếp xúc với sự vật hoặc thực thể bằng Lời, bộ mặt và ý nghĩa thật của nó bắt buộc phải lộ diện.

Bộ mặt và ý nghĩa thật phải lộ diện nghĩa là thế nào? Nghĩa là bản chất của ảo ảnh bị vạch trần. Chi tiết hiện tượng của tất cả truyền thống cổ đều có quan hệ với ẩn tượng trọng tâm siêu hình học duy nhất, từ đó nó quay trở lại và từ đó có thể hiểu được. Đây là ẩn tượng duy nhất: hiện thực của sự sống là linh hồn; cái tồn tại ngoài linh hồn chỉ là sự phù phép của bản chất linh hồn thoái hóa, là ảo ảnh.

Lời là công cụ để phơi bày nhân tố cổ này. Truyền thống Hindu cổ gọi là *mantra-vidja*, điểm xuất phát tinh tảo. Kiến thức của những từ ngữ này trong truyền thống Hermes gọi là Sự Bí Ẩn Của Các Bí Ẩn Lớn: *Müstérion Mega*.

Khi linh hồn con người, cho dù trong thiên nhiên vật chất, hay trong sự sống của thế giới bên kia đặt tên một cái gì hoặc một ai bằng Lời, bản chất ảo ảnh của cái đó lập tức biến mất. Đây là bí ẩn của *logo*, của *mantra*. “*Linh hồn của ta đã đến - khách bộ hành của thế giới bên kia trong Tử thư Ai Cập nói - trò chuyện với cha của nó và Ngài, Quyền Lực Vĩ Đại đã cứu nó khỏi tầm con cá sấu. Ta biết chúng theo những cái tên*”.

Ở một bậc thang khác linh hồn nói như sau: “*Mọi sự việc của thế gian đều sinh ra trong bàn tay ta; cả những thứ chưa bước ra thế gian, vẫn ở trong ta*”. Linh hồn nhận ra, nó tạo ra các sự việc. Không có sự sống nào độc lập với nó. Thế gian là sáng tạo của linh hồn: “*Mọi sự việc sinh ra trong lòng bàn tay ta*”. Và trong linh hồn còn vô số khả năng của các thế gian: vô số hình ảnh, tư tưởng chưa hiện thực hóa: “*thứ còn chưa bước ra thế gian*”. Linh hồn nhận ra điều này bằng sự giúp đỡ của Lời. Lời là thân xác chân chính của linh hồn. “*Áo quần của ta là động từ của mi, thần Ra của ta!*”

Giữa các chương của Tử thư Ai Cập có rất nhiều *mantra*, *logo* để chống lại sự tấn công của rắn, của cá sấu, bọ cạp. Con người lịch sử đứng ngơ ngẩn trước các câu chân ngôn, bởi vì họ không thể hình dung nổi, tại sao cần phải bảo vệ những người chết khỏi sự tấn công của bọ cạp? Tại sao cần đuổi rắn Rerek khủng khiếp đi? Tại sao cần đánh nhau với nữ thần Selk? Tại sao cần đánh nhau với Apel, kẻ thù của thần Ra? Bọ cạp, quái vật, rắn không là gì khác ngoài ảo ảnh tấn công sự tỉnh táo của linh hồn ngay cả ở thế giới bên kia. Sức mạnh của các *mantra* làm tan ra các ảo ảnh.

Bây giờ đến sự hóa thân (*metamorphosis*) của linh hồn. Biến thành hoa sen, thành chim Bennu, thành con én, con rắn. Thí nghiệm mới, hiểm nguy mới. Bậc thang mới. Cái miệng đã mở cứu nó.

Muộn hơn, linh hồn gặp con tàu. Nhiệm vụ là cần đặt tên tất cả các thành phần của tàu. Cột buồm lên tiếng, tay lái, cánh buồm, ghề dài, linh hồn cần nêu những cái tên. Linh hồn đi hết phạm vi của nghiệp: cần phải nhận biết tất cả và đặt tên tất cả. Nghĩa là gì? Ngắn gọn thế này: Ôi, tội nghiệp linh hồn nếu mi mắc lại ở bậc thang nào đấy. Nó sẽ lập tức hóa thành hoa sen, hay con rắn, hay bọ cạp, như buổi ban đầu của mọi thời gian biến thành thiên nhiên vật chất.

Quyền lực của *mantra* là nhìn thấy đặc tính nghiệp của bậc thang, nhận ra rằng chỉ là bậc thang, bến đỗ, mức độ. Ảo ảnh. Không được dừng lại! Không được mắc kẹt ở đâu cả! Lời mở toàn bộ các cánh cổng và làm tan ra toàn bộ sự phù phép. Lời là quyền lực lớn nhất của thế gian. Lời là sự sáng sửa. Lời là sự tỉnh táo.

Đích sau cùng linh hồn đạt tới mức độ *Nab-er tcher*. Mức độ này có nghĩa là: Đấng Của Tất Cả. Bởi vì con người đầu tiên - *Adam Kadmon* - là vua của tự nhiên. Lúc đó gọi là *Oziris*, khi *Seth*, bóng tối bên ngoài chặt con người đầu tiên này ra từng mảnh, nhưng *Izis* nhặt lại các mảnh tứ chi và lắp vào.

Đấng Của Tất Cả là người trong sự quên lãng dày đặc và tối tăm của vật chất bị chặt ra từng mảnh, hay nói cách khác trong vật chất

thiên hình vạn trạng đã đồng nhất, nhằm lẫn bản thân mình với các sự vật và các thực thể. Nói theo ngôn ngữ ngày nay: bị cá nhân hóa.

Nhưng Isis, là thiên nhiên đầu tiên, Hohma, Sophia, Sakti, nhật nhạn các mảnh tứ chi và Oziris sống lại. Giờ đây linh hồn chuyển dời vào thân xác mới, một dạng hình hoàn hảo hơn tất cả các dạng hình trước, mà người ta gọi là *Száhu*.

Đây là một thể xác-tinh thần bất tử, bước lên mức độ của tri thức và sự ngự trị. *Száhu* có quan hệ ẩn mật với Lời. Mọi Lời tinh tảo đều hoàn thiện hóa. Trong thiên nhiên vật chất, những lời kinh đọc ra trên trái đất đều nâng *Száhu* lên. Bởi vậy cần đọc kinh vì người chết.

Cùng lúc đó ánh sáng của linh hồn (khu) trong con người thấp sáng lên - bởi vì ở thế giới bên kia linh hồn nhìn trong ánh sáng tự thân. Thế giới bên kia là thế giới của tính chủ quan và chủ thể, nơi thông tin duy nhất là sự tinh tảo của linh hồn.

Giờ đây khi linh hồn ở trong *száhu*, trong thể xác huyền bí bất tử, và khu, ngọn nến thứ bảy, thấp sáng lần lượt từng bộ phận được thần hóa. Thần giữ gìn tất cả các bộ phận. Tóc của Nu, mắt của Hathor, tai của Ap'uaté. Các bộ phận dưới quyền lực của các *mantra* trở thành thần.

6.

Bước đầu tiên của các bậc thang phép thuật đáng sợ nhất: *re-stau*, bước qua biên giới cái chết, sự đứt đoạn từ cái Tôi kinh nghiệm. Nhưng một trong những bậc khó nhất lại là những bậc cuối cùng. Khó nhất bởi vì ở đây không có bất cứ loại thầy nào giúp đỡ. Con người tự mình, không sự giúp đỡ, chỉ dẫn, cần phải tự làm.

Để điều này dễ hiểu hơn, cần phải nhớ tới tư tưởng cơ bản siêu hình học cổ: hiện thực duy nhất chính là linh hồn, ngoài linh hồn ra, chỉ là ảo ảnh.

Ở thế giới bên kia trong phạm vi của nghiệp, linh hồn cần phải đi hết con đường như người học trò dưới sự chỉ dẫn của người thầy phải làm lúc nhập định. Chừng nào linh hồn chưa biết phát triển *Száhu*, và chừng nào *khu* chưa có chừng đó luôn có một hiểm nguy rình rập là các ảo ảnh lại bám lấy linh hồn, nó lại một lần nữa nhâm lẫn bản thân mình với các hình ảnh mộng riêng của nó, sự tỉnh táo của nó lại mờ đi và sự sống của nó lại thoái hóa.

Trong trường hợp ấy linh hồn ngày càng lang bạt trong số phận đau khổ hơn nữa, ngày càng chìm ngụp trôi dạt đến “thế gian bên kia”, về phía “các quan tòa” kết án trên đầu nó. Bản án cực đoan có thể dẫn linh hồn đến “sự tối tăm bên ngoài”, nghĩa là: dính mắc vào các hình ảnh tự mình phóng chiếu ra. Đây là *exteriorizáció* hay *extraverzió* (hướng nội); nếu trạng thái này không rút lại được, truyền thống và huyền học dựa trên nền tảng truyền thống gọi đó là cái chết thứ hai. Đây là khi linh hồn tan vào những hình ảnh riêng của mình, tan ra và bị phá hủy. Nó quên nguồn gốc của nó, mờ mịt tối tăm dần đi và sau cùng hoàn toàn ngủ.

Nhưng nếu linh hồn đạt đến *Száhu*, nó nói như sau: “*Ta là một kẻ của các Khu to lớn, những kẻ sống cùng các Khu Thần. Hình dạng ta giống như hình dạng của họ, khi từ bóng tối họ bước ra và rực sáng. Ta là thể xác-tinh thần. Ta là Száhu*”. “*Trong ta đã chuẩn bị xong Khu hoàn hảo, kẻ trong ngày Oziris cất lời và phục sinh một cuộc đời vĩnh cửu*”.

Linh hồn đến với hàng cột Sekhet-Aura. Đây là cổng nhà của Oziris. Những bậc thang và những cái ngưỡng dẫn đến ngôi nhà. Trên tất cả các ngưỡng có kẻ canh gác. Linh hồn cần gọi tên những kẻ canh gác này. “*Ta đã đi hết con đường của ta. Ta biết người và tên của người, và ta biết tên vị thần hộ mệnh cho người*”. Những cái ngưỡng

dẫn linh hồn đến ngôi nhà của Trái Tim Im Lặng (Arito). Sau cùng linh hồn đến căn phòng bí mật của Oziris.

Nhận thức mà linh hồn lang thang ở thế giới bên kia cần nhận ra như một bí ẩn thâm kín nhất của Trái Tim Im Lặng, cũng là cái mà kẻ nhập định cần làm, không chuẩn bị không thể nhận ra. Trên mọi bậc thang cần nói, cần đọc động từ thức tỉnh, một chân ngôn *mantra-vidja*, động từ sẽ làm thức tỉnh: cả bậc thang, lính canh lẫn ảo ảnh sẽ biến mất.

Giờ đây, ở nơi bí ẩn này sự hoàn thiện tiếp đón nó một cách đặc thù. Nó muốn mở, giờ đây nó mở. Nó muốn thức tỉnh, giờ đây nó thức tỉnh. Nó muốn phá vỡ những bức tường của đời sống khóa kín, giờ đây nó phá vỡ. Nó muốn vượt qua các ngưỡng, giờ đây trước mặt nó không còn ngưỡng nào nữa.

Đây là sự sống mở. *“Bầu trời mở, trái đất mở, phía đông mở, phía tây mở, bầu trời mở về phía nam, mở về phía bắc”*. Không còn vật cản nào nữa. Linh hồn nhận ra hiện thực. Nó nhận ra đây là hiện thực duy nhất. Vua của sự sống. *“Ta là vua lên ngôi của các Thần, kẻ không bao giờ chết, kẻ không biết đến sự hư hoại và kẻ trở thành bất tử”*.

Linh hồn, trong sự sống mở, khi nhận ra nó là vua của sự sống, sẽ nói như sau: *“Ta không đứng vào hàng ngũ Thần”*. Nó đã làm một việc lớn nhất và khó khăn nhất, giải thoát khỏi ảo ảnh uy cường nhất: khỏi hình ảnh các Thần. Nó nhận thức ra, ảo ảnh: vật chất, hiện thực giác quan, ảo ảnh: đội quân ma quỷ và quái vật, các ngưỡng - và giờ đây nó biết, hình ảnh của các Thần cũng là ảo ảnh nốt.

Trong sự tỉnh táo bất tử, qua cả không gian và thời gian, trong sự sáng sửa vĩnh cửu, trong im lặng, như một bí ẩn của Trái Tim Im Lặng nó thốt lên: *“Ta là Hôm Qua, ta là Hôm Nay, ta là Ngày Mai, ta đủ quyền lực để sinh ra lần thứ hai. Ta là linh hồn Thần bí ẩn, kẻ tạo ra các Thần”*.

Giờ đây nó biết rằng hiện thực duy nhất: là linh hồn. Linh hồn này chính là bản thân nó. Linh hồn này là thế gian, là sự sống, là sự sáng

sửa. Và linh hồn này là MỘT. Ngoài cái đó ra, tất cả chỉ là ảo ảnh và phi hiện thực. Ảo ảnh: thiên hình vạn trạng của các sự vật và các thực thể, ảo ảnh: sự đa dạng, sự nhiều nhường của các cái Tôi, đội quân của ma quỷ. Nhưng ảo ảnh: cũng là hình ảnh đội quân của các Thần. *“Ta là linh hồn Thần, kẻ tạo ra các thần”*.

Ta là kẻ đã phù phép sự sống của chúng vào thế gian. Nhưng sự phù phép này là sự mê muội. Linh hồn nhìn thấy chỉ trong trạng thái mê muội này mới tồn tại sự phù phép. Giờ đây nó đã tỉnh và đã mở ra.

Nhập định là một quá trình tôn giáo. Tất cả mọi bước cần thực hiện nhân danh thần và dưới sự bảo trợ của thần. Khi hoàn thành bước cuối cùng, kẻ nhập định nhận ra từ các thần, hiểu ra những sức mạnh, khả năng, những tia sáng rạng ngời nhất của tinh thần, những hình ảnh đẹp nhất của ảo ảnh lớn nhất của riêng nó.

Nó đạt tới trạng thái siêu tôn giáo, trong Sự Sống Một. Linh hồn trở về nhà của nó. Trong MỘT này không có đời sống riêng rẽ. Các thần là sự im lìm, sự tuyệt diệu, là cái đẹp, sự lớn lao, sức mạnh, ánh sáng, là các hình ảnh dẫn dắt trên đường, khi linh hồn bay lên, thanh lọc và Thần hóa.

Giờ đây trong MỘT nổi lên: đều là những phù phép của linh hồn to lớn, thiêng liêng và bất tử. Chỉ có một hiện thực: linh hồn. Không gian, thời gian, quá khứ, tương lai, hiện tại, cuộc sống, cái chết, luân hồi đều là giấc mơ và sự phù phép của linh hồn. Thần cũng không là gì khác, ngoài những cái đó.

“Ta là Hôm Qua, ta là Hôm, ta là Ngày Mai, ta đủ quyền lực để sinh ra lần thứ hai. Ta là hồn Thần bí ẩn, kẻ tạo ra các Thần”.

V. Thiên nhiên và cõi âm

1.

Truyền thống cổ dạy rằng con người ở mức độ nhập định cao có thể thu được những kiến thức tạo khả năng tiếp xúc với thế giới của những người chết. Ở Ấn Độ mức độ này gọi là *pradzsapati*, ở Iran gọi là *amsaspand*, ở Judea là *sefiroth*. Tên gọi này ở Ai Cập không còn, nhưng chắc chắn mức độ này từng có ở đây, giống như trong truyền thống Viễn Đông, và có liên quan đến số mười của dãy số. Pythagoras đã tiếp nhận tri thức về mức độ nhập định cao, và sự dạy dỗ về những điều này của Pythagoras là bí truyền huyền học.

Sự sống mở-theo truyền thống - cần thiết và phải gìn giữ: đây là ý nghĩa trong việc tiếp xúc với người đã mất ở thế giới bên kia. Thế giới bên kia là sự bổ sung những gì đã trải qua của đời sống trong thiên nhiên vật chất. Sự sống chỉ được gọi là sự sống mở nếu quan hệ giữa hai thế giới được duy trì.

Và nếu chỉ kẻ nhập định có khả năng giữ gìn mối quan hệ với thế giới bên kia trong một tri thức cao, thì sự tiếp xúc với thế giới này lại được đời thường bảo hộ trong vô vàn kiểu cách.

Ở La Mã dưới thời các vua chúa, các gánh xiếc, các cuộc đua ngựa, các bể tắm, *caena romana*, như Schuler viết, là các nghi thức mà ý nghĩa của chúng là sự bảo tồn cách thức mở ra của sự sống. Nhưng với các *lares* ở Judea, các *patriarka* (những kẻ cai trị) ở Iran, các *fravasi* ở Ấn Độ, các *pitri* ở Trung Quốc, các vị tiền bối ở Mexico và Peru, ý nghĩa của sự thành kính với người chết cũng y như vậy. Ý nghĩa

về nền văn hóa của người đã khuất ở mọi dân tộc cổ đều giống như nhau.

Ở Ai Cập có vẻ như đời sống tự nhiên hoàn toàn mờ nhạt bên cạnh đời sống của người chết: trọng tâm của sự sống không phải ở đây mà ở bên kia.

Quan hệ với thế giới bên kia cần phải giữ gìn để đời sống đừng bị khóa kín, để các sức mạnh từ đây và từ đó phản chiếu tự do, hay nói cách khác để người sống với người chết, để các vị tiền bối với các thế hệ sau, để cha và con đừng đứt đoạn với nhau.

Đế: người của thế giới bên kia có thể truyền tri thức và sức mạnh của họ vào những quy định của người sống? Không. Đây chỉ là tầm quan trọng thứ yếu.

Con người lịch sử chỉ mơ hồ cảm nhận về sự sống mở, họ khó tưởng tượng hướng mở của sự sống cần giữ gìn đối với thời cổ nghĩa là gì. Họ khó hình dung nổi bởi mức độ rõ ràng, tinh táo, tinh thần hóa cao của đời sống cổ họ không hề biết. Bí ẩn của đời sống cổ là: hướng mở của nó không gì có thể so sánh nổi. Và đời sống mở chỉ có nghĩa như sau: giữ gìn mối quan hệ với tinh thần của những người chết.

Về mức độ *pradzsapati* trước mắt chỉ có thể nói như sau: thời cổ sự hóa thân (*emanacio*) và đời sống nhân tạo (*kreatura*) được phân biệt cẩn thận và rõ ràng: đây là một thực thể chiếu rọi và một thực thể được tạo ra.

Thực thể đầu là sự chiếu rọi của Thượng Đế Vĩ Đại, công cụ giúp đỡ của sự tạo dựng. Truyền thống biết đến mười hóa thân; sự hóa vào thân xác của mười thiên thần chính. Hình ảnh tượng trưng của thiên thần chính là mười con số. Ngoài mười thực thể này ra mọi thực thể, sự việc, sự vật khác không còn là sự chiếu rọi nữa mà là sự tạo dựng. Không trực tiếp quan hệ với Thượng Đế Vĩ Đại nữa mà chỉ còn quan hệ gián tiếp. *Pradzsapati*, *amsaspad*, *sefiroth* là các mức độ của sự nhập định, khi linh hồn con người cởi bỏ bản chất tạo dựng, quay lại đứng trước sự trở về với Tinh Thần Tạo Hóa trực tiếp.

Có mười *pradzsapati*. Trong truyền thống Iran và Do Thái, muộn hơn là trong các văn bản *gnostic* có thể tìm thấy những cái tên khác nhau của mười con số.

Kẻ nào bước vào vòng của sự sống, biết thể hiện toàn bộ bản chất của mình để các quy định tinh thần chỉ đạo và tạo ra thế gian, kẻ tách mình ra khỏi cái Tôi riêng biệt, từ bỏ mọi đam mê, không bao giờ còn ước vọng, mong muốn, mục đích cá nhân nữa, kẻ đó không bao giờ còn được coi là một linh hồn đã được tạo dựng. Ngược lại, kẻ đó biến thành tia chiếu rọi, thành công cụ trực tiếp: đây là các mức độ *pradzsapati*, *amsaspand*, *sefiroth*.

Mỗi quan hệ với người chết do *pradzsapati* giữ gìn và chỉ nó được phép có mối quan hệ này. Chỉ linh hồn đã thánh hóa và đã tự thức tỉnh mới được phép sử dụng vị trí này của đời sống. Đây là *mahamudra*, còn gọi là Ghế Thượng Đẳng, là Hành Vi Vĩ Đại, là vị trí cai trị thế gian.

Bởi vì *pradzsapati* sở hữu một kiến thức mà từ thế giới người chết có thể dâng lên những sức mạnh nó muốn. *Pradzsapati* vì vậy sát cánh cùng vua chúa với các lời khuyên, trong cộng đồng điều khiển sự giáo dục, sự phê phán, điều hành tôn giáo và điều hành nhà nước.

Pradzsapati giữ gìn mối quan hệ hợp luật với thế giới người chết. Nhưng một số kẻ khác cũng có thể học kiến thức này và có thể tiếp xúc với thế giới bên kia, dù bất hợp pháp. Đây là các phù thủy, các đạo sĩ “đen” (Hắc đạo sĩ), những kẻ một cách đen tối, không hề thức tỉnh, chỉ sở hữu hóa quá trình kĩ thuật, và thường xuyên sử dụng các sức mạnh của thế giới bên kia cho mục đích riêng của họ.

Cần hiểu trước hết về *pradzsapati* : cần phân biệt sự tinh tảo dương tính (*solaris*) và âm tính (*lunaris*).

Sự tinh tảo âm tính là sự nhạy cảm mạnh mẽ trong thế giới mê tín: trong một vòng mà cả thực thể, sức mạnh, vật thể, sự liên hệ, bản năng đều không có tỉ lệ, mức độ, hình dạng xác định. Sự nhạy cảm âm tính có thể nhìn thấy và nhận thức sự vật ngoài vòng ý nghĩa, để hiểu bằng

ẩn tượng, bằng điềm báo. Sự chắc chắn của kinh nghiệm trong sự mơ hồ lấp lửng mang tính chất âm tính giống như sự rờ rẫm của người mù.

Còn sự tỉnh táo dương tính là sự tỉnh táo trực giác trí tuệ, là thứ mở, có mối quan hệ, nhìn thấu, dẫn dắt, nắm lấy, tạo liên hệ, chiếu sáng thông qua và nhìn đến tận đáy sự vật. Nó sắc sảo, nhanh như tên bay, lóe lên, tuyệt đối, sáng và rực rỡ.

Giữa âm tính và dương tính, sự tỉnh táo-Mặt Trăng và sự tỉnh táo-Mặt Trời có một khác biệt quan trọng nhất: chỉ dương tính có LOGO, còn âm tính thì không.

Bởi vậy sự tỉnh táo dương tính có logic còn âm tính thì không. Dương tính thấu suốt rõ ràng, biết lí do của mọi bước tiếp diễn, có lí tính, phù hợp, tuyệt đối thấu suốt và có trí tuệ. Điều này đi kèm với một nội dung tinh thần có thể diễn đạt, đặt tên, tuyên bố một cách dễ dàng. Đây là cái có logic. Còn những hình ảnh, các mối liên hệ của sự tỉnh táo âm tính mờ mịt, bí ẩn, mê tín, khó hiểu, rất khó khăn để truyền tải và không bao giờ có mối liên hệ với tri thức.

Mức độ *pradzsapati* là trạng thái hiện thực hóa sự đồng nhất của tỉnh táo dương tính và âm tính. Với các khả năng bí ẩn, mức độ này khám phá, thông báo, cảm nhận, quờ quạng, nhận biết và đánh hơi; với tri thức, mức độ này khơi đào, thấy và thống trị.

Cảm nhận và logic cùng một lúc diễn ra: tiếp cận các giá trị từ vòng tròn vô hình của sự sống bằng sự nhẹ nhõm của giấc mơ thu thập ở đây - trong sự phân vân - cảm giác như ánh trăng mơ hồ nhưng cần thiết; nhưng không gì thống trị được nó, quyến rũ được nó, làm lu mờ, thôi miên được nó, bởi mức độ *pradzsapati* thu các kinh nghiệm vào vòng trí huệ rực rỡ và trưng ra bằng tri thức sáng rạng.

Chỉ mức độ này của sự nhập định đủ khả năng duy trì mối quan hệ với thế giới của những người chết một cách vô tội: bản năng mê tín và nhận thức sáng tỏ cùng lúc với nhau, là sự hợp nhất những nguyên tử của thế giới Mặt Trăng và Mặt Trời.

Bởi vậy ở Ai Cập người ta gọi giáo chủ là con của Mặt Trời và Mặt Trăng. Hình ảnh tượng trưng của Mặt Trời là con mắt phải, của Mặt Trăng là con mắt trái: con trai của Mặt Trời và Mặt Trăng ở giữa hai mắt, trên mũi, dưới trán linh hồn bất tử ẩn náu.

Ở Ai Cập giữa trán các linh mục đã đạt tới mức nhập định cao đều đeo một con rắn bằng vàng: hình ảnh tượng trưng của sự tỉnh táo.

Đây là *pradzsapati*.

2.

Trong thời cổ tất cả các dân tộc thấy vương quốc của thế giới bên kia một cách gần như giống nhau. Các truyền thống đều chọn lựa hai vòng tròn mà kinh Veda gọi là con đường của các vị thần và con đường của các vị tiền bối.

Con đường của các thần là sự thâm nhập thẳng tắp của linh hồn đã nhập định, đã thức tỉnh vào sự sống vĩnh cửu bất tử, nơi nó hợp nhất với *Brahman*, hay đúng hơn, biến thành *Átman*. Linh hồn này đã thức tỉnh, một lần và mãi mãi ra khỏi vòng quay, bởi đã trở về nhà, về sự sống bất tử trên cùng. Đây là *Dévajana*.

Còn linh hồn đi trên con đường của các vị tiền bối, vẫn tiếp tục duy trì mối quan hệ với thiên nhiên vật chất. Đây là *pitrijana*. Con đường của các vị tiền bối. Vị trí của họ ở thế giới bên kia là Mặt Trăng, trong truyền thống Do Thái là *Seol*, ở Mexico là *Tlalokan*, ở Ai Cập là *Amduat*, trong truyền thống Hi Lạp cổ là *Hades*. Những kẻ đã chuyển dời sống ở đây, trong sự tỉnh táo âm tính, trong sự sống thoái hóa, trong trạng thái run rẩy, như “các mùi hương” - nói theo cách của Herakleitos.

Sau khi ý thức ngủ yên, linh hồn còn ở trong thân xác một thời gian, đợi thân khí nhẹ nhõm đủ điều kiện ra đi sang thế giới bên kia, chỉ lúc đó linh hồn rời bỏ thân xác. Theo truyền thống Heber và Ai Cập thời gian này là ba hoặc ba ngày rưỡi. Hình ảnh tượng trưng của linh hồn thời gian này là cái đầu hai khuôn mặt.

Khi thân-khí phát triển, linh hồn chuyển dời đến *re-staun*, bước qua ranh giới giữa sáng và tối, và ra khỏi ban ngày. Linh hồn đi đến *devajana* nhẹ nhõm, bay lên thẳng. Trong đời sống trần thế, khi nhập định, người ta làm thức tỉnh sự tỉnh táo của nó. Nó làm được điều lớn nhất mà linh hồn có thể làm được: tỉnh táo bước qua ngưỡng của cái chết.

“Không quên mất tên của mình” - như người Ai Cập thường nói. Bởi trong bóng tối, kẻ sống ở đó không có tên. Theo *Tử thư Ai Cập*: “Không rời khỏi đây như một kẻ đã chết, mà như một kẻ đang sống”. Ở Tây tạng bởi thể *Latma* ngồi cạnh kẻ hấp hối và đọc *Tử thư Tây Tạng* cho họ nghe để duy trì sự tỉnh táo trong họ, để “rời bỏ như một kẻ đang sống”, để đừng rơi xuống sự suy sụp, và trở thành con mồi của bóng tối.

Còn linh hồn đến với *pitrijana*, với kẻ sống một đời sống trần thế mê muội, sự nhập định bị cá nhân hóa một cách không hoàn chỉnh, bị các đam mê quyến rũ, nhầm lẫn mình một cách đui mù với cái Tôi kinh nghiệm, ở ngưỡng của cái chết, nó suy sụp: “quên mất tên của mình”.

Nó rơi vào bóng tối. Cư dân sống trong bóng tối không có tên. Ở ngưỡng, các quái vật tấn công họ. Sách tử thư của Mexico nói trước hết là rắn rết và cá sấu tấn công. Bão tố ập đến. Nóng bức ngột thở tiếp đón. Linh hồn khủng khiếp chạy trốn, nhưng nó nhận ra rằng chân nó đang quay về. Ở Ai Cập ma quỷ tấn công và đớp tứ chi của kẻ chuyển dời.

Còn kẻ trong đời sống trần thế từng tốt bụng, cao cả, tham dự, vô tư, quái vật không hành hạ: nó rơi vào vương quốc của hạnh phúc. Quan tòa của thế giới bên kia cân trái tim của nó, như người Ai Cập

thường nói, sau đó nó tới Thiên đường Phía Tây Vĩ đại. Đây là *Sekhetetepet*. Theo người Hi Lạp đây là khu vườn của *Hesperis*, theo người Tây Tạng đây là *csenrezi*. Vương quốc này tất cả mọi truyền thống đều cho rằng ở phía tây.

Linh hồn thường thức hoa trái của các hành động tốt của mình. Nhưng niềm hạnh phúc thiên đường không vô hạn và vô tận. Linh hồn này chưa giải phóng khỏi ảo ảnh. Nó vẫn cần một lần nữa quay trở lại vòng quay của đời sống. Khi vốn của các hành động tốt đã hết, nó cần phải tham dự vào vòng quay của thế gian.

Hành động tốt, sự cao cả, sự chia sẻ, sự bố thí, đời sống tôn giáo không giải phóng nó; duy nhất chỉ: sự tỉnh táo; Nhận thức rằng, hạt nhân của linh hồn người là linh hồn vĩnh cửu và bất tử - nó cởi bỏ ảo ảnh, vĩnh viễn phục hồi từ mọi nhầm lẫn. Bất kì trạng thái thiên đường nào cũng không phải là cái cuối cùng. Linh hồn không hề được giải phóng, ảo ảnh từ mọi nhiều nhưng, cái là đời sống, một lần nữa hút nó quay lại.

Còn những kẻ vô trách nhiệm, ích kỉ, độc ác, đam mê, ác ý, những kẻ tội ác chất chồng tội ác, rơi xuống địa ngục. Địa ngục là mức độ thấp nhất của thế giới trên thế giới tự nhiên; là thứ đứng gần thế giới vật chất nhất và trực tiếp có quan hệ.

Những linh hồn đầy rẫy các liên quan vật chất sống ở đây. Trong chúng vẫn đầy dục vọng, đam mê, luôn chực xông vào thế giới tự nhiên, nếu có thể, chúng đột nhập và đi đây đó, chỗ nào chúng có thể ăn uống thoải mái, cất giấu tài sản, nơi nhà là chỗ chúng thực hành những hành động đê tiện.

Phần lớn những thực thể thế giới bên kia như vậy, trong vòng quay thấp nhất, các linh hồn sống trong *Hades*. Con người lịch sử sống với niềm tin, đây là những linh hồn có tên: các tiên bối truyền thống. Làm gì có chuyện đó!

Con người trong thời gian lịch sử Tuôn mắc sai lầm sau đây khi muốn cố gắng tìm hiểu truyền thống: trong mọi trường hợp họ đều

dùng cái Tôi cá nhân làm nền tảng. Trong khi đó nền tảng của tư duy cổ là cái Tôi phổ quát. Không phải *dzsiva*, mà là *átma*, không phải cá nhân con người kinh nghiệm, mà là con người vĩnh cửu, *homo aeternus*. Khi truyền thống nói đến các vị tiền bối, không nói về từng vị tiền bối của con người cá nhân, mà muốn nói đến những người cha và những người mẹ của con người phổ quát.

Những mẫu vụn của tri thức *pradzsapati* nằm trong tác phẩm *Agroucsada Parikcsai* của Do Thái. Theo tri thức này: *Pitrik* là những linh hồn của các bậc tiền bối, những người sống ngoài vòng tự nhiên vật chất, có mối quan hệ vô hình nhưng thường xuyên với con người và họ điều khiển những sức mạnh của thế giới bên kia hướng về phía trái đất.

“Trong buổi ban đầu của thời gian các pitrik nổi dậy chống lại Tạo Hóa, đánh mất tính hoàn hảo của sự sống. Một phần của các linh hồn đó đến nay thông qua đời sống trần thế quay lại với sự sống; một phần khác sống đời sống trần thế, nhưng không được giải thoát; những phần linh hồn này chờ đợi một đời sống mới nếu năm của thế giới kết thúc, và một thế giới mới xuất hiện.

Nhưng một phần khác của các linh hồn chưa được sinh ra, bởi không rơi vào vật chất. Hoặc giữa bọn họ một vài người có thể xuất hiện trong hình dạng con người trần thế, như một vị vua lớn, một thủ một nhà tiên tri hoặc một nhà thông thái. Nhưng phần lớn các linh hồn này chưa mang trong mình số phận trần thế. Những linh hồn này là những người giữ gìn đời sống của nhân loại, là những người cha của nhân loại”.

Truyền thống cổ đặt tên các linh hồn này là *pitrik*, đây là những người đánh thức các tư tưởng cao cả trong con người, những người điều khiển số phận của các dân tộc, những người bản năng hóa nguồn cảm hứng tiên tri.

Tri thức *pradzsapati* cùng với sự thống nhất của thức tỉnh âm tính và dương tính các *pitrik* biết phân biệt sự khác nhau giữa nguồn cảm

hứng của CHA và bản năng thực thể tâm thường của thế giới bên kia. Đây là điều mà các phù thủy và các đạo sĩ “đen” không làm được. Chính vì phù thủy chỉ là sự thức tỉnh âm tính nên phù thủy không phải là kẻ biết phân biệt.

Các bậc tiền bối không phải là tiền bối của cái Tôi cá nhân con người, mà là những người cha và những người bảo hộ của nhân loại, là những linh hồn cao và trong sạch cùng tri thức sâu sắc không gì đo nổi.

Pradzsapati tạo dựng quan hệ với tinh thần của CHA, bảo vệ và duy trì sự tiếp xúc này. Chính vì vậy nhân loại đứng dưới sự bảo trợ của các bậc tiền bối tốt đẹp. Bởi vì nếu con người bị đứt đoạn với tinh thần của các vị tiền bối, sẽ rơi vào sự thống trị của các sức mạnh ma quỷ tồn tại trong vật chất. Đây là phần bắt đầu của thời kì lịch sử.

3.

Quá trình tạo dựng quan hệ với thế giới bên kia ở một vài dân tộc nguyên thủy vẫn được gìn giữ. Dân tộc nguyên thủy - một tinh thần cao bị lạc hậu trở lại, một mảnh vỡ, như dân da đỏ hoặc da đen, Malaj hoặc Papua - vẫn duy trì nghi lễ mở sự sống trong một hình thức méo mó.

Phần lớn các nghi lễ này đầy rẫy các yếu tố phù thủy, gần với pháp thuật đen hơn là các tiết điệu *pradzsapati*. Chỉ cần nêu lên hai nghi lễ pháp thuật như vậy là đủ: một do bộ lạc Bắc Mĩ, một do dân du mục phía đông Tây Tạng gìn giữ.

Ở bộ lạc da đỏ chân đen Bắc Mĩ nếu cần một quyết định quan trọng cho cả bộ lạc, lúc đó thầy phù thủy sẽ đi hỏi các linh hồn. Nghi lễ này tổ chức công khai, cả làng tham dự. Giữa lều những cái cọc vót nhọn cao quá đầu người rào quanh một vị trí nhỏ vài ba mét.

Thầy phù thủy bước vào khi toàn bộ bộ lạc đã có mặt. Thầy phù thủy bị trói chặt đến mức không thể động đậy bằng những cái thắt lưng, rồi bị khâu vào một mảnh da thú, đặt nằm xuống đất ngoài chỗ đóng cọc. Lúc đó người ta cất tiếng hát, đệm theo là tiếng còi và chuông. Thầy phù thủy bị khâu và bị buộc bắt đầu gọi hồn, lớn giọng và ngày càng gấp gáp. Tiếng hát và nhạc ngày càng mạnh hơn.

Bỗng thầy phù thủy nhảy dựng lên. Không ai hiểu bằng cách nào. Lúc đầu thầy phù thủy nhảy những bước ngắn bên ngoài khu vực đóng cọc, các bước nhảy ngày càng rộng hơn. Thật vô lí nhưng đúng như thế. Giữa chừng thầy phù thủy tiếp tục gọi hồn bằng thứ ngôn ngữ khó hiểu đối với bộ lạc. Những người già nói đây là ngôn ngữ cổ, một vài từ họ hiểu vì nhớ đến ngôn ngữ của cha mẹ họ.

Điệu nhảy ngày càng man dại, sau cùng thầy phù thủy bằng duy nhất một cú nhảy nhảy qua hàng cột cao hơn đầu người và rơi vào khu vực đóng cọc. Thật không thể tưởng tượng nổi! Lúc đó những âm thanh hỗn độn loạn óc vang lên từ trên trần lều. Gió gào thét, những cây chống cương lên, lều căng phồng như muốn đứt. Âm thanh này cũng gào rú bằng ngôn ngữ như của thầy phù thủy. Hỏi nhau, trả lời, thầy phù thủy hỏi, hồn trả lời. Bỗng một tiếng hét thấu tận xương cất lên. Một sức mạnh kinh hoàng nâng thầy phù thủy lên tận nóc lều. Rồi bỗng nhiên câm lặng.

Thầy phù thủy bám treo trên nóc lều, trần như nhộng. Sau nghi lễ những người già của bộ lạc họp nhau lại lắng nghe lời nhắn nhủ của các bậc tiền bối.

Một nghi lễ khác từ miền đông Tây Tạng. Môi trường bên ngoài ở đây: một dàn nhạc lớn với những cái còi, kèn, trống, dàn đồng ca gồm những phụ tá cho thầy phù thủy. Thầy ngồi trên ghế giữa đám đông dân chúng. Một vài phụ tá nhảy những bước nhảy có nhịp điệu xung quanh.

Ngagsz - đạo sĩ bắt đầu run bần bật, nói thật nhanh bằng một ngôn ngữ lạ, thì thào, thở dài. Những người xem tưởng như thấy các sức mạnh siêu giác muốn xé quần áo và ngửi tứ chi của đạo sĩ. Những âm

thanh lạ tràn ngập. Nhiều lần *delog* xuất hiện, đây là thân-khí quay trở lại trái đất và kể lể số phận của nó.

Cho dù thầy phù thủy không muốn liên hệ với nó, nhưng không đuổi nó đi được. Bởi vì lúc đó các hồn khác sẽ giận, sẽ làm khó dễ và một số hồn sẽ bỏ đi. Sau cùng xuất hiện một hồn có thể trả lời các câu hỏi. *Ngagsz* - đạo sĩ đọc chân kinh, đọc thần chú và hồn cần phải trả lời.

Hình thức bên ngoài kì lạ của các nghi lễ này thường gây hiểu lầm. Con người thích đặt giả thuyết rằng toàn bộ chỉ là một trò ảo thuật. Thật ra các hình dạng kì quái này ở Ấn Độ, Ai Cập, Trung Quốc, Tây Tạng đều có tri thức về nó, đây là nền tảng của kĩ thuật tiếp xúc với những người chết.

Một vài văn bản cổ, chủ yếu như *Pho-va* của Tây Tạng còn kể rõ những lúc đó cái gì xảy ra. Kẻ nhập định dưới sự điều khiển của người thầy, người biết rất rõ từng phần nghi lễ, triệu tập hồn người chết, nhận lấy tri thức của họ và bằng một cách thế nào đấy để hiểu. Đi hết các bước nhập định thiếu người thầy rất nguy hiểm. Không thể thực hiện nghi lễ *pho-va* thiếu người thầy.

Linh hồn con người cần đi hết con đường từng bước một mà người chết đã đi: cần bước qua *re-staun*, kéo các quái vật về phía mình, cần đọc các chân ngôn đúng lúc, nếu không như người ta nói: các hồn khác sẽ chiếm mất thân xác và bị mắc kẹt trong thế giới của người chết.

Nghi lễ ở đây còn nguy hiểm hơn, bởi một phần của các hồn-khí người *Pho-va*. Các hồn-khí tụ tập và tranh giành nhau xem kẻ nào chiếm được thân xác sống. Có một dạng ma ở Tây Tạng người ta gọi là những kẻ cướp hơi thở, chúng chuyên đi cướp hơi thở (*prana*, hay còn gọi là hồn-hơi thở).

Những sinh linh khí sống ở *Hades* cũng mang nỗi đói sống vô giới hạn và với tất cả những gì liên quan đến sự sống, chúng tranh giành không biết hổ thẹn. Nhưng không có gì làm chúng thêm khát hơn là máu: nơi nào có máu chảy ở đó hàng triệu sinh linh khí tụ tập. Bởi vậy

các dân tộc nguyên thủy thời cổ, hoặc dân Aztek thường duy trì lễ hiến người hoặc lễ vật sống để làm dịu lũ ma và mong muốn chúng giúp đỡ.

Về những nghi lễ nhằm lẫn như vậy, Baader cho rằng những nạn nhân đẫm máu phần lớn do các tổ chức bộ lạc gây ra, là liên minh của các cộng đồng dân tộc thiểu số với quyền lực của sự tăm tối này. Nạn nhân thật sự là sự lạm dụng bằng nghi lễ này.

Ở Mexico sự đúng đắn của kết luận này có thể nhận ra ngay. Các dân tộc thiểu số ít ỏi muốn thống trị, câu kết liên minh với Thần chết Chính trị: bởi các cảm hứng bản năng quyền lực trong mọi trường hợp chính là thần chết.

Còn các Thần tinh thần lớn như CHA, như các vị tiền bối không hề biết đến tính dân tộc cũng như các tính chất thiên vị khác. Bản năng của Thần chết Chính trị bao giờ cũng dẫn đến đổ máu: đến các cuộc cách mạng, chiến tranh, xung đột, giết chóc. Còn bản năng của Cha là phục vụ cho hòa bình và quyền lợi của nhân loại phổ quát.

4.

Tạo quan hệ với thế giới bên kia là một quá trình có thể học được. Quá trình này những kẻ đã nhập định thời cổ đều biết, Pythagoras cũng biết và rất có thể đã từng dạy nữa. Có thể tóm tắt tri thức về việc thực hành quá trình này như sau:

Bước chuyển qua thế giới của những người chết xảy ra bằng sự chuyển giao kiến thức. Các bước của chuyển giao kiến thức đồng nhất với các bước của sự chuyển hóa. Kẻ nhập định cần phải tỉnh táo, hay nói khác đi: bước thứ hai, sự sáng sửa cần phải được duy trì.

Truyền thống cổ nổi kết quá trình phức tạp này, như lời tuyên bố của tất cả sức lực-khả năng-tài năng với nguyên tắc mang giới tính nữ.

Người đàn bà, Sakti, kẻ sinh trưởng và được sinh trưởng, hay nói cách khác là nữ thần của thế gian được tạo dựng. Là nguyên tố của các sức mạnh được tạo dựng. Như vậy kẻ nhập định cần thu thập những *sakti*, sức mạnh, khả năng, sẽ giúp cho nhiệm vụ của nó.

Mức độ *pradzsapati* quay về phía các nữ thần cao nhất: về với các dạng hình *Sakti* vĩ đại và tỏa sáng, về với Sự Thông Thái, Sophia. Thầy phù thủy và đạo sĩ không được kén chọn. Họ cần thỏa mãn với bất kì sự giúp đỡ của sức mạnh nào. Dạng hình của những sức mạnh phép thuật ở Tây Tạng gọi là *dákini*, ở Mexico gọi là *cinapipiltin*, ở Peru gọi là *huitaka*.

Niềm tin dân gian gọi những hóa thân này là các phù thủy. Đây là các nguyên tố siêu việt, ở Trung Quốc các *Po* giúp các thầy phù thủy gập gở các linh hồn của thế giới bên kia, và bằng sự giúp đỡ này thực hiện các khả năng, các hành động của con người. Ở Hi Lạp cổ nữ thần của các phép màu là nữ thần *Hekaté*. Những người đàn bà hầu hạ nữ thần và trong câu chuyện *Argonauta* ai cũng biết về phép thuật của Médeia, của nữ giáo chủ *Hekaté*. *Hekaté* là hoàng hậu của thế giới âm tính, trong không gian của thế giới bên kia *Hades* mang một quyền lực lớn.

Công việc đầu tiên của thầy phù thủy là thuyết phục và chinh phục những *dákini*, hay *cinapipiltin*, hay *huitaka* như thế, để linh hồn-po có được sự tỉnh táo âm tính. Trong tiểu sử của Naropa, một *ngagsz-pa* (đạo sĩ) Tây Tạng nổi tiếng có viết tỉ mỉ từng phần sự vất vả này của thầy phù thủy, với các nghi lễ, các lời kinh, các chân ngôn để sau cùng có được sự tham dự của *dákini*.

Rốt cuộc Naropa thu thập được một *dákini mahámudra* đã bị giết, hay khả năng phù thủy của *dákini* này. Khi kẻ nhập định đạt đến mức độ này sẽ trở thành *sziddhi*. Dấu hiệu nhận biết của *sziddhi* là vào vòng của *Hekaté*, mẹ Mặt Trăng. Có sự tỉnh táo âm tính. Lúc này nó đã bước qua cõi người, nhưng chưa đạt đến không gian của các thần. Đã có khả năng siêu việt, nhưng chưa biết thần thánh hóa những khả năng này cho nhân loại phổ quát.

Trong ba cấp độ: con người (*manava*) đạo sĩ (*sziddhi*) và thần (*divja*) kẻ nhập định mới đạt đến mức độ thứ hai. Thầy phù thủy mà truyền thống *sufi* gọi là *araff* - nếu đi vào con đường tăm tối, nếu muốn trở thành hắc đạo sĩ và không muốn cái gì khác ngoài việc chỉ muốn thực hành quyền lực siêu nhiên, sẽ dừng lại ở cấp độ *sziddhi* này. Và thỏa mãn với việc giải phóng hay đình chỉ các sức mạnh mê tín tùy theo ý định của mình.

Sziddhi không thể tạo dựng mối quan hệ với CHA. CHA không truyền vào các hành động thấp và đen tối. Các linh hồn biết nhận liên hệ *sziddhi* và sử dụng nó, trong *Hades*, là ma quỷ-khí sống, trong thế giới âm tính bên kia, là *neküdaïmonesz*, như người Hi Lạp thường gọi, là linh hồn-*po*, như người Trung Quốc gọi.

Việc sử dụng các sức mạnh siêu nhiên ở *pradzsapati* mang tính chất phép thuật thần diệu (*theurgical*); còn ở thầy phù thủy chỉ mang tính chất ma thuật. Sự khác biệt này cần nhắc lại và nhấn mạnh.

Theurgical là sự thu thập các khả năng siêu nhiên, để dự phần vào sự sáng sủa và cao cả của thần trong linh hồn người, và phản chiếu sự sáng sủa cùng cao cả này xuống nhân loại phổ quát.

Ma thuật chỉ phục vụ quyền lợi của cái Tôi con người, tìm sự bảo trợ, phòng ngừa, đảm bảo các mong ước, tấn công. Kết quả của phép thuật thần diệu (*theurgical*) là *pradzsapati* tự thu lấy và thành bản chất bằng tinh thần của sự sáng sủa, bằng ánh sáng siêu việt.

“Tinh thần của CHA - Manu nói - nếu kẻ nhập định trích dẫn một lần, sẽ đi theo kẻ đó một cách vô hình, và trở thành tất cả kẻ đó; CHA phù trợ trên tất cả các con đường của nó, và nếu nó ngồi xuống, họ sẽ ngồi bên cạnh”.

Nhưng đi theo đạo sĩ chỉ có những sinh linh của *Hekaté* mà thôi.

5.

Từ nền tảng của những thấu định này giờ đây có vẻ như không còn quá đặc biệt để hiểu, khi truyền thống cho rằng nhiệm vụ của *pradzsapati* là duy trì mối quan hệ với các linh hồn sống ở thế giới bên kia. Truyền bá sự nhập định để dạy dỗ việc chuyển giao tri thức và nhận biết đặc tính của thế giới bên kia.

Các sinh linh sống ở thế giới bên kia cũng có cơ thể, nhưng theo hình dạng lửa-khí, khí eter, khí trong suốt. Khi Herakleitos nói: *pszükhai oszmontaikat'Haiden* - nghĩa là: các linh hồn trong *Hades* có sự nhạy cảm khí của chúng, nghĩa là: chúng sống trong cơ thể eter.

Nhưng ở thế giới bên kia không chỉ có *Hades*. Kẻ nhập định cần nhận biết về tất cả các vương quốc khác nhau phù hợp với các tầng khác nhau của sự thức tỉnh. Trong thế giới bên kia chỉ những mức độ thức tỉnh có liên quan với nhau cùng chung sống, thậm chí chỉ những kẻ đó nhìn thấy nhau.

Khi ý thức của người sống bắt đầu dò dẫm bằng sự thức tỉnh âm tính, tất nhiên nó khám phá trong vương quốc thấp nhất. Và đây cũng là nơi nguy hiểm nhất. Những linh hồn nổi loạn bị đọa đầy lang thang nơi đây, những kẻ sống trong nỗi ham mê vật chất, những linh hồn-lửa tẩy rửa, những ma quỷ sơ khai (*elementális*), những ma quỷ vật chất, những kẻ ác khát máu, những kẻ bị tống ra khỏi mọi thế giới, và ở đây chúng sống một cuộc đời ngoại luật.

Một vài kỉ vật của truyền thống cổ, nhất là tác phẩm *Agroucsada Parikcsa* của Ấn Độ nhấn mạnh, những ma quỷ-khí này đặc biệt độc ác, tuyệt vọng so với các linh hồn người đã bị kết án, hay đang bị đọa ở địa ngục, ở *gyehenna* (vạc dầu).

Từ nền tảng của các tác phẩm *Kabbala* hiếm hoi tác giả Abbé Constan cho rằng các sinh linh trong hình hài khí này chỉ hơi thở của vũ trụ làm thức tỉnh nổi chúng, nhưng tác động của vật chất làm chúng không cường lại được. Chúng luôn cố gắng quay lại trái đất và tìm kiếm sự hoạt động ở đấy. Chúng chen lấn vào những giấc mơ, xô đẩy

nhau đến nơi chúng phạm tội. Nhưng trong những tia nắng vũ trụ chúng từ từ tan rã.

Đây là những linh hồn không chuộc lại lỗi lầm phạm ở thế gian mà sống kí sinh trong những linh hồn độc ác trong hình hài pha tạp. Constant gọi chúng là các phôi thai (*embrió*), có họ hàng với linh hồn-*po*. Các sinh linh khí đại đa số không bao giờ từ bỏ bầu khí quyển của thế gian và cũng không thể bước qua thế gian.

Trong dạng hình con sâu con, chúng bị đầy đọa và thèm khát, chủ yếu là với cái nóng và máu. Những con sâu con này chạy trốn trước ánh sáng, và chỉ một tia lóe lên của tri thức cũng đủ để chúng suy sụp và rơi chìm vào bóng tối vô tận của vũ trụ.

Sampson từ nền tảng của những văn bản Ai Cập và Alexandria cho rằng trong những thời kì đen tối, nhất là giữa các cuộc chiến tranh và cách mạng, những sinh linh-khí tuyệt vọng này tràn ngập trái đất. Đôi khi còn xảy ra chuyện những thiên thần hư hỏng cũng bước xuống trần gian. Nhưng không bao giờ các quyền lực đen tối đến mà không có lời mời hoặc một sự ủy quyền nào đấy.

Những sinh linh (được gọi là) các nhân vật lịch sử, những kẻ làm đảo lộn trật tự, khiến các dân tộc căm ghét lẫn nhau, họ triệu hồi chiến tranh, gây đổ máu, làm nghèo đói và hủy diệt hàng triệu người, đẩy con người vào đói rách, biến con người thành những kẻ sống ngoài pháp luật. Đây là những sinh linh ma quỷ bẩn thỉu và bỉ ổi, nhu truyền thống nhân chủng học đã dạy, cô độc trong tạo hóa, những kẻ trong chúng thiếu tia lửa vĩnh cửu Thượng Đế, Ngọn Lửa sống.

Chúng đã đánh mất tia lửa này như thế nào và từ bao giờ, truyền thống không nói đến. Sách thiêng Iran gọi những sinh linh này là đội quân của *Ahriman*. Truyền thống Do Thái gọi là *ráksasza* và *gandhava*. Những kẻ này là tông đồ của *Typhoon*, là những kẻ tôi đòi của *Séth*, là những đứa con của sự bất mãn, của tội ác và sự phản bội mà Henoch gọi là *nephilim*.

Nếu sức mạnh của CHA trên thế gian không đủ lớn, và các bậc tiền bối không rải đủ sự sáng sủa cho con người, lúc đó những đứa con của sự bất mãn và tội ác nắm quyền lực. Hoạt động của *pradzsapati* là cùng sự giúp đỡ của CHA hãm phanh các quyền lực đen tối. Sức mạnh của con người không đủ. Cũng như toàn bộ nhân loại cùng nhau không đủ sức xua đuổi ảnh hưởng của thế giới bên kia. Con người không thể nắm bắt và tiếp cận nổi ảnh hưởng này, và quyền lực của ảnh hưởng này mạnh hơn con người.

Pradzsapati, *amsaspad*, *szefiroth* là kẻ duy nhất có quan hệ với CHA và có thể yêu cầu CHA hãm phanh quyền lực của sự đen tối. *Pradzsapati* biết một điều mà kẻ nhập định cần học ngay từ bậc thang đầu tiên: trong sự sống không bao giờ được đối mặt với con người. Con người là những linh hồn sống bất lực trong tự nhiên vật chất, là những kẻ mà hoạt động của họ do các quyền lực dẫn dắt.

Kẻ nào muốn can thiệp vào số phận trần thế, cho dù muốn thành thủ lĩnh, muốn đưa ra những lời khuyên hay dạy dỗ, đều đối mặt với các sức mạnh chứ không phải đối mặt với con người. Và không phải sức mạnh người hãm phanh các quyền lực đen tối mà là các Vị thần của sự tinh tảo. *Pradzsapati* là giáo sĩ của các quyền lực tinh tảo, của CHA.

6.

Sau khi bước qua ngưỡng cửa cái chết, Veda nói, đầu tiên tất cả các linh hồn đều bay vào Mặt Trăng. Kẻ nào đã sống một đời sống vô đạo đức, ngu muội, mù mờ từ Mặt Trăng trong dạng hình đầu tiên quay trở lại trần thế. Ai sống một đời sống thức tỉnh, đều vượt qua mặt Trăng bay lên với *Brahman* để đồng nhất.

Cách hiểu về hình ảnh tượng trưng của Mặt Trăng không khó khăn lắm. Đây là *Amduat*, *Tlakokan*, *Seol*. Người ta không hiểu về *Tlalokan*

của truyền thống Mexico, thế giới-nước, không hiểu tại sao ở Mexico lại có sự kính trọng *Tlalokan* đến thế, *Tlalok* là thần mưa, là tên thần nước, là *Okeanos* ở người da đỏ.

Người ta không hiểu văn hóa *Nilus* Ai Cập, văn hóa *Euphrates-Gages*, *Brahmapura* và văn hóa *Giang tử* cũng không hiểu nổi, và cả sự kính trọng nước của dân chúng thời cổ, siêu hình học của *Thales* mà theo đó mẹ ruột của đời sống là nước.

Cần đi sâu vào một số điều thích hợp của Veda để có thể hiểu rõ điều này. Nước là nguyên tố cổ cần thiết cho sự sinh trưởng. Nước còn nhiều hơn thế. Là “*ân sủng*” của trời. Linh hồn bước vào thế giới bên kia như một ân sủng quay trở lại trái đất. Văn hóa mưa Mexico, Ai Cập, Iran, Trung Quốc, Ấn Độ có quan hệ khăng khít với văn hóa của người chết, và phép thuật mưa của họ có quan hệ với thế giới bên kia.

Sự kính trọng nước là một dạng kính trọng người đã chết, hay *CHA: Tlalok*, thần mưa ở *Tlalon*, *Hades* là thần ở lĩnh vực Mặt Trăng. Mỗi quan hệ giữa nước và Mặt Trăng từ những nguồn gốc khác cũng có thể thấy. Chiêm tinh học biết rất rõ điều này.

Mưa là ân sủng của thế giới bên kia: từ đây đời sống, lúa mì, ngô, gạo, hoa quả nảy sinh. Từ đây nảy sinh những dinh dưỡng cần thiết để duy trì đời sống. Từ nước, hay từ những người chết, hay từ Mặt Trăng, hay nói cách khác từ *Hades*, từ các vị tiền bối. Các vị tiền bối, trong hình dạng mưa, trong hình dạng chất dinh dưỡng quay trở lại. Đây là ý nghĩa của văn hóa ngô Mexico và Peru, văn hóa lúa mì của Ai Cập và Hi Lạp.

Thời cổ không nhìn thấy vật chất mà nhìn thấy các nguyên tố cổ tạo dựng thế giới trong nước, thậm chí nguyên tố của sự sinh trưởng, của ân sủng và phước lành. Nước tồn tại trên trời, bởi vậy người Ai Cập nói “Nước sống, quê hương của nó là thiên đường”. Quan điểm này đứng sau hành động tắm rửa, trong suốt cả thời gian sau này như thời *mohamedan*.

Thế giới của Mặt Trăng, thiên đường-Nước, như ở Mexico người ta thường gọi, không là gì khác ngoài thế giới của sự thức tỉnh âm tính. Điều này có quan hệ thế nào với các nguyên tố của các sức mạnh tạo hóa, chúng ta đã nói đến. Thế giới này là một thế giới sinh trưởng thực chất, là vòng quay *Sakti*. Nếu suy ngẫm kỹ, một khía cạnh quan trọng của quan niệm cổ, vị trí siêu hình học của đàn bà từ điều này không có gì khó hiểu.

Trong thiên đường-Nước, hay trong *Tlalokan*, trên Mặt Trăng chứa đựng những sức mạnh tạo dựng và sinh trưởng, Goeth gọi là *Müttel*, như một thế giới ảo ảnh mới của Mẹ. Và không chỉ Mặt Trăng, *Sakti*, thế giới Mẹ là sự Sinh Trưởng mà thời cổ con người kính trọng và thờ phụng, chứ không phải mưa, một tạo phẩm của khí quyển - còn điều này nữa, hình ảnh tượng trưng của Mặt Trăng khiến ta tiếp cận gần hơn toàn bộ các nữ thần thời cổ: *Artemis, Hera, Demeter, Perszephone, Hekate* ở Hi Lạp, *Izis, Nu* và các nữ thần khác ở Ai Cập, và toàn bộ các nữ thần ở Mexico, Peru, Ấn Độ, Iran, Tây Tạng và Trung Quốc.

Trong tổng thể này còn nổi lên một điều khác.

Khoảng một trăm năm nay, thế giới đàn bà cổ được Bachofen ghi lại đã mang một ý nghĩa đáng kể; nhiều người giả thuyết rằng thế giới đàn bà cổ này như một chế độ mẫu hệ từng có thật trước thời lịch sử. Tất nhiên giả thuyết này trừu tượng và ấu trĩ.

Thực trong một thời gian dài, sự tỉnh táo âm tính đã ngự trị đời sống thế gian, và huyền thoại bằng hình ảnh về (cái gọi là) các vong linh (*lemur*) đã nói lên điều này. Sự tỉnh táo âm tính cũng ngự trị trong cả đời sống của thế giới bên kia, thực thể đàn bà, sự sinh trưởng, sản vật, Mẹ, và sau cùng, Mặt Trăng, phù hợp với sự tỉnh táo âm tính. Là nước.

Thật sai lầm khi nói về chế độ mẫu hệ, hay còn gọi là quyền lực đàn bà. Cái cần nhắc đến là bản chất đời sống mang tính chất của Mặt Trăng, mờ mịt, run rẩy thể hiện ra trong vật chất và tinh thần, trong bói toán, trong nguồn cảm hứng, trong trực giác tâm linh giống hệt như

trong sự tăng trưởng, phát triển, ẩn giấu dưới hình thức mê tín. Hình thức mê tín bởi vì vòng quay này là thế giới đặc thù của sự mê tín.

Nếu bây giờ con người nghĩ rằng *huitaka*, *dakini*, *Hekate*, hay linh hồn-*po* mờ mịt nhưng thế giới linh hồn mẹ sống động hơn, cần phải nói cách khác: thế gian, con người, thực thể, bị bao phủ bởi tấm voan *Izis* hoặc *Maja* đều gặp nhau trên một điểm. Rất dễ dàng hình dung ra điểm này, truyền thống cổ gọi nó là nguyên tố của đời sống sinh trưởng, được đặt tên là *Sakti* và Mặt Trăng là hình ảnh tượng trưng.

Còn điều kinh Veda nhắc đến: sau sự chuyển hóa, đầu tiên linh hồn cần rơi vào Mặt Trăng, có nghĩa là: trong giai đoạn đầu tiên bước vào thế giới bên kia linh hồn trước tiên có sự tỉnh táo âm tính (*lunáris*).

Còn khi Veda nói: những linh hồn mơ ngủ và mê muội từ Mặt Trăng trong dạng hình đầu tiên quay trở lại trái đất, có nghĩa là: đây là những linh hồn mà hồn-Mẹ sinh trưởng không buông nó ra, những linh hồn này như sức sản xuất cần thể hiện một lần nữa sự hoạt động của nó trong tự nhiên: đây là những linh hồn như Mẹ duy trì đời sống.

Từ điều này sự khác biệt giữa *pradzsapati* và đạo sĩ hoàn toàn lộ rõ. Đạo sĩ ở lại thế giới của *dakini*, linh hồn-*po*, của *Hekate* của Mặt Trăng. Thế giới của Mẹ. *Pradzsapati* nâng lên cao khỏi thế gian và đi vào thế giới dương tính của *pitrik*, *fravasik*, *patriarkák*, của linh hồn-*huan* và nối kết hai thế giới này lại.

Tất nhiên không được phép tin rằng ở đây có các mức độ giá trị giữa các thế gian, giữa Cha và Mẹ. *Po* và *huan* là hai cực, như âm và dương, như Mặt Trời và Mặt Trăng. Hai nguyên tố thế gian này thể hiện là hai, trong thực tế Mặt Trời và Mặt Trăng sống trong cuộc hôn nhân và là MỘT.

Pradzsapati đứng bên trên đạo sĩ không phải vì *pradzsapati* hiện thực hóa sự tỉnh táo dương tính, mà bởi vì nó làm cân bằng hai cực này.

VI. Sự thống nhất của sự sống

1.

Mục đích của nhập định là trả lại sự thống nhất của sự sống. Nhưng không trả lại sự thống nhất của một sự sống từ sự ra đời của con người cá nhân, mà là một sự sống - *homo aeternus* - bị đánh mất vì sự phản bội bị vật chất hóa.

Bởi vì khi con người cá nhân sinh ra, không từ sự thống nhất của sự sống, mà từ sự tăm tối bao phủ của vật chất, từ trạng thái hòa làm một với sự tăm tối của vật chất. Nhân loại phổ quát vĩnh cửu thực hành sự thống nhất của sự sống ngay từ buổi ban đầu của thời gian, chứ không phải con người cá nhân. Khi từ sự sống phổ quát này rơi xuống, nhân loại bắt đầu mờ mịt dần.

Về câu hỏi, cái gì là đặc tính của sự đứt đoạn, cái gì là cái bị đứt đoạn và đứt đoạn từ cái gì, truyền thống cổ dạy như sau: con người đánh mất bản chất thật và nhận lấy cái Tôi vật chất tự nhiên, nhằm lẫn và đồng nhất mình với cái Tôi này. Kết quả của sự đồng nhất nhằm lẫn, là không sống trong cái Tôi thống nhất, phổ quát, mà sự sống bị đứt đoạn thành nhiều cá nhân, trong thiên hình vạn trạng. Veda dùng hai từ sau để phân biệt:

Thực thể người vĩnh cửu: *Átman*

Con người cá nhân: *Dzsiva*.

Nguyên nhân của nhằm lẫn là sự tỉnh táo bị thoái hóa, tinh thần trong sạch bị rối loạn, đây là sự mê ngủ, đờ đẫn, mê muội, một dạng điên rồ, một lòng tin xằng bậy (*abhimana*).

Mục đích của nhập định là làm tan *abhimana* trong con người, chấm dứt mê muội, đánh thức từ sự mê ngủ, chấm dứt mọi rối loạn của tinh thần và nâng sự thức tỉnh của con người lên trạng thái cội nguồn của nó.

Kẻ đã nhập định nhận thức: cái Tôi cá nhân riêng của nó không là gì khác ngoài sự nhầm lẫn. Không có cái Tôi cá nhân, nó chỉ tưởng như vậy, và chỉ có trong sự sống suy thoái. Duy nhất một thực thể người tồn tại, vĩnh cửu, con người bất tử: *átman*. Đây là hiện thực. Ngoài cái đó ra, tất cả là ảo ảnh. Toàn bộ tự nhiên vật chất, bằng tất cả sự vật của nó, sự việc của nó, thực thể của nó, bằng các ngôi sao, bằng cây cỏ, súc vật, lũ ma quỷ, các vị thần, bằng đời sống, sự ra đời, cái chết - tất cả đều là ảo ảnh.

Hiện thực duy nhất, bất biến, hiện hữu bất biến: linh hồn, Thần, *átman*.

Sự phân biệt của truyền thống cổ, sự tách biệt của cái Tôi cá nhân và thực thể bất tử cũng không có nghĩa rằng đây là hai nguyên tố thế giới độc lập. Cái Tôi cá nhân không phải là nguyên tố thế giới, mà là *maja*, ảo ảnh, là niềm tin xằng bậy - một sự tỉnh táo bị suy thoái của thực thể bất tử, là sự rối loạn điên rồ.

Chỉ có một sự sống mà thôi, một hiện hữu duy nhất. Truyền thống cổ, không chỉ Veda, Kinh Dịch, không chỉ Herakleitos, Platon, không chỉ Kabbala, mà truyền thống Ai Cập, Iran, Tây Tạng, Peru, Mexico cùng nói về *advaita*, *advaita* nghĩa là: không phải hai mà chỉ một. *Henpanta einai*.

Như vậy khi người học trò đợi nhập định hiểu ra sự thống nhất, nhận thức hiện thực, từ bỏ sự mê muội điên rồ, không phải từ hai quay trở về sự thống nhất, mà nó nhìn ra, cái nó thấy là hai, hai cái riêng, một đẳng là cái Tôi cá nhân nằm trong sự tỉnh táo bị suy thoái, và một đẳng là sinh linh bất tử, không phải hai, mà là một.

Ở đây không phải là một từ nói về mức độ của một cái gì đó mới chưa được kinh nghiệm và có thể đạt tới sự sống. Thực ra không có gì

xảy ra hết: “Trong phần bình luận Sankara Vedanta, người ta cho rằng sách thiêng nói về con đường dẫn đến sinh linh bất tử, và có liên quan đến cái gì đó cao hơn. Đây là một quan niệm sai lầm. Không thể cập bến đến với một sinh bất tử... nơi nào có con người, không thể đến nơi đó”.

Không cần đạt tới *átman*. Tại sao? Bởi *átman* chính là bản thân con người. Không phải là bản chất thật sự của con người, bởi vì không có thật sự và phi thật sự.

Chỉ có một, và đấy là *átman*, chỉ cần nhận thức ra mà thôi, nhưng quá trình nhận thức này không phải là một cái gì diễn ra dưới một cái gì. Không có điều gì xảy ra, chỉ sinh linh bất tử nhận ra sự đồng nhất với chính bản thân nó, thức tỉnh để nhận ra một hiện thực duy nhất của chính nó.

Nhập định là một thời gian và là một quá trình trong đó “không xảy ra điều gì hết”, chỉ là nhận thức: ta là sinh linh bất tử. Ta là *átman*, ta luôn là *átman*, là kẻ mà ảo ảnh của nó là thế gian và đời sống, là kẻ ta không sinh ra, không phải là ta trong thân xác con người, là kẻ không có các giác quan, các xúc cảm, các tư tưởng, các hình ảnh, các giấc mơ, là kẻ chỉ có một sự sống vĩnh hằng và không thay đổi.

Ta là “*bông hoa sen nở trong trái tim*”. Ta là *átman*, kẻ: “nhỏ hơn cả hạt gạo, nhỏ hơn cả hạt lúa mì, linh hồn của ta, kẻ sống trong trái tim của ta, lớn hơn cả trái đất, lớn hơn thế gian, cả bầu trời, lớn hơn cả toàn bộ các thế giới. Là kẻ nhận biết tất cả, hiểu tất cả, cảm tất cả, thấu suốt, im lặng, vô tư, đấy là linh hồn của ta, kẻ ẩn sâu trong trái tim ta, đấy là *Átman*, và ta sẽ là *Átman*, nếu ta từ biệt nơi đây. Ai biết điều này, người ấy không bao giờ còn hoang mang nữa”.

2.

Thiên khai (*sruti*) của truyền thống, sự dạy dỗ như một lời tuyên bố cho biết: thực ra không có gì xảy ra hết khi con người nhập định, chỉ sự tỉnh táo đã bị suy thoái chột rúng động, và sự rúng động này xua đuổi mọi quấy rầy của *abhimana*, và con người phục hồi lại bản chất thật sự của nó, khi nó nhận ra *átman* và được chữa khỏi căn bệnh ảo ảnh. Sự dạy dỗ này tuyệt đối, đáng tin cậy, là *sabda*.

Szmriti (kí ức) bổ sung thêm cho lời dạy dỗ (*sruti*) tuyệt đối, đáng tin cậy này. Kí ức (*szmriti*) ngay từ đầu chỉ được nhớ lại, không đáng tin cậy và không như một lời tuyên bố, đây là *asabda*. Đây là sự dạy dỗ trong các truyền thống của các dân tộc khác nhau, liên quan đến các hình ảnh, các huyền thoại, các ấn tượng, các tên gọi, các thần linh, các ý kiến khác nhau.

Szmriti là việc thực hành lời tuyên bố. Là sự dạy dỗ và tri thức về nhập định, về các bậc thang, các mức độ, các thực hành, về khổ hạnh, rất nhiều từ ngữ, hình ảnh, cảm xúc, ấn tượng, tư tưởng chỉ như một sự thực hành ngay từ đầu đã được nhắc nhở tới, nhưng không đáng tin cậy. Các mức độ nhập định được phân biệt bởi các dân tộc, các truyền thống, các trường học, bởi những người thầy, các học trò. Tất cả mọi nơi đều diễn ra như vậy, nhưng đồng thời lại không xảy ra cái gì hết. Con người không thể đạt tới *átman*, bởi bản thân con người là *átman*. Ảo ảnh, cái bên ngoài, hình tướng, con đường của sự nhận biết này chính là *szmriti*.

Mục đích của nhập định là trả lại sự thống nhất của sự sống. Sự trả lại này xảy ra như sau, con người thức tỉnh về chính bản chất riêng của mình và nhận ra, chỉ có một sự sống duy nhất tồn tại, một hiện thực duy nhất, là bản thân nó, sinh linh bất tử. Theo *szmriti*: vực sâu nhất, sự ngủ quên hoàn toàn của tỉnh táo, sự thiếp đi trong tăm tối của vật chất chính là hình ảnh mà con người ở trong đó, trước khi linh hồn con người ra đời.

Khi linh hồn bước vào thiên nhiên, nghĩa là lúc vừa sinh ra, nó đã đặt những bước chân đầu tiên đi về phía thức tỉnh. Trong sự lãng quên của vật chất, ngoài không-thời gian, ngoài ánh sáng và khả năng, một

cách vô thức, lãng quên, nó đứng ở giới hạn của phi-sự sống một cách vô hồn, trong trạng thái vô luật, như ma quỷ dạng khí, những kẻ đã đánh mất tia lửa bất tử của chúng.

Khi linh hồn bước vào thiên nhiên, nó nhận được toàn bộ thứ tự quà tặng của sự sống: lấy lại sự tỉnh táo của nó trước cả thời gian; trước cả không gian, các khả năng không thể đếm xuể là động lực và kim chỉ nam của nó: khả năng của các giác quan, các xúc cảm, các tư tưởng, ý chí, bản năng, ý thức. Không-thời gian và cái Tôi là công cụ của linh hồn để nhờ chúng giành lại sự tỉnh táo bên trong, và để linh hồn biết thực hiện chấn động này khi *“giữa chừng thực ra không xảy ra điều gì hết”*.

Sinh ra là bước đầu tiên đi về phía sự thống nhất bị đánh mất, giống như cái chết là bước cuối cùng. Đời sống, số phận người, bản chất mang ý nghĩa không gì bù đắp nổi của cái Tôi là tại đây, lúc này trong không-thời gian này, bằng cái Tôi này, trong hình tượng thiên nhiên vật chất này, trong thể xác bằng các giác quan, các tài năng cần lấy lại sự tỉnh táo, cần quay trở về với trạng thái thống nhất của sự sống, về với hiện thực và với linh hồn bất tử. Đây là khả năng và cơ hội. Không còn dịp khác.

Sự nhập định không là gì khác ngoài việc làm sáng tỏ cho con người biết về điều này. Sự nhập định vì thế không phải là một kiến thức mang tính chất người, thiên nhiên, trần thế, mà là sự tỉnh thức mang tính chất siêu nhiên. Mọi ân sủng mở ra cho con người: không gian, thời gian và cái Tôi.

Điều thứ tư: tri thức về nhập định. Như vậy mọi phương pháp, khả năng, công cụ đã đặt vào tay con người, để nó lấy lại, chiếm lĩnh lại vị trí cố cội nguồn của nó. Và mở ra cho nó toàn bộ các khả năng, mà kẻ mang những khả năng này là cái Tôi kinh nghiệm. Mở ra cho nó nơi thực hành các khả năng: không gian. Mở ra quá trình thực hành và khả năng của thể hiện: thời gian. Sau cùng là ý thức, mức độ, phương pháp, khuynh hướng, ý nghĩa và bản chất của mục đích: sự dạy dỗ về nhập định - ân sủng thứ tư.

Nhập định là lời dạy dỗ nói về ý nghĩa của cuộc đời, về mục đích của cuộc đời, về sự thực hành cái Tôi như một công cụ, để con người biết trả lại sự thống nhất của sự sống, và biết quay lại trạng thái cổ đã bị đánh mất, hay như Veda nói: biết nhận thức ra hiện thực của bản chất bất tử của mình.

Truyền thống ngay từ đầu đã mang khả năng hồi tưởng, cho rằng có hai cách trả lại sự thống nhất của sự sống: trong cộng đồng hoặc trong một cách cá nhân. Người ta gọi nghi lễ trả lại sự thống nhất của sự sống trong cộng đồng là sự hiến tế, cứ như thế cách thức cá nhân thực hành sự trả lại này không phải là sự hiến tế. Thực ra cũng là sự hiến tế, nhưng không mang tính chất nghi lễ, mà chỉ trong nghĩa bóng của từ ngữ. Người ta không quen gọi các phương pháp mang tính chất cá nhân như thiền định, khổ hạnh, các phương pháp luyện công, những nỗ lực để đạt được sự tỉnh táo là hiến tế.

Trong bí cung của sự hiến tế: *“Chúng đạt tới ý nghĩa thực chất đời sống của tất cả chúng ta: bước vào sự thống nhất của sự sống, chúng ta trở thành các đặc tính của MỘT, trên tầng sự sống siêu việt phi không-thời gian, bước vào trọng tâm của mọi sức mạnh”* - Baader nói, con người vĩnh cửu, khi phạm luật của sự sống ngay từ buổi bình minh của thời gian, đã tự làm vấy bẩn bản thân, và sự vấy bẩn này lan ra khắp cả thiên nhiên. Bởi vậy con người đã mang toàn bộ thiên nhiên cùng mình lao xuống sự tăm tối.

Hiến tế chuẩn bị cho sự thu nhận lại trạng thái đúng luật trong sự sống. Con người cùng toàn bộ sự sống thiên nhiên chìm đắm trong máu của đất. Khi giáo sĩ mở các huyết mạch của con vật hiến tế để máu chảy ra, sự đổ máu này tác động trở lại với con người, bởi vì linh hồn chìm ngập trong máu được giải thoát. Sự hiến tế là một hành động thần bí khi linh hồn con vật bị buộc vào sự đổ máu này bay lên, nâng linh hồn con người buộc vào máu lên cùng nó. Linh hồn con người bị cầm giữ bởi máu có thể thức tỉnh, và đây là con đường hướng về phía sự sống. Sự hiến tế chuẩn bị cho sự phục sinh. Trong thần bí này cả nhân loại cùng tham dự.

Sự quay trở lại, sự phục sinh, trả lại trạng thái thống nhất của sự sống, sự hóa thân, chiêm đoán - các cách gọi khác nhau cho duy nhất một sự kiện. Trong thời cổ, ngoài sự hiến tế, còn có rất nhiều phương pháp quen thuộc khác chuẩn bị cho sự hóa thân, và phần nào đã được thực hiện. Những quá trình lớn trong đời sống cộng đồng của nhân loại, các nghi thức, *dharma*, việc duy trì luật lệ thế gian, việc hoàn tất các nghĩa vụ đẳng cấp, sự phục vụ, tất cả đều là các nỗ lực hóa thân.

Nhưng các hiện tượng được thể hiện như các phong tục quen thuộc, như các quy tắc và nghi lễ cùng nỗ lực thực hiện của các trò chơi chung, các buổi tiệc tùng chung, các ngày lễ, các bể tắm, hôn nhân, sự sinh ra và cái chết, tất cả đều chỉ chung về một hướng: giữa mọi cội nguồn, nơi đây, tất cả đều là sự thần bí tồn tại; Và ý nghĩa của những sự thần bí này là: trả lại sự thống nhất của sự sống. Tất cả những gì (được gọi là) phong tục, giống như sự hiến tế, bởi vậy rất tuyệt vời, rất phi vật chất, chống lại vật chất, bởi vậy trang trọng và cao cả, bởi khi phong tục được thực hiện, như trong sự hiến tế, là lúc các sức mạnh thần bí được giải phóng, những sức mạnh này tách ra khỏi vật chất, và chuẩn bị trả lại sự thống nhất của sự sống.

Những sức mạnh thần bí được giải phóng trong những bí ẩn, trong lời hát chung, trong trò chơi bóng của những người Mexico. Đây cũng chính là nền tảng huyền bí của nhà hát. Hi Lạp cổ gọi những sức mạnh huyền bí này là *thélesma*; *Thélesma* là một đời sống đặc thù, Schuler nói. Bản thân từ này bắt nguồn từ từ *telein*, mang ý nghĩa kết thúc và nhập định. Và: “*Cha của mọi sự vật trên thế gian là Theleszma*” - theo Hermes Trismegistos.

Sự hiến tế hay phong tục mang ý nghĩa cao cả, và sự huyền bí, lời hát chung, trò chơi thần bí, khi giải phóng *thelesma* và thực hiện nó, cộng đồng đã nhập định một cách tập thể. Trong những khoảnh khắc như vậy, sự thống nhất của sự sống xuất hiện trong đời sống con người - một sự sống phổ quát, rạng ngời, tỉnh táo, là Horus, là Mặt Trời có cánh, là Kecalcoatl, là con rắn Bút. Mặt Trời có cánh là hình ảnh tượng trưng của mặt trời linh hồn, ánh sáng của linh hồn. Còn con rắn Bút là

hình ảnh tượng trưng của vật chất đã linh hồn hóa: bởi vì rắn là vật chất còn cánh và bút có nghĩa là linh hồn.

Mọi sự hiển tế, mọi phong tục và trò chơi thần bí đều làm dịu đi mối quan hệ với vật chất, và làm tan ra mối liên quan với sự tăm tối. Như vậy sự huyền bí đã thực hiện điều này bằng một phương pháp siêu việt và không thể hiểu nổi.

3.

Con đường nhập định của cá nhân là thiền định, khổ hạnh, là sự phủ nhận bản thân, sự thực hiện các bốn phận, sự duy trì luật - nhưng không bao giờ vì chính bản thân mình, mà luôn tỉnh táo, có ý thức, sáng sủa và vì sự duy nhất.

Dhjana xác định bốn cấp bậc: Trước hết là sự phân biệt (*vivéka*) - hai là sự thiền định (*vicsara*) - ba là sự tĩnh tại (*priti*) - bốn là ân sủng (*sukha*).

Ở mức độ đầu tiên con người học cách phân biệt cái bản chất và cái phi bản chất. Tư tưởng trọng tâm ở đây là sự phân biệt *átman* và *dzsiva*. Ở mức độ thứ hai con người học cách quay đi với thế giới giác quan, bên ngoài. Ở mức độ thứ ba học cách đi trên con đường bên trong; đây là mức độ phải vượt qua các ngưỡng nguy hiểm bên trong. Ở mức độ thứ tư là làm quen với trạng thái cố, với niềm cảm hứng ngắt ngảy của sự sống mở không giới hạn, tự do, với niềm hạnh phúc mặc khải.

Hồi giáo mật tông (Sufism) cũng dạy về bốn cấp độ. Đầu tiên là *Hasta*, nhân loại; ở cấp độ này con người từ bỏ những ràng buộc cá nhân, giống loài, dân tộc, (cái gọi là) những ràng buộc tập thể, và học để biết toàn bộ nhân loại là một và học cách hiến dâng bản thân cho

nhân loại duy nhất này. Học nâng mình từ tăm tối tập thể lên sáng sủa phổ quát.

Cấp độ thứ hai là *Taregut*, sự chiếm hữu quyền lực. Con người thu thập những sức mạnh tinh thần và chiếm hữu được các sức mạnh tạo khả năng thực hành những quyền lực cao hơn. Nó tạo ra luật pháp, cai trị nhà nước và ra lệnh.

Cấp độ thứ ba là *Araff*; đạt được những khả năng siêu nhiên. Các giới hạn thiên nhiên không bao giờ còn là giới hạn đối với nó. Nó tự do tiếp xúc với thế giới bên kia và các Cha.

Cấp độ thứ tư là *Hagegut*, sự thiêng liêng, là trạng thái *arhat*; con người hiện thực hóa trong bản thân nó trạng thái cổ, tinh thần bất tử và vĩnh cửu của con người.

Tác phẩm *Agroucsaca Parikcsai* dạy về ba bậc thang: đầu tiên là *guru*, người chỉ huy. Đây là nhà giáo, là kẻ cai trị nhà nước, là người thầy dạy nhập định, là người chỉ huy lớp người trẻ, cố vấn. Bậc thang thứ hai là nhà tiên tri, bói toán, đạo sĩ, người có khả năng siêu nhiên. Thứ ba là người thầy của toàn bộ các sức mạnh trên thế gian, là *Sakti*, là thần linh đã hóa thân. Đây là trạng thái trước sự biến đổi mà Veda gọi là *aisvarjam*, sự ngự trị thế gian.

Pythagoras từng dạy dỗ về hai mức độ. Mức độ thứ nhất nói về các đức hạnh đời sống hoạt động; đây là công truyền. Mức độ thứ hai nói về các đức hạnh của đời sống tinh thần; Điều này chỉ những người ở “vòng trong” được học, đây là bí truyền. Herakleitos cho rằng nhập định thật sự chỉ là vòng dạy dỗ thứ hai.

Cần phải biết về sự giúp đỡ và lời khẩn cầu xin giúp đỡ của các thần linh: “*Mi chớ bắt tay vào công việc, chừng nào mi chưa cầu khẩn các thần hãy giúp đỡ công việc mi muốn bắt đầu*”. “*Nếu học được điều này, mi sẽ hiểu bí mật của con người và của các thần bất tử*”. Và điều này, rằng các công việc khác nhau to lớn và có nghĩa như thế nào, cái gì là bản chất của chúng và cái gì buộc chúng lại với nhau; đúng như vậy mi cũng sẽ hiểu, cái gì là quy luật của vũ trụ, là đặc tính của nó và

cái gì là một và giống nhau trong tất cả các sự vật - như vậy mi sẽ không bao giờ tin vào cái không cần tin, và trên thế gian sẽ không còn gì mù mờ trước mi nữa”.

Sau đó đến sự dạy dỗ lớn về số phận, về *heimarmene*. “*Số phận là thứ làm đui mù con người và lấy mất trí óc tỉnh táo của họ*”. Nhập định không là gì khác ngoài *lűszisz tesz heimarmenesz* - sự tháo bỏ những xiềng xích của số phận.

Cái gì là *heimarmene*? là sự đông đảo nhiều nhượng của những cái Tôi, là các quyền lợi, các bản năng, sự hỗn loạn, xung đột của các đam mê - Đây là sự rối loạn như bị rò rỉ của linh hồn người, khi đồng hóa, nhầm lẫn, nhìn những hình ảnh mộng trong sự mê muội thành hiện thực, thèm muốn danh tiếng, của cải, sự thành công cho cái Tôi cá nhân, tranh giành, đấu đá, sẵn lòng - và con người, như Pythagoras đã nói: “*Lũ bất hạnh! Chúng không thấy và không hiểu cái tốt ở ngay bên cạnh chúng! Ít kẻ biết rằng từ sự bất hạnh của chúng cái gì được giải phóng! Chúng như những cục bột vô duyên lăn đây đó, và gặp đủ mọi khổ sở. Từ lúc chúng ra đời trở đi sự phiến nhiều định mệnh đuổi theo chúng khắp nơi, khiến chúng lên bờ xuống ruộng và chẳng tài nào hiểu nổi tại sao*”.

Đây là *heimarmenesz*. Đây là *szamszara*-luan hồi. Đây là sự hỗn loạn xuất phát từ mọi nhiều nhượng điên rồ, là xung đột không phương cứu chữa của cái Tôi mà sự tỉnh táo của nó đã bị suy thoái trong mê muội. “*Hãy cẩn thận! - Pythagoras từng kêu lên - con người có nguồn gốc Thượng Đế*”.

Con người không phải là cái Tôi mê muội, là loài côn trùng nhốn nháo, nhiệm vụ của nó không phải đi thu thập tích lũy danh tiếng, của cải, quyền lực, đam mê trong vòng luân hồi, trong *heimarmenesz*, nó không phải lúc nào cũng vội vã, lao động cật lực, khổ sở. Bản chất thật sự của con người mang tính chất thần, Thượng Đế bất động, không lay chuyển, bất tử, vĩnh hằng. Hãy nhìn xem: sự yên bình của thiên nhiên, sự hài hòa của các vì sao, sự tĩnh tại, trong sạch bên trong của linh hồn,

của trật tự thế gian đều nói lên rằng duy nhất chỉ có con người tạo ra sự hỗn loạn.

“Thiên nhiên thiêng liêng bao phủ những bí ẩn được cất giấu - nó chỉ cho mi sự huyền bí của nó, và mi dễ dàng làm được điều ta đã an bài”.

Pythagoras đã an bài cái gì vậy? Chữa lành bệnh từ *heimarmene*. Sự thức tỉnh. Sự giải thoát khỏi những niềm tin xằng bậy, để con người biết: ta là *átman*, ta là hiện thực, là sự hiện hữu duy nhất, là MỘT - là sự sống bất tử. Ngoài ta ra tất cả đều là ảo ảnh. Ta nhìn thấy những hình ảnh mộng tưởng khiếp này trong sự mê ngủ của ta. *“Và nếu linh hồn mi lành bệnh, mi được giải phóng khỏi mọi cái xấu và mọi sự hỗn loạn - nhận thức tỉnh táo sẽ dẫn đường, thứ đi từ trên cao xuống, sẽ là sức mạnh dẫn đường trong mi - và nếu như vậy, sau đời sống, mi sẽ cởi bỏ cái thân xác hữu hạn của mi, mi sẽ đến với ánh sáng trong sạch, mi sẽ hóa thân, bất tử, vĩnh hằng, và cái chết vĩnh viễn không bao giờ ngự trị trên đầu mi nữa”.*

4.

Như vậy sự dạy dỗ của Veda-Sruti (thiên khải) dưới hình thức lời tuyên bố ngay từ buổi ban đầu đã là nền tảng của một truyền thống có khả năng hồi tưởng, không cần phải chứng minh. Tự nó đã sáng rõ đến nỗi không cần phải so sánh. Lấy một ví dụ là đủ: đây là ví dụ về sự dạy dỗ của Trang tử về Đạo.

Veda đã dạy dỗ gì? Rằng cần phải phân biệt giữa *dzsiva* và *átman*. *Dzsiva* là cái Tôi cá nhân, là ảo ảnh; còn *átman* là sinh linh bất tử, là hiện thực. *Dzsiva* là sự đa dạng, *átman* chỉ có Một. Cái đa dạng, thể hiện như sự vật sự việc, không là sự thật mà chỉ là ảo ảnh.

“Các giới hạn không xuất từ hiện từ linh hồn - Trang tử nói - ý nghĩa nghiêm khắc thường xuyên của từ ngữ không có trong sự sống. Con người cá nhân đã tạo ra sự phân biệt”. “Bên phải và bên trái, bộ phận và toàn thể, bên ngoài và bên trong, tác dụng và phản tác dụng chỉ tồn tại đối với cái Tôi cá nhân. “Từ quan điểm đa dạng và phân biệt nảy sinh những bộ phận khác nhau, như gan với mật, như các địa phương khác nhau như Chu và Vũ; từ quan điểm phổ quát mọi sự vật và thực thể là Một”. “Từ quan điểm phi cái Tôi nhìn ra, tuyệt đối không có các sự vật. Các sự vật chỉ nhìn thấy từ quan điểm của cái Tôi”.

Từ quan điểm của phi cái Tôi, của cái Tôi tổng thể, cái Tôi phổ quát, không có sự phân biệt. Hai đối diện nhau. Nhưng: *“Trạng thái trong đó cái phi Tôi và cái Tôi không đối diện nhau, đấy là điểm góc của sự sống”. “Những người cổ xưa đã đưa kiến thức của họ đến tận điểm góc cuối cùng”. “Trong thời hoàng kim con người ngồi lặng lẽ, và không biết nên làm gì; họ đi, nhưng không biết đi đâu; họ có đầy thức ăn, họ hạnh phúc, họ quạt mát da thịt và dạo chơi. Đấy được gọi là đời sống cho đến khi các thần linh xuất hiện, mang đến cho họ các phong tục, lập ra quy tắc cho hành vi ứng xử, tổ chức các lễ đạo đức, và bắt thế gian nhảy múa theo ý thần linh, để thần linh an ủi các trái tim. Và từ lúc đó con người trở nên vội vã, cuống quýt, phá vỡ các ngăn trở, tìm cách chiếm lĩnh tri thức, họ bắt đầu cãi vã, tranh luận lẫn nhau, bắt đầu tìm kiếm lợi nhuận, cho đến chừng mọi cái không thể dừng lại được nữa. Đấy là tội lỗi của các thần linh”.*

Chừng nào sự sống là một, không cần đến quy tắc, luật lệ, sự tốt lành; không cần đến thần linh. Sức mạnh của sự sống lớn đến nỗi con người chỉ dạo chơi mà vẫn có đầy thức ăn và hạnh phúc. Nhưng khi các thần linh đến, mang theo cái tốt và luật lệ, đã mang sự phân biệt đến. Thế là sự thống nhất chấm dứt.

Người ta chia sự sống ra thành cái tốt và cái xấu, thành miền Bắc và miền Nam, phía Đông và phía Tây. Cùng với các giới hạn, thần linh mang đến cái Tôi, sự sở hữu, niềm đam mê, bản năng, các dục vọng cá

nhân, các mục đích, và lúc bấy giờ con người bắt đầu vội vã, cuống quýt, bắt đầu nổi loạn vượt qua các giới hạn, chống lại các quy tắc, thế là bắt đầu xuất hiện xung đột, chiến tranh, và nhiều quan điểm, thế giới quan, nhiều chủng loại, nhiều tôn giáo, nhiều dân tộc, nhiều bộ tộc, nhiều giai cấp mà các quyền lợi và khát vọng của chúng đều chống chọi lẫn nhau.

Sự thống nhất của sự sống bị vỡ ra thành các mảnh. Đây tất cả đều là tội lỗi của các thần linh. Tội lỗi của đạo đức. Tội lỗi của các giới hạn. Tội lỗi của các cái Tôi. *“Các giới hạn không xuất phát từ sự sống... Sự phân biệt do cái Tôi cá nhân tạo ra”. “Từ quan điểm của sự đa dạng và phân biệt, mới có các bộ phận... từ quan điểm phổ quát mọi sự vật và thực thể là MỘT, và sự phổ quát chính là sự sống”.*

“Có cần đạo đức cho kẻ cướp không? Tại sao lại không! Thiếu đạo đức chúng không thể hành động được. Một cách bản năng chúng biết người ta cất giấu cái gì ở đâu: tài năng của chúng ở đấy; Cần phải đột nhập: sự dũng cảm ở đấy; Cần phải chạy trốn: nghĩa vụ ở đấy; Cần phải biết thành công hay không: sự thông thái ở đấy; Cần phải chia chác: danh dự ở đấy. Ai không có năm đức hạnh này đừng mơ làm kẻ cướp giỏi”.

Và: *“Chừng nào thế hệ của các thần còn chưa hết, chừng đó những kẻ cướp giỏi vẫn còn tiếp tục tồn tại”.* Thần linh và kẻ cướp bổ sung cho nhau; thần linh gọi kẻ cướp đến và kẻ cướp gọi thần linh đến. Thông thường cùng trong đúng một cá nhân. Tại sao? Vì: cả hai đã tạo ra các giới hạn, cả hai đều có đức hạnh, sự giỏi giang, sự phân biệt, sự ưu tú của nó. Một trong hai kẻ này đều không nằm trong MỘT, trong sự phổ quát, nơi không giới hạn, không sự khác biệt, nơi tất cả là một.

“Trong sự sống, thực thể sống hành động một cách vô tư và không có sự sợ hãi. Không quan tâm đến quyền lợi-phi quyền lợi, đẹp-xấu. Niềm vui của nó trên trái đất là mọi người đều được hưởng lợi. Hòa bình của nó là mọi người đều tự do tiếp xúc. Nếu một kẻ ra đi, dân chúng khóc thương như đứa trẻ mất mẹ”. Đây là thực thể sống trong sự thống nhất, kẻ đồng nhất với sự phổ quát. *“Kẻ nào đồng nhất với sự*

phổ quát, kẻ đó không có cái Tôi. Vì không có cái Tôi cá nhân của nó nên nó không coi sự sống như sở hữu. Không vạch ra các giới hạn, không tạo ra luật lệ, không tách biệt thành tốt xấu, đúng và không đúng, bên phải và bên trái, không tách biệt thành cái Tôi, thành các dân tộc, các ngôn ngữ, các vị trí địa lí, biên giới”.

Các giới hạn không xuất phát từ sự sống... Sự phân biệt do cái Tôi cá nhân tạo ra. *“Từ quan điểm của sự đa dạng và phân biệt mới có các bộ phận... từ quan điểm phổ quát mọi sự vật và thực thể là MỘT”.*

Và để con người trả lại sự thống nhất cho sự sống, không cần làm gì hết. Không cần phải săn đuổi và khổ sở. Sự thống nhất của sự sống được trả lại khi *“thực ra không có gì xảy ra hết”*. Hãy để mặc và tất cả tự nó đều vào đấy.

Có một so sánh nhỏ về người chẵn ngựa: trách nhiệm của người chẵn ngựa là tránh xa những công việc có hại. Ngoài ra không cần làm gì hết. *“Người nào muốn sửa chữa bản tính của mình bằng sự học tập mang tính chất thế gian để đạt tới trạng thái cổ, kẻ đó muốn điều chỉnh các dự vọng của nó bằng tri thức thế gian, để nhìn cho rõ hơn, đấy là kẻ điên rồ và lừa dối”.* *“Mi hãy thả mình ra để tinh thần của mi bay cao lên quá thế giới giác quan; hãy tập hợp mạnh của mi đến nơi không tiếp xúc với vật chất; hãy thả mọi sự vật ra con đường của chúng một cách tự do, và đừng chịu đựng trong bản thân mi những tư tưởng của cái Tôi: mi sẽ thấy, trật tự của thế gian được trả lại”.*

5.

Cái trạng thái, khi con người trả lại sự thống nhất của sự sống trong bản thân nó, truyền thống Hindu gọi là *szamadhi*.

Szamadhi là mức độ và trạng thái thiền định cao nhất, khi con người hoàn toàn tắt ý thức của mình, đưa cho linh hồn một cơ hội để

rời bỏ thế gian ảo ảnh và sự thức tỉnh của nó lộ diện. Đây là sự hoàn thành trạng thái siêu nhiên, là *Brahma-vidja*, trải qua sự thức tỉnh siêu việt nhất. Trong trạng thái này bản thân linh hồn thức tỉnh ra sự thật về hiện thực của bản thân nó, rằng hiện thực chỉ có duy nhất một, là sự bất tử và vĩnh hằng và vô tận.

“Việc nhận thức ra Atman không có nghĩa là con người sẽ trở thành cái gì hoặc thành ai; không có nghĩa là đạt đến bằng các việc; làm bằng sự cố gắng, bằng kỉ luật. Sự nhận thức này hoàn toàn độc lập với cố gắng mang tính chất người. Nó không thể là kết quả của một cuộc nghiên cứu, không thể tác động đến nó bằng tri thức và những hành động ân huệ. Đến bản thân công việc Viết cũng chỉ tạo sự giúp đỡ cho việc làm biến mất, cùng lắm là làm chấm dứt sự chia cắt và mơ hồ xuất phát từ những hỗn loạn điên rồ”.

Bản thân lời tuyên bố, Veda cũng không thể trích dẫn hoàn toàn sự thức tỉnh trong sự thống nhất của sự sống. Nhưng: không thể thiếu được, và như Trang tử nói: tránh xa các quá trình ngăn trở. Bản thân linh hồn cần tự nhận thức, và trong sự huyền bí của Cần cũng cần nhận ra một điều: không có gì xảy ra, bởi khi con người thức tỉnh: không xảy ra chuyện gì hết.

Trong *Szamádhi*, từ Hi Lạp gọi là mức độ cao nhất của *ekstázis* (niềm cảm hứng) được đặt tên là *epopteia*, mà sau này trong thời Hi Lạp hóa người ta gọi là *methé néphaliosz*, là sự ngây ngất của lửa khô, mà lửa khô theo Herakleitos là mức độ cao của sự tỉnh táo trong linh hồn sống ở trái đất, khi con người biết đến hương vị an bình vĩnh cửu, yên tĩnh như mặt hồ, và niềm hạnh phúc vĩnh hằng của *atman*. Đây là thiên khai.

“Đây là hiện thực trong ý nghĩa tuyệt đối, là sự sống cao nhất, vĩnh cửu, vượt qua mọi đối thay, tràn đầy, viên mãn, bất biến, một sự sống theo bản tính của nó tự nó sáng chói và rạng rỡ, thứ trong đó không có tốt và xấu, không có tác động và phi tác động, không có quá khứ và tương lai, đây là trạng thái phi vật chất, siêu nhiên: là sự giải thoát - là moksa”.

Sự sống được hiện thực hóa không có thuộc tính (*attribútum*). Các sức mạnh của linh hồn thần thánh mang tính siêu việt, nhưng những lời tuyên bố trong mối quan hệ với thiên nhiên lại là các thần linh. Các thần linh này là Các Quyền Lực và Những Cái Tên. Nhưng nếu linh hồn đạt đến sự giải thoát, nó được nâng cao hơn Các Quyền Lực và Những Cái Tên. Trong các truyền thống cổ mức độ cao nhất của linh hồn không có tên.

Kinh Kabbala cho rằng *Jehova* - bốn chữ cái *Jod Hé Vau Hé* - mang ý nghĩa: toàn thể các đặc tính của Thượng Đế, nhưng ngay trong sự Thống nhất cũng có nghĩa là một sự sống tuyệt đối không thể đặt tên, không thể nắm bắt. Theo truyền thống Do Thái, *átman* không có tên; từ này: *átman*, là Thượng Đế cao nhất, kẻ không còn là sức mạnh Quyền Lực và Tên Gọi: *Brahman* đã mang lại trạng thái cổ của linh hồn, của sự sống. Đây là tính chất siêu nhiên không thể gọi tên, mà tác phẩm *Dionüsziosz Areopagita* từng nói đến, và tác phẩm này đã đem đến cho thời trung cổ châu Âu một truyền thống cổ của sự sống phổ quát, vô giá, không tài nào nắm bắt nổi.

Linh hồn trần thế đã hiện thực hóa trong trạng thái *szamadhi: arhat*, kẻ ý thức rằng vẫn còn các sức mạnh, các khả năng, các đặc tính, nhưng không bao giờ xuất hiện các cái Tôi của nó nữa. Giờ đây chúng chỉ là các công cụ, như chính bản thân cái Tôi cũng thế. *Arhat* sống trong sự thống nhất hoàn toàn của sự sống, trong *kaivaljam*. Đây là sự giải thoát, là sự hóa thân, là thiên khai, là linh hồn đã trở về nhà - *buddha*: là sự thức tỉnh hoàn toàn.

Linh hồn đã tháo bỏ hoàn toàn cái gì không phải là linh hồn, không phải là hiện thực, cái chỉ là *maja*, ảo ảnh, tên gọi. Linh hồn được nâng lên từ các nhân tố quyết định, từ *upádhi*. Nó đã đạt tới sự sống tràn đầy, trong sạch, rạng rỡ, đến *thelesma*, đến đời sống cơ bản (*rasza*), nó đã đạt đến hạnh phúc, bởi sự sống nguyên mẫu chính là niềm hạnh phúc.

6.

Nếu con người trong đời một lần đạt tới sự tỉnh táo cao nhất của linh hồn và tan vào trạng thái ấy, nó sẽ không bao giờ cần quay lại thiên nhiên vật chất nữa, và ấn tượng này đưa nó vượt qua giới hạn đời sống. Đây là trạng thái *nirvikalpasamadhi*. Đây là lúc con người đã đạt tới sự thức tỉnh và quay trở lại thiên nhiên vật chất, là *arhat*, và không bao giờ còn là cái Tôi con người nữa, mà là con người cổ, là sự hiện thực hóa trạng thái cội nguồn *homo aeternus*, sự hiện thực hóa trong ý nghĩa phổ quát.

Con người này đã hoàn thành Tác Phẩm Lớn, như truyền thống Hermes đã dạy. Nó tách khỏi Mẹ Mặt Đất, khỏi Magna Mater và bước vào cuộc hôn nhân với sự Thông Thái, với Sophia, Trinh Nữ Trời. Sophia là mẹ, người yêu, và là vợ, con gái của linh hồn đã nhập định.

Tác phẩm lớn của nhập định đã hoàn thành. Nó đã đạt tới mức độ như tác phẩm *Tabula Smaragdina* tuyên bố: “*Cha nó là mặt trời, mẹ nó là mặt trăng, không khí mang nó trong dạ con và mặt đất cho nó dinh dưỡng*”. Trong nó sự tỉnh táo âm dương thức tỉnh, cơ thể nó biến thành khí, hay nói đúng hơn thành tinh thần, thành *száhu*, và đất nuôi dưỡng nó: nó vẫn tạm thời sống ở mặt đất.

Nhưng đây là con người: “*Sức mạnh của nó không suy chuyển, nếu nó quay về với đất*”. Có nghĩa là: nó có thể tự do hành động, suy nghĩ, dạy dỗ, cai trị, lãnh đạo - sức mạnh của nó còn nguyên vẹn. Nó không còn các hạn chế, các dục vọng, các thành kiến, các khát vọng cá nhân, các bản năng giấu giếm. Cái tôi của nó không là gì khác ngoài như một công cụ để thông qua đây nó tiếp xúc với con người trong thiên nhiên vật chất.

Nó đã hiện thực hóa *dharmaka*, và dạng hình sự sống thiên khai của nó là: sinh linh phổ quát (*dharmadhātu*), sự Thông Thái sáng ngời như gương (*aksobhja*), cái làm đẹp thế gian (*ratnasambhava*), tri thức

sáng sửa (*amítábha*), và Quyền Lực ngự trị trên mọi biến đổi (*amoghasziddhi*) rạng ngời trong nó. Bởi vì kẻ nhập định không thực hiện chính bản thân mình, mà thực hiện tính chất của sinh linh và của sự sống hoàn hảo, bất tử và phổ quát. Nó là con trai của Thượng Đế: truyền tải những sức mạnh siêu nhiên.

Mục đích của tất cả mọi nhập định là nâng con người lên sự thống nhất của sự sống, và trên con đường chiêm đoán (*divináció*) đạt tới mục đích, sau đó con người đã hóa thân, đã giải thoát, đã trả lại sự thống nhất của sự sống, quay trở lại trần thế và ở đó nâng nhân loại lên cao cùng với nó: *Veda*, *Đạo Lão*, *Hermes Trismegistos*, *Kabbala*, *Zarathustra*, *Pythagoras* và toàn bộ truyền thống cổ đều đã dạy dỗ như thế.

Phần thứ năm
SỰ TƯƠNG ĐỒNG

I. Ngôn ngữ hình

1.

Trong thời kì lịch sử muộn mẫm sau này con người có xu hướng lập luận rằng tất cả những gì là ngôn ngữ hình đều chỉ là đồ trang trí, không liên quan đến bản chất của ngôn ngữ, và cho dù đẹp đi chăng nữa, nhưng trong một quan niệm nhất định, thừa. Bởi vậy người ta coi hình của ngôn ngữ là sự so sánh trắng trợn, là hoa, là đồ chơi, là sự vớ vẩn. Bởi vậy ngôn ngữ thi ca trở thành thứ yếu so với ngôn ngữ tri thức và ngôn ngữ đại chúng.

Con người trong thời lịch sử không biết rằng cái ngày nay gọi là thi phẩm trong thời cổ của con người, và trong hình thái cội nguồn cổ của nó là lời tuyên bố tự nhiên: là lời tuyên bố mạnh mẽ của sự sống cổ siêu việt; chính vì vậy ngôn ngữ thi ca so với ngôn ngữ tri thức và ngôn ngữ đời thường hiện tại không những chân chính hơn, tiên phong hơn, mà còn đúng và hoàn hảo hơn.

Như người ta nói: thi phẩm là tiếng mẹ đẻ của nhân loại. Nhưng cũng như người ta chỉ cho câu nói này là đẹp chứ không thực tế, chỉ là hình ảnh chứ không là bản chất, đã nói lên sự ngờ vực và ấu trĩ hoàn toàn của con người thời lịch sử đối với ngôn ngữ cổ, và ngôn ngữ thi ca bị cho là giả dối, đẹp hóa một cách trái tự nhiên, lộ liễu, phô trương, và trong mọi trường hợp đều bị coi là quá trớn, bởi người ta không hiểu về một sự sống mãnh liệt, mà điều này tự nó đã là một lời tuyên bố.

Có thể nêu ra cả đồng ví dụ nói về những hình ảnh đã mất sức sống nhưng vẫn lưu lại trong ngôn ngữ thời lịch sử là những hình tượng

gì trong thời cổ, không như ngày nay người ta nói: những bản chất chứa đựng ý nghĩa, mà là: những ý nghĩa trực tiếp, ý nghĩa chỉ là phần phụ xuất phát từ đấy. Bởi vì cái người ta gọi là ý nghĩa trong ngôn ngữ, không bao giờ trực tiếp. Cái trực tiếp là ý tưởng, là một cái gì đó vĩnh cửu mà ngôn ngữ tiếp xúc với nó và nói lên.

Bằng cách này có thể nói, theo ngôn ngữ cổ, từ “thanh gươm” cùng bản chất với ánh sáng siêu việt, có hai mặt, có đầu nhọn và có sự nguy hiểm của nó, để tấn công và bảo vệ, là một công cụ tích cực tuyệt đối, là công cụ của sự cai trị, là chủ nhân của đời sống và cái chết. Nhưng thật là giả dối, nếu kẻ nào coi đây chỉ nói về sự tượng trưng tính chất. Mối quan hệ giữa thanh gươm và từ ngữ không mang tính tượng trưng, hay đúng hơn, ý nghĩa không bao hàm mà là ý nghĩa trực tiếp.

Cái roi da chỉ có nghĩa là bằng sự quất của đạo luật, kỉ luật, quy tắc, chúng ta được bảo vệ - Herakleitos tuyên bố. Còn: cái đỉnh là sự chung thủy, kính râm là ảo ảnh, thánh giá là ánh sáng, vòng tròn là sự hoàn hảo, bàn tay là hòa bình, là tình huynh đệ và tình thương yêu, ngôi sao là linh hồn được tôn vinh, vàng là sự thông thái, bạc là tri thức, màu xanh dương là sự thật, màu xanh non là tuổi trẻ vĩnh cửu, màu đỏ thắm là tình yêu thương. Ý nghĩa trực tiếp như vậy cũng có với các màu sắc, với tứ chi con người, với các con vật, các cây cỏ, các loài hoa, các dụng cụ trong gia đình.

Con người lịch sử tưởng ý nghĩa trực tiếp này là thứ yếu, là nhân tạo, ra đời muộn màng và mang tính chất thi ca, họ biết đâu rằng đây mới là điều đầu tiên, tất nhiên, mang tính cổ xưa và trực tiếp. Toàn bộ sự hiểu biết về con người thời cổ, nhân loại cổ, và toàn bộ thời cổ dựa trên sự thấu hiểu ngôn ngữ hình này.

Nếu ai chỉ nhìn thấy trong các hình ảnh văn bản cổ sự khuếch trương thi ca, tô vẽ thừa vớ vẩn, kẻ đó không phương cứu chữa. Kẻ đó sẽ không hiểu, không biết tiếp cận cũng không hề biết cách hiểu về con người thời cổ. Còn kẻ cho rằng thứ ngôn ngữ trừu tượng và khô khan của thời lịch sử hoàn hảo hơn ngôn ngữ hình, và cần phải loại bỏ ngôn ngữ hình khỏi ngôn ngữ người ngày nay, kẻ đó chỉ nhìn thấy một tình

huống ngược, và chính vì thế không hiểu nổi ở đây cái gì là cái quyết định.

2.

Bằng một vài từ và vài phác thảo, vì không cần phải giải thích nhiều hơn, ta cần đánh dấu những bến đỗ của ngôn ngữ từ thời cổ cho đến thời lịch sử như sau:

1. Ngôn ngữ cổ
2. Ngôn ngữ-ý tưởng
3. Ngôn ngữ biểu tượng
4. Ngôn ngữ huyền bí
5. Ngôn ngữ thi ca
6. Ngôn ngữ dân gian (ngôn ngữ đại chúng)
7. Ngôn ngữ trừu tượng (khái niệm)

Từng bến đỗ ngôn ngữ trùng với sự chín muồi siêu hình học của con người, với bản chất tinh thần phổ quát của nó, sau cùng và trong kết quả cuối cùng của nó là cùng với các mức độ nhập định.

Ngôn ngữ khái niệm mang tính trừu tượng. Các từ ngữ không liên quan đến hiện thực, mà nằm trong mối quan hệ với thế giới của cái trí, được tạo dựng một cách nhân tạo. Khái niệm không có nội dung của nó, chỉ đi theo cái trí của nó: rút ngắn, mô phỏng, công thức hóa, và mối quan hệ của nó với sự vật không phải là hiện thực mà dựa trên sự thỏa thuận.

Phần lớn các từ ngữ trong triết học, khoa học và văn bản nhà nước của thời lịch sử là khái niệm. Khái niệm đã đánh mất ý nghĩa thực chất của nó: bên trong trống rỗng. Đây là Lời đã máy móc hóa, phù hợp với

sự thực hiện các hành động trên bề mặt của sự sống, và với tính chất phi nội dung của nó có thể sử dụng rất hữu hiệu, nhưng như một cái máy, nó trống rỗng và phi bản chất.

Ngôn ngữ dân gian là ngôn ngữ đại chúng, nhất là ngôn ngữ thi ca dân gian, cổ tích, không đồng đều, không cân bằng: trong một số khía cạnh thì giàu có, trong một số khía cạnh khác lại nghèo nàn, nhưng tầm vóc của nó đặc biệt thấp, và so với ngôn ngữ phổ quát đôi khi mang khoảng cách rất xa, giống như ngôn ngữ khái niệm, bởi vì nó dễ dàng tiếp thu các khía cạnh cá nhân, các từ ngữ địa phương, thiếu số, dễ dàng bị pha trộn, dễ dàng bị thu hẹp, khiếm khuyết và hủy hoại.

Ngôn ngữ thi ca là mức độ sống động của ngôn ngữ dân gian. Sức mạnh của ngôn ngữ cổ không đọng lại trong ngôn ngữ dân gian mà trong ngôn ngữ thi ca. Ngôn ngữ thi ca hơn hẳn ngôn ngữ dân gian ở chỗ rất gần với ngôn ngữ cổ. Cái không bao giờ đạt tới của ngôn ngữ hình mà dân chúng sử dụng một cách tinh nghịch phóng khoáng, có thể thấy trong ngôn ngữ thi ca như một ý nghĩa trực tiếp. Nhưng ngôn ngữ thi ca vẫn mất cân bằng hơn ngôn ngữ dân gian, bởi vì ở đây tất cả đều phụ thuộc vào đặc tính của cá nhân.

Xem xét từ các bài kinh Veda, các bài ca của Orpheus và Pindaros trở đi, đến các thi phẩm làm từ những hợp âm từ ngữ mạnh mẽ, ta thấy đây rấy các trường hợp khác biệt cá nhân. Châu Âu trong thời kì lịch sử, từ Homeros trở đi, người ta bắt đầu coi các cảm xúc, các tư tưởng của con người là công cụ thứ yếu, và điều này cho thấy họ không hiểu đặc tính của hình. Họ không biết rằng, trước hết hình nắm lấy toàn bộ con người, chỉ sau đó tiếp đến đến tình cảm, tư tưởng, trạng thái, những thứ mà hình tuôn trào ra trong con người.

Hình đặc trưng này trong thi ca (được gọi là) sự so sánh, là thứ trong ngôn ngữ đại chúng đã bị chìm xuống như một âm thanh trống rỗng. Sự so sánh đã lẫn lộn cái bên ngoài và bên trong, nó tưởng rằng cần phải soi sáng bằng hình, và hình trở thành cái bên ngoài, mặc dù hình chính là cái bên trong, và đây mới là cái cần phải soi sáng.

Trong ngôn ngữ huyền học không có sự nhầm lẫn như thế. Huyền học biết chính xác cái gì có bên trong và cái gì có bên ngoài, và biết rằng tuyên ngôn bằng ngôn ngữ là khả năng duy nhất của sự phản chiếu.

Ngôn ngữ biểu tượng đứt đoạn khỏi ngoại hình, ngôn ngữ-ý tưởng đứt đoạn khỏi cái trí. Chính vì vậy cả hai lời tuyên ngôn này mang tầm vóc cao hơn ngôn ngữ huyền học vì vẫn còn quan tâm cả đến ngoại hình lẫn cái trí. Biểu tượng, có vẻ như cất giấu điều nói ra, và nói ra điều cất giấu. Trong hành vi nghịch lí này có sự thu hút đặc thù, và sự thu hút đặc thù này có thể biến thành cái so sánh với ngôn ngữ cổ.

Còn ngôn ngữ-ý tưởng là lời tuyên ngôn của nhận thức siêu nhiên: giờ đây đã là duy nhất, không thể nắm bắt, ngoại lệ, tuyệt đối, gắn chặt với khoảnh khắc và không thể nhắc lại. Những cuốn sách thiêng cổ và một vài vị trí hiếm hoi của vài nhà thơ và nhà tư tưởng ngoại lệ của thời lịch sử lên tiếng bằng thứ ngôn ngữ này: ngôn ngữ tuyệt đối của lời tuyên bố khởi nguồn.

Ngôn ngữ cổ đối với cái trí, với nhận thức, với cảm xúc bên trong lẫn bên ngoài là lời tuyên bố đầu tiên không thể đạt tới, không thể nắm bắt được. Trong thời cổ ngôn ngữ là như vậy, toát lên từ các văn bản, là ngôn ngữ của các nhà thông thái, tiên tri, các thần linh, các chủ thể thần thánh. Con người sống trong thiên nhiên vật chất chỉ có thể hiểu thứ ngôn ngữ này như một biểu lộ của nguồn cảm hứng, khi *“thông qua con người các quyền lực lớn hơn lên tiếng”*. Dấu hiệu để nhận ra ngôn ngữ cổ là trong các từ ngữ tuyên ngôn phản ánh ý nghĩa cội rễ của nó, cường độ cội rễ của nó, sự căng thẳng tạo dựng và quyền lực phản ánh của nó.

Lời tuyên bố tuyệt đối khi giáng xuống và đạt tới ý nghĩa biến thành ý tưởng; và khi liên quan tới cái bên ngoài, biến thành tượng trưng; và khi hình và cái trí bắt đầu xuất hiện trong nó, biến thành huyền bí; và khi ý tưởng, sự tượng trưng, huyền bí trong nó mờ nhạt đi, biến thành ngôn ngữ thi ca; và khi ngôn ngữ thi ca cũng bạc dần, lúc đó

xuất hiện ngôn ngữ đại chúng, và đến khi cả nội dung của ngôn ngữ đại chúng cũng biến mất, khái niệm được hình thành.

3.

Tử thư Ai Cập dịch sát nghĩa là: Bước Ra Khỏi Ban Ngày. Trước hết đây là cuốn sách của những người Đã Chết, là kẻ dẫn đường linh hồn sang thế giới bên kia, là cuốn sách của linh hồn từ đời sống bước sang thế giới bên kia.

Nhưng con đường mà linh hồn và mọi linh hồn sau cái chết đều cần phải thực hiện trong mọi hoàn cảnh, con đường này linh hồn có thể thực hiện từ quyết định riêng của mình khi vẫn còn ở trong thiên nhiên vật chất. Bởi vậy *Tử thư Ai Cập* không chỉ là sách của những người Đã Chết, mà còn của sự nhập định nữa.

Kẻ đợi nhập định cũng cần phải bước ra khỏi đời sống như thế, cần phải bước quá các ngưỡng của sự tăm tối y như những kẻ đã chuyển đời. Con đường của thế giới bên kia cũng đúng như con đường của nhập định: cả hai đều bước ra khỏi ban ngày, đều là sự tháo bỏ từ từ các ảo ảnh của thế gian vật chất, và từ từ nhận thức ra một hiện thực siêu nhiên, phi vật chất.

Nếu với cách tiếp cận như vậy đến với *Tử Thư Ai Cập* cuốn sách sẽ mở ra những bí ẩn mà thiếu sách này con người sẽ không bao giờ biết tiếp cận. Giữa các bí ẩn này có những điều tận cùng liên quan đến ngôn ngữ như một tuyên ngôn của tinh thần tỉnh táo. Bởi vì tinh thần từ các mức độ nhập định, hay giống như linh hồn người đã mất từ các ngưỡng của thế giới bên kia, nếu đi đúng đường, sẽ trở nên ngày càng sáng rõ và rạng rỡ.

Theo cuốn sách, tinh thần: “ngày càng giống kẻ đang sống trong không khí dưới nắng mặt trời”. Sự thay đổi mà con người trải qua,

không phải sự hoàn hảo hóa. Linh hồn không to lớn hơn, rộng hơn, sâu hơn, sáng sủa hơn, siêu nhiên hơn. Linh hồn rốt cuộc chỉ lấy lại bản chất cổ của nó, mà nó đã đánh mất cùng sự đắm chìm vào thiên nhiên vật chất.

Con người nhận lại thiên tính cội nguồn của nó, và *Tử thư Ai Cập* có thể là cuốn sách quan trọng nhất nói về con người từ các ngưỡng khác nhau đã lấy lại các bộ phận cội nguồn của mình như thế nào, lấy lại trái tim, tứ chi, hình dạng tinh thần, cơ thể bất tử mang thiên tính của mình, lấy lại *szahu*, ý nghĩa thiên tính của mình - bằng cách nào lấy lại một lần nữa cái tên bất tử đã bị mất của mình, và lấy lại như thế nào Lời mang thiên tính của mình.

Các ngưỡng mà linh hồn cần phải bước qua là những câu hỏi và mang hai ý nghĩa. Mọi bậc thang của ngưỡng: hoặc lên hoặc xuống. Con người hoặc đi lên, đến gần với trạng thái cổ, hoặc không làm được điều này, lúc đó rơi xuống sâu hơn nữa vào thiên nhiên vật chất. Con đường hoặc lên hoặc xuống; nhưng đồng thời vào trong hay đi ra. Bởi vì con đường đi lên quay vào trong, con đường đi xuống quay ra ngoài.

Quay vào trong có đường đi lên, phía này có ánh sáng, có sự tỉnh táo, có tinh thần và sự sống siêu nhiên; Quay ra ngoài có đường đi xuống, phía đó có bóng tối, sự mờ dẫn và vật chất. Trên con đường quay vào cao nhất có con người siêu việt, tri thức siêu việt. Trên con đường quay ra, dưới đáy cùng là lớp chắn phủ ngoài cùng của thiên nhiên vật chất: sự tăm tối bên ngoài.

Tử thư Ai Cập đánh dấu hai vị trí cuối cùng này bằng tên hai vị thần: con người trời, sự tỉnh táo, Thần “*kẻ ghê tởm sự mê ngủ*” là Mặt Trời, Oziris; Còn sự tăm tối bên ngoài, sự mờ dẫn, vật chất: Seth. Con người cần từ thế giới của Seth đi sang thế giới của Oziris, cho dù, như linh hồn của người đã chuyển dời từ mặt đất, vượt qua các ngưỡng của thế giới bên kia, hay cho dù, như kẻ đờn nhập định, bước về phía các mức độ nhập định.

Cái (được gọi là) ngôn ngữ ở mức độ tăm tối bên ngoài đầu tiên, là một cái gì tăm tối và ngoại hình là thứ không liên quan chút gì đến lời tuyên bố của linh hồn. Đây là thứ ngôn ngữ thuần túy tăm thường, trống rỗng, tào lao - trôi trên bề mặt, là ngôn từ phi bản chất, lập tức bốc hơi, rỗng. Đây là ngôn ngữ đại chúng.

Nhưng linh hồn cần ngay lập tức lấy lại ngôn ngữ cội nguồn của nó. Từ tất cả các ngưỡng của thế giới bên kia, từ tất cả các mức độ của nhập định, nếu linh hồn trải qua một cách thành công, nó sẽ càng tỉnh táo hơn: và nếu càng tỉnh táo hơn, hiện thực sâu sắc hơn sẽ càng mở ra trong nó, và hiện thực sâu sắc hơn sẽ càng bộc lộ nhiều hơn cho nó.

Linh hồn ngay từ đầu đến cuối lang thang giữa các hình. Trên tất cả các ngưỡng, các hình khác nhau tiếp đón nó: rắn, cá sấu, bọ cạp, côn trùng, chim, lợn rừng - có thể một nữ thần hoặc vị thần. Thử thách của linh hồn là nó có thể hóa thành một cái gì đấy mà nó muốn một cách bất lực và định mệnh. Nó đã hóa thành vật chất như thế đấy trong buổi đầu của thời gian cổ, khi nó thèm muốn vật chất, rồi nó từ từ hóa thành tinh thần như thế đấy, nếu từ sâu thẳm bản chất, nó cần tinh thần. Bởi vậy các hình đứng sừng sững trên các ngưỡng: để thử thách và quyến rũ các linh hồn. Các loại động thực vật xếp thành hàng như thế đấy: hoa sen long lanh sương, thần Ptah, chim Bennu, linh hồn lửa nghi ngút, chim én, rắn.

Giờ đây linh hồn đã đứng trên một mức độ cao không đo nổi so với lúc nó xuất phát. Khi sống trong bóng tối, nó hoàn toàn đui mù. Giờ đây nó thấy. Lúc trước, ngôn ngữ của nó chỉ là sự ba hoa hỗn loạn và vô nghĩa; giờ đây nó nhận biết về các hình và biết gọi chúng. Đây là ngôn ngữ hình: mang tính thi ca, tính huyền bí, tính tượng trưng. Sự tỉnh táo của linh hồn con người đã chín muồi, để không đắm chìm trong sự đa dạng vật chất của cảm giác, và xướng gọi nội dung vô nghĩa của đa dạng hóa, mà để thốt lên một hiện thực hóa của hình khi nó đã thấy hiện thực.

Khi kẻ nhập định đạt tới mức độ Oziris, hay là lúc kẻ chuyển dời từ trái đất đến được với Oziris, nó nhập vào con thuyền ánh sáng và tan

ra trong Thượng Đế, trong Thần - biến thành sự sáng sửa rạng ngời, ngôn ngữ hình cũng chấm dứt, bởi vì các hình cũng tan hòa trong sự hoàn hảo của sự sống tuyệt đối. Đây là thân thể vĩnh cửu, là *szahu* siêu hình, siêu dạng. Ngôn ngữ của *szahu* là lời tuyên bố tạo dựng đầu tiên của tinh thần.

4.

Ngôn ngữ chỉ có thể đứng ở hai đầu của sự sống không hình: hoàn toàn bên dưới, nơi chỉ có khái niệm, hoặc lời trống rỗng; và hoàn toàn bên trên, nơi là lời tuyên bố đầu tiên siêu hình, siêu dạng. Ngôn ngữ cần phải trở thành hình dạng khi rơi xuống các vòng của sự sống. Hình là cái đánh dấu và xướng lên, để sự vật được kinh nghiệm bằng xúc giác, thực thể được nhận biết, hiện tượng tự nhiên và sự kiện của nó không mang tính cội nguồn. Cội nguồn là: ý tưởng (idea). Hình là bản sao của thực thể, sự vật, hiện tượng và sự kiện. Là ảnh của nó.

Con người lịch sử khi coi và cho rằng hình trong ngôn ngữ là sự trang trí lộ liễu, họ đã không hiểu rằng hình là sự chỉ dẫn ngược lại đến cái cội nguồn. Sự chỉ dẫn ngược lại của thanh gươm là đến quyền lực tạo dựng và sự ngự trị của Lời; cái roi da chỉ dẫn ngược lại đến kỉ luật và luật lệ; con bướm chỉ dẫn đến linh hồn; cái đình chỉ dẫn đến sự chung thủy. Các khuôn mặt, chi, bộ phận thân thể người, toàn bộ hoa, chim, động vật, các màu, âm thanh đều chỉ dẫn ngược lại đến cái cội nguồn: các ý tưởng của các chi, các loài động vật, các loại hoa, các màu sắc.

Bởi vì ý nghĩa trực tiếp và lời tuyên bố của hiện thực nằm trong ý tưởng. Chính vì thế con người lịch sử, khi coi hình là trang trí và thừa, đã không hiểu bản chất của ngôn ngữ. Bản chất của ngôn ngữ không xướng lên sự giống nhau giữa các đồ vật, mà trải rộng sự tương đồng

giữa các đồ vật của thế gian. Ý nghĩa của hình không phải là sự so sánh mang tính chất thi ca, mà là: sự tương đồng siêu hình.

Sự tương đồng trước hết mang ý nghĩa là sự phù hợp, trộn lẫn vào nhau, hòa hợp nhau, nhưng đây là sự hòa hợp chỉ dẫn về phía tự nhiên và về phía cội nguồn chung. Giữa Lời và thanh gươm có sự tương đồng; cũng như có tương đồng giữa cái đỉnh và lòng chung thủy, giữa màu đỏ thắm và tình yêu thương, giữa bàn tay và hòa bình.

Sự phù hợp và chỉ dẫn này tồn tại một cách trực tiếp trong mọi ngôn ngữ cổ, nếu ai không hiểu tầm quan trọng của sự phù hợp và chỉ dẫn này, người ấy sẽ không thể hiểu sự khác biệt cơ bản của con người cổ từ con người thời lịch sử: con người cổ nhìn thấy sự tương đồng một cách trực tiếp, họ sống cùng, tuyên bố và luôn phát hiện ra những tương đồng mới, họ luôn nhìn thấy các hình mới và những hòa hợp mới thường xuyên mở ra cho trực giác siêu nhiên của họ.

Các hình trong ngôn ngữ cổ không phải là những so sánh mang tính thi ca, mà chính là những phù hợp của các hình cổ, của ý tưởng (theo nghĩa của Platon), chúng không là gì khác ngoài những sự phù hợp của tri thức và nội dung tiên nghiệm (*transcendental*).

Ngôn ngữ ngày nay cũng đầy rẫy hình, nhưng các hình này đối với con người thời lịch sử mang ý nghĩa ngược lại so với con người cổ: ngày nay người ta nhìn thấy tính chất quá độ là thứ mà ngày xưa là tính chất trực tiếp. Đây chính là khó khăn lớn nhất để hiểu thời cổ đại. Không chỉ các hình tượng trong từng câu nói, mà sự vô tận của các huyền thoại, các biểu tượng đối với con người thời lịch sử khiến họ không chấp nhận nổi những lời tuyên bố cổ.

Họ không hiểu làm thế nào để tiếp cận lịch sử của các dân tộc, khoa học, vũ trụ học, siêu hình học. Họ tiếp nhận một cách đầy nghi ngờ những cuốn sách lịch sử của Herodotos đúng như với siêu hình học của Thales hoặc của Parmenides, với lịch sử tạo hóa của Bundeheh, hay với những lời bình luận của Kinh Dịch và Upaisad. Họ hoài nghi đọc Sách Sáng thế (Otestamentum Genezis), thậm chí coi thường, bởi họ đã

đánh mất sự nhạy cảm về biểu tượng, về sự huyền bí, về ý tưởng và về hình. Họ không biết rằng các huyền bí và các hình, cùng các biểu tượng và các ý tưởng chính xác vô cùng tận, so với nhận thức và định nghĩa nhân tố của ngôn ngữ khái niệm hoặc ngôn ngữ đại chúng. Chính xác hơn bởi vì ngôn ngữ cổ nằm trên nền tảng tương đồng.

Trong văn bản cổ *Tabula Smamgdina* Hermes Trismegistos viết: *“Cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới; Cái có ở dưới cũng tương tự như cái có ở trên”*.

Luật này tồn tại trong những cuốn sách cổ Trung Hoa y hệt như trong kinh Veda, trong kinh Kabbala, ở Pythagoras cũng như ở Herakleitos, khi tuyên bố: *“Con đường đi lên và đi xuống tương tự nhau”*. *“Hades và Dionüsos là một”*. *“Cái chết là bất tử, cái bất tử sẽ chết, đời sống của nó là cái chết, cái chết của nó là đời sống”*.

Giữa các thực thể, các sự kiện và các hiện tượng có mối liên quan và mối quan hệ không thể tách rời đến mức cái này có thể thay thế bằng cái kia. Cái có ở dưới không là gì khác ngoài cái có ở trên - đời sống của thiên nhiên vật chất không là gì khác ngoài bản sao của đời sống vũ trụ, và đời sống vũ trụ không là gì khác ngoài bản sao của thế giới tinh thần. Ta không hiểu các sự vật khi ta tách rời chúng và nhìn trong bản thân chúng để định nghĩa, thực chất chúng có quan hệ với nhau, và đứng trong một xâu chuỗi không đứt đoạn, và chạm đến cội nguồn.

5.

Không được phép lẫn lộn ngôn ngữ hình cổ với ngôn ngữ so sánh mang tính thi ca ngày nay. Đằng sau ngôn ngữ so sánh thi ca ngày nay là sự quan tâm của các xúc giác tạo dựng trên sự giống nhau bên ngoài giữa các sự vật. Còn ngôn ngữ cổ xây dựng từ Analogia (tương đồng), và tương đồng nhìn thấy sự đồng nhất bên trong của các sự vật: đồng

nhất trong sự khác biệt và khác biệt trong sự đồng nhất. Nền tảng của thấu kính và tư duy tương đồng mang tính chất siêu hình học. Bởi vì sự tương đồng là sự đồng nhất siêu cảm giác giữa các sự vật - sự đồng nhất trong thế giới tinh thần, ở trên, trái ngược với cái thoát nhìn trong thế giới vật chất ở dưới, bởi vì: cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới. Con đường đi lên và đi xuống tương tự nhau.

Nếu hiểu lối tư duy tương đồng và trong một trường hợp nhất định, không ví dụ nào được sử dụng tốt hơn điều mà từ kinh Veda đến Swedenborg con mắt nhạy cảm với kinh nghiệm siêu giác đã biết: đây là biểu tượng về thực thể người. Lối tư duy tương đồng cho biết, vũ trụ không là gì khác ngoài chính con người, và con người không là gì khác ngoài chính vũ trụ. Muộn mẫn hơn, thông tục hóa và gần như trong dạng hình rỗng, đây chính là mối quan hệ của đại vũ trụ và tiểu vũ trụ như người ta thường nói: con người là tiểu vũ trụ, còn vũ trụ là con người lớn.

Li-Ki cho rằng: *“Nếu người quân tử ngồi trên chiếc ghế của vua và tinh thần tỏa sáng từ người ấy, giữa người với người không có bệnh tật, dịch bệnh không tấn công gia súc, cỏ dại không lấn át lúa mì, các quan chức địa phương không hoạch hợ, và sự trừng phạt không cần cho dân chúng”. “Nếu bệnh tật đến với con người, bệnh dịch đến với gia súc, cỏ dại mọc đua với lúa mì - chính là vì những ngôi sao trên trời không đi đúng luật con đường của chúng, sao trên trời không đi đúng luật vì người ta đã bỏ bê các đền thờ, chùa chiền.”*

Đây là Analogia-sự tương đồng. Đây là sự đồng nhất siêu giác giữa các sự vật, mà chỉ cần một điểm bị nhiễu, lập tức cái toàn thể bị nhiễu. Khi người ta bỏ bê đền thờ chùa chiền - xuất hiện dịch bệnh, bệnh tật, và mùa màng hỏng; các ngôi sao bị thay đổi quỹ đạo của chúng. Tại sao? Bởi vì giữa đời sống của gia súc, sức khỏe của con người, mùa màng và quỹ đạo của các ngôi sao ẩn náu sự đồng nhất.

Bên trong vòng quay của thực thể người, sự tương đồng có thể tháo gỡ hoàn toàn. Một cái gì đấy, mà người ta gọi là cá tính, đặc điểm cá nhân, là cái không thể chia sẻ, có thể nhận ra trong một dạng hình

xác định. Dạng hình này có trọng lượng, màu sắc, độ cứng, khung xương, bắp cơ, tóc, mắt, khuôn mặt, da của nó. Trong toàn bộ đặc tính ngoại hình ẩn giấu một đồng nhất nào đó trong lời nói, giọng, trong cử chỉ hành động của nó.

Trên nền tảng của sự đồng nhất này là môn tướng mạo học, môn bói tay, khoa học về tay, bởi vì từ hình dạng, màu sắc, độ cứng, từ các đường vân tay, độ dài của các ngón tay, hình dạng của móng tay, có thể nhận dạng con người, y như từ chữ viết, từ khuôn mặt, từ cách đi đứng của nó. Nhưng khuôn mặt, bàn tay, chữ viết, hình dáng chỉ dẫn trở lại chính bản thân thực thể. Giữa mọi thể hiện, bộc lộ, đều có analogia-sự tương đồng.

Nhưng giữa đời sống bên trong của thực thể với môi trường, cũng như sự sống mang tính lịch sử bên ngoài của cộng đồng cũng có analogia-sự tương đồng. Những thực thể người nhất định phù hợp với cộng đồng nhất định và các hình thức xã hội nhất định phù hợp với các thực thể người nhất định. Giữa toàn bộ những điều này sự mê muội và tinh táo cũng có quan hệ tương tự với nhau giữa từng con người, cũng chính xác như vậy các trật tự xã hội đứng trong mối quan hệ với nhau. Đẳng cấp xã hội trong linh hồn người phù hợp với trật tự của sự tinh táo. Nhưng chưa hết.

Hình dạng cơ thể người phù hợp với linh hồn người, và đời sống tập thể cộng đồng của con người phù hợp với thực thể người. Nhưng dạng hình tập thể cộng đồng không thể là gì khác ngoài số phận mà cộng đồng trải qua, hay nói đúng hơn hành vi tập thể luôn luôn bao trùm lên lịch sử của cộng đồng. Nhưng lịch sử (số phận) cộng đồng không chỉ là một vị trí chiếm lĩnh trên trái đất mà nó còn có quan hệ với vũ trụ, như Li-Ki đã nói, với quỹ đạo của các ngôi sao. Analogia-sự tương đồng ở giữa thế giới linh hồn của từng con người, giữa đời sống cơ thể của nó, giữa số phận cộng đồng của nó, giữa trật tự đời sống, lịch sử và quỹ đạo sao của nó. Đường đi của các ngôi sao chỉ dẫn đến cái cao hơn: đến thế giới của các ý tưởng và thế giới tinh thần.

Analogia-sự tương đồng có nghĩa: cái gì có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới: những ngôi sao nhìn từ mắt con người, các đường chuyển của vũ trụ đi trong lòng bàn tay con người, sức khỏe của gia súc và tình trạng mùa màng thể hiện trật tự đời sống của dân chúng, và từ đền thờ chùa chiền có thể biết nhà vua cai trị xứng đáng hay không.

Như vậy, có thể hiểu trực tiếp analogia-sự tương đồng là gì. Nhìn thấy, nhận ra, hiểu và biết sự tương đồng chỉ có ngần này: nhận thức thế gian trong sự vĩnh cửu, trong mối quan hệ bất tử, trong sự ràng buộc vĩnh viễn của nó. Bởi vậy có thể trao đổi cái này với cái kia, tất cả các hình với hình của sự vật khác: con mắt là hình của ngôi sao, con bướm là hình của linh hồn, các đường vân tay là hình chuyển động của vũ trụ và khuôn mặt là hình của cá nhân, cộng đồng là hình của trật tự bên trong của đời sống người. Ngôn ngữ hình tồn tại trong các hình, sống bằng các hình, bởi vì con người cổ nhìn thấy các hình.

6.

Với câu hỏi cái nào là siêu hình học nằm trong thấu kính tương đồng, hay trong ngôn ngữ hình cổ xưa, câu trả lời vô cùng đơn giản và ngắn gọn: siêu hình học là *hen kai pan*, một và tất cả, hay: tất cả là Một.

Đây là *advaita*. Siêu hình học của tất cả là Một không chỉ là bí mật của Herakleitos, Parmenides, Pythagoras, không chỉ là bí mật của người Ai Cập, của kinh Kabbala, Veda, Kinh Dịch; siêu hình học của tất cả là Một - là siêu hình học của toàn bộ thời cổ có thể nghe thấy, tự nó hiểu ra, là thứ tất cả bắt đầu từ đó, và là hướng mà tất cả mọi tư tưởng đều quay trở về.

Ngôn ngữ hình xuất phát từ: tất cả là Một. Đây là: cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới. Con đường đi lên và đi xuống tương

tự nhau. Tại sao? Bởi vì *hen panta einai* - tất cả là Một. Bởi vậy các nguyên tố có thể đổi chỗ. Mọi đổi chỗ diễn ra trong một sự thống nhất. Cái có, là một phần của Một.

Khuôn mặt con người có nghĩa là đúng cái Một này, như đường vân tay, hay chữ viết hay đặc tính linh hồn, hay trật tự đời sống cộng đồng của nó, hay giá trị của mùa màng, của sự cai trị của nhà vua, hay con đường của các ngôi sao. Tất cả là Một. Nhưng ngoài ra sự liên quan lại không phải sự phù hợp, hay nói đúng hơn không phải analogia-sự tương đồng, sự đồng nhất bí ẩn nằm trong những khác biệt không nhìn thấy trên bề mặt. Các hình nói lên sự đồng nhất bí ẩn này, và bởi vậy, chúng không là các so sánh.

Linh hồn không giống như con bướm mà là con bướm linh hồn bởi giữa linh hồn và con bướm có analogia-sự tương đồng. Hai là một. Nhưng ba cũng là một và năm cũng là một và một trăm cũng là một, trăm nghìn cũng là một, trăm nghìn ngôi sao không giống như linh hồn con người, mà giữa toàn bộ vũ trụ và linh hồn con người có analogia-tương đồng, bởi vì trái với cái bên ngoài thoát nhìn, thế gian và linh hồn là MỘT.

Ngôn ngữ trong thời kì lịch sử cho dù hư hoại và cho dù đã đánh mất mối quan hệ với siêu hình học của nó, vẫn gìn giữ các hình một cách sinh sôi, kể cả khi không có cách nào chiếm lĩnh lại ý nghĩa cội nguồn của hình đi chẳng nữa.

Định mệnh của con người thời lịch sử không ở chỗ nó bị hạn chế, mà ở chỗ hạn chế này nằm trong nhận thức về sự thật cổ và tự nhiên - khi tiếp tục sự bắt buộc đặc thù này, nó không tiếp cận nổi nội dung thật sự của sự sống. Bởi vậy nó không thể nhận thức nổi về các hình thời cổ và cũng chính vì thế không hiểu nổi ngôn ngữ hình. Toàn bộ thời cổ đối với nó là một khu vực bị khóa kín và bị cấm.

II. Chiêm tinh học

1.

Gần đây người ta gọi một phần khá hẹp của chiêm tinh học cổ, một số chương có liên quan đến đặc tính và số phận của cá nhân là tử vi. Trong hình thức này, đây là một điều hoàn toàn sai lầm, vậy mà vẫn cho thấy, chiêm tinh học là một tổng hợp cổ cất giấu sự tương đồng trong các kích thước thể gian, và được sử dụng bằng một phương pháp chính xác.

Siêu hình học của chiêm tinh học chính là siêu hình học duy nhất của thời cổ: tất cả là Một. Và siêu hình học này được xây dựng như thế nào theo định đề của Tabula Smaragdina (*cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới*), cùng với sự xuất hiện của thể gian, với sự hình thành địa lí của trái đất, cũng liên quan đúng như thế với lịch sử của các dân tộc, các giai cấp, các quốc gia và toàn bộ nhân loại, với số phận, cá tính của cá nhân con người, duy nhất chỉ có một câu trả lời: analogia-sự tương đồng.

Một ví dụ là đủ khi nói về sự chinh phục không gian của tử vi, và mặt khác nói về sự giải thích sai lệch của nó. Có vẻ như cần phải nói như sau về các nguyên tắc: chiêm tinh học không là gì khác ngoài một chuỗi kết quả xuất phát từ các nguyên tắc vũ trụ. Đây là chiêm tinh học trong hình thức duy lí khoa học hiện đại (*scientifikus*). Sai. Chiêm tinh học không có các nguyên tắc: đây là bản chất đầu tiên của chiêm tinh học.

Trong chiêm tinh học tất cả là Một. Trong cái tất cả là Một này chỉ mang một định nghĩa khác: cái gì có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới, hay nói như sau: chiêm tinh học mang một định nghĩa khác. Giả thuyết cho rằng trong chiêm tinh học các thực thể và các hiện tượng trái đất do các khúc xạ vũ trụ của các hành tinh quyết định, hoàn toàn không thuyết phục.

Từ định nghĩa này ngay lập tức có thể nhận ra khoa học thời hiện đại đang muốn xây dựng chiêm tinh học theo hình ảnh của nó. Không liên quan gì đến nguyên tắc vũ trụ. Cũng không liên quan gì đến những điều người ta lần theo dấu vết của chiêm tinh học mà phát biểu: chiêm tinh học dựa trên quan điểm địa lí trung tâm thời cổ cho rằng nhân loại cổ tin chắc Mặt Trời quay xung quanh Trái Đất, chứ không phải Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

Về vấn đề này nói thế này là đủ: truyền thống Cận Đông coi Henoch là người phát hiện và thành lập ra chiêm tinh học. Và trong sách của Henoch có những phần chỉ dẫn rõ ràng đến việc Mặt Trời đứng ở điểm chính giữa của Thái dương hệ và tất cả các hành tinh quay xung quanh Mặt Trời.

Kẻ nhảm lẫn là kẻ tin chắc rằng dù hình dung về hệ thống địa tâm hay nhật tâm đi chăng nữa cũng đều là một yếu tố quan trọng như thế nào đó. Trước tiên, thời cổ không coi yếu tố vật chất của hệ thống vũ trụ là quan trọng, cũng giống như thời lịch sử người ta không coi trọng số năm và các dữ liệu, nghĩa là ngoại hình. Cái thời cổ cho là quan trọng là đặc tính matrix của vũ trụ: Trái Đất là hình ảnh cổ của mọi thiên thể. Không vì mọi thứ quay xung quanh nó mà Trái Đất mang vị trí trung tâm, mà bởi vì Trái Đất là hình mẫu cổ và là bà mẹ cổ. Sự sống của mọi thiên thể chỉ có thể hiểu được hoàn toàn từ sự sống của Trái Đất.

Trong quan điểm một hành tinh nào đó chiếm một vị trí chiêm tinh học nào đó, và đứng im hoặc chuyển động, hoàn toàn vô nghĩa. Mặt khác, về điều này điều nọ đều không đáng chú ý đến, bởi ta đã tuyên bố: chiêm tinh học không nói về các nguyên tắc, các trọng tâm lực, các

tia, hay các tác động của vũ trụ, sau rốt không nói về các xác định, mà nói về sự tương đồng, hay về cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới.

Đây là sự tương đồng mà chiêm tinh học dạy dỗ trong quan điểm toàn cầu và thông qua hình ảnh. Các hình ảnh chiêm tinh học sử dụng là các biểu đồ vật và các hành tinh, chiêm tinh học nhận thức ra, một cách trực giác các tương đồng tạo dựng và điều khiển thế gian bằng các ý tưởng, và phân tích kỹ lưỡng hệ thống các tương đồng này.

2.

Tất cả là Một. Các sự vật chỉ khác biệt vì chất lượng sự sống của chúng, vì phương pháp, vị trí chiếm lĩnh trong sự sống của chúng khác. Đây là cái làm cho chúng tách biệt lẫn nhau. Tất cả những điều này có và sống trong vũ trụ, tồn tại làm Một một cách cần thiết và có quan hệ với toàn thể.

Con người cần đến vô vàn hành động, dấu hiệu, biểu tượng, tâm lí, để biết quay trở lại với MỘT, để có khả năng hiểu sự tồn thất mà vì xa rời MỘT nó đã phải chịu đựng: chính vì vậy Tạo Hóa đã cho con người sự đa dạng của các sức mạnh.

Điểm xuất phát của chiêm tinh học: tất cả là Một. Nó biết rằng các thực thể và các sự vật chỉ khác nhau trong các phương cách của sự sống. Chiêm tinh học dạy rằng tất cả các sự vật và các thực thể đều gắn liền với Một và có quan hệ với Một. Bởi vậy chiêm tinh học chú ý đến sự đa dạng của các hoạt động, các dấu hiệu, các biểu tượng, tâm lí mà con người cần, để nhận thức tình huống của nó, và có thể quay về với Một.

Chiêm tinh học sử dụng sự đa dạng của các sức mạnh và các khả năng có trong con người, để nó nhìn thấy rõ các tương đồng, và bằng

sự giúp đỡ của tương đồng thức tinh ý thức và ấn tượng của sự tồn tại cùng với Một. Chiêm tinh học đặc biệt nhấn mạnh: *“Tất cả các thực thể và sự vật vật lí và có xúc giác đều là dấu ấn của thế giới tinh thần và là sự lặp các quá trình diễn ra trong thế giới tinh thần”*.

Sự chuyển động của các hành tinh, quỹ đạo kí hiệu của các con vật đều chỉ dẫn đến thế giới của các ý tưởng: bởi vì ý nghĩa của sự chuyển động và các quỹ đạo là ở đấy. Những sự phù hợp với các tương đồng của các dạng hình thực thể và vị trí vũ trụ không hề cạn. Có sự phù hợp giữa dinh dưỡng, thảo mộc, các thành phần địa khoáng, tài năng con người, hoàn cảnh xã hội, khoảnh khắc lịch sử, bầu khí quyển, màu sắc, con số, âm thanh, nhiệt độ, hơi nước. Số lượng của sự phù hợp là vô tận. Mọi thực thể và sự vật này phù hợp với thực thể và sự vật khác, và điều này phù hợp với hàng nghìn thực thể và sự vật trần thế, vũ trụ, khí quyển, ý tưởng.

Cần một chỉ dẫn ngăn ngừa cơ bản để đừng ai nhầm hoặc đồng nhất chiêm tinh học với khoa tử vi thời hiện đại, là một phần của khoa tử vi thời trung cổ. Chiêm tinh học cổ là một tổng hợp cổ mang duy nhất một bí ẩn, ý nghĩa, nội dung và sự dạy dỗ như sau: mọi thực thể, động vật, thực vật, khoáng chất, chim muông, ma quỷ, côn trùng, đều là tương đồng của một hành tinh nguyên thủy.

Tử vi không chỉ ra sự phụ thuộc của con người, của các dân tộc hoặc các sự kiện lịch sử từ vị trí của các ngôi sao, cho dù tử vi có liên quan đến con người, các dân tộc và các sự kiện lịch sử. Tử vi thực chất là: *mandala* (Mạn-đà-la). Mandala là một hình vẽ về hình ảnh vũ trụ, nhưng ẩn chứa trong đó cả ý nghĩa của sự sống. Mandala là một đồ hình mà cách giải quyết tri thức hay ý nghĩa đạt tới không dành cho nhận thức của con người sống trong thiên nhiên vật chất. Mandala chỉ dành cho tri thức tiên nghiệm, huyền không.

Mandala là một vài minh họa vẽ trong một dạng hình chứa trong một vòng tròn: là hình ảnh một nhân vật sống động, hay mang tính chất hình học, chữ, số, một hình biểu tượng, ảnh hoa, súc vật, cây cỏ, hoa sen hoa hồng, hoa cúc ở Trung Quốc, hoa thược dược ở Mexico. Trực

giác tâm linh nhận ra mandala, và bằng thiền định, trực giác tâm linh có thể tiếp cận với mandala. Khi đắm chìm vào sự tiếp cận mandala con người ra khỏi ý thức thực dụng của thiên nhiên vật chất, và rơi vào thế giới của các ý nghĩa huyền bí.

Tử vi là một mandala như thế, mô tả các dấu hiệu của vòng động vật và vị trí của các hành tinh. Những biểu tượng này không thể tiếp cận bằng ý thức người, hoặc nếu có thể, nó không là gì khác ngoài hình ảnh chiêm tinh học trong một khoảnh khắc nào đấy. Ý nghĩa đích thực của nó chỉ được bộc lộ nếu ai đặt các hình ảnh của vòng động vật và các thiên thể này theo các tương đồng.

3.

Niềm tin cho rằng vị trí vũ trụ của thiên nhiên là đầu tiên, và vị trí của các ngôi sao, quỹ đạo của vòng động vật và sự chuyển động của các thiên thể không có ý nghĩa, niềm tin này sẽ đổ vỡ khi người ta hiểu ra điều sau đây: năm thiên văn kết thúc hoặc bắt đầu khi Mặt Trời đạt tới điểm sâu nhất, hay gần nhất của nó: lúc sao Nhân Mã ở 30 độ và bước sang chòm sao Ma Kết (21 tháng Mười Hai).

Rồi mặt trời bắt đầu từ từ lên cao, ngày bắt đầu dài hơn. Có một khoảng thời gian sự tăng trưởng này tiến nhanh như vũ bão, khi Mặt Trời bước vào chòm sao Bạch Dương, hay khi mùa xuân bắt đầu (21 tháng Ba). Đỉnh cao nhất của Mặt Trời là cuối thời sao Song Tử và lại bắt đầu chìm xuống với chòm sao Cự Giải (21 tháng Sáu). Sự chìm dần này đẩy nhanh đến tận thời của sao Thiên Bình, hay là khi mùa thu tới (21 tháng Chín). Và cũng với phương cách này Mặt Trời một lần nữa lại đạt tới 30 độ (sao Nhân Mã), và rồi lại bắt đầu tăng dần lên. Bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông thay đổi như thế.

Thần thoại cổ mang lại mối quan hệ của vòng tuần hoàn các mùa với số phận con người thần thánh. Con người sinh ra trong chùm sao Ma Kết, trong khoảnh khắc Mặt Trời bắt đầu lên cao; nó đáng ca ngợi trong thời gian Mặt Trời lên cao vùn vụt, với mùa xuân; nhưng từ tình thần của tấm tối nó nhận được một vết thương chết người và bắt đầu rơi rụng, khi ngày bắt đầu ngấn dần từ chòm sao Cự Giải; có ba dấu hiệu đen tối đáng nguyên rủa: Thiên Bình, Bọ Cạp và Nhân Mã - đây là ba ngày mà con người thần thánh tồn tại trong mộ, trong sự đen tối, để đến thời của Ma Kết một lần nữa nó lại được sinh ra và lại được nâng cao.

Trong thời hiện đại quan niệm đã trở thành tập quán cho rằng con người thần thánh chỉ là thứ yếu và thần thoại này chủ yếu chỉ để giải thích và minh họa sự thay đổi bốn mùa trong vũ trụ. Thực ra không hề có chuyện hành trình của các ngôi sao đi theo số phận con người thần thánh, hoặc thần thoại về con người thần thánh chỉ là một tập hình ảnh minh họa sự lên xuống của Mặt Trời. Không có, một mặt vì số phận của người anh hùng Mặt Trời không phải là một sự so sánh sử dụng các hiện tượng thiên văn, mà đây là thần thoại, hay nói đúng hơn là hình ảnh cổ, và đối với tư duy cổ, lối tư duy-so sánh “*tựa hồ, giống như là...*” hoàn toàn xa lạ và chưa từng có. Nhưng mặt khác, sự minh họa không hề có vì ở đây hoàn toàn không hề nhắc đến các hiện tượng thiên văn hoặc ngay cả về yếu tố thần thoại đi chăng nữa, mà ở đây chỉ nói về sự tương đồng.

Đứng về mặt lịch sử số phận và bản chất con người thần thánh lâu đời đến mức không thể so sánh. Cũng đủ nếu con người một lần nữa nhắc đến sự tương đồng và cho rằng vòng tuần hoàn của bốn mùa, con đường của Mặt Trời và số phận của con người có mối liên hệ với nhau. Kẻ sinh ra trong khoảng thời gian thần thoại (gọi là) ba tháng đen tối (từ 21 tháng Chín đến 21 tháng Mười Hai) sẽ khác một kẻ sinh ra trong thời gian mà sự sáng sửa tăng dần (từ 21 tháng Ba đến 21 tháng Sáu.)

Tại sao? Không phải do định mệnh thiên thể, mà vì tất cả mọi con người đều phải tiếp bước theo số phận của con người thần thánh, đúng như vòng tuần hoàn của các ngôi sao, và năm của vũ trụ phải đi theo số

phận con người thần thánh: điều này là một tất yếu tự thân có thể hiểu nổi, khi cần phải đi theo sự thay đổi của các mùa: nghĩa là cần phải đi theo, trải qua, chấp nhận và chịu đựng.

Mỗi con người có quan hệ ở một điểm khác, ở một khía cạnh khác với năm thiên văn, hay nói đúng hơn với số phận của con người thần thánh, vì vậy hình thức, tính chất, mức độ và độ chịu đựng sâu sắc của nó cũng khác nhau. Điều kiện của sự sống người là cần phải chịu đựng sự thay đổi vật lí của các mùa và đây cũng chính là một điều kiện, là cần phải chịu đựng số phận của người anh hùng Mặt Trời.

Giữa vũ trụ vật lí và thế giới Thần huyền bí có sự tương đồng, và điều này con người, tự trong bản thân mình không kinh nghiệm nổi bởi sự tinh táo của nó đã quá thoát hóa, nhưng nó sẽ kinh nghiệm được từ thiên nhiên. Mặt Trời trong một năm có mười hai bến đỗ, cần phải đi qua những bến đỗ này từ khi sinh ra đến lúc chết đi, hay đúng hơn đến lúc tái sinh trở lại.

Có bốn bến đỗ lớn: Ma Kết - sự sinh ra; Bạch Dương - sự phong thần; Cự Giải - sự tổn thương; Thiên Bình - sự suy giảm. Bốn bến đỗ thứ hai: Bảo Bình, Kim Ngưu, Sư Tử, và Bọ Cạp, đây là những dấu hiệu mà chiêm tinh học gọi là những sự răn chắc. Trong các dấu hiệu này vị trí thường xuyên của Mặt Trời như sau: sự tăng lên trong Bảo Bình, sự sáng sủa trong Kim Ngưu, sự rơi rụng trong Sư Tử và sự tối tăm trong Bọ Cạp. Dấu hiệu của các thay đổi trong bốn bến đỗ thứ ba: trong Song Ngư thành ánh sáng, trong Song Tử từ kẻ chiến thắng thành kẻ bị đánh bại, trong Xử Nữ từ ánh sáng thành bóng tối, và trong Ma Kết một lần nữa từ kẻ âm, kẻ đã chết thành người dương, người sống.

4.

Ý nghĩa của các chòm sao mang tính chất liên tục, bởi vì vũ trụ vật lí to lớn và hiện tượng vũ trụ phù hợp với nó: số phận của Thần Mặt Trời đã có sẵn, là một hiện thực không thể thay đổi trong đó toàn bộ các thực thể và các sự vật đã được sinh ra. Các yếu tố thay đổi mang tính chiêm tinh học là các hành tinh, là bảy hành tinh: Mặt Trời, Mặt Trăng, sao Thủy, sao Kim, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ. Với những hành tinh được khám phá mới nhất, sao Thiên Vương và Hải Vương chỉ chiêm tinh học hiện đại sở hữu ý nghĩa của chúng, và sự truyền bá chúng vẫn là một câu hỏi. Cũng đủ, nếu xung quanh các tương đồng ta lấy ra ví dụ vài hành tinh.

Sao Thổ là trạng thái của linh hồn, từ sự hoàn chỉnh cổ và từ vị trí tinh thần của mình, nó rơi xuống và bị chôn vùi trong quên lãng của vật chất đen tối. Sao Mộc phù hợp với trạng thái đầu tiên của linh hồn khi thức tỉnh: một sự bình yên gia trưởng, một hòa bình tươi tỉnh. Sao Hỏa phù hợp với người quân nhân, với chiến tranh, sự chiến đấu, với xung đột của cái Tôi cá nhân: những cơn chạy đua say mê và tàn nhẫn vì quyền lực, vì của cải, vì danh tiếng.

Sao Thổ là thời cổ, sao Mộc là thời hoàng kim, sao Hỏa là thời đồ sắt. Sao Kim (Vệ Nữ) phù hợp với sự sinh sôi nảy nở và hòa bình thế gian: với tình huynh đệ của nhân loại và tính chất tinh thần hóa hiện thực vật chất. Sao Thủy phù hợp với lời ca ngợi tri thức siêu nhiên, là bản khái hoàn ca cuối cùng của con người tinh thần, rằng con người đã giải quyết được nhiệm vụ của mình như một trung gian đứng giữa vật chất và tinh thần. Mặt Trăng tương ứng với tinh thần của con người trong tình huống cận kề cuối cùng vẫn không thể trở thành độc lập, vẫn chỉ là cái gương, chỉ là kẻ tiếp nhận của ánh sáng cổ. Còn Mặt Trời phù hợp với trạng thái sau cùng, khi con người quay trở lại với sự sáng sủa.

Một phù hợp khác: thời kì mang tính chất sao Thổ ở trái đất là thời kì đồ đá, vô sinh, phi sự sống, thời địa chất cổ; thời kì sao Mộc là sự xuất hiện các thực thể sống đầu tiên; thời kì sao Hỏa là thời kì của những con vật khổng lồ, các loài bò sát hung dữ; thời kì sao Kim là thời

kì xuất hiện những động vật có vú; thời kì sao Thủy mang lại trí tuệ con người.

Một phù hợp khác nữa: Mặt Trời là sự đồng nhất của linh hồn với đặc tính sáng sủa trong ánh sáng thời cổ; Mặt Trăng là sự tách rời với sự sáng sủa; trong đặc tính của sao Thủy linh hồn được sinh ra như con người, như thực thể biết nhận thức trên mặt đất; sao Kim là linh hồn con người thức tỉnh nổi tò mò, lòng đam mê muốn quay trở về với MỘT, bởi vậy sao Kim là đặc tính của sự thống nhất: của tình yêu, tình bạn, của cộng đồng; sao Hỏa mang lại những tranh đấu của số phận để sắp xếp lại vị trí, và cần thông qua vị trí vì tinh thần trong con người; trong thời kì của sao Mộc con người hòa giải và yên bình: những viễn cảnh rộng lớn và sâu sắc mở ra: đây là thời kì của hôn nhân, xây dựng gia đình, nuôi dạy con trẻ; trong thời kì của sao Thổ con người đạt tới sự thông thái: đây là thời kì già cả tươi tỉnh, phẳng lặng, bình yên cô đơn và phi dục vọng, khi con người hiểu ra những sự việc sau cùng.

Về các tương đồng thế là đủ. Đủ để hiểu, tất cả nói lên điều gì. Những hình ảnh chiêm tinh học dành cho nhận thức của con người không bao giờ cạn, chỉ là những sự phù hợp gần bó ít-nhiều, những thứ mà ý nghĩa trực tiếp của nó nằm trong sâu thẳm, hay nói cách khác: các ý tưởng nằm trong đó. Linh hồn trong buổi đầu tạo dựng nhìn thấy trực tiếp những ý tưởng này; lần tạo dựng thứ hai, nghĩa là sau khi bị đắm chìm vào vật chất, sau thức tỉnh từ tăm tối, linh hồn chỉ lờ mờ cảm nhận các ý tưởng và chỉ nhờ những ngôn từ của một chủ thể thần thánh, một con người ngoại lệ, nó phát hiện lại một lần nữa các ý tưởng.

Trong lần được tạo dựng thứ hai nó nhầm lẫn các nhân tố, nó quên mất tên và tính chất của các nhân tố là gì. Nó rơi xuống bảy mức độ, chìm vào sự quên lãng tối tăm, giờ đây nó cần phải nâng mình trở lại bảy mức độ. Đây là bảy mức độ, bảy lĩnh vực, bảy vòng của thế gian, bảy hành tinh. Tại đây linh hồn nhích từng bước, khó khăn, ngập ngừng như Platon nói: tất cả các linh hồn đều ở trong mối quan hệ với một trong những ngôi sao vĩnh cửu.

Những sức mạnh nặng nề của sao Thổ kéo nó xuống, các sức mạnh của sao Mộc gạ gẫm nó dừng lại, sức mạnh của sao Hỏa đưa nó đến sự thái quá của đam mê, để đạt được các lợi ích ích kỉ, sức mạnh của sao Kim buộc nó vào các lạc thú, các sức mạnh của sao Thủy thường xuyên dẫn dắt nó lạc đường, các sức mạnh của Mặt Trăng phủ ảo ảnh lên nó.

Nhưng sức mạnh của sao Thổ cũng cho nó sự xem xét, cho cái nhìn sắc bén, sự kiên cường không mệt mỏi và tính kiên trì không lay chuyển; các sức mạnh của sao Mộc cho nó sự kiêu ngạo, tính hài hước, sự kiên nhẫn; các sức mạnh của sao Hỏa đem cho nó lửa, lòng nhiệt tình, sức mạnh hành động; các sức mạnh của sao Kim cho nó lòng tin tưởng, sức khỏe, bè bạn; Sức mạnh của sao Thủy cho nó trí tuệ, sự am hiểu, sự linh lợi; sức mạnh của Mặt Trăng cho nó một thân hình khỏe mạnh, hệ thần kinh vững và trí tưởng tượng dồi dào.

Các tương đồng không chỉ dừng ở chỗ đưa con người và vũ trụ vào một mối quan hệ. Tuổi già phù hợp với ý tưởng của sao Thổ, là đá, sắc màu sẫm, sự cô độc, viễn cảnh, sự nghiêm khắc, sự kiên trì, công việc; phù hợp với ý tưởng của sao Mộc là sự ấm ướt, là thời trai tráng, là màu xanh lá cây, là gia đình, cộng đồng, sự đàm thoại, đời sống nhà nước, sự dạy dỗ và học tập; giữa các trật tự xã hội phù hợp với sao Thổ là sự phục vụ, là người công nhân, thợ mỏ, người nông dân - giữa các ngành nghề thuật là kiến trúc sư, nhà điêu khắc, bởi họ làm việc với đất và đá, - giữa những người lao động trí óc là nhà khổ hạnh, nhà huyền học, triết gia, bởi vì những người này là những con người cô đơn.

Giữa các trật tự xã hội phù hợp với sao Kim có thương gia, họa sĩ và những người làm nghề liên quan đến sự trang trí, với màu sắc: người làm vườn, thợ cắt tóc, thợ may, thợ kim hoàn, thợ thuộc da - cũng như phù hợp với sao Thủy là nhà văn, nhà hùng biện, diễn viên, nhà tài phiệt, nhà báo, luật sư - phù hợp với sao Mộc là người làm nghề hành chính, quan tòa, giáo viên, giáo sĩ.

Nếu trong một đất nước kẻ cai trị mang tính chất sao Mộc lên ngôi, sẽ ban rải những tia sáng của sao Mộc mang sự hài hước kín đáo,

sự trang nghiêm từ thiện, tính quang minh, lòng danh dự, văn hóa gia đình, đời sống công cộng trong sạch.

Nếu kẻ cai trị mang tính chất sao Thổ lên ngôi, sự kiêu ngạo hợm hĩnh, lòng ích kỉ mạnh mẽ bao trùm đất nước, con người lãnh đạm không vồn vã, sự nghèo khổ lan rộng, và tất cả những chức vụ cao đều bị những người già nhẵn tâm chiếm lĩnh.

Nếu kẻ cai trị mang tính chất sao Hỏa lên ngôi, dân chúng hiếu chiến, quân đội nắm quyền, chiến tranh bùng nổ, trong nước bạo loạn, chuyên quyền lạm dụng trong đời sống hằng ngày, đời sống gia đình bị bỏ bê và gái điếm đầy rẫy.

Điều này tất nhiên đã đi quá xa so với những gì tử vi thời hiện đại cho thấy; đây là sự ứng dụng phù hợp của các tương đồng vũ trụ lớn.

5.

Chỉ còn thiếu một bước duy nhất nữa là có thể diễn đạt hoàn toàn hệ thống chiêm tinh cổ, vậy mà vẫn cần thử tìm hiểu cái gì làm cho những hình ảnh của chiêm tinh học có thể ứng dụng được. Đây là cái trong mối quan hệ giữa các chòm sao, hay giữa các vị trí của các ngôi sao, hay còn gọi là mối quan hệ giữa chúng với nhau. Các chòm sao này có thể tính trên một nền tảng tính toán vô cùng đơn giản, và giống như Mandala, giữ gìn một khoảnh khắc của đời sống thế gian trong một dạng hình bí ẩn.

Các hành tinh không phải là các yếu tố mà là các biểu tượng nguyên thủy của các ý tưởng: còn các chòm sao là các vị trí vũ trụ mà các yếu tố luân chuyển qua, và trong mỗi chòm sao mang một ý nghĩa khác. Đây là một phần của chòm sao. Còn phần thứ hai là phần các hành tinh ở trong mối quan hệ như thế nào đấy với một khoảnh khắc của nhân gian. Tử vi giải nghĩa mối quan hệ này.

Có ba cách giải nghĩa hình: thứ nhất là hình chụp-một giây; thứ hai là một nét vẽ - hay là một bức họa, hình của khoảnh khắc; thứ ba là tử vi, hình tuyệt đối của vị trí thể gian. Một giây trôi qua trên bề mặt thể gian, vô nghĩa, là cái bên ngoài thuần túy, giả, theo chiều hướng giác quan và ảo ảnh; ảnh chụp không bao giờ đưa lại khuôn mặt, chỉ là hình ảnh mặt của một giây.

Khoảnh khắc ở mức cao hơn; khoảnh khắc gắn bó với toàn bộ đời sống diễn ra trong thiên nhiên vật chất và chỉ ra điều hơn thế; bởi vậy nét vẽ hay bức họa nghệ thuật đưa ra khuôn mặt trong sự sâu sắc và đích thực của linh hồn.

Hình thứ ba là tử vi, trải rộng ra vị trí thể gian, là khuôn mặt trong khía cạnh tiên nghiệm, trong mối quan hệ với các ý tưởng. Ảnh chụp như một giây không mang sự tương đồng của nó: đây là một cái Tôi cá nhân trong bản thân nó, thiếu vắng sự phù hợp, một mình, phi siêu hình học, một hình không có ý nghĩa của nó.

Trong một bức họa, các tương đồng mở ra hàng loạt; trong một khoảnh khắc vật chất và linh hồn và tinh thần, thể gian nhìn thấy và thể gian ý nghĩa bước vào mối quan hệ với nhau. Tử vi biểu hiện toàn bộ các tương đồng: các ý tưởng của nó, các yếu tố của nó, vật chất của nó, linh hồn của nó, đường dẫn số phận của nó, tri thức của nó, trạng thái tình cảm, khả năng của nó. Bởi vậy tử vi nói về vị trí thể gian trong toàn bộ sự sâu sắc và tầm vóc của nó.

Bởi vậy tử vi là mandala: là câu đố thể gian, là hình vĩnh cửu, là ý nghĩa tuyệt đối.

Ở đây không nhất thiết cần bàn đến các quan hệ sáu mươi độ, chín mươi độ, một trăm tám mươi độ trong từng chi tiết của con người. Có những cuốn sổ tay thực hiện điều này, đôi khi bằng những giác quan hoàn toàn đúng, không máy móc theo ý nghĩa của lối tư duy khoa học luận. Còn về những lời giải thích thời hiện đại, trong những văn bản nói về các mối quan hệ “tốt” và “xấu”, “*tất nhiên làm gì có*” - đây là

các thủ đoạn chiêm tinh học thuần túy, là một cách thức bói toán bằng các chòm sao một cách mê tín.

Tử vi vượt rất xa cái tốt xấu: vượt qua đời sống dễ chịu, sự may mắn, sự hưởng thụ đầy đủ, nổi danh, và điều tử vi nói là số phận vĩnh cửu và khuôn mặt vĩnh cửu của con người - một thực thể duy nhất, không lặp lại, không chia sẻ và không xóa đi.

6.

Ai một lần cầm lên tay cuốn sách chiêm tinh học và chỉ nhìn qua sẽ bị sốc khi nhìn thấy một hàng dài những sự phù hợp của các hành tinh trong mối quan hệ với màu sắc, kim loại, thời điểm trong ngày, với minh họa hình học, với con số, với một trong bảy ngày của tuần, với vật chất mô, với đá quý, với những con vật nhất định, với những địa điểm và môi trường nhất định. Họ sẽ bị sốc và cho rằng đây là sự mê tín bởi vì không hiểu ý nghĩa của các tương đồng. Tất nhiên các nhà chiêm tinh học thời hiện đại biết rất ít về sự giải thích ý nghĩa của các tương đồng, bởi vậy rất cần thiết tiết lộ ý nghĩa của các tương đồng là gì.

Một trong những nhiệm vụ của tổ chức tôn giáo thời cổ là gìn giữ mối quan hệ với Các Cha. Các Cha - ở Ấn Độ là *pitri*, ở Iran là *fravasi* ở Trung Quốc là *Tổ* - vị trí tồn tại của họ là vòng tròn của thế giới các tinh tú: là nơi mà các linh hồn chuyển dời cũng sẽ rơi vào. Từ vòng tròn này có thể triệu tập bằng nghi lễ và có thể duy trì mối quan hệ với những linh hồn đã chuyển dời và những hồn ma của Các Cha. Dù bằng mục đích khác vẫn có thể yêu cầu sự hoạt động của Các Cha, nhưng yêu cầu duy trì mối quan hệ này cần đến một trật tự nghi lễ đúng luật, vô thanh, nghiêm khắc. Trật tự này nằm trên nền tảng các tương đồng.

Chủ tế, người muốn triệu tập bất kì ai giữa các hồn ma của Các Cha hoặc những kẻ đã mất, trước tiên cần lựa chọn vị trí và thời gian. Ví dụ vị trí môi trường thuận lợi có thể hoàn thành nghi lễ vào ngày thứ tư, điều cần biết là ngày thứ tư ấy phải đóng ở sao Thủy. Sao Thủy ưa những giờ sớm hoặc muộn, hoặc buổi bình minh hoặc lúc chiều muộn. Màu của sao Thủy là màu vàng, chất liệu vật chất của nó hoàn toàn nhẹ nhàng, kim loại của nó là thủy ngân.

Cần mặc trang phục mang chất liệu sao Thủy, cần đeo vào ngón tay một chiếc nhẫn mang viên đá có tính chất sao Thủy (*krizolit* hoặc *klizofraz*) cần trang trí bằng lông chim mang tính chất sao Thủy, và cần giẫm lên tấm thảm làm bằng da con vật mang tính chất sao Thủy. Nếu thực hiện nghi lễ vào Chủ nhật, ngày của Mặt Trời cần lựa chọn chất liệu vải, kim loại, đá quý, hoa, da thú vật khác và khác nữa, nếu làm vào thứ Hai, ngày của Mặt Trăng.

Vậy cái gì là mối quan hệ giữa các màu sắc, ngày, vị trí, kim loại, đá quý, chỉ kẻ biết câu trả lời cái gì là sự tương đồng mới rõ mà thôi. *“Có sự tương đồng trong cội rễ của toàn thể, là mối tương quan ẩn náu, bí ẩn giữa các sự vật. Tương đồng cũng là nền tảng của phép thuật”*.

Abbé Cosntant trong thế kỉ vừa qua từ nền tảng kí ức của truyền thống đã thử triệu tập bóng ma của Tiana Apollonios về. Ông đã ghi lại tỉ mỉ cảnh bên ngoài và diễn biến của cảnh hồi triệu phép thuật này, rằng cần phải lựa chọn kĩ lưỡng thế nào vị trí, trang phục của nghi lễ, tấm da súc vật, vòng hoa, đồ trang sức - và ngày, thời gian trong ngày, giờ, kim loại phù hợp đúng luật.

Ông không ngớt nhấn mạnh trong nghi lễ phép thuật này một lần nhỏ nhất cũng dẫn nghi lễ đến thảm họa bởi vì thực thể khí được vờn đến mang theo một quyền lực vĩ đại so với sức mạnh của con người sống trong thiên nhiên vật chất. Hoạt động phép thuật, mặc dù vẫn duy trì các quy tắc cần thiết nhưng tác động hủy hoại của nó vẫn rất lớn.

Chỉ ví dụ này cũng đủ để con người hiểu rằng các tương đồng đánh dấu trong những cuốn sách chiêm tinh học giữa các kim loại, các loại hoa, vải vóc, các màu sắc, các ngày, các con số không phải là đồ chơi, càng không phải là sự mê tín. Chiêm tinh học đối với con người cổ không chỉ là khoa tử vi, mà còn là một thực hành phép thuật. Và thực hành này cũng giống như sự tiên đoán tương lai, sự tính toán các sự kiện, việc xướng lên các đặc tính và tài năng của con người, cũng như sự thấu hiểu các sự kiện lịch sử, tất cả đều do sự tương đồng chỉ đạo.

III. Song tử

1.

Huyền thoại kể rằng, nhân loại trong buổi bình minh đầu tiên của thời cổ hạnh phúc vì thỏa mãn những hoàn toàn sống trong vô thức. Niềm hạnh phúc này không là gì khác ngoài việc trái đất như một con vật đẹp nhất. Các thiếu nữ của con người đẹp đến mức các thiên thần còn phải thèm muốn. Một vài thiên thần đã thả lỏng dục vọng nung nấu trong lòng và bay xuống trái đất. Sau đó các thiên thần này dạy cho con người biết bằng đôi tay của mình làm ra các công cụ và xây nhà, thuần hóa lúa mọc dại, súc vật hoang; họ dạy cho con người cách sử dụng lửa và nhận biết sự tuần hoàn của các ngôi sao. Nhưng chưa có tri thức nào con người đạt tới lại lớn bằng tri thức về các con số.

Khoa học về các con số, lí thuyết thần số học hay huyền số học hay siêu hình học về số, tất cả các dân tộc cổ đều biết. Ở Peru và Yucanta người ta sử dụng nó cũng giống như ở Trung Quốc, Tây Tạng, Ấn Độ, Iran, Judea, hay Ai Cập. Pythagoras đem lí thuyết thần số học vào châu Âu và địa phương hóa; rất có thể những dạng hình muộn mằn sau này của nó được Platon lĩnh hội. Dạng hình cổ của nó được kinh Kabbala, Hindu gìn giữ như những kỉ niệm đồng nhất trong truyền thống Kaldeu, Babilon, Ai Cập.

Mới đây nhất Court de Gebelin, khi giải thích ý nghĩa của cách bói bài Digan muốn đưa cội nguồn của con bài này quay về đến tận thời của Hermes Trismegistos, ông nói những lá bài bói số này giống như bói đũa của Trung Quốc, là cuốn sách đầu tiên của nhân loại. Đây là

Tarot, dạng hình muện màng hơn của nó cùng với tarot là Kinh Dịch, là chữ viết tóm của Peru. Cùng với Kipu, chữ viết hình của người Aztek-Maja, người ta có thể hình dung ra những vòng tròn số cổ siêu hình học.

Ngôn ngữ hình cổ với ngôn ngữ khái niệm hoặc ngôn ngữ đại chúng của con người thời lịch sử có mối quan hệ tựa như quan hệ của con số cổ với nhân loại hiện đại. Từ con số của con người lịch sử, từ ý tưởng, siêu hình học, hình, viễn cảnh, từ toàn bộ: sự tương đồng đã bị đánh mất. Con số ngày nay trở thành công thức thuần túy và số lượng trừu tượng.

Nhưng con số cổ không chỉ có nghĩa là ý tưởng và hình. Con số là cội rễ của tất cả các ý nghĩa. Nhận thức của con người trong thiên nhiên vật chất duy nhất chỉ đạt tuyệt đối trên một điểm, đó là: con số. Con số là chìa khóa để nhận thức tinh thần, để có thể mở tất cả bí ẩn của vật chất, và bằng con số nhận thức vật chất cũng có thể mở ra mọi bí ẩn của tinh thần.

Con số là kẻ trung gian lớn, là tri thức sau cùng, là hiện thực đầu tiên có thể cảm nhận, nối những thế gian hữu hình và vô hình lại với nhau. Con số là một trạng thái tâm linh trong đó vật chất thích nghi với tinh thần và tinh thần thích nghi với vật chất. Con số là nền tảng của trật tự, của các giá trị; con số là ý nghĩa cuối cùng của mọi luật lệ; số phận con người, số phận cộng đồng, tư tưởng, cái đẹp, sự thật, sự viên mãn, sức khỏe, tri thức nằm trên các con số. Con số là yếu tố đơn giản không thể dẫn dắt sang cái khác, để trong đó con người trực tiếp quan hệ với sự sống của thế gian.

Trong ngôn ngữ Do Thái lời nói và sách bắt nguồn từ con số, mang ý nghĩa là giọng nói của Thượng Đế: chữ viết và lời nói không là gì khác ngoài sự đếm, và con số là chữ viết và lời nói của Thượng Đế. Tri thức nói về con số là sự nhận biết quá độ, nơi hiện thực cảm nhận và kinh nghiệm được biến thành hiện thực thuần túy tinh thần và là sự biến đổi, nơi các tương đồng kết thúc và tinh luyện thành các ý tưởng vĩnh cửu bất biến.

“Các con số không phải là các ý tưởng mà là ý nghĩa của các ý tưởng; sức mạnh của các thực thể không nằm trong các con số, mà các con số nằm trong các sức mạnh, không được phép tách rời các con số ra khỏi các sức mạnh và các ý tưởng, nhưng nhầm lẫn chúng với nhau cũng không được phép”.

Pythagoras là người cuối cùng của thời cổ đại biết điều này một cách rõ ràng. Ở Platon các ý tưởng, các con số và các sức mạnh đã bước vào một mối quan hệ bối rối hơn, và sự sáng sủa cổ đã bắt đầu trở nên mờ mịt.

Từ thuở đó cho tới ngày nay tri thức này đã hoàn toàn bị quên lãng, ngày hôm nay con số trở thành đơn vị số lượng thuần túy để đếm và nội dung tinh thần của nó hoàn toàn biến mất. Tri thức: con số cùng ba ý nghĩa Thượng Đế-tinh thần-thiên nhiên và vị trí cội rễ duy trì, chỉ đạo mối quan hệ giữa các vòng của sự sống trong con số đã biến mất.

Tri thức cho rằng: nền tảng của tương đồng là con số, đã chìm ngấm. Đây là con số mà Pythagoras gọi là sự hài hòa, Herakleitos đặt tên là logo - bởi logo cũng biểu hiện mối quan hệ giữa hai số, có nghĩa là sự đo lường.

2.

Một khoảnh khắc duy nhất nói về lí thuyết con số chẳng nói lên điều gì, trong tri thức cổ không thể hiểu ra nhanh gọn và có thể nhìn thấu lập tức bất kì cái gì. Thuật giả kim, chiêm tinh học, Kinh Dịch, tầm vóc và độ sâu của tổng hợp cổ và ngôn ngữ Sancrit chỉ sau một thời gian dài nghiên ngẫm mới được trải rộng. Liên quan đến những điều này không gì bằng lí thuyết về các con số. Thoạt nhìn người ta tưởng chỉ là một trò chơi lí thú. Nhưng nếu con người lịch sử nghiên ngẫm sâu hơn, họ bắt đầu bối rối. Không theo kịp nổi hướng tư duy.

Không hiểu về các tương đồng. Ít người lần tới sự nghiêm chỉnh về siêu hình học. Còn để hiểu hoàn toàn chắc không có ai.

Eckartshausen, nhà tư tưởng sống cuối thế kỉ XVIII là một trong số ít người của thời hiện đại chủ yếu chỉ dựa vào nền tảng của những cuốn sách Kabbala nhưng lại có khả năng trả lại nội dung cho lí thuyết con số cổ. Tư tưởng của Platon: *“Thế gian là hình ảnh mô phỏng của các ý tưởng theo các con số”* ông hiểu, và ông biết: *“Kinh nghiệm giác quan là một sự tính toán giả dối”*.

Giả thuyết tương đồng lớn lao của Hermes Trismegistos về lí thuyết các con số: cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới, được nêu rõ như sau: *“Không gì có thể xuất hiện trên thế gian trong hình dạng trần thế mà không phải là một sức mạnh bên trên”*. Dấu hiệu của sức mạnh này là con số. Và dấu hiệu của nó là dấu hiệu trực tiếp, bởi con số đánh dấu một sức mạnh, thứ kết hợp hình thức và sức mạnh với nhau, hay nói cách khác: con số hợp nhất thế giới tinh thần với thiên nhiên vật chất.

Con số là định luật mà theo đó các sự vật không chỉ thể hiện mà còn: CÓ. Như Philolaos của trường phái Pythagoras viết: *“Con số là sợi xích ràng buộc mang tính thống trị, là một tồn tại có sẵn và vĩnh cửu, là thứ ràng buộc làm một tất cả mọi sự vật trên thế gian. Lí thuyết con số là một khoa học, bằng sự trợ giúp của tri thức về dãy số tiến triển con người nhận thức và hiểu ra tất cả các định luật của sự vật mang cả tính vật chất lẫn tinh thần”*.

Bởi vì các quy luật tự nhiên bao hàm chính xác trong dãy số lên và xuống của con số. Không phải tri thức đã tạo ra con số: con số là hình ảnh tinh thần trong sạch của sự tồn tại tinh thần cổ. Ý tưởng chỉ là bằng chứng của hình ảnh này. Con số bao hàm hiện thực tinh thần ở mức độ khi nó vẫn còn là: sức mạnh, nghị lực sáng tạo, tư tưởng sáng tạo không thể nắm bắt. Cái nó thể hiện trong dạng hình của các sự vật không là gì khác ngoài chính là sức mạnh này, nghị lực này, tư tưởng này nhưng là những mức độ khác nhau trong dãy số tiến của nó.

Bởi vì con số là sức mạnh, là tư tưởng tạo dựng: Một. Cái Một này chính là cái Tất Cả. Tất cả là một.

Đây là *Hen kai pan* và *Hen panta einai*. Là lời tuyên bố của MỘT đầu tiên, là tác động của Sức Mạnh. Và đây là tác động: HAI. Kết quả và hậu quả của tác động: là Dạng Hình. Dạng hình là Ba. Con số Ba nằm trên nền tảng của toàn bộ thế gian được tạo dựng: Sức Mạnh - là Một, Tác Động - là Hai, Dạng Hình - là Ba. Ba là con số cơ bản của hiện thực dạng hình (hình thức) và tri thức (nội dung) của tất cả.

Eckartshausen cho rằng: *“Thế giới là sự biểu hiện của sức mạnh giản dị mang tính siêu nhiên”*. Các sự vật của thế gian gắn kết với nhau như dãy số tiến của các con số nằm trong các sự vật có quan hệ đến sức mạnh siêu nhiên giản dị ấy, hay nói cách khác con số nằm trong các sự vật có mối quan hệ với MỘT. *“Con số là công cụ để nhận thức ra mối tương quan và sự thống nhất của cái toàn thể của thế gian. Con số là những cái con người nhìn thấy như các sự vật, các vật thể, các hiện tượng và các sự kiện, như sự bắt đầu của nó, và bởi vì nó là sự bắt đầu của các sự vật, chỉ linh hồn hiểu biết mới nhìn thấy được”*.

“Con số là một trường tâm linh để con người nhận biết các đặc tính tạo dựng của Thượng Đế - Con số là công cụ để con người có thể đánh giá thế gian được tạo dựng và những mối quan hệ trong thế gian này trong sự rõ ràng minh bạch của chúng. - Con số là một trường tâm linh giải thích sự xuất hiện của các yếu tố và cái nằm trên nền tảng của các yếu tố đó. - Con số là một trường tâm linh bao hàm những sức mạnh ẩn chứa trong thế gian vật chất”.

Đây là một vị trí mà lí thuyết con số sử dụng chính lí thuyết con số cho mình: *“MỘT là sức mạnh; dãy số tiến (cấp số cộng) là tác động; con số là hậu quả”*... Bản thân con số cũng đứng như vậy, như tất cả mọi tồn tại, trong đặc tính BA.

3.

Một phân tích tương đồng duy nhất nằm trong lí thuyết con số nói về tư duy của con người cổ sẽ có rất nhiều tác dụng so với bất kì sự giải thích rộng mở nào của lí thuyết con số. Đối tượng của sự phân tích này là: HAI.

Con người lịch sử chỉ nhìn thấy lượng trong con số, bởi vậy họ tưởng hai nhiều hơn một. Con người cổ, kẻ nhìn thấy lượng trong con số là cả số lượng lẫn dãy số tiến của ý niệm, kẻ đó biết, con số lớn nhất là MỘT. Hai không phải là gấp hai lần như thế mà là hai cái một nửa. MỘT thực ra cũng không phải là con số. MỘT là sự hợp nhất. Là sự sống và ý niệm tuyệt đối. Con số đầu tiên là hai, đây là số lượng đầu tiên - là sự xuất hiện đầu tiên của cái đa dạng.

MỘT là HÌNH THỨC, HAI là VẬT CHẤT. Bởi vậy số Hai là số độc ác, của mâu thuẫn. Theo Pythagoras Một là Apollon, Hai là Xung Đột. Hai là *Binarius*, là con số của răn, của cái xấu. Hai là con số của khoa học, của sự tách ra có chủ ý và nhân tạo, của sự đối kháng. Theo Pythagoras Hai không là gì khác ngoài sự rối loạn của MỘT; như cách thức từ sự đứt khúc đầu tiên của ánh sáng rạng ngời không màu rồi mờ dần đi của nó xuất hiện màu sắc đầu tiên: màu trắng - Màu trắng không là gì khác ngoài là ánh sáng rối loạn, xuất hiện từ MỘT rạng ngời, nếu bị gãy, thành Hai.

Nếu MỘT bị gãy, biến thành hai. Hai không phải hai cái Một mà là hai nửa - nhưng hai nửa không bao giờ trở thành Một lần nữa, và không thể biến đổi lại thành Một. Cần phải đi tiếp đến một huyền bí lớn nữa để sự Hợp Nhất được trả lại trên một mức độ mới. Sự huyền bí này dẫn dắt vượt qua Hai. Đây là: Ba.

Có thể hình dung sự xuất hiện của Hai như sau: MỘT là sự hoàn hảo, là cái toàn bộ - tương đồng hình học của MỘT là ĐIỂM - là thứ cũng là vòng và hình cầu. Bởi vậy không bao giờ, ai, bằng tiếp cận hình học có thể cảm nhận vũ trụ một cách khác ngoài bằng sự tương đồng của nó: bằng điểm, thứ cũng là vòng và hình cầu. Vũ trụ là một biểu hiện và là bản sao của Thượng Đế được tạo dựng: là sự tương đồng của

chính nó. Bởi vậy thế gian cũng chính là MỘT, là TẠO HÓA; bởi vậy điểm và vòng và hình cầu, MỘT trong MỘT.

Sự thay đổi trước tiên khiến vòng, hình cầu và điểm phải chịu đựng, là sự méo mó. Sự méo mó như thể ánh sáng không màu bị gãy, và bắt đầu xuất hiện sự nhiễu đầu tiên, màu trắng. Kết quả của sự méo mó là vòng tròn và hình cầu bị phẳng đi, và vì phẳng đi, điểm giữa của nó tách làm đôi. Đây là hình elip, hay là hình quả trứng. Nhưng hình elip không có một điểm giữa, mà có hai tiêu điểm. Đây là khoảnh khắc khi vòng tròn méo đi và trong một điểm giữa duy nhất tách thành hai, thành hai tiêu điểm. Đây là sự xuất hiện của Hai.

Người ta gọi hai điểm của hình elip là tiêu điểm bởi vì điểm giữa của hình tròn là điểm của ánh sáng cân bằng, an bình, vĩnh cửu; khi một điểm MỘT biến thành hai, trong hai điểm này lập tức nổi lên sự tò mò khao khát muốn lấy lại sự hoàn hảo, trả lại sự Hợp Nhất, và từ nỗi tò mò khao khát này hai điểm bốc cháy thành ngọn lửa. Bởi vậy hai điểm này là những tiêu điểm, những điểm cháy. Nhưng không thể trở thành một, vô ích chúng cháy vì nhau. Trong cộng đồng, trong MỘT để chúng có thể gặp gỡ nhau một lần nữa, hai ngọn lửa ít ỏi. Và sự hợp nhất cũng cần thiết. Thế là: một lần nữa ta lại thấy sự huyền bí của con số BA.

Theo truyền thống cổ, Binarius là con số độc ác và của con rắn bởi vì con rắn là biểu tượng của thực thể bị đánh mất trung điểm của nó, và khi con rắn đớp lấy đuôi, nó đi tìm điểm giữa. Nhưng cái nó tìm thấy và vòng khóa lại không phải là điểm giữa mà là sự trống rỗng. Đây là biểu tượng của cái Tôi. Thực chất con rắn sẽ không bao giờ tìm thấy điểm giữa, bởi vì khi nó đớp vào cái đuôi, nó không bao giờ có thể bước vào điểm trọng tâm, luôn chỉ ở bên ngoài của vòng tròn.

Đây chính là ngoại vi. Và một lần nữa lại là biểu tượng của cái Tôi. Điểm trọng tâm, điểm giữa chỉ có một và đấy là: MỘT. Điểm giữa của tất cả mọi thực thể: MỘT. Cái Tôi của mọi thực thể: MỘT. Bởi vậy sau sự chia lìa với MỘT vô ích thử thí nghiệm kiểm tìm, nhất là nỗ lực

tạo dựng điểm giữa: chỉ là một khoảng không phi gắn bó xuất hiện và là ngoại vi.

Nhưng mối quan hệ giữa khoảng không và ngoại vi cũng giống như mối quan hệ của hai tiêu điểm: cả hai đều muốn trở thành Một nhưng không thể. Để Hai lại một lần nữa gặp gỡ nhau và hợp nhất, sức mạnh của ngoại vi và khoảng không ít ỏi - cần một cái gì khác xuất hiện để Hai có thể hợp nhất. Đây lại là sự huyền bí của Ba lần nữa.

4.

Kinh Kabbala cho rằng các linh hồn được gửi xuống đường trần cùng với cặp của mình, ai cũng có một bạn đời cùng phải sống qua số phận với mình trong thế gian vật chất, cần phải cháy, cháy trong khát vọng hợp nhất và ước muốn biến thành Một. Sự tách rời làm hai và cuộc đời tìm kiếm sự hợp nhất này nằm trong biểu tượng của trò chơi bóng linh thiêng của người Mexico.

Chơi trò này, hai người đứng thành vòng tròn, không được phép bước ra khỏi vòng, và hai vòng chỉ tiếp xúc lẫn nhau trong một điểm duy nhất của hiện trường. Họ chạy vòng quanh, về phía trước, ra phía sau, từ điểm giữa rồi quay lại, và từ vòng này sang vòng khác họ ném quả bóng gắn lông chim vào nhau. Quả bóng này giống như từ ngữ ném ra từ linh hồn này sang linh hồn khác, giống như niềm đam mê mơ ước buộc chặt lẫn nhau, như khát vọng. Nhưng chỉ là lời nhả nhủ từ vòng khác đến.

Hai vòng thực chất là dạng hình phóng đại của hai tiêu điểm: là một cặp phi trung tâm, như mối quan hệ của đàn ông và đàn bà, một sự gặp gỡ vô hi vọng. Bóng bay từ tiêu điểm này sang tiêu điểm khác, bị ném trả, lại bắt được, lại ném trả lại. Họ không thể gặp gỡ nhau. Không được phép ra khỏi vòng. Không được phép bước ra ngoài. Tất cả các

vòng giống như cái con rắn đã tạo khi ngoạm vào đuôi: điểm và vòng ngoài. Bởi vì từng vòng không phải là từng cái MỘT, mà đều là HAI.

Cả con người với bản thân mình, cả đàn ông với đàn bà, cả tiêu điểm này với tiêu điểm kia không bao giờ có thể gặp gỡ nhau. Điều duy nhất họ có thể làm được là nhắm cho nhau. Như cách thức họ ném bóng cho nhau. Họ rất biết cả hai thực chất và ở một nơi nào đấy là MỘT, đã từng và sẽ là MỘT, một như một quả bóng họ đang ném cho nhau. Còn quả bóng có cắm lông chim giống như con rắn có lông chim, không là gì khác ngoài là vật chất được hưng phấn hóa.

Bởi vì con rắn là biểu tượng của vật chất, lông chim là biểu tượng của linh hồn - bởi vậy chim là biểu tượng linh hồn và là tương đồng linh hồn, và trang phục cắm lông chim của người Mexico, mũ gắn lông chim đều là trang trí của giới giáo sĩ, của các cô gái trẻ và của những người đã chết, của tất cả những ai gắn bó trong mối quan hệ sâu sắc với linh hồn, như nhiều người khác.

Cặp không phải tuyên ngôn duy nhất của Hai. Hai là mâu thuẫn, hai là bản gốc và bản sao, hai là hai sinh đôi, hai giới tính, là sự nước đôi, là điều này và điều khác, là tiêu điểm và nghịch điểm, là đôi, là hai cực. *Cặp giữa những lời tuyên bố của Hai gần nhất đối với MỘT: “Cặp trong cùng một thời gian chui ra khỏi quả trứng: là hai đứa trẻ của MỘT, là MỘT, mà từ đấy hai ngọn lửa ngôn từ bùng lên”.*

Truyền thống Hindu gọi là Purusa và Prakriti, truyền thống Trung Quốc gọi là Dương và Âm. Đây là Siva và Sakti. Ở Ai Cập là Oziris và Ré: Oziris sà xuống Tattu và gặp linh hồn của Ré; “hai thần ôm choàng phủ lên nhau và trong khoảnh khắc đó đôi song tử thần linh đã sinh ra”.

Cặp song tử như thế là Isis và Nephtus, Maati đôi - dạng hình sinh đôi của bà mẹ của thế gian. Trong truyền thống Hermes, Mặt Trời là biểu tượng của nhận thức, và song tử của Mặt Trời là Mặt Trăng, Mặt Trăng là một Mặt Trời khác. Ở Peru hai *zemi* gặp nhau cũng đúng như trong trò chơi bóng linh thiêng của Mexico, đây là một điệu múa kịch. Những điệu múa đôi ở khắp mọi nơi trên thế gian đều là sự gặp gỡ, sự

căng thẳng, là mâu thuẫn và sự hòa hợp, sự cân bằng của song sinh trời, của Mặt Trời và Mặt Trăng và ở khắp mọi nơi đều là Một biến thành Hai.

5.

Zurvan sinh ra cặp song tử ở Iran. Zurvan là Varuna Do Thái và Uranos Hi Lạp. Cặp song tử: Ahura Mazda-ánh sáng và Ahriman-bóng tối. Buổi ban đầu Thượng Đế tạo dựng thiên đường và mặt đất. Trong các cặp song tử này Hai gặp gỡ tất cả các mâu thuẫn, sự căng thẳng của chúng, tính chất cặp của chúng, tính chất gấp đôi của chúng và mọi khó khăn cùng sự lưỡng lự của chúng.

Trong *jema*, trong cặp song tử thể hiện hoàn toàn: Hai là hai nửa của Một, như Siva và Sakti, dương và âm, Mặt Trời và Mặt Trăng, Oziris và Ré. Bởi vì cái từ vĩnh cửu, có và sẽ có thực chất chỉ là MỘT. Cái không phải là Một thực chất chỉ là bản sao của Một mà thôi. Trong truyền thống Iran *maetha* là sự đơn giản. Sự đơn giản này là hình ảnh cổ của vũ trụ, là cái vĩnh hằng.

Cái được sinh ra và sống đã là gấp đôi: đã là Hai, đã là hình và thực thể, đã là mẫu và hình dạng. Và đây là nền tảng tương đồng của tất cả. Tương đồng chỉ có nghĩa ngần này, như một thực thể trần thế và sự vật và hiện tượng, phù hợp với tinh thần-vũ trụ. Sự phù hợp này người ta gọi nó là sự tương đồng.

Ở người Hi Lạp *idea* (ý niệm) là hình ảnh cổ, là bản gốc, là mẫu; *eidolon* là bản sao, là dạng, là xuất xứ. Mỗi quan hệ giữa *idea* và *eidolon* là cái trong sự tương đồng, là sự phù hợp giữa hiện tượng này với hiện tượng khác. Trong mọi hình thức có sự trùng lặp bí truyền, trong mọi thực thể có Hai bí ẩn - đây là cái ở Ai Cập người ta gọi là *ka*. *Ka* là linh hồn đôi elip; chữ tượng hình của nó là hai bàn tay giơ lên.

Đây là cái mà Kabbala tả khi nói rằng các linh hồn được gửi vào đường đời bằng cặp của nó, đây là cái mọi truyền thống gọi là cơ thể khí, Hindu gọi là *szúksma-sarira*, là linh hồn tinh thần tinh tế, đây là cái mà trong hình thức lai các dân tộc nguyên thủy gìn giữ như dạng hình đã phai nhạt của kiến thức cao cấp: trong tô tem. Trong sự tương đồng định luật của Hai biểu hiện, bởi vì con người khi nhìn thấy sự phù hợp, nó phát hiện ra rằng một cái là *idea*, cái kia là *eidolon*, hình cổ và bản sao.

Hình hài của Hai nằm trong *zemi* của Peru, trong *jema* của Iran, trong *asvino* của Hindu, trong *dioskuro* của Hi Lạp, trong *gemini* của La Mã. Tất cả các từ này đều mang ý nghĩa: song tử. Song tử vừa là mâu thuẫn, vừa là cặp, vừa là nửa, cái này là đôi của cái kia, cái này là ý niệm của cái kia, nếu cái này là *idea* thì cái kia là *eidolon*, nếu cái kia là *idea* thì cái này là *eidolon*, một bản gốc và một bản sao, hình cổ và sự trùng lặp, luôn nhảy từ cái này sang cái kia và ngược lại, như quả bóng gắn lông chim trong trò chơi linh thiêng của người Mexico.

Như với người đàn ông, đàn bà cùng lúc vừa là mẹ vừa là con gái, và với người đàn bà đàn ông cùng lúc vừa là cha vừa là con trai; Đây là tính chất hai mặt, hai ý nghĩa, tính lưỡng phân của tất cả các mối quan hệ trần gian, là sự bí ẩn đúp mà ý nghĩa của nó không phải là thực thể mạnh lên hai lần, mà chỉ mạnh có một nửa, bởi cần nhấn mạnh rằng Hai không nhiều hơn, mà là ít hơn Một, và Hai là con số của các xung đột.

Bởi vậy có những trò chơi chiến đấu linh thiêng, những trò đấu kiếm hai người. Hai không là gì khác ngoài sự rối loạn của Một, là con số không rõ ràng, là con số của sự đổ vỡ, của sự ngủ quên, của sự hoạt động phi pháp, là sự tách rời tự thân và bước ra khỏi Một.

Hai anh em sinh đôi Iran *Ahura Mazda* và *Ahriman* mang ý nghĩa bản chất hai mặt của thế gian này. Bất cứ một thần linh nào trên đầu họ cũng có một đội quân thần linh lớn phù trợ. Các thần linh phù trợ *Ahura Mazda* là các *daéna*, còn các thần linh phù trợ cho *Ahriman* là

các *drug*. Tất cả các *daéna* và *drug* phù hợp nhau như người anh em song tử của họ.

Như trong mỗi con người, người này có *daéna* và người kia có *drug*, một đôi elip, và con người với nhau là những mối quan hệ *daéna* và *drug*, như bạn bè, anh chị em, chồng, vợ, con cái. Sự sống luôn va đập giữa hai cực, lúc cái này lúc cái kia là âm dương, người Trung Quốc nói: một cái là ánh sáng, một cái ngấm mình trong bóng tối. Một rạng ngời lên, một mờ tối đi. Một bốc cháy, một tắt ngấm. Một có, một không. Một tích cực, một tiêu cực. Một là ngày, một là đêm. Một là đông, một là hè. Một hút, một đẩy.

Trong cái MỘT cổ, trong vòng tròn nơi chỉ có một điểm giữa, sự tổng hợp của các sức mạnh nằm trong điểm giữa như một sự viên mãn tự thân. Khi hình tròn của MỘT méo mó đi biến thành hình *elip*, MỘT biến thành HAI, từ một điểm giữa xuất hiện thành hai tiêu điểm. Sức mạnh bị tách rời, một cái biến thành từ, cái kia biến thành điện. Từ hấp dẫn, cuốn hút, là âm, mang tính nữ, tối tăm, nóng, là Sakti, Izis; điện tích cực, tấn công, là dương, là ánh sáng, lạnh, là đàn ông, là Siva, Oziris.

Cứ như thế sự sống chuyển động giữa tối tăm nóng và sáng sủa lạnh: giữa âm và dương, một có một không, *Oziris-Izis*, *Ahura Mazda-Ahriman*, *daéna-drug*. Bởi vậy sự sống giống như song tử, giống như Janus hai khuôn mặt, giống như cái rìu hai đầu. Mệnh đề-phản đề, *pravritti-nivritti*, mở rộng-thu hẹp, *szarga-apavarga*, thở ra-hít vào, tiến hóa-thoái hóa, hội nhập-tan rã, hình thành-giải thể.

6.

Hai là dãy số tiến đầu tiên của MỘT, và như vậy là con số đầu tiên. MỘT là toàn bộ, Hai là sự rạn vỡ đầu tiên, bởi vì Hai không phải

là hai lần Một mà là một nửa của Một. Nhưng để cho hai nửa hãy đúng là hai nửa hoặc là một đôi duy nhất và cả hai cùng trở thành Một, đấy là điều vô vọng: cái này và cái kia trong Hai thực chất ít hơn một nửa của MỘT. Một sự gãy vỡ thật sự. Một sự gãy vỡ không bao giờ trở thành cái toàn bộ nữa. Đây là mặt tiêu cực của Hai.

Nhưng Hai cũng có mặt tích cực của nó. Khi con rắn ngoạm vào đuôi của nó và thử tạo dựng điểm giữa trong chính mình, thực chất nó đã chạm vào cái toàn bộ: nhưng điều này là giả và BẤT NHẤT. Không phải là cái toàn bộ, chỉ thoát tưởng như vậy. Đấy là *eidolon*, không phải *idea*. Đấy là bề nổi và là sự hai mặt của một không gian bị khóa kín. Hình ảnh này là biểu tượng của cái Tôi con người: điểm giữa giả bị khóa kín bằng bề mặt.

Mặt tích cực và hành động tích cực của Hai là khi nó phá vỡ bề mặt giả này, nó giải quyết điểm giữa giả này và giải thoát. Biểu tượng con rắn cắn đuôi là biểu tượng của đời sống khóa kín, bởi vì trong đời sống bị khóa kín cái Tôi nằm cùng với bề mặt trong một khoảng không bị khóa kín xung quanh. Như vậy sự tích cực của Hai là mở ra, phá vỡ đời sống bị khóa, trả lại vị trí của trăm nghìn mối quan hệ trong đời sống, chuyển động con lắc bắt đầu xảy ra giữa cái Tôi và cái Tôi, như trong trò chơi *zemi* của Peru, *gladiator* ở La Mã, trong các điệu nhảy đôi, trong trò chơi bóng thiêng ở Mexico.

Hoạt động của các *jema*, *dioskur*, của song tử là giải phóng, mở đời sống bị khóa kín ra. Bởi cái Tôi là điểm giả, không mang tính vũ trụ: Một người để sống được, cần phải cháy, cần trở thành tiêu điểm, cần phải được nhóm lửa lên và cháy bùng lên. Cần phải sống qua sự sống điểm cháy, để sau đó một lần nữa có thể trở thành điểm giữa, hay nói đúng hơn để một lần nữa hòa vào với MỘT.

Đây là ý nghĩa của *Ahura Mazda* và *Ahriman*, của song tử cổ, đây là cái Khác, hoàn toàn có cùng một giá trị như những cái trước. Là ý nghĩa của cái Khác, bởi vì Hai là chừng ấy như Hai và mang hai ý nghĩa: hai mặt của nó, hai ý nghĩa của nó, hoạt động gấp đôi của nó. Sự

gấp đôi của song tử ở đây là sự giải thoát. Điều này cũng nằm trong ý nghĩa của trò chơi bóng Mexico.

Con người bước ra từ điểm Một bị khóa kín, rơi vào mối quan hệ với elip đúp của nó, nhóm lửa lên và cháy, và là ngọn lửa, vì lông chim cũng mang ý nghĩa là ngọn lửa, truyền từ điểm cháy này sang điểm cháy kia và nhảy nhót: âm dương; đàn ông đàn bà; bên phải bên trái; sáng tối; nóng lạnh.

Cái Tôi của đàn ông cần cháy trong cái Tôi của đàn bà, cái Tôi của đàn bà cần cháy trong cái Tôi của đàn ông, bởi nếu bị khóa kín không bao giờ bước vào quan hệ với Hai, không thể cháy và không bao giờ biến thành Một: vĩnh viễn chỉ là điểm và bề mặt, vĩnh viễn là Hai.

Hai chỉ có thể trong hai là toàn bộ: biểu tượng của *Kastor* và *Pollux*, của tình bạn, của song sinh; đây là bí ẩn của đời sống phân cực, là sự bắt buộc và nhiệm vụ của nó, để cái Tôi bị khóa kín trở thành cực và nhận bắt lửa. Đây là ý nghĩa của đêm tân hôn: cả hai cùng lúc chỉ đạt tới Một trong tính chất Hai, là thứ không còn hai cực của nó nữa, mà chỉ là điểm giữa duy nhất.

Kẻ khổ hạnh Trung Quốc, Hindu, Sufi, Mexico, Tây Tạng và Peru thực hành một cách tỉnh táo và rõ ràng sự phân cực này để duy trì bản thân mình trong các góc, cực, điểm cháy, tiêu điểm, mâu thuẫn để đạt tới trạng thái MỘT tuyệt đối phi cực, phi đối kháng, trạng thái vô vi, Đạo.

Hai là biểu tượng của đời sống mở và đã được mở, và khi vua hoặc giáo chủ thời cổ đang hiến đất nước và dân chúng cho Thượng Đế là đã phân cực dân chúng cùng Thượng Đế: Thượng Đế là cặp, là tiêu điểm mang tính chất trời của dân chúng. Lửa của Thần nhen nhóm cho dân chúng, như cách thức người đàn ông nhen lửa cho đàn bà, bạn bè nhen lửa cho bạn bè. Dân chúng trở thành dân chúng của Thượng Đế như vậy: cặp đôi của Thượng Đế, tỉ lệ của Thượng Đế. Dân chúng trở thành *eidolon* của ý tưởng (*idea*) của Thượng Đế như thế: là bản sao cổ

của bản gốc. Dân chúng trở thành tính chất đôi *elip* của Thượng Đế-cặp song tử.

Bởi vì Hai là thứ phá vỡ bề mặt bao phủ lên điểm giữa giả. Cái nhẵn là biểu tượng của bề mặt thuần túy mang tính chất điểm giả, hay điểm phi trung tâm, cái nhẵn là tương đồng của con rắn ngoạm vào đuôi nó. Cái nhẵn cười không là gì khác ngoài cái Tôi con người cho đến thời điểm trao nhẵn cười phi trung tâm chỉ là bề mặt, cho đi điểm giữa để biến thành tiêu điểm và nhóm lửa: biến cái Tôi con người thành tính chất đôi elip. Đàn bà trở thành điểm giữa của đàn ông và đàn ông trở thành điểm giữa của đàn bà, như ở cặp song tử Kastor trở thành điểm giữa của Pollux và Pollux là điểm giữa của Kastor.

Tất cả những gì trong vòng tròn của Hai đều mang tính chất đôi và tất cả những gì là Hai đều liên quan đến Hai của đời sống người; bởi vậy tất cả cái gì là Hai và liên quan đến Hai của đời sống, đều mang tính chất bất tử. Bởi vậy lưỡng tính là biểu tượng của sự sống vĩnh cửu, như cái rìu hai đầu, thanh gươm hai lưỡi, Janus hai khuôn mặt và Song Tử là những hình ảnh của đời sống vĩnh cửu. Từ *szoma*, *thelesma*, *manna* có nghĩa là sự sống vĩnh cửu này, nơi Hai, đời sống trần thế và đời sống của thế giới bên kia, nơi đời sống và sự sống, thời gian và vĩnh cửu gặp gỡ nhau.

IV. Ba đẳng cấp và bốn mùa

1.

Con số đầu tiên là Hai, là dãy số tiến đầu tiên của MỘT. Hai là sự thâm hụt so với Một, bởi nó không là gì khác ngoài cái toàn bộ bị chia đôi. Nó là con số không hợp luật. Con số của độc ác; bởi đối với sự độc ác MỘT xa lạ và không chấp nhận được. Nhưng Hai không bao giờ quay trở lại vào Một và trở thành cái toàn bộ. Để mâu thuẫn, sự căng thẳng, sự hoang mang và tính chất hai mặt trong Hai được giải tỏa, không cần phải quay trở về với Toàn Bộ, mà cần phải bước vào dãy số tiến mới hơn của MỘT. Đây là con số tiến mới: BA.

Ba là mệnh đề, phản đề và tổng hợp. Là Cha, Mẹ và Con. Là Oziris, Isis và Horus. Âm thiêng của Hindu là Ba: A, U, M, là chữ cái đầu tiên, giữa và cuối cùng của dãy chữ cái, là đời sống, mâu thuẫn và sự cân bằng, là có, không và tương quan. MỘT là sức mạnh, Hai là vật chất, Ba là con số của thời gian. Hai phần một nửa và bị vỡ tách làm đôi gặp gỡ nhau một lần nữa trong con số Ba, trong sự hợp nhất mới, một cách cân bằng. BA là sự giải tỏa căng thẳng phân cực: Ba là con số của cộng đồng, nơi các thực thể tách đôi một lần nữa gặp nhau và có thể trở thành toàn bộ.

Có những truyền thống xây dựng trên MỘT; trước tiên phải kể đến truyền thống Do Thái, và trước hết là Veda. Có những truyền thống xây dựng trên Hai, như Mexico và Iran. Truyền thống Ai Cập dựa trên Ba. Truyền thống Ai Cập không là gì khác ngoài sự hồi sinh và mở rộng các sức mạnh trong Ba.

Ở Ai Cập người ta nhìn thấy nền tảng đời sống con người trong Ba: con người không là gì khác ngoài ba lần ba. Đầu tiên là *chat*, thân thể vật chất. Thứ hai là *ka* - đây là Hai, là khí đôi, người mà sau cái chết từ bỏ thân xác, nhưng luôn quay lại thân xác. *Ka* của đất vào mùa thu từ bỏ đất, đến mùa xuân một lần nữa lại xuất hiện và làm đất phục sinh. Ba trong con người phù hợp với: *ba*. Ba là linh hồn lông chim, là linh hồn bay bổng, ca hát, là linh hồn chim tồn tại trong thân xác. Đây là Ba đầu tiên.

BA cái thứ hai: đây là *ab*, *chaibit* và *ren*, *ab* là trái tim. Con người mang số phận của nó ở đây, cái tốt và cái xấu tranh đấu ở đây. Trong thế giới bên kia quả tim được đặt lên cân, bàn cân bên kia là một cái lông chim. Lông chim là tương đồng linh hồn, như ở Mexico. Nếu quả tim trong sạch, sẽ nhẹ như lông chim. Ở thế giới bên kia bốn mươi hai vị quan tòa chú ý xem xét cái cân.

Theo Kabbala từ bốn mươi hai chữ cái là cái tên lớn nhất của Thượng Đế. Lạt Ma đọc *Tử thư Tây Tạng* bốn mươi hai ngày liền cho kẻ chuyển đời đi. Bốn mươi hai bậc thang dẫn lên thánh điện Mặt Trời thiêng nhất ở Mexico. Tarot Ai Cập có bốn mươi hai lá bài (bốn mươi hai cuốn sách bị đánh mất của Toth), một bí ẩn lớn của truyền thống Hermes.

Chaibit (Khaibit) là bóng tối. Không chỉ là cái bóng của thân xác mà còn là phần bị bỏ lại một cách đen tối trong linh hồn, mà ánh sáng của Oziris, sự tỉnh táo không soi rọi tới; đây là vô thức, cái mà con người mang vào từ sự tăm tối bị lãng quên của vật chất, và không chiếu rọi trong đời họ. *Khaibit* không tách rời khỏi con người; nó theo họ đến tận thế giới bên kia và còn lại là bóng tối, tăm tối, vô thức, mờ mịt, đờ đẫn.

Trật tự là TÊN. Tên không chỉ thuần túy một người nào đó được gọi là Sebestyén hay Kristóf. TÊN là một phần của logo. Con người không có tên chỉ như một người không được mời vào cộng đồng của các linh hồn, và như vậy không vào được đời sống vĩnh cửu. Không có cách gì để gọi.

Con người nhận được tên từ thiên thần hộ mệnh của nó, từ thần trì mạng, thần bảo vệ nó: từ thực thể cao hơn và con người mang một cái tên, bởi con người là cặp *elip* của thần hộ mệnh của nó, và tên là cái thứ ba nổi bật Hai lại. Tên là một lời thiêng, để Thượng Đế gọi con người.

Cái Ba thứ ba: *chu*, *szechem* và *száhu*. *Chu* là cặp của *khaibit*: nó không phải là bóng tối mà là Rực Rỡ. *Chu* là phần Tỉnh trong con người, còn bóng tối là phần Mộng Du trong con người. Đây là Mặt Trời trong con người. Ai hoàn toàn là *chu*, đấy là Osiris, sự tỉnh táo. *Chu* là tri thức siêu việt, là quyền lực sắp đặt, thông hiểu, tạo dựng, thấu suốt của nó. *Chu* là vàng của những kẻ giả kim, là ngày của các nhà chiêm tinh và là Apollon của Pythagoras.

Không gì quan trọng bằng: *chu* có vai trò gì trong đời sống của con người. Nếu nó bị dính mắc vào thiên nhiên vật chất, lúc đó phần lớn trong con người là *khaibit*, là bóng tối. Nếu nó được giải phóng khỏi vật chất và nhìn thấu xuyên qua ảo ảnh vật chất, nó biến thành *chu*, hay thành ánh sáng rạng rỡ, cái mà Veda gọi là *buddhi*: sự giác ngộ, thức tỉnh.

Chu có quan hệ họ hàng với *purusa* và *Fünklein* của Eckhart thời trung cổ, bởi vì đây là tia lửa trời, là ngọn lửa nhỏ, là kẻ luôn chú ý đến bản chất siêu việt nguồn gốc của con người từ sự sống Thượng Đế. *Chu* cũng là lương tâm. Là ngọn nến vĩnh cửu, mà truyền thống tôn giáo không chỉ thắp lên cho kỉ niệm về người đã chết mà trong nhiều dịp khác, ngọn nến này không là gì khác ngoài sự thức tỉnh của *chu*.

Còn *szechem* là cặp *elip* của *ka*: là thân thể trời, là dạng hình vĩnh cửu, là ý tưởng của thực thể người. Thực thể người trong *szechem* chỉ là *eidolon*, là bản sao, là dạng hình đã bị vật chất hóa và méo mó của nó. Con người gặp *szechem* khi bước qua cây cầu của thế giới bên kia - trong trường hợp nó lấy lại được quyền của sự xuất xứ siêu việt nó đã đánh mất.

Szahu là hình ảnh cổ của toàn bộ con người, với thân xác, linh hồn, tinh thần, và thực thể khí, với toàn bộ số phận, đặc tính cá nhân, sự duy nhất một lần và sự bất diệt như MỘT, như bản sao của MỘT VĨ ĐẠI - đây là sự hợp nhất cao nhất: gấp ba lần của ba.

2.

Ý nghĩa của con số CHÍN VĨ ĐẠI ở chỗ ba dãy số tiến của con số Ba nằm trên nền tảng của toàn bộ hệ thống thế gian. Con số Ba này trong ba dãy số tiến bao phủ toàn bộ quan hệ của tinh thần và vật chất. Bởi vậy truyền thống Do Thái nói, đời sống có ba chất lượng. Đây là ba *guna*: *szattva*, *radzsas* và *tamasz*.

Szattva là niềm hạnh phúc hài hòa nảy sinh từ sự thấu suốt cân bằng; *radzsas* là hoạt động cháy trong lửa đam mê; *tamasz* là sự sinh sôi lười biếng và hoang dại. Ba chất lượng của sự sống này có họ hàng xa nhưng trong một quan điểm nhất định nằm trong quan hệ tương đồng với ba nguyên tố của thuật giả kim: *sal*, *sulphur* (lửa huỳnh) và *merkur* (thủy ngân). *Sal* là nguyên tố pha lê, sáng; *suphur* là ngọn lửa cháy nóng; *merkur* làm tan chảy tất cả, linh hoạt và kêu vang.

Đây là một mối quan hệ xa; bởi vì các biểu tượng của các hợp nhất cổ không bao giờ phủ lên nhau; sự phù hợp là sự tương đồng. Nó là tương đồng bởi màu của *Szattva* và *sal* là màu trắng, *radzsas* và *sulphur* có màu đỏ, *tamas* và *merkur* có màu đen. Màu trắng, đỏ và đen có quan hệ với nhau, như trong âm thiêng Hindu A, U, M: ban đầu, giữa, cuối; hành động, phản ứng và cân bằng; sức mạnh, tác động, và hậu quả; không gian, thời gian và sự tạo dựng; theo trường phái Pythagoras là số phận, nhu cầu và trật tự.

Âm thiêng của thuật giả kim AUR có nghĩa như ánh sáng mặt trời rạng rỡ - đây là ánh sáng, là nội dung thực chất của đời sống, là thứ nhẹ

nhôm và thanh thoát, mà việc thu lượm và làm đông đặc chúng là nội dung của kẻ luyện vàng, và chúng được thu lượm đúng như thu lượm *asa* (điều thiện).

Ba là sự hợp nhất của sự sống bị đứt làm đôi, là sự hòa giải xung đột, là sự gặp gỡ của hai giới tính trong đêm tân hôn, là sự gặp gỡ của những cái tôi con người bị đứt rời khỏi nhau và là sự quay trở lại với cộng đồng. Bởi vậy Ba là con số tái hòa nhập đầu tiên, khi con người và đời sống trong sự hợp nhất tập thể lớn của nhân loại lại trở thành Một; con số tái hòa nhập thứ hai là Bảy, sự hợp nhất tinh thần, bảy nhà thông thái; con số tái hòa nhập thứ ba là mười, là mức độ của con người thần thánh, là mức độ cao nhất. Bởi vì tái hòa nhập (*reintegracio*), sự quay trở lại trạng thái cổ cội nguồn của con người và sự hòa nhất với tri thức của thần do con số Ba điều khiển.

Đời sống có ba chất lượng, *szattva*, *radzsas* và *tamas* phù hợp với ba cái Ba: cái Ba tinh thần, cái Ba siêu việt và cái Ba nguyên tố. Còn trong thế giới của các con số, các số cơ bản có một chữ số phù hợp với các sự vật của thế giới tinh thần, các số có hai chữ số phù hợp với sự vật của thế giới siêu việt, còn các số trăm - ba chữ số phù hợp với sự vật của thế giới nguyên tử.

3.

Ý nghĩa của BA: sự HỢP NHẤT - bước ra khỏi MỘT - quay trở về MỘT. Bởi vậy Ba là con số của tập thể, của nhân loại. Và bởi vậy ba *guna* phù hợp chính xác với ba đẳng cấp, hay với ba nguyên tố của thuật giả kim: *szattva*, màu trắng, *sal*, niềm hạnh phúc hài hòa xuất phát từ thấu kính cân bằng phù hợp với đẳng cấp tinh thần; *radzsas*, màu đỏ, *sulphur* (lưu huỳnh), hoạt động cháy trong lửa của đam mê phù hợp với

đăng cấp cai trị, chiến đấu, kị sĩ; *tamas*, màu đen, sự sinh sôi lười biếng và hoang dại phù hợp với đăng cấp kinh tế.

Ba đăng cấp này, *brahma*, *ksatrija* và *vaisja* là cộng đồng người, là sự hợp nhất của nhân loại, là thứ được sắp xếp theo ba chất lượng của đời sống và xây dựng trên ba cấp độ này. Tương đồng của *Brahma* là cái đầu, là tư tưởng, là bản thể thần kinh, là *sal*; tương đồng của *ksatrija*, đăng cấp cai trị-hiệp sĩ là thân thể, trái tim, sự hoạt động, máu, lửa; tương đồng của *vaisja*, đăng cấp kinh tế là chân, cơ thể dưới, bởi đây là phần vật chất của cơ thể, màu đen, sự sinh sản.

Saint-Martin dựa trên cơ sở của số Ba cắt nghĩa mười số đầu. Các con số tinh thần trong sạch (số-*szattva*): 1, 4, 7, 8, 10; Các con số trộn, tích cực, hỗn nường (số-*radzsas*): 2, 5; Các con số vật chất (*tamas*): 3, 6, 9. Cộng đồng người trong thiên nhiên tồn tại trong vòng vật chất nên số của nó là BA.

Đăng cấp tinh thần là kẻ mang niềm hạnh phúc hài hòa xuất phát từ lăng kính cân bằng; điều này không mang nghĩa như con người lịch sử thường nghĩ, vì nó mang đặc tính của sự sống, nên có thể sử dụng điều này cho nó. *Szattva* không phải là sở hữu cá nhân, mà là đặc tính của sự sống, là người canh gác và tỏa sáng của đăng cấp tinh thần của sự sống ấy.

Cũng như vậy *ksatrija* tỏa sáng sức mạnh, lửa, sự hoạt động và cũng như vậy *vaisja* tỏa sáng sự sinh sôi. *Brahma* làm cho nhân loại trở nên cân bằng, cần trọng, mang tính chất tinh thần và niềm hạnh phúc; *ksatrija* khiến nhân loại trở nên linh hoạt, công minh, mạnh mẽ và có quyền lực; *vaisja*, trong mức độ giải tỏa nền kinh tế của trái đất, mang lại sự sung túc và giải quyết các nhu cầu.

Giữa các chất lượng của sự sống, cái này không bao giờ vắng thiếu cái kia, như trong con số Ba bản chất là ba như con số hoàn chỉnh, trong đó từng nguyên tố không có sự độc lập riêng. Đặc tính của BA, nếu không được là MỘT, nhưng nó là cái toàn bộ nên giải quyết được sự căng thẳng chấp chới tan rã của HAI. Bởi vậy con số ba cần phải là

số của cộng đồng: của một cộng đồng có tổ chức, một cộng đồng mà *dharma*, hay còn gọi là luật của thế gian điều khiển.

Bởi vậy tất cả các cộng đồng thời cổ đều an bình trên con số ba, hay nói một cách khác tất cả các cộng đồng cổ đều có ba đẳng cấp.

4.

Những người theo phái Pythagoras cho rằng những ai không hiểu cấp số tiến của MỘT, kẻ đó chưa được sinh ra. Và chưa có một thực thể người nào biết cách giải thích BỐN từ BA. Trong MỘT không có gì để hiểu; đây là một bằng chứng về logic. Không nhất thiết cần chứng minh, và giải thích cũng không cần.

HAI, như thuật giả kim và truyền thống Hermes nhận định: là sự tách làm đôi bắt buộc của *materia prima*-vật chất. Bởi vậy vòng tròn bị cắt làm đôi là biểu tượng của muối, *sal*, tam giác bị cắt đôi đứng bằng đỉnh là biểu tượng của trái đất. HAI là con số của sự đứt đoạn, sự hỏng vỡ, sự từ bỏ, quên lãng. BA là cái toàn bộ của hai mảnh cắt đôi mới này.

Có vẻ như ở đây hàng cấp số tiến chấm dứt: cái toàn bộ được trả lại. Nhưng không. Sau Ba đến Bốn. Sự huyền bí, cấp số tiến mới không thể hiểu nổi và không lay chuyển nổi, thứ không bao giờ, không ai có thể hiểu và giải thích nổi. Sự xuất hiện của BỐN từ Ba thật vô lí, thật đáng ngạc nhiên, không thể lường trước, chỉ nhận thức siêu việt nắm bắt được. Bởi vậy ở phái Pythagoras BỐN - *tetratús* - là biểu tượng tinh thần Thượng Đế, và bởi vậy kẻ được phái Pythagoras thu nhận vào vòng bí truyền, nhập định, cần phải tuyên thệ trên con số BỐN.

Vì con người lịch sử chỉ lơ mờ hiểu số Bốn có ý nghĩa gì với con người cổ, giờ đây cần một sự phân tích cụ thể hơn. Tất cả mọi người đều biết thánh giá là cái gì, hình chữ vạn là gì. Đây là bốn phần bằng

nhau cắt làm bốn của hình tròn. Bốn cũng là toàn bộ. Toàn bộ như Ba nhưng là cái toàn bộ kiểu khác.

Hình tròn cắt làm bốn phần và hình chữ vạn trong thời cổ là biểu tượng của vĩnh cửu. Sự chuyển động vĩnh cửu, vòng quay vĩnh cửu, biểu tượng của đời sống vĩnh cửu. Hình nằm ngang trên cây thánh giá song song với mặt đất và tượng trưng cho bề mặt trái đất. Còn hình kẻ dọc của thánh giá cắm xuống mặt đất tượng trưng cho sự phá vỡ bề mặt trái đất. Đây là đường kẻ dọc thông qua mặt trái đất, cho dù lên phía trên hay xuống phía dưới đều cắm vào trái đất và phá vỡ sự thống nhất của trái đất. Có vẻ như cây thánh giá là biểu tượng mới của Hai: hai thanh ngang và dọc.

Nhưng đây không phải là Hai mà là Bốn, bởi cây thánh giá có Bốn cánh. Bốn cánh chỉ về bốn hướng: đông, tây, nam, bắc. Sang phải, sang trái, lên và xuống, về bốn hướng, có nghĩa là về tất cả các hướng của thể gian, bởi vì bốn hướng không là gì khác ngoài sự giản lược hóa cái la bàn hồng, và la bàn hồng không là gì khác ngoài sự mở rộng của bốn hướng. Bởi vì chỉ có bốn hướng mà thôi.

Trong con số Ba đặc tính, cái Toàn Bộ của sự HỢP NHẤT đặc thắng, bởi vì Ba bằng việc chiến thắng Hai biến đổi thành Một mới. Còn trong BỐN chứa đủ đặc tính mới của sự HỢP NHẤT. Đặc tính mới này là: sự Tròn Vẹn. Bởi vậy bốn hướng không chỉ có nghĩa là toàn bộ thể gian, mà còn là một thể gian tròn vẹn: một thể gian hoàn chỉnh, đầy đủ và vĩnh cửu. Và biểu tượng của thể gian vĩnh cửu và tròn vẹn này là cây thánh giá, là thứ gắn mặt ngang với mặt dọc, đất với trời, thời gian với sự vĩnh cửu, thiên nhiên với siêu nhiên.

Bởi vậy thời cổ người ta gọi Trung Quốc, Ai Cập, Peru là Vương Quốc của Bốn Phương. Vương quốc của sự tròn vẹn. Bởi vậy khi kẻ cai trị tuyên thệ nhận lấy quyền thống trị dân chúng, đều phải viện đến thần linh của bốn phương như người làm chứng. Hình thức tuyên thệ này vẫn còn lại trong dạng hình nguyên thủy ở những người da đỏ, họ phải khổi thuốc tấu của buổi hội họp ra bốn phương, hay ở các dân tộc khi truyền vương miện, nhà vua trở gươm ra bốn hướng.

Trong kinh Kabbala tên toàn vẹn của Thượng Đế có bốn chữ cái. Đây là cái tên người ta nói cho Jehova bằng những nguyên âm: *Jod-He-Vau-He*. Nghĩa là sự toàn vẹn của bốn phương trời. Còn trong hình học: điểm, đường, mặt phẳng, vật. Trong vật lí là không gian ba chiều và thời gian.

Thần số học dạy rằng sau Ba là con số Bốn tuyệt vời bí ẩn của Thượng Đế không bao giờ nắm bắt nổi. Bằng con số Bốn thực chất mọi khả năng của các dãy số tiến khác chấm dứt. Không còn con số nào nữa. Tất cả các dãy số tiếp của MỘT từ BỐN đều có thể suy ra.

Năm không là gì khác ngoài hai và ba; sáu là ba và ba; bảy là ba và bốn; tám là bốn và bốn; chín là ba lần ba; và Mười, lại một lần nữa là một trong những bí ẩn lớn nhất: là tổng của bốn số đầu: một cộng hai cộng ba cộng bốn là Mười.

Không có thêm một con số nào khác nữa, cả trên trời lẫn dưới đất, bởi mười, hai mươi, ba mươi, một trăm, một nghìn đều là những sự lặp lại của mười dãy số tiến đầu tiên trong các vòng sự sống khác nhau.

Bốn không gian: bầu trời vô hình nơi Đấng Sáng tạo ra tinh thần siêu nhiên ngự trị - khí eter, nơi các ngôi sao và các thiên thần ngự trị - bầu khí quyền, nơi không thể tách rời trái đất và là nơi các linh hồn đợi phục sinh ngự trị - sau cùng là trái đất, nơi tồn tại của các thực thể sống.

Trên bốn không gian này có bốn thiên thần giữ bầu trời, thiên thần của mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông, có bốn góc của thế gian, *Aldebaran*, *Regulus*, *Antares* và *Fomalhaut* - trong những chòm sao *Kim Ngưu*, *Sư tử*, *Bọ Cạp* và *Bảo Bình*.

Ở Ấn Độ có bốn mức độ của sự tái hòa nhập của đời sống: *brahmacharya*-tín đồ *brahman*, *grihasta*-chủ gia đình, *vanaprasta*-nhà khổ hạnh trong rừng, *sannyasin*-người lữ hành từ bỏ mọi của cải trần thế.

Ở phái Orphika tính chất hoàn hảo của số Bốn phát triển ở chỗ, BỐN là biểu tượng của tính chất lưỡng thể của thực thể tinh thần cao

nhất, và Bốn biểu hiện mức độ trong thế giới người, khi một người nào đó hoàn toàn chiến thắng được giới tính của mình “có thể trở thành đàn bà giữa đàn bà, đàn ông giữa đàn ông”.

5.

Trên con đường này chỉ cần đi thêm vài bước nữa, và con người, dù chỉ chạy thoáng qua, vẫn hình dung được thần số học (*aritmologia*) có gốc rễ thế nào trong trật tự của các tương đồng cổ.

Không chỉ trong truyền thống Pythagoras và Orphika, mà ở Mexico, Trung Quốc và Judea người ta cũng cho rằng con số là âm thanh đầu tiên của sự xuất hiện vật chất. Sự hài hòa và trái nhau của các âm thanh nằm trên nền tảng của các con số.

Âm nhạc, Saint-Martin nói, không là gì khác ngoài sự đếm, khi linh hồn con người ngậy ngất trong âm nhạc, nó không làm gì khác ngoài việc đi theo những dãy số tiến của các con số một cách vô thức.

Có thể yên tâm nhận định rằng, những lúc đó linh hồn nhảy múa trên những con số, bởi cơ sở của nhảy múa cũng đúng là con số, như của âm nhạc hay điêu khắc hay kiến trúc hoặc thi ca; hay của các khoáng chất, của các lá xanh của thực vật, của các loài hoa, các màu sắc. Cơ thể con người, khi nhảy múa là làm các chuyển động phù hợp với các tỉ lệ: sống trải qua và diễn tả các cơn số.

Kiến trúc dựa trên các con số, điều này hiển nhiên, không chỉ vì kiến trúc có quan hệ bên trong với âm nhạc, mà còn bởi vì cần phải chú ý đến các tỉ lệ, các định luật trong các vật chất khác nhau, chú ý đến trọng lượng, chất lượng, sự hài hòa của nó. Kiến trúc cũng là một sự đếm, như lúc xây dựng một hệ thống tư tưởng, hoặc hình thành một trật tự nhà nước, một trường ca, một bài kinh hoặc một thi phẩm. Bất kì một hoạt động nào của con người cũng không thể thiếu các con số.

Có thi phẩm dựa trên con số Ba, hoặc số Bốn. Toàn bộ vở kịch dựa trên sự căng thẳng của con số Hai, bởi sự căng thẳng của kịch là đối thoại. Kịch cổ là trò chơi ném bóng của Mexico. Cơ thể con người là sự biểu hiện của tỉ lệ các con số, giống như tác phẩm âm nhạc. Ai cũng biết, chân tỉ lệ như thế nào so với toàn thân, chiều dài của đầu với cánh tay, tỉ lệ giữa phần đầu ngón chân và chiều rộng của các đầu ngón tay cũng đúng luật như tỉ lệ giữa các bộ phận trên khuôn mặt. Trong cội nguồn của tất cả mọi hiện tượng đều có con số đứng trong đó, Pythagoras nói.

Nếu con người muốn tiếp tục đi tiếp, có thể phát hiện ra mối quan hệ giữa con số và thời gian. Đặc thù của thời gian là không hài hòa với con số Mười. Thời gian là sự kết hợp rắc rối của Hai, Ba, và Bốn, và bởi vậy mức độ của nó chỉ có thể là Sáu và Mười Hai. Nhưng có thời gian như thời gian của Mặt Trăng, số ngợ trị của nó là Bảy. Bởi vậy có hai loại thời gian, thời gian-Mặt Trời và thời gian-Mặt Trăng, và hai loại này không bao giờ phủ lên nhau. Hai loại thời gian này xuất hiện như thế nào trong số phận con người, về điều này thời cổ người ta biết nhiều và gần đây một lần nữa người ta lại bắt đầu cảm nhận về nó.

Trong thực thể đàn bà phần lớn thời gian-Mặt Trăng ngợ trị và thực thể đàn bà nói chung hòa hợp với các con số của Mặt Trăng. Nhưng trong đời sống người đàn ông con số Bảy có vai trò quyết định, số Bảy không chỉ điều chỉnh sự tái hòa nhập, sự nâng tâng vào đời sống tinh thần, mà nhịp điệu của số phận cũng là: Bảy. Số bảy này hòa hợp với bảy hành tinh, thế giới của các ngôi sao cũng không là gì khác ngoài sự biểu hiện trực tiếp của con số, như âm nhạc, thi phẩm, điệu nhảy hay một tòa nhà.

Vũ trụ là một không gian bùng nổ trong đó tất cả xảy ra trên nền tảng các con số. Dưới trật tự con số của vũ trụ Trái Đất cũng không ngoại lệ, và tất cả mọi người nghe thấy một cái gì đó về các nguyên tố, đều biết các nguyên tố này có quan hệ với nhau theo các dãy số tiến của con số. Sau đó trong quá trình tinh luyện đặc tính số của các nguyên tố

cũng biểu hiện, điều này tự nó cũng có thể hiểu được. Tự nó có thể hiểu được cho dù cho đến tận hôm nay vẫn chưa tìm ra chìa khóa giải thích.

Nhưng không ở đâu con số có vai trò quan trọng như trong thế giới của linh hồn. Tất nhiên không theo quan điểm của tâm lí học hiện đại, là thứ tâm lí học của con rắn tự cắn vào đuôi: của bề mặt và của sự rỗng tuếch bên trong. Con số chỉ đạo mối quan hệ bên trong và bên ngoài như sau: sự tương quan nằm giữa linh hồn và dạng hình thể xác dựa trên con số.

Nhưng các đặc tính bên trong cũng mang tính chất hội tụ và chia rẽ như các con số, và các con số này luôn phù hợp với những con số trong khoảnh khắc sinh ra của con người trên bầu trời, chúng như các chòm sao và các hành tinh. Bởi vì cái có ở trên cũng tương tự như cái có ở dưới.

Con số chỉ dẫn số phận con người, đặc biệt là sự suy thoái, sự quay trở lại MỘT. Và sự suy thoái cùng tiến hóa hòa vào làm một, điều này không là gì khác ngoài Hai-sự hoàn chỉnh hóa quá trình thoái hóa và tiến hóa trong Ba: trong cái Toàn Bộ.

Sau cái Toàn Bộ con người đạt tới sự Toàn Vẹn. Sự Toàn Vẹn không là gì khác ngoài Bốn. Sau Bốn còn một bước nữa: Tất Cả. Con số của Tất Cả là Mười.

Đây là ba bước mà linh hồn chạm tới cái Tôi của nó để trở thành MỘT, để quay trở về với Thần, cần phải làm. Đây là luật ba mức độ, ngoài ra không có gì khác.

6.

Bốn đứng giữa Ba và Mười; Ba là cái Toàn Bộ, Mười là Tất Cả, ở giữa là: sự Toàn Vẹn. Đây là Bốn. Nhưng Bốn cùng với Hai và Ba là

con số của thời gian. Như vậy Bốn là thời gian toàn vẹn.

Bởi vậy có bốn mùa: xuân, hè, thu, đông. Bởi vậy có bốn thời kì: thời hoàng kim, thời bạc, thời đồng, thời sắt. Tương đồng của bốn mùa và bốn thời kì rõ ràng: thời hoàng kim là mùa xuân, là cái bắt đầu, sự nở hoa thời bạc là mùa hè, sự thể hiện, sự viên mãn là mùa thu, thu hoạch, che chắn, nguội đi; thời kì sắt là mùa đông, sự đông cứng lại, sự tối tăm, sự ngủ. Thời thơ ấu, thời thanh xuân, thời trưởng thành và thời kì già lão. Mùa xuân phù hợp với phía đông và buổi sáng; mùa hè phù hợp với phía nam và là khi Mặt Trời lên đến đỉnh; mùa thu phù hợp với buổi chiều và phía tây; mùa đông phù hợp với đêm và phía bắc.

Bốn mùa phù hợp với bốn nguyên tố: mùa xuân với không khí, mùa hè với lửa, mùa thu với nước, mùa đông với đất. Không khí phù hợp với con người, lửa với động vật, nước với cây cỏ, đất với khoáng chất. Không khí phù hợp với cái Tôi thần thánh của con người, lửa với tinh thần, nước với linh hồn, đất với cơ thể vật chất. Tất cả là cái Toàn Vẹn.

Truyền thống Do Thái dạy rằng, thời hoàng kim, *krita-juga* tồn tại bốn nghìn năm thần. Một năm thần có ba trăm sáu mươi nghìn năm Mặt Trời. Người và thần ở lẫn với nhau, giữa con người với nhau có sự bình đẳng, người ta không biết đến sở hữu và cái Tôi, họ luôn sống trong sự trù phú và tươi tỉnh. Các sinh vật sống là anh chị em với nhau.

Nghề chính của con người là nghiên ngẫm kinh Veda và *tapasz*-sự tự phủ nhận. Xúc cảm cơ bản của đời sống là niềm vui. Không có lỗi lầm, tội ác và cái xấu. Toàn bộ nhân loại nói chung một ngôn ngữ, là thứ tiếng mà thần linh, các súc vật, chim muông, cỏ cây đều hiểu. Tất cả mọi người đều thỏa mãn, nói đúng sự thật và có học. Các thực thể người giống như thần linh đều đẹp đẽ, mạnh mẽ, khỏe khoắn, bởi bệnh tật là khái niệm xa lạ trên thế gian. Tuổi thọ trung bình là bốn nghìn năm.

Thời kì thứ hai *tréta-juga*, thời kì bạc. Tuổi thọ trung bình của con người là ba nghìn năm. Sự đau khổ, bệnh tật và tội ác xuất hiện. Nhưng

bằng sự tự phủ nhận và chìm đắm vào tri thức của thần nên con người vẫn chiến thắng được chúng. Con người lúc này không còn đẹp đẽ như trong thời hoàng kim.

Tình huynh đệ của nhân loại chấm dứt, lúc này đã có hai đẳng cấp: tinh thần và không tinh thần. Các thực thể sống cũng chia rẽ, con người bước ra khỏi cộng đồng lớn của các thực thể sống khác. Sức mạnh của sự thật giảm đi, xuất hiện sự dối trá. Các thần linh vẫn còn sống trên trái đất, nhưng lúc này họ đã đi tìm những dãy núi xa, những khu rừng đơn độc, những mỏm đá ở biển. Sự trù phú và sung túc bắt đầu giảm nửa, xuất hiện nạn đói và sự nghèo khổ.

Thời kì thứ ba là *dvapara-juga*. Tuổi thọ trung bình của con người là hai nghìn năm. *Dvapara-juga* tồn tại hai nghìn năm thần. Veda biến thành thứ bị cấm đoán đối với một số người nhất định. Sự tự phủ nhận càng ít người duy trì hơn và không được coi là nhiệm vụ lớn nhất của đời sống.

Các thần linh rời bỏ trái đất. Nhu cầu, nạn đói và sự nghèo khổ ngày càng lớn dần. Nhân loại đã chia ra làm ba đẳng cấp. Tiên, sự lạm dụng, sự tàn bạo cố ý xuất hiện. Sự dâng hiến và nghi thức chỉ còn là nhu cầu của đẳng cấp tinh thần. Trong thời kì đầu tiên bệnh mang tính chất tinh thần chỉ là sự rối loạn nhận thức, đầu óc mờ mịt; đến thời kì thứ hai bệnh bắt đầu lan truyền đến tứ chi cơ thể. Trong thời kì thứ ba bệnh tật đã bao phủ toàn thân và trở thành bệnh thân xác.

Thời kì thứ tư là *kali-juga*, thời kì đen tối, thời đồ sắt. Tuổi thọ trung bình của con người từ một nghìn năm ngày càng giảm dần xuống; cuối thời kì không nhiều hơn mười năm: con người càng ngày càng co quắp lại, ngày càng bé nhỏ lại, mỏng manh, xấu xí. Đến cuối thời kì họ không đạt đến chiều cao một mét, đàn bà ba tuổi đã trở thành mẹ, năm tuổi đã phát triển hết. Kinh Veda không ai đọc nữa, không ai thực hành sự tự phủ định, tất cả mọi người đều lao đi một cách mất trí để kiếm cho đầy dạ dày bởi ngự trị trái đất là nạn đói và nhu cầu. Các đẳng cấp biến mất, bởi vì tất cả mọi người biến thành phi đẳng cấp, bị loại. Sự thật không bao giờ được ai biết đến nữa.

Trên trái đất các cuộc chiến tranh khủng khiếp nổi lên, và so với bạo lực và sự tàn ác chỉ còn lòng ích kỉ, đố kị, bản năng và sự hư hỏng của một số đông con người. Bệnh tật đã bao phủ toàn thân con người, và liên tục những dịch bệnh mới xuất hiện, khiến con người đau đớn hàng năm trời, chừng nào họ đành phó mặc và chết với một cơ thể đã bị hủy hoại quá nửa.

Tình trạng phi tôn giáo, vô thần phổ biến, không ai muốn biết về các thần linh nữa, toàn bộ tinh thần trở thành thói đạo đức giả dối. Trình độ tri thức bị hạ xuống thấp, sự giáo dục và hành vi nề nếp biến mất. Con người vì dục vọng tàn hại lẫn nhau một cách đui mù. Tình bạn trở nên xa lạ, các nạn dịch lớn hành hạ con người. Từ những vết tích xấu xa bên trong và bên ngoài sự tăm tối tinh thần và hình dáng trở nên đáng ghét của con người ngày càng phổ biến. Vòng quay tròn của thế gian đóng lại.

Nhưng, đến cuối thời kì *kali-juga* một lần nữa lại có một số người đọc kinh Veda, họ đọc và bắt đầu sống một cuộc đời tự phủ định. Cái mà Con người đạt tới sự sáng sủa bên trong sẽ bắt đầu xuất hiện ra bên ngoài: tuổi thọ kéo dài hơn, khuôn mặt và dáng hình trở nên đẹp đẽ, con người bắt đầu hiểu ra và duy trì sự thật, luật, bắt đầu tổng khứ đi sự tàn bạo, thói ích kỉ, lòng đố kị, tình bạn bắt đầu xuất hiện, hôn nhân trở nên hạnh phúc.

Mùa đông một lần nữa bước vào mùa xuân, người già trẻ lại, sự tăm tối sáng rạng lên, trái đất lại cung cấp nhiều hơn châu báu của nó và thời kì *kali-juga* sẽ đạt tới thời kì *krita-juga*, từ thời kì đồ sắt sẽ trở thành thời kì hoàng kim.

V. Bệnh tật

1.

Con người lịch sử có thể dễ dàng hiểu một số tương đồng nhất định, thậm chí đôi khi biết tiếp cận cách tư duy tương đồng của con người cổ. Nhưng không thể tạo dựng nên bản thân các tương đồng, và cũng không có khả năng biến tư duy tương đồng thành của mình.

Cái họ biết và có khả năng vồn vẹn chỉ là sự so sánh, và điều này họ chỉ biết sử dụng trong cái gọi là hình thức thi ca; nhưng ý nghĩa đáng tin cậy của sự so sánh đối với họ không có. Nhìn thấy tương đồng và tư duy kiểu tương đồng chỉ có thể bằng tri thức phổ quát, nhưng với tri thức tập thể thì không thể. Nếu không bằng nhận thức tỉnh táo để xác định các tương đồng thì cùng lắm chỉ đạt tới sự so sánh.

Con người lịch sử không có công cụ khi muốn nói về các tương đồng. Ngôn ngữ thời lịch sử vô hiệu quả đối với sự tương đồng. Trong ngôn ngữ thời lịch sử không có các biểu tượng, không có sức mạnh thần tượng, không đủ tính chất vũ trụ, không phổ quát cũng không siêu hình, tóm lại không mang tính chất thức tỉnh.

Từ thời trung cổ tới ngày nay sự tượng trưng cũng từ từ lùi vào hậu trường, và chỉ trong ẩn dụ đạt tới một mức độ ngôn ngữ cao nhất, tự do nhất và rõ ràng nhất. Nhưng ẩn dụ trong ngôn ngữ đại chúng biến thành sự trống rỗng. Nơi nào cần đến các dấu hiệu phổ quát hơn, và ở nơi nội dung siêu hình học sâu sắc hơn vẫn còn sống, ở đó con người lịch sử buộc phải dùng đến các từ ngữ cổ. Ngôn ngữ như một kho tàng chứa các tương đồng đã chấm dứt, và ngôn ngữ ngày càng nghèo nàn đi

dù thức tỉnh hay không, và toàn bộ sức mạnh cùng sự sâu sắc của những tương đồng chỉ tồn tại ngoại lệ ở một vài nhà thơ lớn.

Con người lịch sử gần như không thể hiểu sự tương đồng của các con vật và các thần linh. Dòng tư tưởng tiếp cận một biểu tượng nào đó của bản chất sự sống trong các thực thể động vật - cũng đúng như vậy với các biểu tượng của giới thần linh con người không hiểu nổi. Họ không hiểu, ví dụ: các con vật nằm trong vòng Mặt Trời, như sư tử, dũng cảm, hiên ngang, là biểu tượng của linh hồn anh hùng.

Và các biểu tượng đẳng cấp cũng có thể là các con vật; biểu tượng của đẳng cấp *brahman*-tinh thần là con gấu ở người Kelta hay người da đỏ, và cũng đúng như vậy như ở Ấn Độ; Biểu tượng của đẳng cấp hiệp sĩ-cai trị là con lợn rừng; Biểu tượng của đẳng cấp kinh tế là một con vật mắn con và giàu có, con vật có ích, con lợn; Biểu tượng của đẳng cấp đi hầu hạ là con chó.

Nhưng các tương đồng thực vật của các thần linh cũng có: hoa-Mặt Trời, hoa-Mặt Trăng, các thần linh Ai Cập, Hi Lạp, Iran, Hindu, Trung Quốc, Mexico, Kelta, Peru đều có hoa và cây cỏ của họ. Ở Hi Lạp cây sồi là biểu tượng thần Zớt, cây nguyệt quế là biểu tượng của thần Apollon, cây dầu là biểu tượng của Pallas Athene, ở Iran hoa huệ là của Bahman, hoa nhài đỏ là của Ahura mazda, hoa hồng của Din.

Tương đồng không hề thiếu trong từng lĩnh vực của đời sống. Tương đồng của trang phục ít nghiêm chỉnh hơn, và điều này không chỉ thấy trên trang phục của từng đẳng cấp, mà còn thấy trong sự hiện diện bên ngoài của các chức vị con người. “*Ai sống trong ý nghĩa của logo - một văn bản thời Alexandria cho biết - kẻ đó cần phải mặc trang phục có những kí hiệu vũ trụ*”. Nhưng đến thời trung cổ chiếc áo choàng rộng trang trí những kí hiệu trời, mà các nhà chiêm tinh Iran, Kaldeus và Babilon hay mặc trong nghi lễ với hồn của Các Cha đã trở nên khoe khoang và không còn trịnh trọng nữa.

Theo truyền thống cổ ở tất cả các dân tộc, thắt lưng là một mảnh trang phục quan trọng điều chỉnh hơi thở, và con người ràng buộc với

Thượng Đế bởi hơi thở. Bởi vậy người ta thường móc vào thắt lưng những thứ gì người ta muốn gìn giữ (dao, vật kỉ niệm, như người da đỏ cài vào thắt lưng của họ mảnh da đầu, cái tẩu) và các môn sinh viết những lời dạy của người thầy lên thắt lưng. Sự tách biệt của các phần dưới thắt lưng và trên thắt lưng, mà con người lịch sử cho rằng nó đã được đạo đức hóa nên họ giải thích tương đối sơ sài: cái thắt lưng là kí hiệu hợp tác của Thượng Đế và con người, kẻ đã chết mang thắt lưng theo mình xuống mộ.

Cần nói riêng về các tương đồng của thức ăn, chủ yếu vì, tại sao có những món ăn bị cấm đối với những người sống trong những mức độ sống nhất định và tại sao có những món ăn không trong sạch.

Con người sống trong mức độ sống nhất định không được phép giao tiếp với những vòng của sự sống nguy hiểm đến nó - nhưng điều này không có nghĩa là không được sống chung với những người khác trong cộng đồng, mà chỉ có nghĩa là bắt buộc phải tránh toàn bộ vòng này của sự sống: tránh thực vật, động vật, người, thức ăn, tư tưởng trong vòng này.

Bởi vậy từng có những thức ăn của trời và thức ăn của ma quỷ, thức ăn vật chất và thức ăn không trong sạch, và vì vậy có sự tương đồng giữa lúa mì và thần Demeter ở Hi Lạp, giữa ngô và nữ thần Kenteotl ở Mexico: nếu con người ăn bánh mì, họ bước vào thế giới của Demeter và Kenteotl và làm nhắc nhở đến hàng nghìn các tương đồng khác.

Mọi sự kiện đều có tương đồng của nó trên bầu trời sao, cũng đúng như trong đường bay của chim, trong nội tạng của các con vật hiến tế và trong các vòng tinh thần cao nhất. Bởi vậy có những thầy bói và những nhà chiêm tinh chuyên nghiên cứu vị trí vũ trụ, đường bay của chim và nội tạng của các con vật hiến tế, và đọc ra lời giải từ đó.

Thịt súc vật dùng để chữa bệnh đúng như khi đánh thức những đặc tính súc vật hoặc siêu nhiên trong con người. Một số thực vật hoặc khoáng chất có tác dụng chữa bệnh đúng như vậy - tăng cường một số

vòng nhất định của sự sống và giải phóng chúng. Những tác dụng chữa bệnh này được thừa nhận ở Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng, cũng giống hệt như ở Ai Cập, Mexico và các nơi khác. Bí mật của Toth ở Ai Cập là màu sắc, âm thanh, ngôn từ và mùi vị, những thứ có thể dùng để giết chết người - nhưng có mùi vị, âm thanh, ngôn từ và màu sắc có thể làm người chết sống lại.

2.

Con người lịch sử nghĩ rằng cái họ gọi là bệnh tật từ lớp vật chất nặng nề ngoài cùng có thể nhận biết và chữa chạy. Quả thật, con người lịch sử vẫn chỉ đang sống đời sống của mình trong một đời sống vật chất nặng nề nhất, bên ngoài nhất, nên họ không biết cần nắm bắt cái gì và chuẩn bị gì với nó. Chưa nói đến các tầng đời sống sâu hơn.

Trong các vòng tâm lí và xã hội, con người chống chọi với sự thiếu hiểu biết hoàn toàn, còn đối với các vòng khí và tinh thần họ không mấy may linh cảm. Một phần không đáng kể của bệnh tật chính là bệnh của các lớp chắn vật chất nặng nề phủ trên bề mặt đời sống. Nhưng phần lớn hơn của bệnh tật xuất phát từ những điều sâu hơn, muốn hiểu được điều này cần phải có nhận thức về sự tương đồng.

Để có một nhận thức sáng sủa về bản chất của bệnh tật một cách phổ quát, tất yếu, cần tìm ra con số của bệnh tật. Con số của bệnh tật là: số Năm.

Năm nằm trong mối quan hệ với Mười như Hai với Một. Cắt đôi, chia làm hai, tách ra. Hai là sự xung đột đối diện với Một, là con số của sự đứt đoạn, nước đôi. Năm đối diện với Mười cũng đúng như thế. Nó là cấp số tiến của sự hợp nhất đã vượt quá toàn bộ các khả năng, và trong con số Mười nó đạt tới mức độ cao nhất, cái Toàn Bộ. Bởi Mười

không là gì khác, ngoài sự quay trở lại với cái Toàn Bộ. Năm là sự phá làm đôi cái Toàn Bộ này.

Ở Ai Cập chữ tượng hình của Năm là đầu con lừa, con lừa là con vật của Seth và có nghĩa là sự tăm tối bên ngoài. Trong Năm xuất hiện sức mạnh độc ác và tấn công của thế gian, bằng sức mạnh này Seth đã giết chết Oziris và chặt ra từng mảnh. Năm là mâu thuẫn, là xung khắc, là con số của mọi sự phá vỡ và làm hủy hoại.

Từ thời Bảo Bình đến thời hiện tại hôm nay chính là thời kì thứ năm, có tên Do Thái là *jamaraszana*, cội nguồn của nó đều là những gì già nua, nặng nề, chết chóc, đầy rẫy âu lo, đen tối, đau khổ. Theo tri thức Ai Cập, ngũ trị thời kì thứ năm là Seth, và một trong những ý nghĩa của từ Seth là năm góc: hố sâu không đáy, *duat*, địa ngục. Theo kinh Kabbala con số Năm làm cho con người dám làm cái xấu. Nếu nó chỉ biết đến con số Bốn, nó có thể đồng đẳng với các thần linh, theo Saint-Martin, số Năm là con số của thần tượng và sự đổ vỡ.

Bệnh tật không là gì khác, ngoài sự ngũ trị của con số Năm lên con người: con người là tương đồng của cái Toàn Bộ, và Năm là sự chia đôi và vỡ làm đôi của cái Toàn Bộ này. Năm gợi tưởng đến sự tăm tối bên ngoài và những xúi giục địa ngục. Năm mang tới sự yếu đuối và sự hư hoại, mối lo âu, sự đau đớn, sự quẫn quại, những nổi hành hạ. Năm xé xác con người, giống như Seth với Oziris.

Tất nhiên không phải như phương thức Năm là trung tâm sức mạnh, nơi từ đó sự hư hoại chiếu phóng. Năm là biểu tượng tương đồng tất cả những cái như bệnh tật, nổi đau, sự quẫn quại, sự tối tăm. Con người không thể theo kịp các tương quan tiếp theo của các sự vật. Năm thực chất là chất xúc tác bạo lực - là trạng thái rơi xuống địa ngục, không phải là thứ linh hồn bước qua các ngưỡng của đời sống, hay người học trò trên những bậc thang nhập định cần trải qua, mà là quyền lực ma quỷ của sự tăm tối gợi nhớ theo phương thức bóng ma, và là cái mà con người cần phải sống qua một cách trái tự nhiên và không hề chuẩn bị.

Nhưng cũng chính vì thế bệnh tật liên quan đến sự nhập định và sự chết đi: khi con người bước vào một cánh cửa bị cấm đối với người đang sống - chỉ trong một trường hợp được phép, nếu làm vì tri thức, vì sự tỉnh táo thần linh.

Bệnh tật thu thập những kinh nghiệm không ngoại lệ, trái luật và là những điều tinh thần của đời sống không cho phép. Bởi vậy bệnh tật có quan hệ với tội lỗi và sự độc ác. Bệnh tật đưa đường tới sự tăm tối không trong sạch, tới sự mờ mịt tội phạm, thế giới của Seth, Hades, Seol, nơi, bằng cách thức bị cấm tiếp tục sự tiếp xúc tội lỗi với các quyền lực độc ác, và bị các quyền lực độc ác này đầu độc, cám dỗ, cầm tù.

Trong tất cả các loại bệnh tật có một cái gì đó cám dỗ cải biến linh hồn bất lực trở thành sự tò mò: nó khơi gợi cám dỗ bằng những ấn tượng rùng mình, mà một linh hồn khỏe mạnh không hề linh cảm và cũng không thể biết.

Nhưng thật hạnh phúc cho kẻ nào không cho phép những khát vọng tấn công từ sự tò mò tội lỗi, và không chóng mặt trước những ngất ngây rùng mình run rẩy mà sự tăm tối hứa hẹn: từ sự suy sụp, từ sự yếu đuối chập choạng, từ sự chấn động khủng khiếp, từ xúc cảm đời sống bản thủ, phi tự nhiên, từ sự rung chuyển ma quỷ, từ sự tẩy sừng lên chậm chạp những quyền lực bệnh tật, những thứ mà ở trong đó, linh hồn chỉ có thể tìm thấy niềm vui địa ngục khi nó đã hoàn toàn quên cái đẹp và sự cao thượng của một đời sống khỏe mạnh, sáng sủa.

3.

Sau những từ ngữ chung chung, để nhấn mạnh rằng bệnh tật không phải là cái gì ngoại lệ, bị cách li, và cũng không phải là thứ có thể đuổi ra khỏi đời sống con người - ít nhất không phải bằng phương

pháp mà trong thời lịch sử, nhất là thời hiện tại người ta thường nghĩ - dễ dàng nhìn thấy, cái gì trong bệnh tật đã đi quá xa những lớp phủ xác thân vật chất nặng nề, hay nói cách khác: tại sao có nguyên nhân và nguồn gốc của bệnh tật và tại sao cần đặt xa các giới hạn của thân xác vật chất. Bằng một cách thức đặc biệt và hết sức cần nhấn mạnh rằng đây là điều liên quan đến tất cả mọi bệnh tật, không ngoại lệ, đến trạng thái tấn công động chạm đến thực thể người và làm yếu con người.

Một mũi kim đâm hay một vết cào duy nhất trên cơ thể con người đều không thể xảy ra từ nguyên nhân thường được giải thích là bởi thiên nhiên vật chất.

Bởi vì cái gọi là ngẫu nhiên chính là sức mạnh và nhân tố của quyền lực ma quỷ và số phận như những cái khác: ngẫu nhiên là thần hộ mệnh (daimon) nhảy vào phá vỡ luật từ một điểm nào đấy, và biến đổi con người thành một cái gì đó, thoát nhìn không thể thấy triệu chứng cũng như hậu quả của nó.

Bệnh tật không bao giờ là bệnh riêng biệt của một bộ phận, mà luôn chạm tới toàn bộ cuộc đời, nghĩa là chạm tới toàn bộ con người. Con số của bệnh tật là Năm, Năm là con số của hư hoại và độc ác.

Tương đồng gần nhất là linh hồn. Tất nhiên đây không phải cái linh hồn tâm lí không phải là *átma*, *átma* cũng không phải là *dzsiva* nốt, mà là linh hồn-lông chim, con chim ở Ai Cập gọi là *ba*, là *thümos*, bay ra khỏi, rồi tràn đầy vào trong *prana*, vào hơi thở, hay đúng hơn vào cơ thể vật chất và chỉ bay ra sau khi thể xác đã bị hủy hoại, quay trở về thiên đường, đậu lên cây Đời sống.

Linh hồn này nhạy cảm như lông chim; nó sống trong các dây thần kinh, nhưng sự nhạy cảm của nó không chỉ hướng ra ngoài, mà trong những mức độ nhất định, hướng cả vào trong. Ý thức con người nhận các ấn tượng từ các vị trí không thể tiếp cận ban ngày và chuyển tiếp tục cho các dây thần kinh. Bệnh tật thân xác đi qua các dây thần kinh do *ba* điều khiển, đúng hơn: chuyển vào. Nhưng chuyển từ đâu tới?

Trong vòng trực tiếp của trái đất có những linh hồn đã chuyển đời sống ở đó, những linh hồn này không thể đứt đoạn với thiên nhiên vật chất và luôn hi vọng sẽ được quay trở lại. Đây là các linh hồn sống trong sự cưỡng chế của niềm tin tối tăm và ngu si, những kẻ không chiến thắng nổi *anake*, nhu cầu, và thế là chúng bị hành hạ một cách rõ rệt trong sự rối loạn, trong một thứ niềm tin xằng bậy.

Ở đây chúng vật vờ không đứt như những bóng ma, và sử dụng những cơ hội và khả năng nhỏ nhất để can thiệp vào những sự việc của trần thế, để bằng những việc này chúng tưởng chúng đang ở trần thế, bởi vì khi ở trần thế sự sống của chúng cũng ảo, và giờ đây chúng cũng không phân biệt nổi sự khác biệt giữa hai tình thế của chúng.

Kinh Kabala gọi những linh hồn này là các phôi thai, những thực thể lai, sống kí sinh trong đời người khác. *Ba* nhận lấy phần lớn các ấn tượng từ đây, bởi vì thế gian này nằm gần nó nhất. Thế gian này phóng chiếu phần lớn các hình ảnh của nó vào ý thức con người. Vượt quá vòng khí trực tiếp này, trong một không gian khí rộng lớn hơn là các sức mạnh ma quỷ và quyền lực của số phận sống ở đó, so với các loại trên chúng tinh táo không thể lường nổi: các sức mạnh và các thực thể thiên thần cùng quỷ sứ, là sự ngự trị vô điều kiện của các hiện tượng tốt và xấu của đời sống.

Thế giới này *ba* không thể nhìn thấy một cách trực tiếp, kể cả khi nó liên tục nhận được các bản năng, các mệnh lệnh, các chỉ dẫn đi chẳng nữa. *Ba* đặc biệt nhạy cảm với bảy vị thần mà hệ thống tương đồng chiêm tinh học gọi là bảy hành tinh. Từng phần từng bộ phận của con người phù hợp với bảy hành tinh và mười hai chòm sao.

Chòm sao Bạch Dương là cái đầu, Kim Ngưu là cổ, Song Tử là phổi, hai cánh tay và vai, Cự Giải là dạ dày và cứ thế tiếp tục. Mặt Trời là mắt, lưng, khuôn mặt, trán và máu; Mặt Trăng là chất nhầy, dạ dày; Sao Thủy là cánh tay, hệ thần kinh điều khiển, tủy sống và cứ thế tiếp tục.

Trên bầu trời sao các chòm sao phù hợp với sự di chuyển của các hành tinh cũng tương đồng với sự thay đổi của mọi vật chất thể gian và sự thay đổi của thân thể con người. Bảy vị thần của số phận gửi đi sức khỏe và bệnh tật. Mỗi thần chỉ là thần trong vương quốc riêng của mình: Mặt Trời chỉ ra bệnh đau lưng, đau tim, đau mắt; Mặt Trăng với bệnh đau dạ dày, đau hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, sự rối loạn cảm xúc, sao Thổ với bệnh gút, bệnh phong thấp, viêm khớp, các bệnh xương, đau răng, gãy xương, loãng xương.

Nguồn gốc của bệnh tật qua vòng khí không thể biết hết nổi. Các chủ thể thần thánh thời cổ bằng tri thức và trực giác có thể biết đến tận nguồn gốc xấu của bệnh tật dựa trên nền tảng của con số Năm. Nhân tố này có thể thấy rõ từ các cách chữa bệnh mà các chủ thể thần thánh không phải ngoại lệ mà hoàn thành trong toàn bộ thiên nhiên. Các bậc thầy đã nhập định cố, các giáo sĩ của Toth và Asklepios đều biết cội rễ của bệnh tật.

Sót lại đến thời lịch sử, tri thức về bệnh tật chỉ còn là: con người có thể lần ra cội rễ bệnh tật từ các quyền lực của số phận.

4.

Bệnh tật của thân xác con người phù hợp với nhân tố thể giới vũ trụ khi các cấp số tiến của MỘT lần lượt đạt đến sự hư hoại và tiếp xúc với sự hư hoại.

Bệnh tật không bắt nguồn trong xác thân vật chất, mà trong lĩnh vực tinh thần vô hình, từ đây nó sà xuống các vòng của số phận, và sự rối loạn phổ quát bắt nguồn từ lĩnh vực tinh thần được hiện thực hóa trong một vòng nào đấy. Từ đây nó sà tiếp xuống vòng quay trực tiếp xung quanh thể gian vật chất, và chỉ từ đây đi vào linh hồn con người: linh hồn tiếp tục đưa nó vào trí tưởng tượng, vào vô thức, sau cùng vào

các dây thần kinh và từ các dây thần kinh xuất hiện sự thay đổi của các bộ phận thân xác, cái người ta gọi là bệnh tật.

Baader nói, bệnh tật là sự đánh mất trạng thái đúng luật của thân xác con người và là sự biến đổi của thân xác vào trạng thái vô luật: người bị bệnh không phụ thuộc vào các ý tưởng không nhận từ các ý tưởng ánh sáng cùng sức mạnh, mà phụ thuộc vào những ý tưởng ngược lại, nói theo ngôn từ của Paracelsus: con người từ các *evestrum* nhận lấy sự tăm tối và sự hư hoại.

Như vậy bệnh tật biểu hiện sự phụ thuộc bất thường của trật tự cao hơn vào trật tự thấp hơn, khi con người suy thoái, không xứng đáng với sự sống riêng của nó nữa, vật chất trở thành kẻ thống trị nó, hoặc còn xấu hơn nữa: sự tăm tối nặng nề trong vật chất thống trị nó. Kabbala dạy rằng bệnh tật là kết quả của ý muốn xấu cố tình - sự cố tình bước vào vòng của con số Năm.

Bởi vì chưa bao giờ bệnh đầu tiên là bệnh tật thể xác. Cũng trong mối quan hệ như thế, AI Ghazali viết, cái có giữa thân xác và cái bóng cũng giống như giữa thế giới tâm linh và thế giới vật chất. Trong thời cổ không ai nghĩ đến chuyện cần nói về bệnh tật của cái bóng. Trước tiên người ta nhìn xem thân xác ở trạng thái như thế nào, thân xác thật sự, nghĩa là vô hình. Và điều này đồng nghĩa với việc không ai nghĩ đến chuyện hi vọng vào sở hữu những công cụ bên ngoài để vun đắp một hi vọng, là có thể xua đuổi hoàn toàn bệnh tật khỏi đời sống vật chất.

Quay trở lại một trật tự sống đúng có thể cứu vớt hoặc loại trừ được một phần nào đấy của bệnh tật.

Nhưng có những loại bệnh, bộ mặt và dấu ấn đã xác định nhất định của nó là hậu quả không tránh khỏi của số phận. Tự nó nảy sinh từ sự sống cá nhân và chỉ giải quyết được nếu sự sống cá nhân lại tan hòa vào sự sống phổ quát.

Bởi vì sự sống con người không là gì khác, ngoài sự phụ thuộc bất bình thường của các sinh linh tâm linh cao tăng hơn vào các sức mạnh

vật chất thấp tầng. Thứ bệnh tật này rất có thể có quan hệ chặt chẽ nhất với cái mà truyền thống gọi là sự đứt đoạn với MỘT, sự vật chất hóa, sự phạm tội, hay tội tổ tông.

5.

Nhân loại thời cổ về bản chất hiểu về bệnh tật một cách khác hẳn so với nhân loại thời lịch sử, và cũng chính vì vậy các phương pháp chữa bệnh cũng khác một cách cơ bản. Việc làm đầu tiên xưa kia luôn là sự xác định xem bệnh tật xuất phát từ vòng nào của sự sống. Nếu xuất phát từ các dây thần kinh thì tính chất bệnh sẽ khác, nói chung đơn giản hơn, bề ngoài hơn, dễ chữa chạy hơn, bởi vì bệnh chỉ có trên bề mặt của vật chất.

Nếu bệnh xuất phát từ linh hồn (*thümos, ba, prana*) cần phải tiến hành quá trình chữa kiểu khác, như thế bệnh xuất phát từ lĩnh vực trực tiếp của trái đất, bệnh mang tính Hades, ma quỷ địa ngục. Lại cần sử dụng một quá trình chữa kiểu khác nếu bệnh xuất phát từ vòng khí, nếu đây là hậu quả tất nhiên của sự hóa thân vật chất thì việc chữa cho căn bệnh này không có ý nghĩa và khả năng. Lúc đó bắt buộc sự chữa chạy duy nhất là mở ra sự sáng sủa, sức mạnh và sự thức tỉnh trong con người, để nó gánh chịu số phận của nó. Bệnh tật tồn tại cùng con người, như chương thứ năm của số phận nó.

Thuốc trong rất nhiều trường hợp là loại vật chất mang tính động vật, thực vật và khoáng. Sự lựa chọn luôn phải do tư duy tương đồng điều khiển. Tác dụng của các loại vật chất mang tính động vật, thực vật hoặc khoáng tương đồng với từng vòng quay của sự sống, nói theo ngôn ngữ chiêm tinh học: các loại vật chất mang tính động vật, thực vật, khoáng đứng dưới sự thống trị của các quyền lực thiên thể; hay nói

theo ngôn ngữ giả kim: các loại vật chất luôn đại diện cho các bản thể siêu hình.

Các bệnh Mặt Trời cần chữa bằng sức mạnh tăng cường của Mặt Trời. Nếu chỉ là bệnh trên bề mặt chỉ cần tác động lên bề mặt là đủ. Nếu bệnh tật xuất phát từ sâu hơn, phải cần đến loại thuốc có tác dụng lâu bền hơn.

Ở các bệnh về thần kinh và linh hồn (*thümos*) người ta sử dụng đến giấc ngủ tâm linh, như ở Ai Cập, Ấn Độ, Tây Tạng và theo kí ức trước thời kì lịch sử ở đền thiêng của Asklepios ở Epidauros đây là cách chữa bệnh đã từng được sử dụng.

Sau một số công việc chuẩn bị cần thiết, các giáo sĩ của Asklepios bằng sự đánh thức các hình ảnh nhất định giải phóng các sức mạnh ẩn náu trong con bệnh, còn con bệnh nằm trong đền thờ và ngủ thiếp đi. Trong giấc ngủ dưới tác động của các hình ảnh được đánh thức, bệnh sẽ phát ra. Quá trình chạy chữa đều đặn đi kèm với các giấc mơ. Theo truyền thống Ai Cập cách chữa bệnh này phổ biến nhất.

Kẻ đi chữa bệnh mang nhiều tính chất quan tâm hơn những kẻ khác: không phải ai cũng là thầy thuốc, kẻ học một cách máy móc những kiến thức từ bên ngoài bằng sự hiểu biết về cái hợp lí. Ở đây một lần nữa người ta sử dụng các tượng đồng mang tính chất của thuật giả kim hoặc chiêm tinh học để xác định về thầy thuốc, người có đủ hay không sức mạnh để chữa bệnh. Việc chữa bệnh nếu thiếu các tác dụng linh hồn, tinh thần, thiên hà và huyền bí cá nhân hoàn toàn vô vọng; con người đi chữa bệnh không trong sạch, keo kiệt, ích kỉ, đố kị, ngạo mạn, ngu xuẩn chỉ làm người bệnh nặng bệnh thêm.

Chữa bệnh là một tác động mang tính chất cá nhân cao nhất, kể cả khi sự chữa bệnh xảy ra bằng tiếp xúc vật chất động vật, thực vật hoặc khoáng, để đưa các sức mạnh linh hồn, thiên hà và huyền bí cá nhân từ thầy thuốc vào con bệnh.

Trong thời cổ chỉ kẻ đã nhập định được chữa bệnh, là người mà trong bản thân họ đã học cách hiện thực hóa các sức mạnh thần linh

khỏe mạnh, và không làm phóng ra những khả năng con người riêng tư mà giải phóng ra những sức mạnh linh thiêng. Từng có và không hiếm những kẻ nhập định sống mạnh mẽ với sức mạnh linh thiêng đến mức họ biết chữa bệnh chỉ bằng đặt bàn tay của mình lên người bệnh. Và thời đó không ai nghĩ đến chuyện phải trả ơn cho thầy thuốc hoặc nói về một sự kì diệu nào đó.

Công cụ cao của việc chữa bệnh là mantra - là Lời có quyền lực. Muộn hơn người ta gọi là thần chú, nhưng *mantra* không liên quan gì đến phép thuật. *Mantra* làm phục hồi sức mạnh khỏe khoắn ngủ quên trong con bệnh, và có thể đuổi quyền lực ma quỷ kí sinh trong con bệnh. Từng có một số kim loại, đá quý và một số cử động mang tác dụng mantra.

Tương quan một lần nữa lại là mối tương quan tương đồng. Cuối thời trung cổ người ta chữa cái tai bị bệnh bằng cách viết lời kinh ra và nhét tờ giấy ấy vào tai; điều này đã trở thành vô nghĩa, thành tàn dư kì cục của nghi lễ thời cổ, và trong nhiều quan điểm giống việc chữa bệnh thời hiện đại, khi người ta cho con bệnh những thứ thuốc hóa học và đợi sự lành bệnh từ đó.

Chữa bệnh một cách sâu sắc nhất, tìm ra nguồn gốc bệnh tật vượt quá cả vòng số phận, đó là cách chữa bệnh mang tính chất tôn giáo. Tất cả mọi bệnh tật đều là *katabasis*, hay là sự tiếp xúc với địa ngục và ma quỷ. Nhưng con bệnh không sa xuống địa ngục bằng nhận thức tỉnh táo của mình như người học trò đợi nhập định, mà bằng đam mê đến khoái lạc đui mù ngự trị nó, khiến nó muốn đi tìm khoái lạc. Và vì thế trong tất cả mọi bệnh tật có một phần của sự khát sống đáng xấu hổ, bắt con người phục vụ cho các thế lực đen tối. Bệnh tật vì thế cùng lúc là tội ác lẫn là sự trừng phạt, kể cả khi linh hồn không biết như vậy.

Bởi vậy một cách từ từ cần chạy chữa những bệnh tật có nguồn gốc sâu xa trong các sức mạnh siêu hình sâu xa nhất, cách chữa bệnh trong tôn giáo. Điều đáng nói đến ở đây là cần chuyển cái xấu thành cái tốt. Đôi khi chỉ cần sử dụng mantra là đủ, đôi khi cho ngủ tâm linh cũng đủ, đôi khi lại cần đến một quá trình dài và chi tiết hơn.

Bởi vì, mọi phương pháp chữa bệnh đều làm thức tỉnh, tất nhiên ở nơi có thể và cần tỉnh trong linh hồn bí ẩn và trong các vương quốc tinh thần. Loại thuốc duy nhất là sự sáng sủa. Đây là thứ ánh sáng mà bản thân linh hồn cần đến để dâng trào sự thức tỉnh từ bản thân và trong bản thân. Và quá trình chữa bệnh không bao giờ được phép trở nên tiêu cực.

Bởi vì tính chất tiêu cực khiến kẻ cả kẻ đứng ngoài vòng các bệnh tật cũng không hề mạnh khỏe. Sức khỏe là một cái gì đó mang tính tích cực: sự tích cực trong đời sống trần thế mang tính chất chết đi của thân xác lớn nhất, cần giải phóng các sức mạnh và cần làm sâu sắc đời sống. Từ quan điểm này bệnh tật còn mang tác dụng thúc đẩy: bắt buộc hướng tới một đời sống sâu sắc hơn, sáng sủa hơn. Sau một phương pháp chữa bệnh đúng đắn, con người khỏe mạnh hơn cả trước đó.

Tương đồng cho rằng tất cả mọi bệnh tật là sự chia phần trong số phận với Thượng Đế đau khổ của con người. Con người lựa chọn số phận của Thượng Đế bằng một quyết định tỉnh táo, và lúc đó sự đau khổ, bệnh tật, hoặc bất cứ điều gì chỉ liên quan đến các vòng thân xác vật chất không chạm tới phần sâu và cao hơn: bên trong con người, trong linh hồn và tinh thần vẫn toàn vẹn, nguyên vẹn, khỏe mạnh.

Nếu con người không chọn lựa số phận của Thượng Đế, nó sẽ chống lại số phận; và bởi vì phản đối nên nó trở nên tiêu cực, vì tiêu cực, nó cần đau khổ sâu sắc hơn trong tinh thần và linh hồn. Nguồn gốc bệnh tật trong mọi trường hợp đều vượt quá các bộ phận cơ thể vật chất, và trong mọi trường hợp đều mang nguồn gốc siêu hình.

Nếu con người biết, cần phải đau khổ, bởi cần phải đảm nhận việc tham dự cùng số phận Thượng Đế đau khổ, nó sẽ chấp nhận số phận - và việc này mang lại sự xứng đáng, sự an bình, sự đảm bảo và trên mọi cái, sự sáng sủa. Nếu linh hồn sáng sủa, con người mỉm cười trước sự hư hoại của thân xác.

6.

Bản thân thân xác con người cũng là một tương đồng: tương đồng của tổng thể thể gian được tạo dựng. Tương đồng của thân xác con người: một cái bình thiêng liêng.

Từ thời trung cổ đã từng có huyền thoại Grál đáng ghi nhớ, và ngay trong con người ngày nay đôi khi cũng nổi lên những linh cảm kì lạ khi nhìn thấy những cái bình cổ Hi Lạp, Ai Cập, Trung Quốc, Peru; người ta hiểu và đồng thời hiểu mơ hồ về ý nghĩa và biểu tượng nằm trong những cái bình này. Ở Peru những người đàn bà đã nhập định làm ra những cái bình: họ ăn chay, tắm rửa sạch sẽ, đọc kinh trước khi làm việc, và công việc là một bí ẩn thiêng liêng, như việc lựa chọn chất liệu, pha màu, nung cháy đất.

Việc làm ra cái bình là một hoạt động giả kim: là biểu tượng của việc làm ra một con người, bởi vì con người cũng được tạo dựng và hình thành từ vật chất. Cái bình là cái nôi thiêng, nội dung của nó là *soma*, là bản thể của đời sống, là sự sống, là *thelesma*, là thực thể vĩnh cửu và bất tử. Con người được ủy thác cho cái nôi thiêng, để tập hợp vào đấy những chất lỏng thiêng, rượu hoặc dầu, hoặc vật chất thiêng: lúa mì hoặc vàng, và bằng điều này tăng thêm đức của thể gian, làm thể gian giàu có và rạng rỡ thêm.

Cái bình là một cái hồ thu thập *asa*-điều thiện, dành cho sự tích góp mọi bố thí của Thượng Đế - huyền thoại Grál nói lên điều này, nói về điều này bằng vẻ đẹp của dáng hình bên ngoài và ý nghĩa huyền bí bên trong của sự xuất hiện của những cái bình Hi Lạp, Trung Quốc, Peru, Ai Cập và Mexico.

Con người không phải lúc nào cũng đổ đầy cái nôi thiêng bằng vàng, rượu hoặc lúa mì, và nếu có một cái gì đó rơi vào nôi, cái không phải là *asa*, không xứng đáng với thực thể vĩnh cửu và bất tử, lúc đó

niềm đam mê hoặc khát vọng hoặc nỗi mong ước, hoặc kỉ niệm sẽ làm nội dung của cái bình lên men và hư hoại. Sự hư hoại này là bệnh tật.

Những lúc như vậy theo nghi lễ cổ, người ta đem cái bình vào nhà thờ, lau chùi, rửa sạch sẽ, vị giáo sĩ dùng hương liệu thơm làm lễ để nhận lại vật chất thiêng. Những cái bình huyền bí lớn, như Grál, tự chúng thanh tẩy chúng, trong một năm vào đúng một ngày bằng máu thiêng tràn đầy bình.

Việc lau rửa bình, đổ đầy nước sạch và cắm hoa vào đó của nghi thức cổ giờ đây đã bị lu mờ, nhưng bản chất thanh cao của nó vẫn có thể cảm nhận được. Hoa là biểu tượng của linh hồn, linh hồn sống bằng nước đựng trong bình - đấy là máu trong cơ thể: linh hồn được nuôi dưỡng bằng máu, như khi hoa hút nước từ bình.

Hoa là linh hồn sống trong thân xác, còn thân xác là cái bình thiêng, là cái nôi chứa các chất lỏng linh thiêng, là nơi chứa sự ẩm ướt dành cho đời sống, để hoa trong đó nở ra và tỏa hương thơm.

VI. Nước

1.

Tương đồng là chủ nghĩa hiện thực của con người cổ.

Trong con người thời cổ từng có một khả năng, có thể nhìn thấy mối tương quan tinh thần vô hình của các sự vật; Các mối tương quan này là những sự phù hợp: giữa cái thấp với cái cao, mang tính xúc giác và mang tính siêu việt, giữa trần thế và tính chất khí, giữa vật chất và phi vật chất.

“Các sự vật trong thời gian và không gian - Kabbala nói - xuất hiện để đứt đoạn khỏi sự vinh danh Thượng Đế. Các sự vật đứt đoạn sau đó từ từ chìm xuống; ban đầu người ta còn nhớ đến nguồn gốc của chúng, nhưng chúng ngày càng trở nên nặng nề và cụt ngắn; sau cùng chúng hoàn toàn rơi chìm xuống vật chất”.

Con người trong thời cổ vẫn còn nhớ đến các ý tưởng, về những điều mà các sự vật trong thời kì đầu tiên đã đứt đoạn; Muộn hơn ý tưởng chỉ người đặc biệt nhìn thấy, chỉ duy nhất người đó có tri thức rằng các sự vật có nguồn gốc và có sự phù hợp trên cao. Sau rồi tri thức này cũng bị lu mờ, và con người bắt đầu tin rằng thế gian vật chất tự nó có.

Sự tỉnh táo của con người chìm xuống sự mờ mịt. Bằng ý thức đầy đủ con người đã không còn thấy các tương đồng. Tuy ngày nay vẫn còn thấy bản sao của sự tỉnh táo về những sự phù hợp: con người trong giấc mơ hay trong những giây phút cảm hứng, khi sống tỉnh táo, nó nhìn thấy và nhìn trong những sự phù hợp. Nói theo ngôn ngữ hiện đại: cái

vô thức ngày nay suy tư trong các tương đồng. Nhưng (cái gọi là) ý thức đầy đủ đã hoàn toàn chìm vào vật chất.

Đặc thù ở con người cổ: như thế không bao giờ nó nhìn thấy chỉ sự vật, mà bản thân sự vật giống như các vết nứt trên tấm chắn dẹt dày đặc của thế giới giác quan, thông qua các giác quan con người nhìn thấy cái xuất hiện đằng sau sự vật, rồi cái đằng sau cái đó và cứ như vậy thấy cái từ đằng sau nhau và thấy từ nhau đưa đến một khoảng cách vô hạn. Cái tồn tại trong những sự phù hợp và các tương quan liên quan đến lẫn nhau ngày càng sâu đậm hơn, cái đó con người cổ coi như là hiện thực.

Đây là hiện thực: là một hàng vô tận của các sự vật mở ra lẫn nhau và phù hợp lẫn nhau, là thứ mà bằng các giác quan chỉ có thể kinh nghiệm được một cái gì đó ở điểm bên ngoài và trên bề mặt, nhưng trong bản thân nó không mang cả ý nghĩa lẫn hiện thực. Các thực thể, các sự kiện, các đồ vật con người cổ từ đầu đến cuối nhìn chúng trong sự sâu sắc bên trong của một viễn cảnh siêu hình học, và cái nhìn tinh thần này không chỉ dừng lại ở các ý tưởng và các thần linh, không thể dừng được.

Bởi vậy các ý tưởng có hiện thực đích thực của chúng và bởi vậy các thần linh đúng là các thực thể hiện tại: bởi con người nhìn thấy họ. Con người cổ không chỉ nhìn thấy những thứ có trong sự vật vật chất, mà còn nhìn thấy cả những điều chúng nói lên. Nhưng đằng sau một ý nghĩa là một ý nghĩa mới phù hợp với ý nghĩa trước, rồi sau cái đấy lại có một ý nghĩa mới hơn.

Gần đây con người thử tiếp cận một vài biểu tượng cổ trên cơ sở thấu kính tương đồng của Swedenborg. Các biểu tượng đọc ra cho thấy con rắn trên trán Pharaô Ai Cập có nghĩa là sự tỉnh táo: “*các người hãy tỉnh táo như con rắn*”.

Đúng, con rắn trên trán kẻ cai trị có nghĩa là: sự thông thái tỉnh táo không phục vụ cho lợi ích cá nhân mà cho nhân loại. Bởi vì trán là biểu tượng của thiện chí hướng về con người. Một vị vua thông thái tỉnh táo

là một đại diện lo toan cho những kẻ dưới quyền. Con rắn là vòng trang trí quanh đầu, quấn quanh cổ và thả xuống tận ngực, có nghĩa là thiện chí không chỉ dừng lại trên đầu, trong tư tưởng, mà còn được thực hiện thật sự trong thế giới thân xác.

Khi Herakleitos nói, sự hài hòa vô hình lớn hơn cái hiện hình là ông muốn nói: cái quyết định là mối quan hệ vô hình giữa các sự vật, bởi điều này đi vào bề sâu, trong khi sự hài hòa của cái hiện hình chỉ trên bề mặt.

Cái vô hình đo lường bản chất thật sự của các sự vật, được logo xác định, bởi tất cả mọi sự vật nhìn thấy chỉ là bề mặt bên ngoài của sự tương quan vô hình vô tận. Con người không nhận ra thế gian khi nhìn thấy bề mặt bên ngoài của thế gian, mà chỉ khi hiểu ra chuỗi xích của các phù hợp tương quan đến tận ý tưởng, thần linh, và cái tuyệt đối siêu hình học của sự vật mà thôi.

2.

Nếu ai nói rằng họ nhìn thấy cái gì bằng cái gì với con người cổ, con người cổ sẽ nhận biết ngay. Kinh nghiệm giác quan chỉ có nghĩa ngần này: tôi xác định hiện tượng bề mặt của một cái gì đó trong một khoảnh khắc, ngoài ra không còn gì khác. Nếu một người nhìn thấy Nilus, họ chỉ thấy nhưng không nhận biết. Để một ai đấy biết Nilus là cái gì, họ cần biết: đây là Nilus trên trái đất và là bản sao của Nilus trên trời.

Như sa mạc này là bản sao của sa mạc trời, biển là bản sao của biển trời, núi Ganges và Brahmaputra, sông Giang tử và Fudzsijama là bản sao của sông và núi trời, như toàn bộ trái đất là bản sao của trái đất mang tính chất trời, như con người trần thế là bản sao đúp mang hình elip trời.

Nhận biết được sự vật là kẻ biết rằng bản gốc nằm trong thế giới siêu hình học vô hình, và kẻ nào nhìn thấy sự vật chỉ bằng các giác quan, kẻ đó mới chỉ chạm vào bề mặt bên ngoài của sự vật. Con người cổ sống trong địa lí cũng như trong giải phẫu học vũ trụ học, và hóa học, và cũng đúng như vậy với vật lí học, chưa nói đến tâm lí học. Thấu kính tương đồng là chủ nghĩa hiện thực chiêm nghiệm tồn tại trong những sự phù hợp vượt qua kinh nghiệm, mang tính chất siêu việt của các sự vật giác quan. Các giác quan không hề hiểu về bản chất của thiên nhiên.

He phüszisz theian ga kai ouk anthópinén endechetai gnoszin, Philolaos nói: thiên nhiên mang tính Thượng Đế và không muốn sự nhận biết của con người. Thượng Đế ở đây là tính chất siêu việt, hay là tính chất siêu hình học. Kinh nghiệm giác quan là một sự tính toán giả dối. Tất cả mọi thứ trong thiên nhiên không thể nào hiểu nổi nếu thiếu kiến thức mang tính siêu hình học, siêu việt.

Các hiện tượng cổ đối với con người lịch sử như thế các biểu tượng của giấc mộng vậy. Giấc mộng luôn sử dụng đến những biểu tượng động vật, cây cỏ hoặc vũ trụ, sử dụng đến các sự kiện mà nghĩa bóng và sự phù hợp của nó con người lơ mơ linh cảm như thể họ đã từng nghe thấy các từ ngữ, từng trải qua những chấn động, từng gặp gỡ những linh hồn đã chuyển dời và lũ ma quỷ.

Con người thời cổ giải thích thế gian như khi họ diễn giải các giấc mộng của con người: các sự vật trong độ sâu chiêm nghiệm. Đây là thấu kính chiêm nghiệm mà Hi Lạp dùng từ *theorein-theoria* để diễn đạt, bởi vì so với thấu kính giác quan, nó cụ thể hơn, bản chất hơn, sâu sắc hơn và hiện thực hơn một cách không thể nào đo lường nổi. Còn kiến thức trong lĩnh vực tinh thần chắc chắn một cách vô tận, theo Saint-Martin, so với kiến thức trong lĩnh vực vật chất.

3.

Các nhà tư tưởng Hi Lạp sống trước thời Socrates thường bị coi là các triết gia thiên nhiên ngây thơ thời hiện đại. Họ bị coi là đơn giản khi: một người cho rằng nguồn gốc của thế gian là nước, một người khác bảo từ không khí, người thứ ba bảo từ lửa, người thứ tư bảo từ *apeiron*. Không thể quan niệm khác, bởi con người thời hiện đại tin rằng nước là thứ được kinh nghiệm bằng các giác quan, còn lửa và không khí là cái họ nhìn thấy trong thiên nhiên vật chất. Khó có thể biết quan niệm của người nào lạc hậu hơn: người, nhìn thế gian bằng thấu kính siêu hình học, suy nghĩ trên biểu tượng, hay kẻ cho rằng đời sống chỉ có những sự vật vật chất và đều nắm bắt được.

Các nhà tư tưởng sống trước thời Socrates là những nhà siêu hình học, những người suy nghĩ và biết cũng đúng như Philolaos của trường phái Pythagoras: thiên nhiên mang tính Thượng Đế và không cần tri thức của con người. Mang tính Thượng Đế nghĩa là mang tính chiêm nghiệm, nghĩa là thứ nguyên tố từ đấy thế gian hình thành, vĩ đại trong tâm vóc và độ sâu không thể đo nổi, nhưng trên nền tảng là sự tương đồng vũ trụ lại có thể hiểu được.

Nếu ai thử trả lại vị trí của siêu hình học về nước thời cổ của Thales, ít nhất trong những phác thảo, sẽ mau chóng nhận ra, ở đây không hề có cái gọi là đơn giản cũng như một sự ngây thơ nào hết. Còn sau một thời gian nhất định họ chắc chắn phải thừa nhận rằng trong sự dừng cảm, trong bề sâu, trong cái đẹp so với thế giới nước phổ quát của Thales giữa các siêu hình học hiện đại, không một thứ duy nhất nào có thể so sánh nổi.

Ta nên bắt đầu bằng lí thuyết con số. Bởi vì con số, theo Philolaos của phái Pythagoras, là một dây xích mang tính chất thống trị độc lập với thế gian được tạo dựng, nối kết bên trong các sự vật vào với nhau. Bằng phương pháp tinh thần trong sạch con số đánh dấu mối quan hệ giữa thiên nhiên vật chất và ý tưởng trong một điểm, là nơi chính lúc đó ý tưởng biến thành vật chất. Lí thuyết con số dạy rằng, con số của nước là: SÁU.

Lời giải thích như sau: sự xuất hiện của các sự vật và sự thực hiện vật chất được thừa nhận như thứ vật chất cổ, như thực thể cổ, như buổi ban đầu thời cổ, mà bước biểu hiện đầu tiên của vật chất là ánh sáng.

Ánh sáng: là MỘT. Hoạt động đầu tiên của Một là sự thu hút. Đây là Hai. Sự thu hút trong thiên nhiên vật chất xuất hiện như *oxygen*. Hiện tượng thứ hai là sức đẩy ra. Đây là Ba. Sự đẩy ra trong thiên nhiên phù hợp với *Hydrogen*. Sự thu hút và sự đẩy ra hợp nhất và trở nên hoàn hảo. Đây là Bốn. *Oxygen* và *Hydrogen* hợp nhất thành một vật chất khí. Con số của vật chất khí này là Bốn. *Oxygen* và *Hydrogen* trộn lẫn nhau và cháy. Sự cháy, lửa: số Năm.

Hydrogen và *oxygen* cháy tách làm hai. Bởi con số Năm có thể tách ra và phá vỡ. Vật chất tách ra khỏi tinh thần. Phần tinh thần bay lên, còn phần vật chất đọng xuống. Phần đọng lại này: nước. Nước: con số Sáu. Cơ sở của nước là lửa, cơ sở của lửa là vật chất khí, cơ sở của vật chất khí là ánh sáng. Nước nằm trên các nền tảng này, là vật chất thực tế, năm bắt được đầu tiên. Xuất hiện từ sự nổ tung của các nguyên tố khí, rơi xuống và thành dạng, hóa thân.

Bởi vậy theo Thales, vật chất cổ đầu tiên của thế gian chính là nước.

Böhme hiểu về nước như kết quả của một thiên tai nổ tung: sức mạnh của con số Năm hoạt động trong vũ trụ, sự phân cách làm nổ tung các khí gaz. Vật chất bị cháy thực ra là nước. Nước là vật chất tổng hợp: số Sáu là con số tổng hợp. Nước nguyên thủy là nền tảng của đất, cơ sở của đất là nước, như cơ sở của nước là lửa, và cơ sở của lửa là khí, cơ sở của khí là thể hiện vật chất đầu tiên: ánh sáng. Nước là vật chất bị cháy.

Baader đặt song song giữa sự rơi xuống của linh hồn, sự thất bại của các thiên thần, sự phạm tội của con người và sự xuất hiện của nước. Giữa các sự kiện này có sự phù hợp lẫn nhau. Trong mọi sự kiện hoạt động phát nổ, làm nổ tung, làm phân cách của con số Năm quyết định, là thứ chia ra các loại linh hồn chung thủy và không chung thủy, các

thiên thần cao cả và các thiên thần hư hỏng, niềm hạnh phúc thiên đường và con người, sau cùng thiên nhiên khí và lửa vô hình từ thiên nhiên vật chất.

Nước là mức độ đầu tiên của sự hóa thân.

Nhưng theo Böhme còn cả cái khác nữa. Khi chất khí nổ tung thế gian tinh thần và thế gian vật chất chia ra. Như vậy thực chất có hai loại nước xuất hiện: nước trên cao, mang tính chất trời, nước tinh thần - là ý tưởng (*idea*), nhưng nước phía dưới, mang tính chất vật chất, là *eidolon*.

Bởi vậy có: biển mang tính chất trời, các nguồn nước trời, có Nilus, Ganga, Brahmaputra trời. Vì thế có nước của đời sống. Nước của thế gian chỉ là bản sao nước của trời, đây là nước vật chất nặng nề, khi các khí gaz nổ tung rơi xuống một cách bất lực và ngập đầy các độ sâu. Nhưng nó cũng chuyển động dưới tác dụng của lửa và sức nóng, như hơi nước, sương mù và mây, thử bay lên. Nhưng trọng lượng của nó lôi nó xuống và một lần nữa nó lại lao xuống.

Nhưng nước vĩnh viễn khao khát, vĩnh viễn bốc hơi, và vĩnh viễn rơi xuống. Đây là vòng quay tròn của nước, giống như các hành tinh, các thực thể và là sự lưu thông vĩnh viễn của thời gian, và các hành tinh, các thực thể. Thời gian học sự lưu thông này từ nước, học từ tính chất nước đặc thù của chúng, bởi tất cả nguồn gốc vật chất đều như nước.

Và bởi vậy Thales nói, vật chất cổ của thế gian là nước.

4.

Ở Iran người ta gọi linh thần của nước Ized là Aban. Aban cũng từng là vua của thời gian. Bởi thời gian không là gì khác ngoài thứ

giống như nước, cũng chảy và dâng ngập từ một nguồn vô danh, và cũng không thể cầm nắm lại - “*không ai có thể bước hai lần cùng vào một dòng sông*” - Herakleitos nói.

Thời gian là nước vô hình, sự sống của thế gian chảy trong đó, là thứ trong đó sự sống của tất cả chúng ta truyền đi trong trạng thái hòa tan. Nước có thể nhìn thấy, suối, sông, hồ, biển chỉ là sự xuất hiện và phù hợp trong thân xác vật chất nặng nề của thứ thời gian này. Là sự tương đồng của nó. “*Thế giới hữu hình chỉ là dấu ấn và bản sao của cái vô hình*”. Dấu ấn và bản sao này là nước vật chất, dinh dưỡng, kẻ duy trì của đời sống, là Mẹ của Đời sống.

Trong nước hữu hình cũng có sự sống, trong trạng thái hòa tan. Nước là cặp elip của không khí và ánh sáng - hay là vợ của chúng. Ở Iran người yêu đầu tiên của *Ahura Mazda* là *Arduiszur*, nữ thần của sức mạnh nước, là Thần nước, mẹ của Đời sống. Nước không là gì khác, ngoài mức độ đầu tiên, sau ánh sáng, của trạng thái tinh thần bị vật chất hóa. Như tinh thần mang tính vật chất là biểu tượng và tương đồng của đàn bà, ở Iran nữ thần *Ainyahita*: là nữ thần của sự hóa thân, sự sinh ra và sự phục sinh.

Ở Ai Cập từ dòng nước cổ, từ *Nun* sinh ra *Ptah*, kẻ tạo dựng, đấng sáng tạo. Từ cuộc hôn nhân của *ptah* và *Nun* sinh ra Mặt Trời đầu tiên: Nước-Mặt Trời. Bởi vì khi thế gian trong trạng thái đầu tiên là nước, không có bất kì cái gì khác, khi tất cả mọi thực thể sống còn đang ở trong nước, lúc đó vị thần chính Visnu vẫn còn là cá ở Ấn Độ, và Mặt Trời không thể khác, chỉ là Nước-Mặt Trời.

Ở Peru Nước-Mặt Trời này được gọi là *Atonatiuh*, và đây là Mặt Trời nhắc nhở đến cái chết mang tính chất nước, nạn hồng thủy. Ngoài ra, ở Peru, nước là dấu hiệu của nền kinh tế. Trên quyển lịch người ta đánh dấu ngày thứ mười bằng nước: ý nghĩa thứ hai của nó là cái sừng của sự sinh sản và trù phú. Bởi vậy tất cả các vị thần nước đều nằm trong mối quan hệ với người đàn bà, với sự sinh sản của đất, và với vụ mùa thu hoạch tốt đẹp.

Bởi vậy trọng tâm văn hóa mưa ở Iran là *Bahman*, là *amsaszpand* đầu tiên, Mặt Trăng và trong hình dạng của nước, được người ta kính trọng. Bởi vậy ở Mexico *Tlalok* là thần mưa, *Kenteotl*, chồng của người đàn bà ngô. *Tlalok*, mưa, tình trùng thụ tinh nữ thần *Kenteotl* đang yêu. Nhưng *Tlalok* không chỉ là thần mưa. Người ta gọi địa ngục-nước là *Tlalokan*, là *Hades*-nước, nơi các nguồn nước nảy phun, và *Tlalok* là chủ của những linh hồn đã chuyển đời, những linh hồn quay lại trái đất trong hình dạng của mưa, để thụ tinh cho trái đất.

Kinh Upanisadok nói rất tỉ mỉ về điều này. *Tlalok* của người Do Thái là Mặt Trăng, nơi cũng đúng như ở Mexico, những người đã chết sống trong *Tlalok*. Mưa thụ tinh rơi xuống từ đấy. Không một nguyên tố duy nhất nào có thể biến đất thành *asa*-điều thiện như nước, tạo biết bao cơ hội để cái đẹp, sự giàu có, sự sinh sôi, niềm vui, tích đức dâng trào.

Nước mang ý nghĩa lớn trong thế gian vật chất, như người đàn bà trong sự sống con người: là một nguyên tố mềm, dưỡng sinh, xúc cảm, sâu sắc, vô hình, dễ dàng bị rối loạn, nhưng cùng lúc dễ dàng thanh tẩy, sáng khoái, nguy hiểm, phẳng lặng như gương nhưng bão tố, quyến rũ một cách dễ thương, là kẻ đầy rẫy những sự đáng yêu và sự khủng khiếp bí ẩn.

Người ta biết nhiều về thực thể nước của các huyền thoại cổ: ở Hi Lạp có *Proteus*, *Halios Geron*, ông già của biển nước mặn, *Nereus*, *Okeanos*, *Poeidon* là các vị thần chính - nhưng sống cùng hàng trăm thực thể nước, với các cô gái, với những người đàn bà, những người đàn ông, các con ngựa, với đám quái vật, với lũ rồng.

Chiêm tinh học trình bày thuyết thể mặt luận của nước như sau: ba chòm sao mang đặc tính nước: Cự Giải, Bọ Cạp và Song Ngư. Cự Giải - Nước trước hết là nước ngọt, những con suối chậm chạp, nước của các hồ, nơi đầy rẫy các thực thể sống chen chúc, nơi bao quanh là đám lau sậy, những đầm, vũng, xanh rì, nước đục ăm, ngập, trong các loại nước đây là nước mềm nhất. Bọ Cạp - Nước cháy bỏng, màu đỏ, sôi sục, nhiệt huyết, bốc hơi, chọc tức, cấu cào, nồng nhiệt. Song Ngư -

Nước lạnh lùng, màu xanh, là nước biển trong suốt pha lê, nước của khí eter, nước của *Aphrodite Urania*.

Ba kí hiệu phù hợp với ba ý tưởng, ba tâm trạng, ba dạng người, ba loại tinh thần, ba thấu kính, ba trật tự đời sống. Cự Giải là kí hiệu mẫu hệ, và đầm lầy là nước mẫu hệ. Bọ Cạp là nước của bản án ngày tận thế, là nước nóng bỏng của sự lựa chọn. Song Ngư là nước xanh biếc, màu xanh biếc không là gì khác, mà theo Schuler là màu sắc đầu tiên của thế gian vật chất, là mức độ đầu tiên của tia sáng - thế gian trong buổi bình minh đầu tiên của ban mai đã rạng ngời như thế: bầu trời và biển. Song Ngư là cô gái đồng trinh, Bọ Cạp là người đàn bà nồng nhiệt, Cự Giải là người mẹ cho dinh dưỡng.

Cả ba đều là hình ảnh của nữ thần Đất: từ nước của Song Ngư sinh ra cái đẹp và hoa, từ Bọ Cạp sinh ra đam mê và rượu, từ Cự Giải sinh ra tư tưởng và bánh mì.

5.

“Bốn - theo Thales - là đối tượng của nhiều cách nói, cái đầu tiên của nó ta gọi là nước, và là thứ trong một quan điểm nhất định ta coi là nguyên tố duy nhất kết hợp các sự vật trần thế, thống nhất và trộn lẫn chúng vào nhau”.

BỐN như Thales nói, là đối tượng của nhiều cách nói, là *polüthrüléta tettara*, là bốn nguyên tố: không khí, lửa, đất và nước. Theo một quan điểm nhất định, giữa các nguyên tố này tồn tại hiện thực đầu tiên là nước. Tại sao? Không có gì khó hiểu.

Bởi vì như thực thể đàn bà nảy sinh từ thực thể đàn ông, theo thời gian muộn hơn nhưng trong ý tưởng và chính vì thế trong sự tuyệt đối thực thể đàn bà lại xuất hiện sớm hơn, và cũng chính xác đúng như vậy

nước xuất hiện từ không khí từ lửa theo thời gian thì muộn hơn, nhưng trong ý tưởng lại là nguyên tố xuất hiện sớm hơn.

Bởi vậy trong thời gian, không khí và lửa là cơ sở của nước; nhưng trong sự tuyệt đối nước lại là cơ sở. Bởi vậy nước là vật chất cổ, vật chất mẹ, từ đây tất cả sinh ra, giữa các vật chất nó là người đàn bà, là mẹ, là vị thân sinh. Bởi vậy Thales nói cái đầu tiên của các nguyên tố là nước.

Trong một quan điểm nhất định nước là duy nhất, Thales nói tiếp: bởi vì nước là nguyên tố duy nhất được sắp xếp bằng đầy đủ bốn đặc tính, nước linh hoạt nhất, dễ biến hóa nhất, thay đổi nhẹ nhàng nhất cái trạng thái đậm đặc của nó, nước biến thành không khí và lửa và đất một cách dễ dàng nhất.

Và nếu hình ảnh cổ của nước cũng tương đồng với người đàn bà, nó cũng duy trì thường xuyên các đặc tính của đàn ông trong bản thân. Nước là người mẹ, đời sống sinh ra từ nó, nhưng mặt khác nước rơi xuống mặt đất khô cằn cũng giống như tinh dịch rơi vào tử cung cháy bỏng, và thụ tinh đất.

Bởi vậy thuật giả kim biết đến ba loại nước: nước tinh dịch giới tính nam, nước dinh dưỡng và sinh đẻ giới tính nữ, và nước *androgün* cân bằng trong đàn ông và đàn bà, để trở thành siêu giới tính. Đây là *aqua ignificata*, là nước cháy, lửa-nước, cái mà chiêm tinh học gọi là Bọ Cạp. Đây là sự gặp gỡ của nước với logo, với tinh thần cháy bỏng, với ngôn từ, với tư tưởng, với lửa tạo dựng.

Kẻ học trò đi trên con đường nhập định của nước - Thales chắc hẳn đã dạy điều này - từ nước giới tính nam trước tiên cần làm thành nước giới tính nữ, sau đó cần thống nhất cả hai và trở thành nước siêu giới tính, để trở nên tương tự với nước thời cổ và với Tạo Hóa, với kẻ mà nước chỉ là biểu tượng vật chất, bởi Tạo Hóa nhờ nước mà tạo dựng các nguyên tố, trái đất, các thực thể, và trong buổi bình minh của thời gian, khi đời sống vẫn còn ngủ trong tư tưởng của Tạo Hóa, chưa từng có gì hết ngoài tinh thần của Tạo Hóa bay bổng trên nước tối đen.

“*Linh hồn của Đấng Tạo Hóa bồi bổ cho các loại nước*”. Bởi vì sự nhập định không là gì khác ngoài sự tái hòa nhập, hay đúng hơn là sự quay trở lại với trạng thái cổ ban đầu: kẻ nào đi trên con đường nhập định của nước, kẻ đó cần từ bỏ việc “*lựa chọn của các loại nước từ các loại nước*”.

Bởi vì sách thiêng đã dạy: “*Hãy để sự ngự trị lan rộng trên nước, thứ lựa chọn các loại nước từ nhiều loại nước*”. Trời đã tách ra từ nước như thế - không khí với lửa, Lời đầu tiên, logo. Kẻ học trò đời nhập định cần một lần nữa hợp nhất lửa và không khí và nước để trả lại MỘT.

Tất cả mọi nguyên tố đều có cơ hội phơi bày tính chất siêu hình học của nó và bằng các tương đồng đạt đến sự hiểu biết về thế gian - nhưng một nguyên tố duy nhất cũng không có nhiều cơ hội hơn nước, chỉ vì: trước hết đời sống giống như nước một cách vô tận, cũng như không khí và lửa. Đời sống sinh sôi, mang tính chất người mẹ và nhạy cảm, và không có thực thể sống nào mà bản chất thân xác của nó không chứa nhiều nước đến thế.

Theios hüdor oudenesztin, Zosimos nói: thiếu nước của Thượng Đế, không có gì hết. Một khuôn mặt của nó là đàn ông, khuôn mặt khác đàn bà, khuôn mặt khác nữa là sự sống vĩnh cửu: biển, và cái khác ấy là đời sống không thể dừng lại: sông.

Bởi vậy từng có nước cổ tinh thần bí ẩn, *mare philosophorum*, và nguyên tố cổ giả kim: nước của tinh thần. Nước của đời sống, nguồn vô tận. *Ahriman*, sự tăm tối trong dạng hình con rắn xuất hiện trên trái đất và giết chết sự sinh sản. Nhưng chưa kịp giết, *Ahura Mazda* đã tạo dựng ra Nước của Đời Sống.

Con số Ba cai trị ở Ai Cập khi người ta biết ba loại nước: nước trời, nước đất và nước địa ngục. Khi ngôi sao Sirius xuất hiện vào ban mai, ngày 17 tháng 7, ba loại nước này hợp nhất và lũ lụt của sông Nilus bắt đầu.

Ba loại nước mang tính đàn bà: nước của các bà mẹ mang tính địa ngục, sinh sôi; nước mang tính đất đàn ông là nước của sự hoạt động; *androgün* là nước mang tính trời, là nước của đời sống, là ý tưởng nước, là nước cổ. Nước mà con người uống, nước chảy trong sông Nilus, nước mà trong đó các thực thể biến sinh sống có quan hệ với nước cổ, như đời sống với ý tưởng, bản sao với bản gốc.

Ở Iran người ta phân biệt bảy loại nước: cây cỏ, nước của các ngọn núi, mồ hôi, nước mưa, nước tinh dịch, nước bọt và nước tiểu. Kinh Kabbala dạy rằng nước là nguyên tố gắn kết các phần của thế gian, hợp nhất và duy trì chúng làm một, điều này về bản chất cũng như điều Thales tuyên bố về nước.

Samaim, từng là nước cháy, từng vô ích muốn cùng đất hợp nhất với lửa của thế gian, nó truyền giữa trời và đất: nước gắn kết lửa của trời với đất bất lực, và từ đó trở đi trời thông qua nước tiếp xúc với đất. Nước cho đất dinh dưỡng, làm đất sinh sôi, và nước duy trì đời sống: nước là thứ làm tan và rửa sạch chất bẩn bám vào thực thể người.

Halade müsztai! - sự nhúng đắm vào biển - huyền học Hi Lạp tuyên bố: con người tắm trong nước được mới lại, bởi tắm là sự nhập định và sự thanh tẩy thân xác.

6.

Hüdör einai arkhén tón ontón - nước là sự bắt đầu của thế gian xuất hiện. Nhưng *arkhé* không có nghĩa là vật chất cổ, thứ tất cả làm ra từ đó, mà có nghĩa là bản thể cổ, là bản chất, nguồn gốc của mọi tồn tại, *dünamis*, là Quyền Lực đầu tiên, là MỘT. Là Quyền Lực đầu tiên của mọi đời sống xuất hiện, là nguồn gốc, chất gắn kết, duy trì, là bản thể dinh dưỡng của mọi thực thể.

Đời sống chuyển động trên nó, lượn sóng, chảy, dâng tràn, xô đẩy, sủi bọt, thay đổi trong thời gian, không yên bình, nồng nhiệt, xô chạy, khác trong mọi khoảnh khắc - nhưng trong độ sâu lại bình thản, thường xuyên, kiên định, trong vĩnh cửu thì chung thủy, bất diệt. Đời sống trôi theo dòng thời gian - sự sống nằm trong độ sâu của thời gian. Đời sống là nước lượn sóng và là con sông vội vã; sự sống là biển cả bằng phẳng mặt gương và bất động.

Lịch sử con người trông như dòng sông, như thể nảy sinh từ đâu đó và cố gắng đi về đâu đó - nhưng sự sống con người là biển, bởi từ vĩnh hằng từng có, đang có và sẽ có. Cái đang xảy ra chỉ là mặt biển, ở đó nổi sóng, xô đẩy, lướt đi. Nhưng bản chất lại là độ sâu của biển, soi sâu trong suốt, bình thản, trong sạch. Như thể là núi và thung lũng của những con sóng, là đường xoáy của điện trường, tất cả, những gì xảy ra; nhưng tất cả bật im và phẳng lặng.

“Mi hãy chìm xuống nước - kinh Veda nói - và mi sẽ nhìn thấy Maja siêu việt. Mi sẽ thấy sự chuyển động và sự thay đổi, sóng và sự bạo động; dòng xoáy và biển bọt chỉ ở trên bề mặt. Chỉ ở trên bề mặt có ảo ảnh, maja, sự phù phép. Chỉ ở trên bề mặt có thời gian. Bên trong, đáy đại dương không có sóng, không dòng xoáy, không có sự phù phép, không có thời gian, chỉ có sự sống vĩnh hằng và bất tử”.

Những cái đang có có thể nhìn trong thời gian như một con sông, như một sự phù phép, như *maja*, như thể nảy sinh từ đâu đó và vội vã cố gắng đi về đâu. Nhưng, cái đang có trên thế gian, có thể nhìn trong độ sâu của thời gian như sự bình thản, như thể hiện của sự sống bất biến.

Nếu ai nhìn thế gian như con sông, nhìn trên bề mặt của thời gian, lúc đó họ thấy lịch sử. Họ thấy, tất cả tiến, chuyển động, thay đổi, vội vã, muốn, mục đích - thứ để đến gần hay tách ra. Nếu ai nhìn thế gian như biển, lúc đó không nhìn thấy lịch sử trường kì, không nhìn thấy sự tiến lên, chuyển động, mà nhìn thấy những biểu hiện của độ sâu biển cả, nhìn thấy những hiện thực cổ, những thời kì bắt đầu, thấy nguyên

tượng, *dinamis*, thấy chính Đại Dương, thấy MỘT, và thấy khuôn mặt của MỘT.

Người nào đi trên bề mặt của thời gian, sống trong lịch sử, trong sự thay đổi, và không hề linh cảm về những độ sâu bên dưới tất cả - kẻ đó sống trong ảo ảnh, trong *maja*. Người nào đi vào độ sâu của thời gian, sẽ sống trên lịch sử, hoặc bên ngoài lịch sử, hoặc bên trong sự bình thản, và đối diện trực tiếp với hiện thực của MỘT vĩnh cửu.

Nước cũng có trong lịch sử, trong ảo ảnh, trong chuyển động, trong dòng sông, nhưng nước cũng có trong độ sâu của thời gian, trong sự bình thản, sự vĩnh hằng, trong biển. Nước có ở tất cả mọi nơi. *Theios hüdor ouden esztin* - không có nước của Thượng Đế, không có gì hết. Nước là sự bắt đầu của thế gian xuất hiện - *arkhé tón ontón*.

Lịch sử cũng là nước, vĩnh cửu cũng là nước, bởi bề mặt của thời gian cũng là nước, độ sâu của thời gian cũng là nước. Trong con người biển của máu chạy rần rật, cũng như máu của đất, biển xô đẩy, khí eter xô và dạt xoáy: trong thời gian, trong đại dương, trên bề mặt, trong ảo ảnh. Bên trong, trong sự sâu thẳm không xô đẩy, không dạt, xoáy, mà chỉ có MỘT bất biến và vĩnh cửu.

Phần thứ sáu
NHÀ VUA VÀ DÂN CHÚNG

I. Cộng đồng cổ

1.

Khi so sánh thời cổ với thời lịch sử (thời mới hoặc thời hiện tại) - con người dù né tránh đến đâu vẫn không thể bỏ qua một số trường hợp nhất định cần xem xét. Tiến hành những so sánh này dễ dẫn đến nhiều sự chỉ trích, phê phán. Và những sự so sánh này vang lên như thể một bản án chống lại nhân loại thời lịch sử.

Tất nhiên không có chuyện này xảy ra. Ở đây, nhân loại lịch sử không đóng vai trò như một giá trị nhiều-ít mà chỉ như một nền tảng quen thuộc, từ đó có thể phác họa lại một cộng đồng cổ. Và như vậy so sánh không phải là sự đánh giá mà là một quan niệm phương pháp luận. Bởi con người của thời hiện đại không thể hiểu nổi khi ta bảo: nhân loại cổ sống trong đẳng cấp, và phân tích đẳng cấp cùng sự giải thích các tương đồng không cần đến các so sánh.

Tình thế sẽ khác ngay, nếu ta bắt đầu bằng việc trình bày các nền tảng của cộng đồng người thời hiện đại; Khoa học xã hội - hay khoa học tự nhiên trên nền tảng duy vật chỉ ra mọi cội nguồn, các nỗ lực thực thi pháp luật, chính trị mà ngay lập tức ta sẽ nhận ra tất cả những điều này nằm trên một nền tảng duy nhất: nền tảng thiên nhiên.

Sau đó, sau khi thử phác họa vài nét về cộng đồng được xây dựng trên nền tảng thiên nhiên và kẻ vạch phân chia, ta sẽ thấy: nền tảng của cộng đồng cổ không phải là thiên nhiên mà là đẳng cấp tinh thần.

Con người thời hiện đại sống giữa những môi trường hiện nay không hình dung nổi: từng có các cộng đồng mà trật tự sống của nó

khác hẳn thời hiện đại. Họ cần hiểu về bản chất của đẳng cấp, thậm chí cả điều này nữa: một xã hội xây dựng từ đẳng cấp cao hơn hẳn so với một xã hội xây dựng từ thiên nhiên.

Cộng đồng thời hiện đại thường chia ra thành các giai cấp. Các giai cấp: nông dân, công nhân, thủ công, thị dân, tầng lớp trí thức trung lưu, tầng lớp bàn giấy hành chính tiền tệ: tầng lớp thống trị. Các giai cấp, tầng lớp này không có các trật tự giá trị tinh thần của chúng. Sự phân chia, như họ nói hình thành từ thiên nhiên, nên tất nhiên.

Trật tự sống của thiên nhiên vật chất mà con người hiện đại đang theo và cho là hợp lý, rất phù hợp với họ. Bằng sự phân chia giai cấp này con người hiện đại thừa nhận trật tự của thiên nhiên cao hơn bản thân họ, và thừa nhận ngầm định luật của thiên nhiên, rằng thứ tự và các mức độ giá trị luôn do kẻ mạnh hơn quyết định.

Chừng nào giai cấp thượng lưu mạnh hơn, nó là giai cấp thống trị; nếu thị dân mạnh hơn, lúc đó thị dân thống trị; nếu nông dân hoặc công nhân mạnh hơn, lúc đó họ là kẻ thống trị. Kẻ mạnh hơn đôi khi đồng loạt chỉ là số đông hơn. Đây là một cộng đồng được xây dựng trên trật tự của thiên nhiên.

Nguồn gốc của cộng đồng đẳng cấp không đi từ dưới lên, trật tự của nó không được xây dựng từ dưới lên, và sự sống của nó không lập ra từ thiên nhiên vật chất. Cộng đồng đẳng cấp không xây dựng trên các giá trị vũ trụ và siêu hình học, trên các hiện thực tinh thần cao hơn đứng bên ngoài con người, mà phụ thuộc vào những nhân tố ấy và phân chia ra một cách phù hợp.

Cộng đồng không có nền tảng mà có điều kiện của nó, và cái ở dưới là thứ không quan trọng, mà quan trọng là cái ở trên, là cái cộng đồng phụ thuộc vào và thể hiện ra. Sự dạy dỗ của siêu hình học cổ nói về các giá trị. Các biểu tượng độc lập mang tính chất tinh thần của các giá trị chính là các con số. Bởi vậy nếu ai hỏi, cộng đồng cổ xây dựng trên trật tự như thế nào, nếu muốn trả lời một cách chính xác, cần nói: xây dựng trên trật tự của các con số.

Pythagoras và Orpheus cũng như giới tăng lữ đã nhập định của Ai Cập đều thừa nhận quan điểm này. Nền tảng của cộng đồng Iran có mười *amsaspand*, giống như mười *szefiroth* của cộng đồng Palestine và mười *pradzsapati* của cộng đồng Do Thái. Nhưng điều đó không có nghĩa con số cơ sở của cộng đồng là con số mười.

Con số Mười là hình ảnh của Toàn Bộ-Tất cả-Toàn Vẹn. Lời tuyên bố vật chất của dấu hiệu này là thể gian. Còn lời tuyên bố con người của thể gian là cộng đồng. Con số nền tảng của cộng đồng là Ba: Toàn Bộ, con số Bốn: Toàn Vẹn, con số Bảy: Tạo Hóa và con số Mười: Tất Cả. Nhưng trong cộng đồng có tất cả các con số và đều tồn tại. Và vẫn còn, vẫn tồn tại một cách tất nhiên như trong hình dạng của con số đầu tiên: ý tưởng.

Theo Platon nền tảng của cộng đồng là ý tưởng, và cộng đồng không là gì khác ngoài sự ứng dụng của các ý tưởng. Tâm lí học, nhân chủng học, siêu hình học, chiêm tinh học, hình học, thuật giả kim là sự ứng dụng sự sống trong bản chất của các ý tưởng này, trên các lĩnh vực khác nhau.

Các bản chất cơ bản duy trì đặc tính của chúng trong tất cả mọi lĩnh vực. Bởi vậy có sự tương đồng giữa các khác biệt của sự sống. Có sự tương đồng giữa tâm lí học và khoa học xã hội, giữa chiêm tinh học và thuật giả kim. Siêu hình học gọi nó là *szattva* - là sự cân bằng, sự yên bình đứng cao hơn các dục vọng; *Szattva* trong linh hồn là tính Bồ tát, mức độ cao nhất của tri thức người; *szattva* là vàng trong các kim loại, là Mặt Trời trong các hành tinh, là đẳng cấp tinh thần trong cộng đồng: là *Brahmann*.

Siêu hình học gọi *radzsasz* là hoạt động say mê, là chất lượng không dẫn đến điều khác của sự sống. *Radzsasz* phù hợp với cái Tôi, là lưu huỳnh trong các kim loại của thuật giả kim; là sao Hỏa trong các tinh tú, là người cầm đầu trong cộng đồng, là đẳng cấp chiến đấu, hoạt động: là *ksatrija*.

Bản chất thế gian của các đẳng cấp phù hợp với: các vòng quay sự sống, thế giới khí tinh thần và các kim loại. Đẳng cấp thực chất đã từng mang tính chất hệ thống phân cấp, nhưng khi nó đánh mất các mối quan hệ siêu hình học, mối quan hệ với các vòng quay sự sống chấm dứt, và vì thế sự tương đồng bị mờ nhạt đi.

Giờ đây đẳng cấp nổi lên như thể mang tính chất thiên nhiên. Người ta lầm lẫn tưởng rằng sự phân chia giai cấp thời hiện đại nằm trên nền tảng của thiên nhiên và lớn mạnh lên từ thiên nhiên. Trong nhiều phương diện, sự phân chia giai cấp thời hiện đại không là gì khác ngoài một hệ thống phân chia cấp độ, nhưng không ai còn nhớ đến các mức độ giá trị thực chất của chúng.

2.

Trong cộng đồng đẳng cấp quan trọng không phải nền tảng, mà là hình ảnh cổ, là sự thể hiện của hình ảnh cổ. Hình ảnh cổ và ý tưởng mà tượng trưng của chúng là con số, thể hiện trong mọi lĩnh vực của sự sống. Bởi vậy có sự phù hợp giữa trật tự đời sống của cộng đồng và trật tự vũ trụ giữa các thiên thể và trật tự của linh hồn, trật tự của các kim loại, hay nói cách khác có sự tương đồng.

Nếu người lãnh đạo cộng đồng là mẫu người tinh thần và con người tinh thần thống trị trong cộng đồng, điều này tương ứng chính xác với ý thức tinh tảo chỉ đạo và tượng trưng trong từng số phận cuộc đời của mỗi thành viên trong cộng đồng ấy. Nếu trong cộng đồng, người lãnh đạo là mẫu người hành động thì trong cuộc đời từng con người ở cộng đồng ấy sự ham thích hoạt động sẽ chỉ đạo và đặc trưng cho họ. Nếu trong cộng đồng, quyền lực thuộc về trật tự kinh tế, ở đó trong cuộc đời từng con người sự thu vén của cải vật chất, việc đề cao giá trị vật chất sẽ chỉ đạo. Nếu trong cộng đồng lớp người hầu hạ nằm

vai trò cai trị, trong từng con người ở cộng đồng ấy quyền lực chỉ đạo sẽ là sự vô thức.

Nếu đẳng cấp tinh thần cai trị, ý thức sáng sủa sẽ chỉ đạo từng cuộc đời, và hình thức nhà nước sẽ là hoàng đế; trật tự sẽ phù hợp với trật tự mang tính siêu hình học, đạo đức nằm trên những giá trị tuyệt đối và là sự phân chia đẳng cấp. Nếu giai cấp hành động nắm quyền cai trị, sự hành động sẽ thúc đẩy nhà nước như một đam mê, đây là nhà nước đi chinh phục; đạo đức sẽ là đạo đức kị binh và hệ thống phân cấp sẽ do các quyền lợi của đẳng cấp chiến đấu sắp đặt.

Nếu giai cấp kinh tế cai trị, số phận từng con người sẽ do sự làm giàu và thu thập của cải chỉ đạo, hình thức nhà nước là nhà nước thị dân; đạo đức sẽ là đạo đức của kẻ cai trị, và kẻ giàu thì đúng, kẻ nghèo thì sai. Còn nếu giai cấp chuyên đi hầu hạ phục vụ nắm quyền cai trị, số phận từng con người ở đó chỉ nhằm phục vụ cho các thế lực vô thức, và các thế lực vô thức này tác động đáng kể đến con người, hình thức nhà nước là chính thể chuyên chế; đạo đức ngự trị là sự thù ghét với tất cả những gì (gọi) là tiến bộ cá nhân.

Hoàn toàn không có chuyện con người sống trong trật tự đời sống cộng đồng thị dân, cùng lúc ý thức tỉnh táo lại dẫn dắt các số phận; cùng như hoàn toàn không có chuyện hình thức nhà nước là chính thể chuyên chế mà ở đó đạo đức tinh thần lại đóng vai trò chỉ đạo. Ngoại lệ có các cá nhân con người thành công trong việc phá vỡ các định luật tổng quát, nhưng nếu họ làm được, không bao giờ có thể hòa đồng với tiếng nói và hành động của cộng đồng.

Nếu trong cộng đồng sự hầu hạ, phục vụ nắm quyền, ngay lập tức sự vô thức mù quáng sẽ chỉ đạo các số phận người trong cộng đồng ấy, và nếu một lời nói có ý nghĩa vang lên, sẽ như thế sắp xảy ra một sự tan vỡ cộng đồng, mọi hành động có cân nhắc hiện ra, sẽ như thế một cuộc cách mạng, tất cả những điều này chỉ bởi trật tự đời sống ở đó đã biến thành vô thức, và sự vô thức không chịu được bất cứ cái gì ngoài tính chất mờ mịt và bản năng.

Nếu trong cộng đồng, sự nô lệ ngự trị, con người đứng ngoài trật tự của các giá trị; sự sống của nó như một dạng hình chưa được sinh ra: nó chìm trở lại sự lãng quên, sự tăm tối của vật chất. Giữa môi trường như vậy cộng đồng hoàn toàn bị sự lãng quên của vật chất bao phủ: sự vô thức. Căng thẳng lớn nhất của mỗi con người ở cộng đồng ấy là trạng thái suy nghĩ tinh tảo.

Một thứ rất tự nhiên và tự thân ở một cộng đồng có đẳng cấp: sự nhận thức, giờ đây trở thành ngoại lệ. Người có nhận thức đối địch với cộng đồng, bởi cộng đồng sống trong sự mù mịt, phi nhận thức tinh tảo, và con người chỉ biết cảm thấy người kia khác mình, nên căm thù xua đuổi. Sự nô lệ phù hợp với trạng thái vô thức của linh hồn, và nếu sự nô lệ lên ngôi ngự trị, sự vô thức của linh hồn sẽ trở thành quyền lực số phận.

Đẳng cấp không là gì khác ngoài sự thực hành tri thức đã xác định của siêu hình học cổ trong cộng đồng người. Nghĩa là quyền lực của từng đẳng cấp phù hợp với quyền lực của các đặc điểm trong mỗi con người. Nhân loại không hạnh phúc và bình yên nếu các dục vọng xé nát họ, nếu họ nô lệ cho vật chất, họ không thể có trật tự, họ không thể cân bằng nếu các thế lực vô thức cào cấu, họ chỉ cân bằng khi ý thức sáng sửa tinh tảo điều khiển họ.

Chính vì thế sự tinh tảo là lắng nghe cái ý thức: kẻ hiểu biết hãy lãnh đạo, kẻ hành động hãy điều khiển, kẻ làm kinh tế hãy ở lại nền kinh tế và làm giàu, còn tầng lớp phục vụ hãy phục vụ. Như thế tất cả sẽ phù hợp với trật tự vũ trụ, không chỉ trong cộng đồng, mà trong từng số phận người, trong linh hồn, trong đạo đức, trong nhà nước, trong thế giới của các chất kim loại và các ý tưởng.

Trật tự của cộng đồng nằm trên nền tảng không thể thay đổi của thế gian. Đây là đẳng cấp.

3.

Đẳng cấp không phải là hàng loạt giá trị con người tùy tiện, mà là trật tự của các giá trị huyền bí của sự sống. Khoảng sáu trăm năm trước Công nguyên đã có một sự rối loạn tấn công trật tự các giá trị huyền bí này.

Theo Khổng tử, trật tự thiên là: *“vua ra vua, người hầu ra người hầu”*. Trật tự là tất cả mọi người hãy ở đúng chỗ của họ. Sự rối loạn bắt đầu khi vua bắt đầu không là vua và người hầu không còn là người hầu nữa. Con người bắt đầu trở nên khác, giống như kẻ đứng khác chỗ, nơi nó thường đứng.

Đẳng cấp bắt đầu bị tan vỡ. Giữa ranh giới của thời cổ, tại Trung Quốc có hai người thử lập lại vị trí của đẳng cấp: đấy là Lão tử và Khổng tử. Đấy là khoảng thời gian khi Con Đường, khi Đạo bị đánh mất, sự sống của nhân loại bắt đầu chỉ trở nên một đời sống thô thiển. Đời sống, thứ xuất phát từ thiên nhiên vật chất, chỉ là một hiện tượng sinh vật, không là gì khác.

“Khi không có Đạo, đời sống đến” - Lão tử nói. Nhưng sự việc không dừng lại ở đây. Sự thụt lùi, lạc hậu, sự thoái hóa, sự vô lại, quá trình nguyên thủy hóa quay trở lại. Đời sống bắt đầu bị đóng băng. *“Nếu không có đời sống: lòng yêu thương tới”*. *“Đạo đức không là gì khác ngoài sự cưỡng bức. Con người từ sự cưỡng bức tin và từ sự cưỡng bức trung thành”*.

Con Đường chỉ là sự giả mạo trắng trợn; tinh thần chỉ là mặt nạ. *“Thế gian xuất phát từ sự giả mạo tinh thần, và tại đây sự hỗn loạn bắt đầu”*. Lão tử nói, lập lại trật tự của các giá trị không phải bằng hành động. Không điều khiển, không can thiệp, mà để yên, để sự việc tự nó tìm ra bản thân và chỗ đứng của nó.

“Một đời sống cao không có ý đồ và cũng không hành động”. Để, đời sống một lần nữa là sự sống, để, cái bị khóa, một lần nữa mở ra, nở hoa, tĩnh lặng lại và trở nên nề nếp, như trật tự vĩnh hằng của TRỜI, chỉ có một phương thức duy nhất: để mặc cho các lực cao hơn một lần nữa thâm nhập đời sống một cách tự do. *“Đạo không hành động,*

nhưng không có gì nằm yên bất động”. “Nếu vua và hoàng tử biết sử dụng, tất cả mọi vật tự nó điều khiển tự thân”. Cần bỏ đi sự thờ ơ, sự lãnh đạm, sự vô tình; không được phép can thiệp, không được phép hành động. “Cái tinh thần thế gian không phải để hành động; kẻ nào hành động, kẻ đó làm hỏng nó”. “Thế gian bị đổ vỡ bởi những kẻ cai trị đã hành động quá nhiều”.

Còn Khổng tử lựa chọn hành động. Ngài dạy học, thu thập đệ tử, lãnh trách nhiệm, đã từng làm quan - ngài thuyết trình, dạy dỗ, làm việc. Ngài thuyết phục các vua và các quan rằng bản chất của việc cai trị là đạo đức. Ngài nói, chỉ người Quân tử, kẻ hành động cao quý và thông thái mới có thể lập lại vị trí của trật tự, kẻ bằng sự tự phủ nhận bản thân hiến dâng bản thân mình cho cộng đồng.

Sau Khổng tử và Lão tử truyền thống Trung Quốc bị cắt làm đôi. Các học trò của Khổng tử gọi các tín đồ của Đạo Lão là lũ siêu hình mê tín và không thực tế, vì cái thực tế là: hành động, sự can thiệp, vì sau rốt một người có đầu óc lạnh mạnh không thể bó tay ngồi nhìn mọi đồ vỡ một cách bất lực.

Các học trò của Lão tử thì chế giễu các tín đồ đạo Khổng. Trang tử cho họ một bài học như sau: *“Hãy nói, hỡi Khổng Khâu, quả thật ngài không thể từ bỏ cái thái độ khiêu khích để trở thành một kẻ lương thiện?... Ngài không có cả khả năng để gánh chịu sự khổ đau của một thế hệ duy nhất và ngài không ngừng quan tâm đến mọi vấn đề của hàng nghìn thế hệ... ngài điên rồi chẳng? Ngài dạy người ta suy tưởng? Mọi suy tưởng là nguồn gốc của tai ương; mọi hoạt động là nguồn gốc của nhiễu nhương. Người hiểu biết chỉ hành động nếu bắt buộc, nhưng kể cả lúc đó cũng không quan tâm được hay thua. Chỉ kẻ kiêu ngạo và vênh vang nhấn mạnh đến hành động”.*

Lão tử nói về đỉnh cao nhất của đẳng cấp. Đạo Lão bất động, là tác động phi hành động. Đây là cường độ của sự sống, là sức mạnh của sự sống mở. Nhưng thời kì này đã trôi qua khi giới hạn của sự sống mở xổ tung trong cộng đồng; bắt đầu thời kì của (cái gọi là) lịch sử, là đời sống của sự sống ngày càng bị khóa kín.

Hoạt động của Khổng tử là lời tuyên ngôn của nỗi đam mê hành động trong trật tự của những kẻ điều hành. Kẻ điều hành, người quân tử, lãnh chúa Hi Lạp, kẻ trong tầng lớp *ksatrija* Ấn Độ không thể sống một đời sống khác ngoài một đời sống hoạt động liên tục không ngừng nghỉ.

Con Đường vua chúa cổ trong Đạo của Lão tử còn xuất hiện thêm một lần nữa, ở phía bên kia trái đất, với Pitago, với truyền thống tinh thần cổ Orpheus: sự cai trị không nằm trên nền tảng của hoạt động, mà duy nhất chỉ từ tác động của tinh thần.

Trong sự dạy dỗ và hoạt động của Khổng tử, tầng lớp *ksatrija* đã xuất hiện, giống như ở Platon: một mong muốn mãnh liệt muốn lập lại trật tự của cộng đồng bằng hành động. Đạo của Lão tử cần phải biến mất vì dân chúng đã không còn hiểu Đạo nữa, thời gian đã thay đổi.

Và Sự dạy dỗ của Khổng tử, cũng giống như của Platon, mắc một sai lầm: không bao giờ trật tự của đẳng cấp hiệp sĩ (kẻ hành động) có thể lãnh đạo được cộng đồng, bởi vì không đủ khả năng. Kẻ có thể lãnh đạo nổi cộng đồng, kẻ đó không được thời gian tiếp nhận, còn kẻ mà thời gian cho phép, kẻ đó lại không đủ tài trí để lãnh đạo cộng đồng, và điều này vẫn cứ tiếp tục như thế.

Hoàn cảnh cụ thể ngày hôm nay cho thấy chính xác đẳng cấp có ý nghĩa gì trong đời sống cộng đồng: đây là một trật tự các giá trị có xuất xứ thiêng liêng hợp luật, nếu cộng đồng phủ nhận nó, chính là sự phủ nhận luật lệ sự sống riêng của họ, nhưng nếu cộng đồng đánh mất nó, bằng bất cứ nỗ lực sức mạnh và hoạt động nào cũng vô ích, không thể lấy lại được.

4.

Trong truyền thống Inka thần Vicsama khi tạo dựng trần thế đã ném xuống ba quả trứng: một quả bằng vàng, một quả bằng bạc và một quả bằng sắt. Từ quả trứng vàng xuất hiện các thành viên của trật tự tinh thần, từ trứng bạc là các thành viên của trật tự kỹ sĩ, và từ trứng sắt là các thành viên của trật tự kinh tế.

Ba quả trứng này phù hợp chính xác với ba *guna* của truyền thống Hindu: tinh thần khôn ngoan (*szattva*), hành động sôi nổi (*radzsasz*) và sự sinh sôi nảy nở vật chất (*tamasz*). Đây là ba vòng tròn của sự sống cộng đồng: thần bí, văn hóa và tự nhiên; đây là ba mức độ của đạo đức: *dharma*, *kama* và *artha*, đạo đức trên nền tảng những định luật phổ quát, đạo đức của sự hưởng thụ và đạo đức của lợi nhuận vật chất; đây là ba nguyên tử của thuật luyện vàng: muối, thủy ngân, lưu huỳnh - nói ngắn gọn: đây là ba giá trị và chất lượng cơ bản không thể đối ngược của sự sống, và đẳng cấp - trật tự đời sống cộng đồng nằm trên cơ sở này.

Ý nghĩa của một đời sống có trật tự tinh thần là việc xác định xong định luật thế gian. Đây là trật tự đầu tiên, bởi thiếu định luật thế gian, thiếu tri thức *dharma* cộng đồng người không mang tính người mà chỉ là một bè lũ hèn hạ thấp kém. Trật tự tinh thần là người lính canh sự thật, trật tự tinh thần gìn giữ truyền thống, trật tự tinh thần tạo khả năng cho con người nhập vào sự sống Thượng Đế bằng cuộc đời của mình. *Brahman* là kẻ hiến dâng, kẻ giữ gìn liên tục mối quan hệ với thần linh, kẻ đại diện cho con người trước Thượng Đế và cho Thượng Đế trước con người.

Ksatrija không có nghĩa là *dharma*, mà là *kama* (nghịệp), là niềm vui, sự uyển chuyển, các màu sắc, các cảm xúc, các đam mê của đời sống. Người hiệp sĩ-kẻ hành động không phải là tinh thần mà là một linh hồn mang tính chất anh hùng. Linh hồn, khi rời khỏi trái đất, trong dạng chuyển hóa đầu tiên biến thành tính chất anh hùng. Đây là Sulphur (lưu huỳnh) là lửa, là sự cháy bùng tự do và sáng chói, là *ksatrija*.

Nếu tính chất *brahman* lỏng lẻo trong trật tự hiệp sĩ, nó sẽ biến thành đẳng cấp *sudra*, kẻ hầu. Sự sống của đẳng cấp hiệp sĩ thanh trừ chế độ bạo ngược (*despotizmus*). Bằng những công cụ thế gian giới kị sĩ mang lại hiệu lực cho định luật thế gian, và định luật thế gian là thứ luôn mang tính chất tinh thần.

Tượng trưng của hiệp sĩ là thanh gươm; thanh gươm không là gì khác ngoài logo, lời, lời hành động, tuyên ngôn của tinh thần, nhưng trong thế giới của hành động, bởi vì thanh gươm là hình ảnh tượng trưng của tính tích cực tuyệt đối. Thanh gươm là công cụ của Lời hành động, mà hiệp sĩ nhận từ đẳng cấp tinh thần như một công cụ thần bí để cùng hiệp sĩ bảo vệ định luật thế gian.

Vaisja là trật tự kinh tế, là *artha*, là trật tự của lợi nhuận, tiếp xúc với vật chất, canh tác đất, làm ra những dụng cụ của đời sống, buôn bán. Nhiệm vụ của nó là duy trì trong sự dồi dào và sinh sôi vật chất trong sự sống. Bởi vậy nó là *tamasz*, là kẻ cưỡng vật chất tăm tối và bí hiểm sinh sôi. *Vaisja* là một trật tự bị ràng buộc: ràng buộc sở hữu, của cải, lợi nhuận, đất đai; đây là đẳng cấp nặng nề, mang tính chất trần gian và vật chất.

Truyền thống cổ nhận biết đẳng cấp dựa trên con số bốn. Trật tự giá trị này được hiểu bằng sự tương đồng của bốn *juga*, bốn giai đoạn thế gian.

Thời hoàng kim phù hợp với *brahman*: sự vẹn nhất hoàn toàn của sự sống Thượng Đế, sự ngự trị tinh thần tuyệt đối. Thời kì đồ Bạc ứng với *ksatrija*: khi ý chí riêng của cái Tôi con người nổi lên, sự đam mê. *Vaisja* ứng với thời kì đồ Đồng: khi con người đã bị vật chất hóa, nhưng vẫn còn sống trong trật tự của *dharma*. *Sudra* ứng với thời kì đồ Sắt: sự hầu hạ.

Truyền thống cho biết ở Trung Quốc hoàng đế có bốn người hầu theo bốn mùa. Bởi vì *sudra*, người hầu, theo như truyền thống Ấn Độ, chỉ là người giúp việc, không là gì khác.

Trật tự theo chiều dọc của cộng đồng cổ phù hợp với con số bốn, bốn *asram*. Bốn *asram* là bốn mức độ giá trị cơ bản trong một đời sống người.

Mức độ đầu tiên là người học trò, *brahmascarya*. Người ta gọi là người học trò-*Brahma* bởi vì tất cả những người trẻ tuổi bằng sự giúp đỡ trung gian của ông thầy thực ra học tập tiếp thu từ *Brahma*, từ thần linh cao nhất.

Mức độ thứ hai là *grihasztha*, chủ gia đình. Khi một người đã tiếp thu xong những điều một sinh linh người cần phải học, nó tiếp tục kéo dài đời sống, thành lập gia đình, tham gia vào công việc của nhà nước, theo đó nó thực hành một nghề nghiệp theo đẳng cấp nào đó, giáo sĩ, kẻ lãnh đạo, thương gia hoặc nông dân, nó hoàn thiện mình và nuôi dạy con cái. Phần lớn con người không bao giờ đòi hỏi hơn. Số phận con người đạt ở mức độ *grihasztha* cũng có thể hoàn toàn viên mãn và đẹp đẽ.

Nhưng nếu con người muốn đạt tới mức độ cao hơn, nó rút lui vào rừng. Đây là *Varnaprashtha*, kẻ tu hành trong rừng, tiêu khiển thời gian của mình bằng sự chiêm nghiệm, học tiếp và thực hành các thực hành khổ tu.

Và nếu con người vẫn tiếp tục đòi hỏi cao hơn nữa, cho đi hết của cải, khoác lên mình bộ quần áo vải tu hành, buộc chiếc bát khất thực, của cải duy nhất vào thắt lưng và hành khất. Người này ngủ ở góc đường, sống bằng khất thực. Nhiều khi họ cải lại cả họ tên. Đây là *Sannyasin*.

5.

Cộng đồng người có ba mức độ giá trị, và ba giá trị này phù hợp với trật tự thiêng của vũ trụ tổng quát. Lớp người phục vụ, hầu hạ-

sudra, không thuộc về cộng đồng nhập định. Về tầng lớp người hầu, phục vụ, đến một cuốn sách cổ thiêng cũng không cho rằng họ là một bộ phận bình đẳng của cộng đồng. Platon cũng chỉ coi họ là bộ phận phụ giống như *Manu*. Hành vi của đẳng cấp cao hơn đối với *sudra*: có giới hạn và cho rằng họ đáng thương xót.

Sudra là công cụ, là bàn chân của Tối Thượng *Brahma*, kẻ vẫn chưa tách rời hoàn toàn khỏi vật chất. Sách luật *Manu* đưa ra sự phân biệt khi nói: thành viên của cộng đồng chỉ có thể là *dvidzsa*, kẻ đã sinh ra lần thứ hai.

Kẻ sinh ra chỉ một lần chỉ sinh ra trong vật chất, và không thể là thành viên của cộng đồng thần bí. Vô cùng ít sự thật còn sót lại của cộng đồng cổ khiến con người lịch sử có thể hiểu nổi về nó, giống như hiểu về việc đẳng cấp *sudra* bị loại ra khỏi trật tự dân hiến. Lí do đầu tiên của sự khó hiểu này trước hết vì đẳng cấp đã bị lu mờ trước con mắt của con người lịch sử, và con người lịch sử không hiểu, trật tự đời sống thiêng thần bí không mang tính người mà có nguồn gốc thần thánh.

Lí do thứ hai con người lịch sử không mang trong nó tính chất siêu hình học mà chỉ mang tính chất xã hội và tâm lí. Con người lịch sử trong sự tha hóa không muốn và không có khả năng để hiểu, cần thiết phải có và luôn có tầng lớp người hầu, phục vụ trong cộng đồng người: đây là sự ô uế, sự phân biệt của cộng đồng. Tất cả mọi xã hội, không có ngoại lệ, đều bao gồm các thành viên hợp pháp và bất hợp pháp.

Trật tự cổ thần bí coi đẳng cấp *sudra* là công cụ: là vật chất, dùng để thực hiện và hoàn thành một điều gì đó. Trong cộng đồng hiệp sĩ, giống như thời của Platon, những kẻ ô uế là đám nô lệ, là những kẻ không có quyền tham dự vào công việc điều khiển số phận chung.

Trong cộng đồng thị dân kinh tế, những kẻ này có tên gọi “người nghèo”, những người không có cách nào tham dự vào các hoạt động kinh tế lớn, nên họ cũng không có tiếng nói của mình.

Sau cùng trong một cộng đồng lẫn lộn, sự ô uế là một cái gì đó thay đổi, vô định, là một thứ đôi khi người ta cố gắng gán ghép chúng vào với khái niệm chủng loài, đôi khi với các nhóm tôn giáo, hoặc nhóm thiểu số, hoặc đôi khi với các hành vi chính trị.

Và sự phân biệt vẫn luôn tồn tại, dù người ta muốn gọi nó là cái gì: Tin Lành, Huguenot (Tin Lành cải cách), vô sản, tư sản, Do Thái hay tên gọi khác. Mọi sự phân biệt đều có đối tượng “ô uế” của nó, chỉ có điều trong một cộng đồng không phải là cộng đồng cố, dấu ấn ô uế không do trật tự phổ quát đóng lên nó mà chỉ theo ý nghĩa của những quan niệm thời đại tạo ra.

Trong cộng đồng cổ *brahman*, *ksatrija*, *vaisja* là các thành viên của trật tự thần bí, bởi thành viên của các đẳng cấp này không chỉ sinh ra trong vật chất như thể xác, mà khi dự phần nhập định còn được sinh ra một lần nữa trong một trật tự theo ý nghĩa Thượng Đế. Bởi vậy thành viên của cộng đồng chỉ có thể là kẻ đã sinh ra hai lần: *dvidzsa*.

Khi nhập định, con người hiểu ra không phải cái nó tồn tại trong đó quan trọng mà quan trọng chính là sợi dây tinh thần buộc nó phụ thuộc vào đó. Nó học được một điều - như Manu nói: “không ra đời trên thế gian còn hơn tồn tại như một kẻ sống một đời sống thấp kém, mù lòa, ngu xuẩn, vô nghĩa và rối loạn trên thế gian, và không dự phần vào kiến thức của những điều cao quý hơn”.

Khi nhập định, con người học cách giữ thân thể sạch sẽ, làm những món ăn đơn giản, chú tâm tới vệ sinh, phân biệt các món ăn bổ và độc hại, giữ gìn đạo đức trong sạch, nghiền ngẫm các câu hỏi tinh thần, thiền định, nghe những lời cao cả, thận trọng với vật chất và các dục vọng cảm giác.

Con người được học rằng đời sống trong sạch về mặt thân xác phụ thuộc vào một đời sống tinh thần và đạo đức trong sạch. Con người học cách nói năng bình thản và hiểu biết, bởi vì: “*mọi nhận thức, lí tưởng, ý đồ, kế hoạch, xúc cảm, tri thức đều xuất hiện và cải trang trong lời nói. Ai không tôn trọng lời nói, không học, không diễn đạt mình một cách*

ngăn gọn, thông minh, hay ho, giản dị, nghiêm chỉnh, người đó không đạt được gì và cũng không thu được gì một cách nghiêm chỉnh”.

Nhưng trong mọi thời điểm đều có một bộ phận người của nhân loại không coi những đạo luật này là bắt buộc. Truyền thống Ấn Độ gọi những kẻ này là *csandala*, những kẻ ngoài đẳng cấp. Họ chỉ nghe theo bản năng, không đếm xỉa đến các phong tục tập quán, đến sự trong sạch, đến sự bất khả xâm phạm đạo đức, họ coi thường truyền thống, phép lịch sự. Họ bảo thủ, gây gổ, sống trong sự cầm tù của các dục vọng thấp hèn, bởi vậy đến xấu hổ họ cũng không biết, dục vọng thể xác thiêu đốt họ, thậm chí họ còn phô trương trắng trợn sự vô liêm sỉ, sử dụng những hành vi, âm điệu bẩn thỉu, thô bạo, thô kệch.

Loại người này không thể trở thành thành viên của một cộng đồng thần bí không phải vì trật tự của các giá trị kết án họ, mà vì bản thân những con người này tự loại mình ra khỏi vòng pháp luật. Họ ô uế không phải vì một sách luật nào đó quy định như thế, mà bởi vì những con người này sống tự nhiên trong sự ô uế, đây là thế giới của họ và chỉ ở đó họ cảm thấy dễ chịu.

Họ chỉ sinh ra một lần, trong vật chất, hoàn toàn hài lòng vì điều này và khát vọng nâng mình lên một trật tự sống cao hơn không hề thức dậy trong họ. Họ không hề có chút linh cảm gì về sự cao cả của tinh thần, nếu nghe thấy điều này, hoặc họ bất động hoặc họ chế giễu. Mục đích cao nhất trong đời họ là ăn thật nhiều và ngủ thật lâu, như một con chó. Bởi vậy hình ảnh tượng trưng cổ của một con vật ô uế và trơ trẽn không biết xấu hổ: con chó.

Sau cùng bản chất của sự nhập định không là gì khác ngoài nhận thức rằng nền tảng của đời sống mang trật tự cao hơn chính là sự phủ nhận bản thân. Đây là *tapasz*, sự phủ nhận bản thân khiến đời sống người thành thiêng liêng. Và đây là điều các *csandala* không hiểu và cũng không muốn hiểu, không tin và cũng không muốn tin. *Csandala* muốn thả các bản năng ra để tự do sống. Bởi vậy họ trở thành kẻ ô uế. Bởi vậy lời của cộng đồng cổ là: luật pháp; lời của các *csandala* là: cách sống phi mức độ.

Sự xuất hiện của đám đông những người như vậy là mối nguy hiểm thường xuyên đối với cộng đồng, chỉ sự bảo tồn trật tự thần bí mới bảo vệ được cộng đồng, để sự ô uế tăm tối chỉ tồn tại phía dưới, bị đè xuống, bị hãm phanh, bởi nếu sự ô uế bùng nổ, toàn bộ cộng đồng chìm xuống và chết ngạt trong vũng bùn của nó.

Sự ô uế trong từng con người và trong cộng đồng cần được hãm phanh nghiêm khắc trong trật tự xã hội, bởi thật thảm hại nếu sự ô uế thắng thế, và trăm nghìn lần thảm hại hơn cho cộng đồng, khi kẻ ô uế, kẻ không nhận biết về thế giới tinh thần, về sự phụ thuộc vào thế giới ấy, kẻ không nhìn thấy trật tự của các giá trị lên nắm quyền.

6.

Li-Ki nói: “*Dấu hiệu của một cộng đồng có trật tự là kẻ cầm quyền trung thành, quan lại đáng tin, dân chúng thật thà, người làm công đơn giản, thương gia chân thật, con gái trinh tiết, đàn bà nhún nhường*” - Thực ra đây chính là một phát ngôn về đẳng cấp.

Khi Lão tử nói về Đạo, Zarathustra nói về *asa*, Platon về *alétheia*, Pythagoras nói về trật tự vĩnh cửu của các con số, Manu và Veda nói về *rita*, thực ra tất cả bọn họ đều nói về đẳng cấp. Đẳng cấp không bị buộc vào một dạng hình thể hiện duy nhất. Một cái xây dựng từ ba *guna*, cái khác từ bốn mùa thiên nhiên, cái thứ ba từ con số Hai. Ở Hi Lạp cộng đồng nằm trên con số Mười, giống như ở Iran từ mười *amsaszpand* và ở Palestine từ mười *szefiroth*.

Đẳng cấp theo Veda-*szmriti* không hình thành cùng lúc. Trong thời hoàng kim sự sống là vàng và chỉ có con người tinh thần-*brahman* sống. Trong thời Bạc *ksatrija* được sinh ra. Trong thời Đồng *vaisja*, đẳng cấp kinh tế được sinh ra. Trong thời Sắt, thời *kali-juga*, thời kì đen tối sinh ra đẳng cấp *sudra*.

Vai trò của các đẳng cấp đáng lẽ phải có trong thời *kali-juga* (mạt vận) nhưng thời kì đen tối chính là thời kì của sự phi luật lệ và đổ nát của các giá trị, khi các linh hồn không sinh ra trong những đẳng cấp riêng của chúng nữa, và không sống ở nơi đáng lẽ theo bản tính chúng cần phải sống.

Cuối thời kì này toàn bộ nhân loại trở thành phi đẳng cấp và cộng đồng trở nên bị ô uế trong toàn bộ. Sự bắt đầu của thời kì này là sáu trăm năm trước Công nguyên.

II. Người đánh xe

1.

Thời gian sau cùng của thời cổ còn sót lại cho chúng ta bức tượng ở Delphoi. Người ta thường gọi là người đánh xe Delphoi. Một thanh niên trẻ tuổi đứng trong bộ quần áo dài gần chấm mắt cá, tay như thể đang nắm cương; những nếp gấp áo của chàng đầy đặn như nếp gấp của cây cột nhà; dáng người thẳng, tri thức và sức mạnh ngự trị trên khuôn mặt.

Không có duy nhất bức tượng cổ nào nói nhiều bằng mắt như bức tượng này, một ánh mắt nhìn tự tin, trong sáng không một gợn mây. Sự thẳng thắn và cứng rắn trong đôi mắt đạt đến điểm đỉnh. Cứng rắn? Đúng. Bởi đây là người cầm cương. Người đánh xe. Không chút gì mềm yếu, nhượng bộ, ủy mị hoặc xúc cảm trong đôi mắt.

Nhưng cảm nhận này không thể so sánh với nhận thức thuộc về con người, thứ nhận thức trong đó luôn có một cái gì đó tính toán, quyền lợi, tương đối và chứa cái TÔI. Đây là sự hoàn hảo chắc chắn của nhận thức tinh tảo. Không phải con người, thân xác, đôi tay cầm cương, mắt chính là người đánh xe.

Nhà điêu khắc tạc bức tượng có thể lúc đó không bị tác động bởi sự hướng dẫn của đẳng cấp tinh thần, giống như các nghệ sĩ ở Hi Lạp hoặc Mexico hoặc Judea thường sáng tạo dưới sự chỉ đạo của đẳng cấp tinh thần. Nhưng nhà điêu khắc này chưa trở thành nhà điêu khắc của trần thế - biến thành cổ điển, như người ta thường nói - bởi cảm hứng của ông thuần túy tinh thần.

Còn, ai là người đánh xe này, không còn nghi ngờ gì nữa: “*Người đánh xe bên trong - theo Veda - là người điều khiển thế gian này và thế giới bên kia và toàn bộ các thế giới khác từ bên trong*”.

Bằng từ trong tiếng Sancrit *antarjāmin*. Zarathustra nói như sau: “Ta là trưởng lão, người thắng chiếc xe đầu tiên, là con người đầu tiên”.

Bằng tiếng Iran: *ratha eszthar*, Sankara viết: “Những đặc tính của Người ở vương quốc của các thần linh cũng như ở mặt đất, Người đánh xe”. Và nói tiếp: “Đấy chỉ có thể là *Átman*, cái Tôi vĩnh cửu, người đánh xe bên trong”.

Còn theo Katha-Upanisad: “Mi hãy nhớ mi là người đánh xe và thân xác vật chất của mi là cái xe”. Zohár viết: “Thiên nhiên là cái xe, người trời là người đánh xe”. Người trời là nhận thức Thượng Đế. Đây là nhận thức Thượng Đế của Toth, Hermes, Mercurius, Manu, Kecalcoatl, Manko Kapak.

“Việc cai trị - Li-Ki nói - là thắng chiếc xe. Sức mạnh tinh thần là dây cương để kẻ cai trị dẫn dắt dân chúng; các quan lại là yên cương, sự trừng phạt là cái roi da. Con Trai của Trời là người đánh xe. Thủ lĩnh và cố vấn là tay phải và tay trái”.

Ở Peru, ở Hi Lạp và Ấn Độ gần như giống nhau về nghi lễ bên ngoài khi vua châu: vua ngồi trên xe, trong tay là dây cương, trên đầu là một lọng tán hình chữ nhật, dưới chân là một tấm thảm hình tròn với mười hai và hai mươi tám hình ảnh của vòng hình ảnh các con vật và vòng Mặt Trăng, một bánh xe lớn quay xung quanh các hình ảnh chính là tượng trưng của vòng quay vĩnh cửu, là dấu hiệu bất tử của thế gian: bốn mặt là bốn mùa và bốn thời kì: hình ảnh thời hoàng kim, bạc, đồng và sắt, trên nóc là chuông của hòa bình thế gian.

Đây không phải tính ngẫu nhiên của sự thống nhất của các hình ảnh, bởi vì không nói về các hình ảnh. Trong thời cổ không cái gì có trên hình ảnh, mà chỉ trong ý nghĩa, ý nghĩa và sự tương đồng, hay đúng hơn là sự phù hợp từ các vòng quay của sự sống.

Tương đồng ở đây là: một sinh linh sống như thế nào trên mặt đất, kẻ cầm trong tay dây cương đời sống trần gian của nó và thắng chiếc xe cuộc đời của nó. Đây là *antarjāmin*, người lái xe: còn nhận thức Trời, Hermes, Toth, Kecalkoatl, là *ratha esithar*, Manu: là Con Người, con người Thượng Đế phổ quát, con người cổ và vĩnh cửu và đầu tiên: tri thức Thượng Đế. Là người mở, tỉnh táo, sáng sủa là tri thức và sức mạnh, là người bất tử, bởi đây là người lái xe. Thân xác, thiên nhiên, vật chất, đất, nhà nước, dân chúng là cái xe.

Nhận thức là người lái xe, đây là người không biết về tình cảm ủy mị, về cái Tôi kiêu ngạo, về những quyền lợi cá nhân, những tính toán ích kỉ. Đây là con mắt tuyệt đối: cái nhìn thấu, không một gợn mây, chắc chắn, là sự thức tỉnh duy trì và thắng như cột, Đây là *átman*, cái Tôi bất tử. Trong vương quốc của các thần linh và trên thế gian đây là người đánh xe: trên đầu là các vì sao, xung quanh là sự thay đổi vĩnh cửu của bốn mùa và các thời đại, nhưng đây là tri thức kiên trực không nao núng, không gì tác động nổi. Đây là Con Trai của Trời, là sự cai trị, sự điều khiển tay lái. Trên đầu Người chuông của hòa bình thế gian vang lên, bởi nhận thức không biết đến ác cảm, đến sự trở tráo, đến sự đứt đoạn, chiến tranh, đến sự chia lìa. Đây là *antarjāmin*, người đánh xe.

2.

Người đánh xe là vua. Một người lãnh đạo, người dẫn dắt có hai cách thể hiện: trị vì và quyền lực. Sự trị vì là sự lãnh đạo tinh thần phi hành động; còn quyền lực là sự lãnh đạo có hoạt động. Người đánh xe vượt qua cả sự trị vì và quyền lực.

Trật tự tinh thần, *brahman* thực hành sự thống trị tinh thần; trật tự của người cầm đầu, *ksatrija* thực hành quyền lực hành động. Nhưng

nhà Vua còn nhiều hơn cả *brahman* lẫn *ksatrija*; sự dẫn dắt của vua còn nhiều hơn cả tinh thần lẫn cả cái phi hoạt động và hoạt động. Người đánh xe là Con Trai của Trời, kẻ vượt lên cao từ trật tự thế gian, giống như cây cột, một mình, không thể đem so sánh với cái khác, là sự tinh táo, là nhận thức, là tri thức và sức mạnh. Là người chỉ nhìn và thấy, giống như người đánh xe Delphoi.

Ở Trung Quốc người ta hay bảo: nhìn về phía nam. Nhìn về phía nam có nghĩa là: sống. Vua là một sinh linh trên trái đất, kẻ: sống. Bên cạnh vua mọi người chỉ là vật chất và công cụ, là dây cương hoặc là cái roi da, là cánh tay phải hoặc trái. Vua là mắt. Sự trị vì và quyền lực đã là hai, đã là cảm trạng và mức độ, chỉ là hai nửa của MỘT. Vua là MỘT - không thể giải thích và không thể lại gần, là tuyên ngôn của nhận thức siêu việt trên cả nhận thức người, là viên đá cao nhất trên đỉnh Piramis không có đối kháng và cực; hay đúng hơn cực là bản thân thế gian, là thiên nhiên, là dân chúng. Vua là MỘT duy nhất đối chọi với cái đông đảo, là ĐIỂM giữa và là TIM, là ĐẦU.

Dân chúng, sự đông đảo, thế gian, không dễ dàng và tất nhiên để hiểu, nhưng vua-MỘT cũng không có gì khó hiểu và phi tự nhiên. Giống như vũ trụ, thiên nhiên, các ngôi sao, sự đông đảo của các linh hồn không phải là những cái dễ hiểu và MỘT THƯỢNG ĐẾ khó hiểu.

MỘT THƯỢNG ĐẾ là cái tự thân dễ hiểu, tất nhiên, còn các ngôi sao và sự đông đảo của các linh hồn tuyệt vời, nhưng đặc biệt: tự nó không thể hiểu được. Bởi vì MỘT là: có. Đây là sự sống, MỘT - mà bên cạnh nó, tất cả mọi thứ khác đều là thứ yếu. Vua: có. Vua là tất nhiên. Vua là nhận thức, tự thân dễ hiểu, sáng rõ, bởi vua là MỘT, và bên cạnh vua sự đông đảo của dân chúng, các đẳng cấp và các trật tự, các ngôn ngữ và các đạo luật, lịch sử, sự kiện chỉ là các thứ yếu, bên dưới, phụ. Cái có ngoài vua ra, chỉ là cái xe, bánh xe, dây cương, con ngựa. Vua là người đánh xe.

Trong thời hiện đại, một nhà vua chỉ biết nói về bản thân: ta là nhà nước. Điều này hoàn toàn giả dối. Giả dối bởi vì nó nhỏ bé và ít ỏi. Vua nhiều hơn nhà nước, nhiều như Thượng Đế nhiều hơn thế gian. Vua là

một cá nhân huyền bí, có quan hệ với nhà nước như Thượng Đế với một thế gian đã được tạo dựng. Không có vua, nhân loại chỉ là một “sự đông đảo”, giống như Herakleitos đã nói, và đời sống người là sự nhiều nhường vô nghĩa.

3.

Con người lịch sử cho rằng *Đạo Đức Kinh* là triết học hoặc là một hệ thống yoga, hoặc kẻ tử tế nhất thì cho đó là siêu hình học, nhưng kiểu gì họ cũng tin rằng, đây là một Con Đường, nghĩa là Đạo, là con đường của tất cả mọi người. Như thế ai cũng có quyền bước lên con đường ấy, như thế bất cứ ai, bất kì lúc nào cũng có thể bước lên con đường ấy.

Nguồn gốc của sai lầm này ở chỗ khác và ở nhiều nơi chính vì: con người lịch sử không có linh cảm về đẳng cấp; không biết phân biệt giữa các vị thế người. Bởi vậy tư tưởng bình đẳng mới phát triển, là thứ sau rốt đã chôn vùi trật tự các giá trị của cộng đồng. Bởi vì tư tưởng bình đẳng không đánh sập bất bình đẳng xã hội, mà đánh mất vị thế của tất cả mọi người trong hậu quả vô cảm đối với các vị thế giá trị có trong đời sống người, và biến tất cả thành bình đẳng từ ngoại diện, trong khi sự khác biệt của cái Tôi tinh thần vẫn còn lại. Con người lịch sử tưởng rằng Đạo là con đường ai cũng có thể bước lên và ai cũng có thể đi trên con đường đó.

Đạo là con đường của nhà vua; là con đường người đánh xe gọi là cái xe. *Đạo Đức Kinh* là cuốn sách nhập định của nhà vua. Là sự dạy dỗ khổ hạnh, còn tính chất yoga, triết học, siêu hình học của nó là thứ yếu. Cuốn sách nói về những bí ẩn lớn trong Đạo. Đạo là con đường của nhân loại, con đường của người đánh xe; chỉ nhà vua đã nhập định

mới có thể bước lên con đường ấy, và chỉ nhà vua được đi trên con đường ấy.

Ở vai trò vua có một sự bí ẩn không thể hiểu nổi và không thể giải thích nổi, phân biệt hẳn với mọi sinh linh sống trên thế gian và với mọi vật một cách kiên định, để khi con người đối diện với vua người ta bắt đầu cảm thấy phân vân với bản chất đáng tin của kinh nghiệm hoặc với sự đầy đủ nhận thức của họ.

Không có cái gì trên thế gian so sánh được với vai trò này không gì chứng thực được sự sống của vai trò vua; thậm chí chính sự sống thế gian là thứ phải chứng thực trước ngài, và sự đông đảo của mọi thực thể, mọi sự vật, trước sự hiện diện của ngài cùng lúc đánh mất hết ý nghĩa của nó.

“Con người nhìn nhưng không thấy; tên của nó: như nhau. Con người vênh tai nhưng không nghe thấy, tên của nó: phi cảm giác. Con người nắm lấy nhưng không giữ, tên của nó: trên tất cả... nó hành động không ngừng và không thể đặt tên... người ta gọi nó là phi hình dạng và vô hình hiện hữu... là hiện tượng nhưng không có sự hiện diện”.

Điều vua phải biết trước tiên là: trong sự sống trần gian, hiện thực thật sự chỉ ngài có. Mỗi quan hệ của vua với thế gian và dân chúng, cũng như với toàn bộ thiên nhiên vật chất, giống như linh hồn với thể xác; đây là mối quan hệ của cái Tôi siêu việt, bất tử với cái Tôi trần thế tạm thời. Chỉ *átman* là hiện thực, *átman* là sự sống, còn đâu sẽ trôi qua hết, phi hiện thực, là ảo ảnh, là giấc mộng.

Chỉ linh hồn là hiện thực, thể xác là hình ảnh sẽ trôi qua. Chỉ nhà vua là hiện thực, dân chúng, nhà nước, sự đông đảo, thế gian, giống như hiện thực thể xác. Vua là cái Tôi bất tử của dân chúng, là linh hồn của đất nước, vua là hiện thực: là *antarjámin*, là người đánh xe bên trong. “Nếu con của dân chúng chết - Li-Ki viết - người ta nói: đã chết. Không nhiều hơn. Nếu một viên quan chết, người ta nói: không bao giờ nhận lương nữa. Nếu một kẻ có tên tuổi chết người ta nói: cần phải tỉnh ra. Nếu vua chết, đây là sự sụp đổ”.

“Có bốn thứ cao cả trên thế gian: Trời, Đất, Đạo và thứ tư là vua”. Vua không hành động. Vua: có. Ngài là sự sống: átman - là sự sống và cái Tôi bất tử, antarjāmin, là ý nghĩa của con người Thượng Đế trên trái đất.

“Chinh phục thế gian bằng hành động? Chưa hề có ai thành công. Thế gian là sự vật tinh thần, với nó không thể bằng hành động. Kẻ nào hành động, kẻ đó làm hỏng nó; kẻ nào giữ chặt, kẻ đó đánh mất nó”. Đây là điều thứ hai vua cần biết. “Sự sống cao không có ý đồ và không hành động. Đời sống thấp chỉ toàn ý đồ và chỉ hành động, hành động. Điều khiển nhà nước cần kỉ luật; với vũ trang chiến trận cần luyện tập thật kĩ; nhưng làm vua cần một người đứng xa sự hoạt động”.

Đây là chủ đề của *Đạo Đức Kinh*. Là làm vua. Đây là sự nhập định của vua. Mi cần biết mi là vua, là người đánh xe, và so với mi không có ai, không có gì có thật trên thế gian này. Mi là Sự Sống. Mi là hiện thực. Mi là linh hồn siêu việt bất tử, là cá nhân duy nhất, là chủ thể duy nhất. Và mi hãy biết, nhiệm vụ duy nhất của mi: CỐ. Quay về phía Nam và nhìn.

Mọi cái mi cần nhìn thấy, mọi cái mi cần biết - nhưng không phải từ các lời râu dăng, từ bọn nịnh hót, từ quan lại. Mi cần biết rằng mi phải biết trước khi sự việc xảy ra. Mi là sự tỉnh táo - mi đi trên đường, và mi dẫn dắt. Sự dẫn dắt không phải là sự hoạt động. Sự dẫn dắt là chính bản thân sự sống. Việc đánh xe không phải là hoạt động. Đánh xe chỉ có nghĩa ngằn này: đi trên đường, đi trên đường có nghĩa là tồn tại - bằng toàn bộ sự tỉnh táo, trở thành ý nghĩa siêu việt đầy ánh sáng.

Điều, mi hoàn toàn một mình, kẻ: có, mi là kẻ thấy, mi là kẻ biết, điều này biến mi thành sức mạnh. Và sức mạnh này không hành động. Đây là sự sống rạng tỏa. Trong ánh sáng của mi dân chúng rạng tỏa; quốc gia sống từ sức mạnh của mi; hoa quả và lúa mì lớn lên từ lệnh của mi; mặt trời mọc và lặn từ ngôn từ của mi.

Nhưng mi cấm không được làm gì và nói gì, chỉ được cho, và chỉ cho đi bản thân mi. Đây là điều người ta gọi là: phước lành. Mi là

phước lành trên trái đất, là sự tiếp cận hòa tan ý nghĩa Thượng Đế. Đạo của Trời: phước lành.

Cái không phải là Đạo, là sự nhiều nhương vô nghĩa, hỗn loạn. “Ngoài con Đường Đạo ra cả đều không phải là đường. Nếu đời sống chệch khỏi Đường, đời sống bị đánh mất toàn bộ. Luật pháp? Càng nhiều điều cấm sự nghèo khó của dân chúng càng lớn. Kinh tế? Càng nhiều công cụ của cải, trong nhà nước càng nhiều nhiều nhương. Sự giáo dục? Càng nhiều kẻ khôn khéo, càng lắm mâu thuẫn. Càng nhiều luật pháp và quy tắc, càng lắm kẻ trộm và kẻ cướp. Tại sao dân chúng khó bảo, bởi dân chúng biết nhiều quá. Bởi vậy kẻ nào cai trị đất nước bằng tri thức, kẻ đó là kẻ cướp của đất nước; kẻ nào cai trị đất nước bằng phi tri thức, kẻ đó là phước lành của đất nước. Ai nhận biết cả hai điều này, người đó đã gặp luật của Trời. Sở dĩ các con sông và các hồ nước biết chấp nhận sự cúi đầu của các thung lũng, bởi chúng không biết cúi đầu. Bởi vậy chúng là các nhà vua”.

Đạo không phải là luật, không là sự thống trị, không là quyền lực, không là sự thực hành, không dùng để chuyện trò, không thể trình bày. Đạo chỉ là con Đường. Con đường của sự sống. Đạo chỉ có nghĩa gần này: tồn tại - vô tội, vô tư, trẻ thơ, đơn giản, trực tiếp.

“Cả thế gian cho rằng Đạo tuyệt vời. Nhưng có vẻ như không có khả năng thực hiện. Đây chính lại là cái tuyệt vời trong nó. Bởi vì khả năng thực hiện chỉ dẫn đến sự chia rẽ. Có ba cửa báu: tình yêu thương... việc làm tròn bốn phận... và sự nhún nhường. Tình yêu thương làm con người trở nên dũng cảm; việc làm tròn bốn phận làm con người trở nên cao thượng; sự nhún nhường tạo cho con người khả năng cai trị”.

4.

Trong trật tự tinh thần và sự cai trị sự nhập định cũng mang ý nghĩa quyết định. Nhập định là sự sinh ra thật sự, lần thứ hai. Thiếu sự nhập định con người chỉ sinh ra một lần, giống như một con vật hoặc một kẻ đi hầu hạ. Nhờ nhập định con người dự phần vào tri thức của luật thế gian, của *dharma*, hay nói cách khác nó thức tỉnh: không phải trong thế giới cảm giác, mà trong thế giới siêu việt, là thế giới thật của con người. Trong sự huyền bí nhập định linh hồn trải qua sự hóa thân, như thân thể con người trong bụng mẹ: từ mầm thành sinh linh Sống tự trị, để có thể nghiền ngẫm ý thức rằng nó có nguồn gốc Thượng Đế và nó bất tử.

Nhưng sự nhập định của vua trong sự nhập định của trật tự tinh thần và cai trị còn quan trọng đến vô tận. Duy nhất một linh hồn cũng không cần đến trạng thái sinh vật học như sống trong thiên nhiên vật chất, cần thực hiện một con đường lớn và đầy ý nghĩa như thế. Nhưng đúng vậy, linh hồn vua ngay trong giây phút sinh ra trên thế gian đã khác hẳn các linh hồn thế gian.

Điều này vị trí vũ trụ báo hiệu rõ và chỉ ra rõ. Sự hình thành bào thai của linh hồn vua cũng có những dấu hiệu trước. Không phải thời gian nào cũng đủ điều kiện để hình thành bào thai linh hồn vua. Về các khoảng thời gian huyền bí, Mặt Trời, sao Vệ Nữ (sao Kim), sao Hỏa trước tiên, sau đó đến vị trí của Mặt Trăng, sao Merkur, Mars, sao Szaturnus báo hiệu, và có cả điềm báo trước về cha và mẹ của linh hồn vua.

Điều quan trọng là ngày sinh của vua phải rơi vào khoảng thời gian quỹ đạo của Mặt Trời đi lên, trong khoảng thời gian từ 21 tháng Chạp đến 21 tháng Sáu, và là lúc trăng gần tròn. Và sao Thủy không được quá gần cũng như không được quá xa Mặt Trời. Giữa các tinh tú không một tinh tú nào quay ngược trở lại.

Nhưng đây chỉ là những điềm báo chiêm tinh học. Quan trọng là dinh dưỡng của bậc cha mẹ, môi trường của họ, và nhất là của người mẹ. Quanh họ cần có nhiều loài thực vật, nhất là các loài nở hoa, nhưng chỉ những loại hoa không có hương vị quyến rũ. Môi trường xung

quanh phải có nhiều người trẻ tuổi và đẹp, dễ chịu nhưng không kêu gọi hoặc mặc trang phục cầu kì.

Linh hồn vua từ giây phút sinh ra sẽ cao hơn hết thảy mọi người. Ở Ai Cập là *száhu*, thân thể vĩnh cửu và bất tử chỉ sau cái chết của con người bằng sự nỗ lực không thể đo được mới có thể thu nhận: bằng sự khổ hạnh, sự phủ nhận bản thân, sự học tập.

Vua là sinh linh thể gian duy nhất, kẻ sự sống trần gian của mình cũng đồng thời sống trong *száhu*, trong thân xác bất tử và vĩnh cửu. Đây là ý nghĩa cổ xưa của sự ướp xác và xác ướp. Không phải xác nào cũng giữ được vĩnh viễn, chỉ *száhu* mà thôi. Nhập định thực sự bắt đầu bằng sự kết thúc thời thơ ấu. Người điều khiển sự nhập định luôn là giáo chủ. Và điều đầu tiên mà nhà vua trẻ cần phải học và bằng điều này kết thúc sự nhập định: cần biết về nguồn gốc siêu việt của mình.

Trong hình thức của thời kì lịch sử và anh hùng ca (*eposz*) không là gì khác ngoài truyền thống mà người ta sửa soạn dành cho nhà vua trẻ tuổi, để ngài nhận biết về đặc tính và các việc làm của các vị tiền bối. Lịch sử chỉ các nhà vua có mà thôi, và những người cổ đại chắc sẽ cảm thấy thương hại khi nhìn thấy cái đa số trong thời lịch sử, nhất là thời lịch sử hiện đại ngày nay. Ngoài lịch sử của các nhà vua ra, các lịch sử khác không có bất cứ một ý nghĩa gì.

Tri thức lớn lao của nhập định, như Li-Ki nói: “Từ Con Trai của Trời đến một con người bình thường nhất, với tất cả mọi người quy luật này đều có hiệu lực như nhau: giáo dục con người. Bởi vì không ai có cội rễ bất thường lại mang những nhánh cành bình thường, điều này hoàn toàn bị loại trừ. Một kẻ không coi trọng cái gì, nhưng cái phi bản chất lại coi trọng, vô lí. Cần bắt đầu ngay từ cội rễ, để con người biết coi trọng sự vật. Đây là cái thời cổ người ta gọi là tri thức.

Sự giáo dục con người nghĩa là gì? Là việc sử dụng đời sống người đúng. Việc giáo dục con người nằm trong việc sử dụng đúng đời sống người. Còn việc sử dụng đúng, như những người thầy thời cổ

thường nói, chỉ có ngắn gọn ngắn này: “Mi đừng bao giờ tăng bốc, lừa phỉnh mi”.

Sự nhập định đối với vua quan trọng hơn với bất kì ai; sự giáo dục con người không với ai có hiệu lực hơn đối với vua. Nhà vua không làm gì khác ngoài tự giáo dục bản thân: để ngày càng hiểu rõ hơn các đặc tính và các việc làm của các bậc tiền bối; ngày càng thấy rõ hơn những định luật thế gian; những bí ẩn bị che khuất của sự sống ngày càng bộc lộ rõ ràng hơn trước ngài; càng ngày ngài càng hiểu rõ hơn sự rạn vỡ bí ẩn của cái Tôi bất tử; càng ngày ngài càng bước tới gần hơn sự sáng sủa của nhận thức siêu việt; tóm lại: ngày càng tỉnh táo hơn.

Vua đã bắt đầu biết thu nhận lòng kính trọng vô hạn đối với cái Tôi siêu việt bên trong ngài mà thần dân cúng dường. Vua bắt đầu hiểu ra sự khuất phục không dành cho cái Tôi thể xác bé nhỏ mà cho toàn bộ sự thần thánh của con người; Và nhà vua cũng hiểu ra rằng trong toàn bộ quốc gia ngài là kẻ duy nhất mà bản chất siêu việt của linh hồn trùng làm một với bản chất siêu việt được thể hiện với thể xác - rằng vua là *szahu*, sống trong sự biểu hiện bất tử, thân xác vĩnh cửu.

Bởi vậy ngài cần kính cẩn bản thân gấp trăm nghìn lần và trăm nghìn lần cần chú ý đến mọi lời nói, mọi hành động, và mọi tư tưởng của mình. Toàn bộ sự sống của vua cần truyền cho ý nghĩ sau: Thượng Đế sống trong ta và ta cần xứng đáng với Thượng Đế, bởi ta chính là điều đó. Mẹ ta chính là Đất, cha ta chính là Trời, ta là Con Trai của Trời. Mọi người lấy ta ra làm gương. Lời của ta là luật; tư tưởng của ta tác động đến những việc làm và các giấc mơ của những kẻ dưới quyền ta. Sức mạnh những việc làm của ta còn ảnh hưởng đến hàng trăm năm sau. Một lỗi duy nhất của ta có thể dẫn đến trăm nghìn sự bất hạnh của con người và làm nhỏ hàng triệu giọt lệ.

“Điều lớn nhất trong sự sống người: cai trị. Cai trị chỉ có nghĩa từng này: sống theo quy luật”. Vua như ở Ai Cập người ta nói, là hình ảnh sống của Thượng Đế trên trái đất, vua sinh ra như con trai của Thượng Đế và sau khi chết quay thẳng trở lại với sinh linh Cao Nhất. Bởi vậy việc làm vua chỉ là nghĩa vụ trần gian; vua đứng đầu nhà nước,

nhưng trong cá nhân ngài còn nhiều hơn: vua là cái đầu của đẳng cấp, của trật tự thế gian thần bí.

5.

Trong thời cổ ngoài *Đạo Đức Kinh* ra còn một loạt các tác phẩm nhập định của vua để lại cho chúng ta: *Szunahszepa*, *Kohelet*, *Bhagavad-gita*, nhưng không một cuốn sách cổ thiêng nào lại không liên quan đến sự nhập định của vua. Tất cả các cuốn sách thần bí đều là các tác phẩm của trật tự tinh thần, trật tự tinh thần trước tiên không là gì khác ngoài sự phục vụ trực tiếp của nhà vua.

Con người lịch sử và con người thời đại này tưởng rằng trên thế gian cái chính nhất là thiên nhiên vật chất; nhưng nếu không tin điều này, họ lại cho rằng cái chính nhất là tinh thần. Trật tự tinh thần, *brahman* biết rằng không phải tinh thần là chính nhất, là nhiều nhất và quan trọng nhất, bởi vì nếu như vậy nó sẽ ở điểm cao nhất của đẳng cấp, trên đỉnh piramis. Tinh thần không phải cái nguyên sơ (primer).

Cái nguyên sơ vượt qua cả tinh thần: là MỘT, là Đạo, là Trời - là cái tuyệt đối, trên cả tinh thần, là chủ thể không thể hiểu nổi, không thể nắm bắt nổi: là *átman*, là cái Tôi-linh hồn, là sinh linh Thượng Đế vĩnh hằng.

“Mi không hiểu? - Trang Tử hỏi - mi cũng không thể hiểu nổi, bởi vì mi muốn nắm bắt trên con đường tinh thần”. “Ai được các sức mạnh Trời giúp đỡ, đấy là con trai của Trời”. Trời này không thể hiểu, không thể nắm bắt và là MỘT đầu tiên trên cả tinh thần - đây là cái chính nhất, là đỉnh cao của mọi đẳng cấp. Những người nào cố gắng hiểu là những kẻ điên: “Kẻ nào bằng nhận thức của mình dừng lại kính cẩn trước cái không thể hiểu, sẽ đạt tới nó. Cái gì bằng ngôn từ có thể đánh

dấu, và bằng tri thức có thể nhận ra, cái đó chỉ là sự vật, bởi vậy nó thuộc về thế giới của các sự vật”.

Nhà vua là cái đầu của đẳng cấp, và khi cai trị dân chúng trên thế gian, ngài tiếp tục sự hoạt động thần bí của mình: mang lại sự hiển dương. Sự cai trị là sự tự phủ nhận mình và là sự từ bỏ của nhà vua. Vua là *átman*, là linh hồn, và linh hồn theo đặc tính của nó không hành động, không hoạt động, đối với linh hồn làm là sự đau khổ. Vua khi nhập định cần đạt tới mức độ, đối với ngài mọi hoạt động hãy trở thành nỗi đau khổ, sự chịu đựng, bản thân nhà vua hãy trở nên không là gì khác, ngoài sự sống trong sạch, tuyệt đối, bất động, không gợn đục, rạn nứt. Vua cần đạt tới mức độ sự cai trị của kẻ đứng đầu hãy trở thành sự phủ nhận bản thân và sự hiển dương: từ từ bỏ nhả nài và sự chịu đựng để khi cai trị, đã từ bỏ sự hưởng thụ đời sống.

Đây là sự dạy dỗ và ý nghĩa lớn nhất của nhập định vua; là ý nghĩa của Bhagavad-gita, của Kohelet, của Szunahszepa, của *Đạo Đức Kinh*. “Hãy từ bỏ sự say mê hành động - Bhagavad-gita, Thượng Đế, người đánh xe nói - và nếu vẫn cứ bắt buộc phải hành động, mi hãy nghĩ như sau: tôi đảm nhận sự hoạt động, nhưng tôi làm từ nghĩa vụ và từ sự hiển dương”. Việc làm không mang lại danh tiếng, không phải sự ca ngợi, chỉ là sự chịu đựng: “mi hãy từ bỏ, để mi chiến thắng hoặc thất bại với việc làm của mi, mi trở thành cao cả hoặc nhỏ nhoi”.

“Lòng kiêu ngạo, tất cả là lòng kiêu ngạo - Kohelet viết - ta đã tạo dựng những tác phẩm lớn, ta xây dựng, làm vườn, thu thập kẻ hầu hạ, vàng bạc, châu báu, đất đai... Lòng kiêu ngạo, toàn bộ là một làn gió cuốn, là hư vô, là sản phẩm trong cát bụi”.

“Lịch thiệp thật sự không bận tâm đối xử; sự thật thật sự không quan tâm đến chi tiết; thông thái thật sự không đề ra các kế hoạch; tình yêu thương thật sự không thiên vị. Kẻ nào yêu dân chúng, kẻ đó làm hỏng dân chúng. Kẻ nào kết thúc chiến tranh bằng hòa bình đúng đắn, kẻ đó chuẩn bị cho chiến tranh sắp tới”. Nhà vua cần phải làm gì? Khi Hoàng Đế hỏi một chàng chăn ngựa, kẻ này thưa: điều khiển một nhà

nước giống như giữ một đàn ngựa. Rất đơn giản: tránh xa những điều có hại cho đàn ngựa. Thế thôi.

6.

“Ta đã hiểu, Con Đường Lớn không bí ẩn. Ở nó không có bất kì cái gì bí mật, không nặng nề, không mờ mịt, không phức tạp. Tất cả chỉ có thể này: đi trên Đường.

Đi trên đường chỉ có ý nghĩa như sau: trở thành trong sạch, thiện, không thiên vị, không nóng nhiệt mà đơn giản, bình thản, yên bình, hiểu biết. Điều này dễ nhất, bởi vì hòa hợp làm một với các định luật vĩnh cửu của Trời và Đất. Ở đâu các định luật vĩnh cửu có hiệu lực và tồn tại, đấy là chế độ vua.

Nếu trật tự và luật ngự trị - Li-Ki nói - và tinh thần sống, cái đó gọi là chế độ vua. Và vua là người có trách nhiệm vì trật tự, vì luật, vì tinh thần, vì sự trong sạch, vì hòa bình, vì đời sống hiểu biết của dân chúng, chỉ một mình vua chịu trách nhiệm, không ai khác. Nếu các mệnh lệnh không đạt được tác dụng có hiệu quả, đó là lỗi của kẻ cầm quyền”. Còn hơn thế nữa: “Nếu các vì sao trên trời không chuyển động đúng quỹ đạo, bởi vì, trong lâu đài nhà vua sự rối loạn thống trị”.

Vua vì trật tự và vì đạo đức của dân chúng cũng như các quan lại vì nền kinh tế trù phú và vì sự liêm chính, các quân nhân vì sự chiến đấu dũng cảm và những người đàn bà vì sự sinh sản tốt đẹp. Hoàng Đế là sức mạnh tinh thần sung sức trong Trung Quốc cổ đại truyền lệnh cho vua.

Đời sống của Con Trai của Trời khiến dân chúng trở nên trong sạch và có đạo đức, súc vật nuôi không bị dịch bệnh, lúa tốt, giữa quan lại và kẻ hầu hạ không có sự ác cảm và không cần phải trừng phạt dân chúng. Đời sống của quốc gia chỉ phụ thuộc vào một trung tâm duy

nhất, một hạt nhân tồn tại duy nhất, phụ thuộc vào nhà vua, giống như sự sống thế gian phụ thuộc vào duy nhất Tạo Hóa”.

Vua là người lính canh của sự cách tân. Vua giám sát để tất cả, những gì bên trên và bên ngoài, vật chất và ảo ảnh hãy không là bản chất, nhưng linh hồn hãy ở lại, hãy mạnh lên trong căn nhà cổ, hãy quay trở về với sự sống Thượng Đế. Vua giám sát để cái bên ngoài con người bị bóc ra, nhưng cái bên trong đối mới.

Bởi vậy vua cần để ý tới sự vận hành của sao cũng như tới các mệnh lệnh cho quần thần và tới dân chúng của các linh mục. Biểu tượng của vua ở Ai Cập là vương miện kép: kẻ cai trị và linh mục, hoạt động và tinh thần, một vị chủ của sự trị vì và quyền lực. Tên của vị ấy không phải là Oziris, không phải là Szét mà là Horus. Vị ấy là sự xuất hiện của Thượng Đế, người mà vị thế vua chỉ là số phận, nhiệm vụ, chức danh mang tính người.

Ở Peru vua đeo kiếm trên trán. Nhưng thanh kiếm không phải biểu tượng của quyền lực, mà mang ý nghĩa một thứ quyền lực cai trị đã được thánh hóa. Đây là sức mạnh đã hóa thành tinh thần. Thanh kiếm là biểu tượng của logo: như là logo của trật tự hoạt động, bởi vì trật tự cai trị bằng thanh kiếm bảo vệ và giáo dưỡng thế gian, cũng như trật tự tinh thần dùng Lời để cũng làm đúng như thế.

Ý nghĩa cuối cùng của người đánh xe là: trong buổi ban đầu của thời gian Trời mở Đường cho các linh hồn bị sa xuống vật chất, để những người muốn quay trở lại có thể quay trở về. Con Đường chỉ một trường hợp ngoại lệ duy nhất đi nổi trên đó: cùng đi. Sự tái hòa nhập chỉ có thể cùng người khác, Trời không chấp nhận một cái Tôi đơn độc, dù chỉ bằng cách tha thứ, bởi con người cùng “cả bầy đàn” lầm lạc và rơi xuống chìm đắm vào vật chất. Và vua là người lãnh đạo cộng đồng trên con Đường.

Vua là cá nhân thần thánh của cộng đồng, người biết và nhìn thấy con Đường. Trật tự tinh thần, trật tự cai trị, trật tự kinh tế, và sự hầu hạ đều đi theo vua. Vua là linh mục và quân nhân, là quan tòa và quan lại,

là chủ đất và vàng, là kẻ ra lệnh cho người hầu. Nhưng không có gì là của ngài, bởi ngài còn nhiều hơn cả linh mục, quân nhân, kẻ cai trị, kẻ giàu có và kẻ ra lệnh. Vua là người đánh xe.

Là người lãnh đạo tên con Đường mà nhân loại đi chung nhau, quay trở về sự sống của Thượng Đế. Vua không dẫn dắt sự tái hòa nhập này bằng các việc làm và các lời nói mà bằng sự sống của mình, ngoài ra không bằng gì khác. Trong đời sống của vua tất cả đều phụ thuộc vào sự siêu việt thần thánh của sự sống vua. Vua không phải là kẻ ra lệnh và kẻ hành động và kẻ suy tư, vua không kiếm tìm sự thật mới và không thăm dò tinh thần, không học tập và không thu thập kiến thức.

Vua không làm bất kì gì khác ngoài việc: giáo dục. Tự giáo dục bản thân mình một cách thần thánh, siêu việt để ánh sáng của mình rạng rỡ hơn, sự hiểu biết của mình sâu sắc hơn, để ánh sáng và sự hiểu biết này tỏa rạng rực rỡ và tự do xuống toàn thể dân chúng, để trở thành tấm gương và sự sáng sủa. Đây là *antarjāmin*, người đánh xe.

III. Thông trị và quyền lực

1.

Nỗi ám ảnh, sự bức bối phi mục đích, cái gọi là lịch sử, xảy ra trên bề mặt của thời gian. Phi mục đích, bởi vì dù mới đây nhất nó được gọi là sự tiến bộ, nhưng không ai biết nó đi về đâu, mục đích ở đâu, đấy là cái gì, khi nào đạt tới, những ai đạt tới và như thế nào. Chính vì coi lịch sử là tiến bộ nên cần phải duy trì ảo ảnh, mà mục đích của nó không biết ai đã tìm ra để coi một sự sống vô nghĩa là nội dung kể cả khi cái nội dung này ảo tưởng đi chẳng nữa.

Lịch sử là một sự bức bối mang tính chất quá trình, và con người không thể bước ra khỏi nó. Sự sống trong thời kì lịch sử không hề mở ra ngay từ một điểm duy nhất, và từ một điểm duy nhất cũng không hề được giải phóng. Luôn luôn và mãi mãi là những nỗi khó khăn, đúng ngần ấy những hạn chế, đúng ngần ấy những nỗi nguy hiểm và những xiềng xích: đúng như vậy cạm bẫy mà con người rơi vào, đúng như vậy sự nhiễu loạn làm con người bức bối. Và sự bức bối này không chỉ liên tục mà còn mang tính chất liên quan. Các sự kiện tiếp diễn từ lẫn nhau, loại trừ và nối tiếp một cách có quy luật từ lẫn nhau, thậm chí các sự kiện nhắc lại một cách có quy luật từ lẫn nhau.

Tất cả những điều này xảy ra trên bề mặt của thời gian cùng trên một bình diện, trong khi đó ở độ thâm sâu của thời gian, sự sống đứng yên bất động - như khi nhân loại trên bề mặt của trái đất tuyên bố chiến tranh, thiết lập hòa bình, buôn bán, xây dựng, vội vã, thì dưới những điều này, ở sâu lòng đất, đá tảng cổ trơ trơ - và, giống như con người

bằng ý thức của mình nhận thức, quan sát, suy nghĩ, thông báo, nỗ lực, hưởng thụ ngất ngây, trong khi đó vô thức ở sâu thẳm như đá tảng cổ vẫn tồn tại một cách bình yên.

Đây chính là nghịch lí, khi trong thời kì lịch sử, trên bề mặt thời gian các sự kiện nối tiếp nhau xảy ra, thì dưới độ sâu của thời gian lại không có gì xảy ra hết; thời cổ, khi dường như không có gì xảy ra hết, bởi vì chưa có lịch sử, thực ra lại bộc lộ hết sự sâu thẳm của thời gian.

Lịch sử chỉ có đời sống, còn sự sống của nó không có; đời sống là ảo ảnh, chiến tranh, hòa bình, tình yêu, nhà nước, sự tranh đấu, sự hưởng thụ, của cải, công danh, những thứ đang diễn ra trên bề mặt của thời gian. Tất cả những điều này đều thiếu ý nghĩa và mục đích, thiếu bề sâu, thiếu quan hệ thực sự, thiếu sự thật và cái đẹp, giống như ảo ảnh chỉ tụ lại trên bề mặt, còn bên trong vô nghĩa, rỗng, vô ích và phi bản chất.

Thời cổ - thời kì phi lịch sử không nối các sự kiện vào với nhau, mà tất cả những gì xảy ra, từ vô tận, biết và thấy xảy ra, như con người cổ sống trong ý thức thường xuyên của các tầng đá cổ của đất, mang mối quan hệ không đứt đoạn với những độ sâu của vô thức. Những gì xảy ra trên bề mặt đều không có ý nghĩ độc lập của nó.

Trên bề mặt chỉ xảy ra cái gì đã bùng lên: đấy là khoảnh khắc cuối cùng, khi một cái gì đó biến mất. Trong thời cổ con người không buộc các sự kiện, những sự bùng nổ vào với nhau, mà cái xuất hiện hữu hình buộc với cái vô hình. Và như vậy sự liên hệ không phải là một quá trình trên bề mặt mà là nguyên nhân thật sự của hiện tượng: trong độ sâu của thời gian, trong sự sống, trong cái vô hình.

Kinh Veda nhắc đến con đường của các bậc tiền bối và con đường của Thượng Đế. Một linh hồn di chuyển sau cái chết của nó bước vào con đường của các bậc tiền bối, đấy là kẻ vẫn duy trì các phong tục tôn giáo trong đời, không phạm các tội nặng, nhân từ và tôn trọng luật lệ, nhưng không thức tỉnh, và như vậy cần phải ở lại với thế gian ảo ảnh. Họ nhận được phần thưởng vì các việc làm tốt, đạt được hạnh phúc,

nhưng thời gian trần thế hết hạn họ cần quay trở lại với sự đau khổ, chịu đựng.

Còn người bước lên con đường của Thượng Đế là kẻ đã dùng cuộc đời của mình để tìm ra sự thức tỉnh. Sau cái chết kẻ đó cũng không màng tới những niềm hạnh phúc, bởi nó biết rằng sự bất hạnh đi liền với hạnh phúc, sự đau khổ đi liền với sự vui sướng, cái chết đi liền với đời sống, sự buồn phiền đi liền với niềm vui, sự tăm tối đi liền với ánh sáng - trong thế gian của ảo ảnh - như Herakleitos đã nói: “*con đường đi lên và đi xuống như nhau*”, như người Trung Quốc nói: âm dương, một sáng, một tối, một xấu, một tốt, vĩnh viễn và vô tận cùng. Linh hồn bước qua những thiên đường hứa hẹn niềm hạnh phúc, đạt tới *átman* - sự thức tỉnh rạng ngời và sự bình yên của nhận thức Thượng Đế.

Nhân loại thời lịch sử đi con đường của các bậc tiền bối: trong ảo ảnh, nơi cái xấu cái tốt, ánh sáng và bóng tối, cái Tôi và Anh, cái thiện và cái ác còn mang ý nghĩa của nó. Đây là *pitrijána*, trong truyền thống Hi Lạp gọi là *hodosz mararon*, con đường của các hạnh phúc, bởi vì trên con đường này con người kiếm tìm hạnh phúc. Hạnh phúc có trên bề mặt, và lịch sử không là gì khác ngoài lịch sử của sự tìm kiếm các hạnh phúc, cần phải ở lại trên bề mặt, nhưng cái đạt được không là gì khác ngoài sự bức bối không ngừng và sự đau khổ, chịu đựng.

Nhân loại cổ đi trên con đường của các thần linh, nơi cái tốt hay cái xấu, bạn hay thù, dương hay âm, đều không có ý nghĩa. Đây là *dévajána* hoặc *srutir dévah*, trong truyền thống Hi Lạp gọi là *hodosz théon*, bởi vì ở đây không ai kiếm tìm hạnh phúc mà tìm sự tỉnh táo. Lịch sử là lịch sử của cái TÔI trần thế đi tìm hạnh phúc; còn thời cổ phi lịch sử bởi vì tư duy không phải bằng cái TÔI trần thế đi tìm hạnh phúc mà bằng cái TÔI bất tử đi tìm sự tỉnh táo.

René Guénon nói, cộng đồng cổ sống trong đời sống tinh thần của *autorité spirituelle*, còn nhân loại thời lịch sử trong thời của *pouvoir temporel*. *Autorité spirituelle* là thượng tằng của tuyên ngôn tinh thần; còn *pouvoir temporel* là ưu thế được áp dụng theo thời gian của kẻ

mạnh hơn. Thuật ngữ đầu tiên được hiểu theo nghĩa bóng là: sự thống trị. Thuật ngữ thứ hai là: quyền lực.

Cội rễ của thống trị là tinh thần; rờ tới tận độ sâu của thời gian; dẫn đường cho nhân loại trên con đường của thần thánh; không màng tới đám đông hỗn loạn của cái Tôi đi tìm hạnh phúc, và như vậy với cái xảy ra trên bề mặt, sự bức bối và vất vả phi mục đích không đặt thành trọng tâm hướng tới.

Cội rễ của quyền lực trái lại mang tính chất trần thế và vật chất; luôn của kẻ mạnh hơn, luôn xảy ra trên bề mặt, mục đích luôn là niềm hạnh phúc và nhân vật chính luôn là cái TÔI, và luôn dẫn đường cho nhân loại đi trên đường của các bậc tiền bối.

2.

Thời điểm mà người ta gọi là sự bắt đầu của lịch sử là sáu trăm năm trước Công nguyên, khi nhân loại đi chệch khỏi con đường của các thần linh và bước vào con đường của các bậc tiền bối. Lịch sử là lịch sử của các bậc tiền bối; con đường của các thần linh không có lịch sử. Sáu nghìn năm này là sự bắt đầu của lịch sử, sự bắt đầu của Khải Huyền, sự bắt đầu của khủng hoảng sự sống nhân loại, khi tính chất thống trị của tuyên ngôn tinh thần chấm dứt, và ưu thế được áp dụng trong thời gian của những kẻ mạnh hơn thay thế.

Đây là khoảng thời gian trùng với sự suy thoái của đẳng cấp tinh thần - giáo sĩ và sự lên ngôi của đẳng cấp cầm quyền - quân nhân - hiệp sĩ. Con đường của các thần linh không là gì khác ngoài con đường do *brahman* dẫn dắt nhân loại: con đường của sự tĩnh táo. Con đường của các bậc tiền bối không là gì khác, ngoài con đường mà trên đấy trật tự hiệp sĩ, *ksatrija* dẫn dắt nhân loại: con đường của hạnh phúc.

Đạo Lão suy yếu ở Trung Quốc, và Đạo Khổng do Khổng Khâu truyền bá, bắt đầu tuyên bố những ưu thế của nó. Ở Hi Lạp truyền thống Orpheus suy yếu và đời sống hiệp sĩ bắt đầu với Homeros lên ngôi, làm biến đổi nội dung đời sống. Ở Ấn Độ Đức Phật, người có nguồn gốc là *ksatrija*, bắt đầu tuyên chiến chống lại các *brahman*.

Dân chúng Tiểu-Á đổ bộ Ai Cập đã thủ tiêu những truyền thống giáo sĩ thời cổ. Ở Iran, Zarathustra là người cuối cùng cố gắng thử một lần nữa đặt giới hạn cho văn hóa Haoma đang ngày càng lan truyền, nhưng sau cái chết của ngài người ta nhanh chóng quên đi, và con người bắt đầu vội vã đi tìm hạnh phúc cá nhân.

Con người lịch sử nói chung không hiểu tại sao các nhà thông thái Hi Lạp lại khuấy động những lời lẽ mạnh mẽ chống lại Homeros đến thế và cả cơn giận của Herakleitos nữa, họ cũng không hiểu, vì thế họ không dám giải thích bằng sự thiên vị cảm tính, bởi giữa những người chống lại thi phẩm Homeros có cả Xenophanes và Platon. Trong thi phẩm Homeros cũng xuất hiện đúng như trong những lời dạy dỗ của Khổng tử: con người hiệp sĩ đương đầu với con người tinh thần.

Herakleitos, Xenophanes và Platon đã nhìn thấy rất rõ giờ đây, một quá trình đe dọa sự sống của cộng đồng người bắt đầu: con người hiệp sĩ, kẻ không liên quan với các mối quan hệ siêu việt của đẳng cấp tinh thần, bắt đầu nhìn các sự kiện trên bề mặt và bắt đầu kết án cái bề mặt. Lịch sử bắt đầu bằng Homeros. Một lịch sử, trước đây từng là một trong những chương quan trọng của nhập định vua: sự hoạt động của các ý tưởng được hiện thực hóa, như tấm gương và các hình ảnh sự kiện của các Cha vĩ đại giờ đây trên bề mặt trở thành sự ngoạn mục và và trở thành chiến lợi phẩm công cộng.

Sự ngoạn mục này, khi lần đầu tiên xuất hiện, chỉ toàn ánh sáng - lúc đó vẫn còn mang theo nó tinh thần của thời cổ, bởi vậy còn rạng ngời, tuy đã cắt đứt quan hệ với con người tinh thần. Kẻ hiệp sĩ đã độc lập hóa bản thân, tự ca ngợi mình trong đời sống riêng của mình, đã phủ nhận sự chung sống với trật tự tinh thần, và điều quan trọng nhất:

trong đời sống của mình đã bắt đầu mang hình ảnh của khát vọng quyền lực, chứ không phải của sự thống trị vì nữa.

Herakleitos và Xenophanes, và Platon, những người nhìn thấy trực tiếp và hiểu sự phủ nhận truyền thống trật tự tinh thần trong Homeros, bằng giận giữ, bằng say mê, bằng tranh luận có tri thức, tùy từng người có thể, cố gắng nỗ lực chống lại điều này: sự thống trị của con người tinh thần đang biến thành quyền lực của kẻ mạnh hơn. Các nhà thông thái trên bằng sự giáo dục đều muốn cố gắng ngăn chặn và cản trở lịch sử - một chuỗi bức bối vô nghĩa liên tục.

Hoàn cảnh của Herakleitos với Platon tất nhiên khác hẳn nhau về phương pháp. Herakleitos là thành viên của trật tự tinh thần (*basziles*), theo tiếng Sanscrit: *brahman*, và sống trong truyền thống cổ với toàn bộ bản chất của mình. Còn Platon đã là đẳng cấp hiệp sĩ, *ksatrija*, kẻ cảm xúc và tư tưởng vẫn mang tính tinh thần nhưng bản chất thì không.

Bởi vậy song song với số phận Herakleitos có Lão tử. Lão tử viết tri thức của mình ra và im lặng. Ông có thể làm được gì nhiều hơn? Không. Và song song với số phận của Platon là Khổng tử, giờ không còn sự thống trị, vô vi, bất động, không còn con người tinh thần nữa mà là sự hoạt động của con người hành động.

Luôn luôn và ở khắp nơi đều có thể nhận ra sự hoạt động của *ksatrija*.

Brahman là *scientia sacra*, người lính canh và kẻ phát ngôn cho tri thức cổ. Còn *ksatrija* là *ars regia*, kẻ thực hiện nghệ thuật cầm quyền. Tư tưởng của Platon không phải là *scientia sacra* mà là *ars regia*.

3.

Cái khoảnh khắc, thống trị và quyền lực như trong thời cổ bổ sung cho nhau, lần đầu tiên trở nên đối địch với nhau, chỉ có thể hiểu nổi khoảnh khắc này nếu nhận thức rõ hơn con người của đẳng cấp hiệp sĩ. Trong đẳng cấp hiệp sĩ - *ksatrija*, bầu khí quyền quyền lực lớn đến nỗi đẳng cấp này không biết phân biệt sự khác biệt giữa thống trị và quyền lực. Nó tưởng rằng thống trị cũng là một quyền lực tích cực; nó tưởng rằng trật tự tinh thần đứng trên nó và ra lệnh cho nó. Nó tin tưởng chắc chắn rằng nó là kẻ hầu của *brahman*.

Kẻ hiệp sĩ không hề linh cảm rằng trong trật tự thiêng siêu việt, mọi đẳng cấp đều có vị trí riêng và thực hành vị trí này sẽ mang đến cho đời sống của đẳng cấp đó sự hoàn toàn và thỏa mãn. *Ksatrija* không nhìn thấy: có thể ra lệnh trong các lĩnh vực thực hành mang tính chất trần gian, nhưng không thể ra lệnh với mệnh lệnh của thống trị. Vị trí thống trị là tuyên bố của Lời tinh thần, hoàn toàn độc lập với sự cưỡng bức, sự thực hiện, thậm chí nhận thức ra cũng không, nó chỉ: CÓ.

Tất cả những điều này đẳng cấp *ksatrija* không thể hiểu nổi, bởi vì nó là *ksatrija*. Nó không phải con người tinh thần mà là con người hành động, tính chất cai trị trong nó không phải là *szattva* (từ bi), là tư tưởng tinh thần cân bằng, mà là sự hoạt động sôi nổi. Không thường ngoạn (*kontemplativ*) mà là tham dự.

Giai cấp hiệp sĩ không phù hợp với trực giác thần bí, với *buddhi*, mà với *ahamkara*, cái Tôi tự tạo. Bởi vậy đặc tính của *ksatrija* là thực hiện cái Tôi tích cực. Nhưng bởi vì trong *ksatrija* chứa một sự ấu trĩ, một đặc điểm tượng trưng cho tất cả những kẻ hiệp sĩ: sự ghen tị (*ressentiment*) không thể dập tắt nổi đối với trật tự tinh thần.

Ksatrija tưởng thống trị đứng trên quyền lực, và trong sự ghen tị nó muốn nắm lấy sự thống trị để cái Tôi của nó có thể ra lệnh phi giới hạn. Tất nhiên, cái nó thu được không thể là sự thống trị mà chỉ là quyền lực và lúc nào cũng chỉ là quyền lực mà thôi; quyền lực đẳng nào cũng là của nó.

Thống trị không bao giờ là của nó, bởi vì đẳng cấp *ksatrija* không bao giờ đứng ra ngoài, phi quyền lợi, phi cá nhân, phi dục vọng chỉ thường ngoạn. Không bao giờ hiểu được sự vô vi, hoạt động phi hành động. Không thể trộn nhào *autorite spirituelle* với *pouvoir temporel*, không ai có thể cùng lúc vừa đi trên con đường của các thần linh vừa đi trên con đường của các vị tiền bối.

Khoảng sáu trăm năm trước Công nguyên yếu tố hoạt động của sự thay đổi trong cộng đồng là sự ghen tị của đẳng cấp hiệp sĩ. Điều này đã thể hiện trong Khổng tử, trong Tất Đạt Đa Cổ Đàm của đẳng cấp *ksatrija*, mà sau này người ta gọi là Phật Như lai, trong Platon.

Đây từng là việc làm có tính chất quyết định của vua Akamipihli Mexico, như truyền thống da đỏ ghi nhận: Thống trị và quyền lực có tính chất tinh thần và lãnh đạo tách rời khỏi nhau. Mỗi quan hệ được duy trì bởi độ sâu của thời gian, mà trật tự *brahman* gìn giữ đã bị cắt đứt. Các sự kiện thế gian không bật lên từ độ sâu nữa, mà chỉ còn lại trên bề mặt. Những sự kiện đầu tiên của các hiện tượng trôi nổi trên bề mặt là các thi phẩm như *Ilias* hoặc *Odüsseia*. Đây là sự bắt đầu của lịch sử.

Cái mà đẳng cấp *ksatrija* không biết, là thống trị cùng quyền lực cần phải bổ sung lẫn cho nhau, như cách thức của tư tưởng với việc làm, tinh thần và hành động cần bổ sung lẫn cho nhau. Trong cộng đồng người, thống trị là một loại người đại diện cho tư tưởng và việc làm của con người, không bao giờ, không ở giữa bất cứ một loại môi trường nào cần đến hành động. Còn hành động do một loại người khác đại diện, là thứ không ở giữa bất cứ một loại môi trường nào để trở thành tư tưởng, tinh thần và sự thưởng ngoạn.

“*Tác phẩm của Trời là ánh sáng, là sự sáng sủa, tác phẩm của Đất là sự Sinh sản - Li-Ki viết - và con người sống trên trái đất cần kết hợp cả hai, bởi vì chỉ từ cả hai cùng lúc mới xuất hiện ân sủng, ích cho cộng đồng*”.

Trong cộng đồng sự thiêng liêng siêu việt và tính chất anh hùng siêu việt cần hài hòa sống lẫn với nhau, bởi vì không bao giờ thần linh có thể là anh hùng và người anh hùng có thể là thần linh. Nếu thần linh thất bại thì người anh hùng cũng cần thất bại - và trong sự thất bại này trật tự thất bại, đạo luật thế gian bị phá vỡ và cộng đồng tan rã.

Con người hành động không bao giờ biến thành con người thường ngoạn, và sự thường ngoạn không thể biến thành hành động; nhưng để cộng đồng sống theo đạo luật thế gian, theo *dharma*, cần đến cả hai thứ.

Brahman, đẳng cấp tinh thần gìn giữ sự trị vì của đạo luật siêu việt: đây là tri thức đích thực duy nhất, sự tỉnh táo. Và: “*mọi sự sống trừ phú phụ thuộc vào tri thức thật sự*” - Manu nói. “*Nếu tri thức thật từ cộng đồng bị mất, đến một việc làm duy cũng không hợp luật, không sinh sôi, và lợi ích cũng không*”. Nếu sự thống trị của đạo luật siêu việt Thượng Đế bị mất, cộng đồng tan ra nghìn vạn mảnh.

Các vương quốc không duy trì bởi sức mạnh, bởi quyền lực, không do sự hoạt động duy trì cho dù đẳng cấp *ksatrija* quý phái, dũng cảm, anh hùng, minh triết đến đâu. Các vương quốc được duy trì do sự trị vì của đạo luật siêu việt Thượng Đế, và đạo luật này nằm trong con người, con người là kẻ luôn có quan hệ với thế giới tinh thần.

Brahman không phải là con người trong ý nghĩa như con người là mọi thành viên của cộng đồng: *brahman* là công cụ của lời tuyên bố tinh thần Thượng Đế, là kẻ nắm giữ thống trị. Giáo chủ là hóa thân của *logo*. Ở Ai Cập ngài mang tên của vị thần Toth, ở Ấn Độ tên của đẳng cấp tinh thần là *brahman*, lấy từ tên thần tạo hóa *Brahman*. Ở Mexico giáo chủ có tên: *teotikutli*, có nghĩa là: Thượng Đế và Ngài.

4.

Điều kiện đầu tiên của sự trị vì: sự nhún nhường, dâng hiến. Bởi vậy con người tinh thần cần trở nên khổ hạnh. Bởi vậy cần dùng cả cuộc đời họ vào sự tự phủ nhận bản thân, cần từ bỏ mọi đam mê hạnh phúc của cái Tôi, để nhận thức ra lời tuyên bố tinh thần siêu việt và trong sự nhún nhường dâng hiến có khả năng từ bỏ.

Kẻ nào đại diện cho thống trị cần tránh xa những mục đích của con người, cần sống cho sự chiêm nghiệm, cần hòa hợp với các sự kiện tinh thần của thế gian, và cần nhận thức ý nghĩa đích thực của các dấu hiệu hữu hình của thế gian, cần biết về ý nghĩa của thời gian, bầu trời vũ trụ, sự thay đổi của các tinh tú, và cần gây ảnh hưởng với đời sống của nhân loại bằng việc thực hành chính xác các nghi lễ, cần hiến tế, nuôi dạy thế hệ trẻ, cho đẳng cấp cầm quyền những lời khuyên, và truyền bá cho nhân loại ý chí mang tính chất siêu việt Thượng Đế.

Trong quyền lực trái lại, không có chút gì siêu việt. Quyền lực là sự duy trì của trật tự và sự thật của con người trong cộng đồng, là sự phân chia phần thưởng và sự trừng phạt, là sự bảo vệ và tấn công. Cội rễ của quyền lực có trong thống trị, bởi vì tư tưởng đưa lại cho hành động ý nghĩa. Trong bản thân quyền lực chỉ mang tính chất người.

Nhiệm vụ của *ksatrija* là thống nhất quyền lực và thống trị. Con người bằng sự thất bại đã phạm trong thời kì đầu tiên của thời gian, khi vật chất và tinh thần, khi hữu hình và vô hình tách nhau ra, đã đứt lìa khỏi nhau cả thống trị lẫn quyền lực. Thống trị ứng phù hợp với tinh thần và cái vô hình; còn quyền lực là cái hữu hình và vật chất. Thống trị là sự chiếu sáng bình thản như của Mặt Trời; còn hoạt động của quyền lực là sự cố gắng hành động, như cách thức của con người vật lộn trong số phận.

Nhiệm vụ của *ksatrija* là mang tính chất người quay trở lại với thần linh, Thượng Đế và một lần nữa thống nhất lại vật chất với tinh thần; để con người trở nên sự thật, sự kiêu hãnh, tự phủ nhận bản thân, trở thành anh hùng, quý phái, trang trọng, nghiêm khắc, kiên cường, trở thành kẻ cầm quyền và quan tòa và quân nhân.

Thống trị và quyền lực đứt rời nhau mang lại hậu quả tức khắc như thế nào, về điều này không cần lấy nhiều ví dụ, chỉ trích dẫn Pythagoras là đủ. *“Trong khoảnh khắc khi cảm giác hướng về trọng tâm bị mất, cảm giác về cái trên bề mặt sẽ thay thế”*.

Cảm giác hướng về cái trên bề mặt đã tạo ra lịch sử. Các sự kiện thay vì được tuân trào từ tinh thần hướng về trọng tâm duy nhất, đã tan chảy trên bề mặt và xói xả tuân đi vô hướng. Thay thế một số phận tình tảo là sự bức bối vô nghĩa bước vào.

Pythagoras thử một lần nữa sắp đặt lại vị trí thống trị của các sinh linh tinh thần siêu việt trong truyền thống cổ: ông thử tìm cách làm cho đời sống cộng đồng phụ thuộc vào trọng tâm. Ông dạy dỗ những bí ẩn của thống trị mang tính chất siêu việt cho đẳng cấp *Brahman*, những kẻ được nhập định. Nhưng ở thời đại Pythagoras cả con người lẫn thời gian đều không còn đủ khả năng nữa. Sự dẫn vật tức giận nổi lên một cách ghen tị của đẳng cấp *ksatrija* bằng hoạt động của quyền lực đã quật ngã mọi tuyên ngôn tinh thần của thống trị. Điều này sau đó xảy ra với Empedokles. Và muộn hơn, với Platon.

Ở phía bên kia trái đất điều này cũng xảy ra đúng như vậy ở Trung Quốc. Li-Ki viết: *“Truyền thống giữ gìn điều cần làm của hòa bình và chiến tranh. Nếu xuất hiện người đủ khả năng để giữ gìn truyền thống, lúc đó thống trị sẽ hòa hợp với đạo luật thế gian; nếu không xuất hiện người đủ khả năng, truyền thống sẽ bị quên lãng”*.

Kẻ đủ khả năng đã không xuất hiện; nhân loại đã không thể sống hòa hợp với đạo luật thế gian, và truyền thống đã bị quên lãng. *“Một từ duy nhất có thể làm hỏng tất cả. Một con người duy nhất có thể củng cố mạnh mẽ nhà nước”*. Một từ duy nhất đã làm hỏng tất cả, đấy là: quyền lực. Nhưng kẻ duy nhất có thể củng cố nhà nước vững chắc, kẻ đó đã không bao giờ xuất hiện nữa.

Sự bùng nổ của quyền lực hiệp sĩ mang lại thay đổi trật tự đời sống cơ bản trong cộng đồng. Trong thời cổ, lời nói chuẩn mực và sự

kính trọng là của người đã trưởng thành, còn sự trầm tĩnh là của người già. Đây là tấm gương.

Giờ đây một người trẻ, đầy sức lực về mặt cơ thể có lợi thế hơn vì không ai còn nhạy cảm đến sự chín chắn và trưởng thành tinh thần nữa. Người ta hiểu lầm sự chín chắn, trầm tĩnh, thay vào đó họ chỉ nói đến sự thèm khát nồng nhiệt. Mọi dẫn đo cân nhắc chấm dứt, thay vào đó là tính chất cách mạng cháy bùng. Không ai muốn nghe đến tư tưởng nữa, bởi hình ảnh của lí tưởng là máu sôi sùng sục. *Radzsas* đã thay thế cho *szattva*.

Sau sự bình thản chiêm nghiệm tiếp đến những hành động cuồng nhiệt. Người ta bắt đầu trầm trồ ngợi ca sức mạnh của hành động. Tấm gương của cộng đồng không còn là nhà thông thái có nhận thức sáng sủa, phi lợi ích nữa, mà là một cảm tử quân máu sôi sùng sục.

Lòng háo danh, nỗi thèm khát sự ca ngợi đã thay thế cho tri thức, sự bình thản, sự tự phủ nhận bản thân, đức hạnh. Trước kia sự im lặng đơn độc là mức độ lớn nhất của đời sống; phù hợp với điều này là *szattva* (từ bi): thực thể tinh thần. Phù hợp với điều này giữa bốn *asrama* là *szannjaszin*: người ăn mày thần thánh. Giờ đây tất cả đều đi về hướng công cộng: những cuộc thi đua, phiên chợ, nhà hát, biểu diễn: trên bề mặt, sự sống người trở thành lịch sử. Đây là *agon*, lí tưởng đời sống của Homeros.

Tổ tiên của *brahman* là các thần linh; tổ tiên của *ksatrija* chỉ còn là các anh hùng, hay nói cách khác là con người. Trong dấu tích thống trị, tinh thần cộng đồng người là bản sao của cộng đồng Trời: dân chúng. Trong dấu tích của quyền lực, với từ quyền lực trong cộng đồng người, các dục vọng trần thế được hãm phanh từ trước tới nay cùng với các sức mạnh ma quỷ cùng lúc được giải phóng: cùng lúc làm nổ tung sự kiêu ngạo, sự tâng bốc, sự háo danh, và tất cả những điều này bắt đầu cắn xé loài người.

Nền tảng của cộng đồng cổ, cũng là nền tảng của đời sống từng con người, sự tự phủ nhận bản thân, biến mất trong một tích tắc. Thay

thể cho sự tự phủ nhận bản thân là bản năng to lớn của cái Tôi chiếm lĩnh.

5.

Trong truyền thống cổ, hình ảnh tượng trưng cho đẳng cấp *ksatrija* là con lợn lòi, cho đẳng cấp *brahman* là con gấu. Con gấu là con vật bình thản, thông thái, hình ảnh một ông thầy. Con lợn lòi là loại thú rừng hoang dã tợn, tham lam và không phanh.

Ở Iran người ta biết đến mười hóa thân của lợn lòi: bão gió, con bò đực sừng vàng, con ngựa trắng, con lạc đà đực, con lợn rừng, cậu con trai tràn đầy sức lực mười lăm tuổi, con đại bàng, con cừu, con dê đực và người lính chiến đấu.

Sức mạnh của con lợn lòi trong các sinh linh này cháy sáng trong ngọn lửa mạnh mẽ. Để con người có thể hiểu về những hình ảnh tượng trưng này, chỉ cần phân tích một hình tượng là đủ. Đây là con đại bàng.

Đại bàng là một trong bốn thiên thần giữ bầu trời. Đầu tiên là con Trâu Đực (Aldebaran), thứ hai là con Sư Tử (Regulus), thứ ba là con Đại Bàng (Antares) và thứ tư là Con Người (Fomalhaut). Hình ảnh con Đại Bàng sau này và trong các truyền thống khác được biết đến với cái tên Skorpion.

Và Skorpion là ngôi nhà của nước mang tính chất lửa, là sao Hỏa, trong truyền thống Hindu giữa ba *guna* là *radzsas*, sự say mê nồng nhiệt, trong truyền thống giả kim là lưu huỳnh, nguyên tử cháy. Trong truyền thuyết Ấn Độ đại bàng là vua của các thần linh, là con chim của Indra; còn Indra giữa các thần linh là *ksatrija* quan trọng nhất.

Con đại bàng ở tất cả các dân tộc là quyền lực, quân đội, sức mạnh vũ khí, biểu tượng của đội quân. Bởi vậy đại bàng là con chim của Zeus

và Jupiter, bởi quyền lực là của Zeus và Jupiter. Giữa các đặc tính của linh hồn, đại bàng phù hợp với ý chí, nhưng chỉ có bản thân ý chí, hoặc thiếu nó đều không phải là sức mạnh tạo dựng.

Về các tương đồng chừng ấy là đủ. Thêm điều này nữa: ở Iran tên của đẳng cấp kị sĩ là *khaetu*. Từ này có nghĩa là quyền lực, và một từ khác: *verethragna*, là người bẻ gãy sự chống đối, kẻ lập trật tự. Người lính là kẻ chứa đựng: lửa, lưu huỳnh, *radzsas* của *khvarenah*, quyền lực thể gian rực rỡ và cháy bỏng - đại bàng, sao Hỏa, Ares, là sức mạnh và bất khả chiến bại.

Nhưng *khaetu* luôn chỉ là quyền lực bên ngoài, như quyền lực của sức mạnh vật lí, bởi vậy nó tồn tại trên thế gian, trong cộng đồng, là người lính canh của nhà nước, như trong vũ trụ canh giữ trật tự bên ngoài của các tinh tú.

Ở Ai Cập thần linh của các kị sĩ là *Séth*, vị thần màu đỏ, thần của bão, động đất, gió xoáy: là hình ảnh tượng trưng của sức mạnh thiên nhiên. Những bức tượng của *Séth* người ta thường sơn màu đỏ như các tượng *Huiclopochtli* ở Mexico, có nghĩa là máu, là sự hoạt động nồng nhiệt, sự đổ máu, chiến tranh, lời tuyên bố của sức mạnh vật chất, lưu huỳnh, *radzsas*, tóm lại luôn là ưu thế của kẻ mạnh hơn được sử dụng trong thời gian, hay có thể nói như sau: đại bàng - quyền lực.

Nếu quyền lực sót lại này đứt đoạn khỏi nguồn cảm hứng tinh thần và thiếu phương hướng, đạo luật, nó sẽ chẳng là gì hết ngoài một hoạt động vô giới hạn, vô độ của một sức mạnh vô nghĩa. Nếu *ksatrija* tách rời khỏi *brahman*, nó sẽ là nô lệ của bóng tối. Bóng tối: sự đam mê, sự giận giữ, sức mạnh hoang dã; là chiến tranh: *Séth* ở Ai Cập, *Huicilopohtli* ở Mexico, *Arés* ở Hi Lạp, *Mars* ở Roma, là các vị thần của nổi bất hòa, sự sôi lên sùng sục, sự nổi loạn, sự nổi dậy.

Nếu chỉ còn lại đẳng cấp hiệp sĩ, nền chính trị của họ nhắc nhở đến các vị thần linh của cái chết. Dấu hiệu nhận biết duy nhất của quyền lực là sức mạnh; là quyền lực của kẻ mạnh hơn. Nếu không có thống trị chỉ hướng cho sức mạnh, quyền lực cản trở thành sự độc ác.

Đây là bóng tối độc ác, là thần chết, là sự xâu xé chia cắt quốc gia, là nỗi bất hạnh của dân chúng, là sự tiêu diệt ánh sáng, là Széth: kẻ giết người của Oziris.

Ksatrija câu kết với thần chết để chống lại *brahman*. Đây là ý nghĩa về sự ghen tị (*ressentiment*) của *ksatrija*.

6.

Để giữ gìn trật tự thế gian sức mạnh tất nhiên không đủ, cũng như nhà nước duy trì trật tự dân chúng cũng không đủ. Trong khát vọng mù quáng, đẳng cấp hiệp sĩ không biết điều này và không thể biết; *ksatrija* không phải là người biết mà là người quả quyết hành động. *Brahman* là người biết hộ, thấy hộ và suy nghĩ hộ. Và nếu sức mạnh để duy trì trật tự không đủ, nhưng lời vẫn thuộc về sức mạnh, lúc đó trật tự bị phá vỡ.

Nhưng có một điều đẳng cấp kị sĩ cũng không hề biết: quyền lực trong tay họ chỉ có thể tồn tại trong một khoảng thời gian vô cùng ngắn. Sau thời kì nở hoa ngắn ngủi thế gian thuộc về đẳng cấp hiệp sĩ ở mọi dân tộc đều cần phải biến mất, quyền lực suy thoái, và giờ đây quyền lực rơi vào tay những kẻ ngày càng không xứng đáng hơn.

Chính trị trắng trợn, hành động trắng trợn, thiếu vắng tinh thần và tư tưởng, chỉ thực hành sức mạnh, lịch sử trở nên trắng trợn, vô bản chất và phi đạo luật. Đẳng cấp hiệp sĩ không biết đến các phương pháp để duy trì trật tự, họ chỉ có sức mạnh và sự thỏa ước. Họ không biết rằng: “*Sức mạnh bên ngoài giữa mọi hoàn cảnh đều biến thành tác dụng chống đối bên trong. Bởi vì nếu Lời không phải của tinh thần việc thực hành sức mạnh chỉ là một hành động quyền lực và quyền lực đưa đến sự bất bình, sự chống đối và sự thù ghét*”.

Và nếu quyền lực ngày càng rơi xuống thấp, sẽ rơi vào tay đẳng cấp *vaisja*: thị dân, thương gia, công nhân, nông dân. Quyền lực của

đẳng cấp kinh tế không còn là sức mạnh của đam mê nóng bỏng và dữ dội của đẳng cấp hiệp sĩ, là thứ có thể trở nên độc ác đến mức nào đấy, nhưng không ít lần rất tuyệt vời. Quyền lực thị dân của đẳng cấp kinh tế thì bản tiện. Thị dân không phải là hình ảnh tượng trưng của sức mạnh. Nó không tin vào chính bản thân nó. Bởi vậy quyền lực của nó là chủ nghĩa thủ đoạn (machiavellismus) là thứ đạo đức giả.

“Nếu người ta để mặc một kẻ tầm thường - Li-Ki nói - nó sẽ thu thập đủ thứ xấu và không run sợ trước bất cái gì. Nếu kẻ này nhìn thấy một con người tinh thần, nó bắt đầu cất giấu che đậy, và cố gắng phơi bày mình ra từ mặt tốt. Nhưng con người tinh thần ngay lập tức nhìn xuyên thấu nó. Đạo đức giả thế nào được! Giống như cùng một lúc mười con mắt nhìn mi và mười ngón tay chỉ về phía mi: thật là một việc đứng đắn đáng sợ làm sao!”

Tầng lớp thị dân muốn tỏ ra tự do tranh luận, nhân đạo, trong khi đó nó chỉ có một mục đích duy nhất: lộn ra ngoài tất cả túi quần của kẻ khác. Giờ đây không phải là quyền lực chính trị nữa mà là quyền lực kinh tế. Sự ghen tị tăng dần, và sự đòi hỏi nhân đạo cũng tăng dần, và cơn đói của cải tàn bạo và sự giấu giếm che đậy cũng càng mạnh hơn.

Nhưng quyền lực không dừng ở đây. Khổng tử nói, quyền lực của trật tự hiệp sĩ dài ba trăm năm, còn quyền lực của đẳng cấp kinh tế kéo dài một trăm năm mười năm. Tốc độ lao xuống dốc của nó ngày càng nhanh hơn. Quyền lực càng lao xuống dốc sâu bao nhiêu, đời sống của nó càng ngăn ngui bấy nhiêu. Rồi sau đó cái gì xảy ra? Sự nhiễu loạn tiếp tục. Nổi bức bối càng lớn, toàn bộ sự tròng trành phi mục đích, vô nghĩa này tự nó quay cuồng xung quanh chính nó. Nghĩa là: lịch sử tiếp diễn.

Quyền lực rơi vào tay đẳng cấp người hầu (*sudra*) và trở thành ma quỷ. Người ta gọi sức mạnh quyền lực ma quỷ này là bạo lực. Thay thế đẳng cấp hiệp sĩ và thị dân *türannos*-kẻ độc tài bước lên vũ đài. Bạo lực không phải sự tăng lên của sức mạnh mà là sự thô bạo hóa. Sự thể hiện vũ trụ của sức mạnh, sự xuất hiện của lưu huỳnh, *radzsas* mà các thần linh của nó là: Mars, Ares, Huiclopochtli, Szet, Indra.

Còn bạo lực không có thần linh của nó, chỉ có đám đông ma quỷ được giải phóng của nó mà thôi. Bạo lực không còn là quyền lực nữa, mà là sự độc quyền cá nhân trắng trợn. Trong sức mạnh vẫn còn có sự quý phái, cái đẹp và sự cao cả; nhưng sức mạnh đã bị đánh mất trong loại đạo đức giả; giờ đây trong bạo lực chỉ còn sự độc ác, bản năng thấp hèn và đáng sợ sôi réo lên sùng sục.

IV. Brahma-Pura

1.

Con người lịch sử cho rằng, thành phố từ hang động, từ lều, rồi đến xóm làng, sau cùng trở thành thành phố là một quãng đường dài đã trải qua của sự phát triển. Cũng hết như khi con người lịch sử cho rằng, sự hình thành của cộng đồng đầu tiên từ một kẻ sống trong hang đơn độc, rồi trong bầy đàn, trong bộ lạc và sau cùng trở thành cộng đồng, và đây là một quá trình dài của sự phát triển.

Nhưng truyền thống cổ dạy rằng: cộng đồng không phải là kết quả của sự phát triển; Có một tập đoàn cổ, ngay từ buổi ban đầu của thời gian đã từng sinh sống. Tập đoàn cổ là dân chúng, nhân dân. Và có cả thành phố cổ nữa, bởi vì thành phố ngay từ buổi đầu tiên của mọi thời đại đã từng là hình thức sự sống của cộng đồng người.

Tất cả các truyền thống của mọi dân tộc cổ đều ghi nhận đã từng có thành phố Trời, thành phố của Thượng Đế. Ở Peru người ta gọi nó là Korikancsa và phiên bản hoàn toàn bằng vàng của nó nằm trong mảnh sân bí ẩn của nhà thờ chính. Ở Ấn Độ tên của thành phố Thượng Đế là Brahman-pura: thành phố của Brahman. Ở Ai Cập tên thành phố đó là: Szmun. Ở Alexandria người ta gọi là Ogdoad, và điều này cũng giống như Jerusalem Trời của truyền thống Palestine.

Đặc tính về ý nghĩa đặc biệt của sự thành lập và xây dựng các thành phố trần gian được nêu rõ trong truyền thống. Không thể bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu và như thế nào cũng được khi xây dựng thành phố. Các thành bang (*polis*) Hi Lạp được xây dựng trên nền tảng các

đạo luật tinh thần, giống như các thành phố của Mexico, rất giống thành phố được xây giữa Atlantic, giống các thành phố của Ai Cập và Babilon, các thành phố của Trung Quốc và Tây Tạng, chưa nói đến các di tích còn lại từ Úr và trong các sa mạc châu Á.

Theo truyền thống cổ thành phố có hai tương đồng: một là thành phố của Trời, hai là thân thể con người. Cả hai thực ra đều không là gì khác ngoài bản sao của vũ trụ, tiểu vũ trụ như người ta thường nói.

Thành phố buổi ban đầu ở trên trời, có nghĩa nó từng là hình ảnh cổ tinh thần phi vật chất, và các thiên thần, hay đúng hơn các sức mạnh, các lực tinh thần dạy nhân loại xây dựng nên thành phố. Bởi vì không đơn giản xây dựng nên thành phố. Thành phố là sự thể hiện của trật tự giá trị thể gian, bởi vậy trong việc xây dựng nó chứa định luật không thể lún.

Ai thử xây dựng thành phố mà thiếu mất tri thức và sự duy trì những định luật này, người đấy chỉ chất một đồng đá vào một chỗ, và có đá không có nghĩa là xây được một (cái gọi là) thành phố. Bí mật xây dựng do các lực, các sức mạnh tinh thần báo cho con người biết, và tất cả mọi thành phố đều có một bí mật riêng, duy nhất như từng con người một.

Tương đồng thứ hai của thành phố là thân thể con người. Bởi vì: *“Con người không có nghĩa là một tính chất hoặc một mặt của thiên nhiên, mà con người mang ý nghĩa của thế giới tổng thể”*.

Trong truyền thống Ấn Độ có Brahma-pura, trong truyền thống Do Thái có Jerusalem Mới, Ogdoad của Alexandria đều mang ý nghĩa là thành phố được xây dựng trong con người và bằng con người. Con người là hình ảnh của thành phố tinh thần, nhưng bản thân con người tự xây dựng thành phố bằng những tư tưởng, lời nói và việc làm tốt đẹp, như truyền thống Iran đã dạy.

Vì, con người xây dựng bản thân mình giống như xây một thành phố tinh thần, giữa thiên nhiên vật chất trần trụi dựng lên những ngôi nhà, lát đá các con đường, dựng lên các bức tường, cổng, thành, nhà

thờ, lâu dài, tổ chức một cộng đồng có trật tự, hợp luật, con người thực chất xây dựng lên một thành phố tinh thần vĩnh cửu.

Ogdoad trong nhiều phương diện không là gì khác ngoài Thành phố Trời, do toàn thể nhân loại xây dựng lên: tất cả mọi việc làm tốt, tư tưởng tốt, lời nói tốt đều là những viên gạch để con người góp phần xây dựng một thành phố vĩnh cửu, đến chừng nào thành phố xong hoàn toàn, kết thúc, và khi đã xong, nhân loại bước vào, chiếm chỗ và sống trong đó. Thành phố vĩnh cửu là vị trí của đời sống vĩnh cửu, nơi các linh hồn đã giải thoát chiếm chỗ, và sống đời sống vĩnh cửu ở đó, trong cộng đồng của thành phố Trời.

Nếu có thể, thành phố xây dựng trong thiên nhiên vật chất cần là bản sao trung thành của thành phố linh hồn bên trong và thành phố Trời. Trong cái bên ngoài cũng cần đúng như trong cái bên trong, tinh thần. Bản sao của thành phố Trời là nơi ở của con người đầu tiên trên trái đất.

Thành phố không phải từ xóm và làng xuất hiện, ý tưởng của nó từ thế giới tinh thần sa xuống và xóm cùng làng được xây dựng lên từ khuôn mẫu của thành phố. Làng xóm là thành phố hình thành ngược trở lại, như đám đông là dân chúng hình thành ngược trở lại, người rừng là con người tinh thần hình thành ngược trở lại.

Cần quen với nhận thức: con người cổ nhận sự xuất xứ của tất cả mọi thứ từ trên xuống, nghĩa là hãy nhìn sự vật từ nguồn gốc đích thực của chúng.

2.

Trong thành phố con số Bốn ngự trị, ngoại trừ trường hợp của Ogdoad, con số Tám ngự trị, nhưng trong trường hợp này con số Tám không là gì khác ngoài con số Bốn gấp đôi. Thành phố Trời có bốn bức

tường và bốn cổng. Bốn bức tường phù hợp với bốn nguyên tố: không khí, lửa, nước và đất; bốn hướng: đông, nam, tây, bắc; bốn thời đại: vàng (Hoàng kim), bạc, đồng và sắt; bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

Truyền thống này muộn hơn vẫn tồn tại như thế trong việc xây dựng các thành phố La Mã, mặc dù người ta không biết rõ tại sao các cổng được đặt tên là *porta aurea* hoặc *porta argentea*. Thành phố Trời đứng chính giữa trời. Mang ý nghĩa sự sống vĩnh hằng bất động, và ai bỏ thành phố, người đó bước vào thời gian.

Thông qua bốn cổng là bốn con đường thẳng dẫn đến quảng trường nằm giữa thành phố. Trên quảng trường giữa thành phố trái tim của thành phố được xây dựng lên, chốn thiêng, nhà thờ. Trong nhà thờ người ta giữ hạt giống của thành phố, là ý nghĩa của toàn bộ cộng đồng; đây là thứ duy trì thống nhất toàn bộ cộng đồng và thánh hóa cộng đồng.

Trong thời trung cổ đây là di tích. Trong thời cổ, hạt giống trung tâm không nhất thiết luôn phải là một sự vật hữu hình, như trong nhà thờ Salamon ở Jerusalem người ta giữ gìn một hòm giao ước hiện hữu: hòm giao ước với các mệnh lệnh của Thượng Đế, mà trên đó sự liên minh giữa Thượng Đế và con người được duy trì, hay đây là cuộc hôn nhân giữa tinh thần và thiên nhiên.

Bởi vì thành phố không thể dựng lên từ bất kì một quan điểm độc tôn nào - và có thể đặt ở một vị trí phù hợp với mục đích lợi ích vật chất. Dấu hiệu nhận biết đặc tính của một vị trí siêu việt là một mảnh nào đó của đất có khả năng làm bạn đời cho tinh thần hay không, mảnh đất ấy có khả năng hay không bộc lộ các sức mạnh tinh thần - hoặc có khả năng hay không để đất có thể tiếp nhận bạn đời và trở thành bạn đời hôn nhân của tinh thần Trời.

Điều kiện đầu tiên của sự sống và sự phồn thịnh của thành phố là vị trí siêu việt, nơi có một ngọn núi chỉ dẫn những dấu hiệu của Trời, có nguồn nước, hoặc sông hoặc có dòng chảy ra biển. Đất là âm, tinh thần là dương. Đất là người đàn bà, tinh thần là người đàn ông.

Khải Huyền (Apokalipsis) đặt tên Jerusalem Mới là cô dâu của Con Chiên. Đời sống siêu việt của thành phố chỉ có thể diễn ra ở đây, nơi các sức mạnh tinh thần kết hôn với đất, bởi vì thành phố là bản sao của thế giới, là nhịp điệu của thế giới, dẫn dắt đời sống và duy trì nó trong đó. Một âm một dương - như trái tim của vũ trụ đập, trái tim của cộng đồng trong thành phố cũng cần đập như vậy.

Giữa thành phố trong nhà thờ người ta giữ gìn liên minh các thần linh với dân chúng trong một hình thức như thế nào đây: đây là vị trí thực sự của cộng đồng, là chốn thiêng. Chốn thiêng phù hợp với *purusa* trong sinh linh người, với tia lửa đời sống bất tử; hoặc với *luz*, tùy xương bất tử và không bao giờ tiêu diệt nổi, mà mỗi con người đều giữ trong bản thân nó, bởi vì từ *luz* con người một lần nữa được thoát ra khỏi thân thể con người.

Không xa nhà thờ lắm là lâu đài của nhà vua có thể trên đồi hoặc trên núi. Những ngôi nhà của cận thần đẳng cấp tinh thần hoặc đẳng cấp cầm quyền mọc lên xung quanh lâu đài. Ở đây có tiền sảnh của các bậc tiền bối, và ở đây có các nhà thờ của các vị thần linh.

Trong mọi thành phố cần có nước sống, như thể nước nguồn; nếu không, cần có một cái hồ nhân tạo tượng trưng cho sự có mặt của nước. Trong thành phố cần một nhà thờ, ở đó người ta giữ gìn lửa vĩnh cửu. Các trinh nữ phục vụ đều đặn cho việc giữ lửa này. Ở Athen hay La Mã cũng đúng như vậy, như ở Mexico hay ở Kuzko.

Trong thành phố người ta sắp xếp một cách có quy định các nhà ở, chỗ làm việc, hiệu buôn bán, nhà trọ, trại lính, nhà ở của các thương gia, của các chủ công thương và công nhân. Cạnh các cổng nhà có người canh giữ. Xung quanh lâu đài người ta trồng, chăm sóc vườn bằng hoa và những loại cây có vòm.

Người ta đẩy ra xa khỏi thành phố những kẻ bẩn thỉu và bọn tội phạm. Các ngôi nhà chỉ có thể xây dựng trong một trật tự định sẵn, bởi vì nhà không là gì khác ngoài hình ảnh thu nhỏ của thành phố: giống như trong thành phố con số Bốn thống trị trên các ngôi nhà.

Sự khác biệt giữa con người cổ và con người lịch sử ở khía cạnh thành phố như sau: con người lịch sử nói, thành phố do sự đông đảo của nhà cửa tạo thành, con người cổ nói, trước tiên có thành phố, và ngôi nhà không là gì khác ngoài thành phố thu nhỏ, nơi sự sống độc lập của nó chỉ về mặt vật chất, còn về mặt tinh thần không có.

Tinh thần sống trong cộng đồng lớn và tổng quát. Sự khác biệt này ở đây giữa nhân loại cổ và nhân loại thời lịch sử về nhiều điều khác, rất cơ bản.

3.

Schuler viết, thành phố trong đời sống dân chúng: *“thực chất là sự che chở của sự sống...”* - Một lần một nhà thông thái nói, quyền lực chỉ thực hành nổi trên đầu một người ngoại tỉnh... Khái niệm thành phố do một từ Hi Lạp mà ra *asztü*, nghĩa của nó giống từ Hi Lạp *vestisz*, có nghĩa là trang phục, che đậy, trái ngược với từ Hi Lạp *polisz*, nghĩa là trung tâm chính trị... Các thành phố Ấn Độ cũng nói lên ý nghĩa bí truyền của nó mà nền tảng xây dựng là chữ *Vạn*”.

Hình ảnh tượng trưng và phù hợp của linh hồn điên dại và hoang dã là rừng và biển; hình ảnh tượng trưng và sự phù hợp của linh hồn đã thuần hóa và đứng dưới sự giáo dục là khu vườn và đất đã cày.

Linh hồn đã chuyển hóa thành tinh thần không phù hợp với cảnh tượng của thiên nhiên; đây là hình ảnh linh hồn đã hoàn toàn được dạy dỗ, nâng cao lên khỏi vật chất: thành phố. Linh hồn hoang dại sống vô thức trong rừng và trên biển; linh hồn thức tỉnh và mở ra sống trên mặt đất; linh hồn tỉnh táo và mở sống trong thành phố.

Schuler hiểu như vậy khi nói thành phố là sự che chở của sự sống mở, và hiểu như vậy khi nói chỉ thực hành được quyền lực đối với người ngoại tỉnh.

Dân thành phố không cần đến roi vọt của quyền lực. Họ tỉnh táo, sáng sủa, mở và tự do. Và con người sống trong thành phố không bao giờ, ngay cả cuối thời kì đen tối cũng không tha hóa đến mức từ sự cởi mở và tự do này lại không giữ lại một chút gì đấy. Thành phố là trang phục và sự che đậy của sự sống mở và tự do này.

Sự sống mở sáng sủa Thượng Đế này phần lớn được thể hiện sống động trong hình dạng một vị nữ thần của các thành phố cổ. Ở thành Troja thiêng có nữ thần Helena, bị quân đội Hi Lạp đến bắt cóc; Nữ thần của Pallas Athen sống như vậy ở Athen, ở Epheszosz có nữ thần Artemisz.

Nữ thần là tia lửa được gìn giữ trong trái tim thành phố, và đưa lại cho thành phố tính chất siêu việt, hay nói cách khác, cho thành phố ý nghĩa. Các nhà thờ, các bức tượng, các đường phố, nhà cửa, tường thành là trang phục và là đồ trang điểm của nữ thần, bởi vậy từ *asztu* hay *vestis* nói lên bản chất sâu sắc hơn của thành phố vì thế.

Có thể thấy ở khắp mọi nơi những phân tích ý nghĩa của thành phố và ngoại ô trong thời cổ, và tồn tại tiếp trong thời lịch sử, đến tận khi chủ nghĩa lãng mạn kiểu Rousseau lật ngược trật tự giá trị cội nguồn của nó. Thế là từ lúc đó trở đi nhân loại tin một cách mù quáng là đời sống nông thôn không chỉ có ở đẳng cấp cao hơn mà còn nằm trong bản chất ban đầu nữa.

Không gì nêu rõ hơn ý nghĩa thời cổ bằng truyền thuyết Hiram. Hiram là nhà kiến trúc sư xây nhà thờ ở Jerusalem, là một trong những hiện thân mang hình dạng người của thần Mặt Trời. Ngài là kẻ trong khi xây nhà thờ đã cất giấu bí mật của sự tạo dựng thế gian trong biểu trưng của các con số và các tỉ lệ.

Nhà thờ được xây dựng trên con số Mười, số Mười có nghĩa là Tất Cả. Nhà thờ, biểu trưng của cái Toàn thể, và như hạt giống của Tất cả, nhà thờ đứng giữa trung tâm thành phố: ai hiểu được kiến trúc này sẽ hiểu được bí mật siêu việt của sự tạo dựng thế gian.

Hiram là hình tượng huyền bí của bậc thầy kiến trúc sư cổ, kẻ đến một viên đá cũng không cho phép di chuyển nếu không hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng siêu việt của nó. Nhà thờ mang ý nghĩa vũ trụ, là thành phố bao quanh thành phố, là thành phố tinh thần, nơi các linh hồn đã giải thoát, đã mở và thức tỉnh sống trong đó.

Muộn hơn, một phần của truyền thống cổ, phái Thập tự Hoa Hồng đã dạy như sau: *“Thành phố sinh ra từ tinh thần của thiên đàng đầu tiên. Thiên đàng đầu tiên này là chốn của niềm vui, sự sống là niềm vui ở đó, đến một giọt đắng cay cũng không có trong đó. Tinh thần ở đây đã vượt qua tác động của vật chất, vượt qua trạng thái của trần gian, và tất cả những gì tốt đẹp đã trải qua trên trần thế, nó hít vào trong nó và thánh hóa.*

Đây là chốn của bình yên, và đời sống càng khó khăn, đáng vật lộn bao nhiêu sự bình yên đầy niềm vui ở đây càng lớn bấy nhiêu. Đây là nơi các tư tưởng của các linh hồn xây nên Thành phố Thiên. Những ngôi nhà tuyệt vời nổi lên giữa những con đường đầy hoa và các khu vườn. Từng viên gạch của những ngôi nhà Trời đều được làm ra từ chất liệu tư tưởng tinh thần tinh túy. Nhưng các ngôi nhà này ở đây cũng hiện thực và hiện hữu như các ngôi nhà vật chất trên trần gian”.

Thành phố là hình ảnh cổ của cộng đồng người đã được tinh thần hóa, nơi cộng đồng sống trong trật tự của định luật Thượng Đế. Thành phố thể hiện cái trật tự này, cái đời sống chung này và cái sự sống đã tinh thần hóa này, dù là thành phố Trời, hay thành phố Trái Đất. Nếu con người nhìn từ góc độ siêu việt: khuôn mặt của linh hồn chung nhiều nhưng thực ra chỉ một. Đã thống nhất. Sự sống vũ trụ và siêu việt trong đó tất cả mọi linh hồn là một.

Biểu tượng của sự sống siêu việt này từng là đá đã được linh hồn hóa (lithosz empszükhosz). Đây là đá để con người xây lên thành phố của những kẻ hạnh phúc, nhưng là thành phố mà đá cũng là linh hồn của thành phố trên trần gian. Nếu con người nhìn thành phố từ góc độ thiên nhiên, lúc đó thành phố là Magna Mater, Nữ thần Mẹ bảo vệ, nuôi dưỡng và chăm sóc. Con người cho dù nhìn từ góc độ siêu việt hay từ

góc độ thiên nhiên, thành phố trong mọi trường hợp vẫn là chốn của sự sống vũ trụ, mở, tách khỏi vật chất và đã tinh thần hóa.

Thành phố cùng lúc là chốn của sự sống cộng đồng nữa. Cộng đồng với màu sắc đa âm tự thân chỉ có thể bộc lộ trong thành phố. Sự đa âm này nếu méo mó sẽ trở nên phức tạp; nếu sự đa âm này sống trong trật tự tinh thần, nó là bản giao hưởng của sự sống hoàn hảo.

Một cộng đồng phức tạp và rối loạn: đám đông; đám đông nổi loạn, biểu tình, cướp bóc, tàn phá, gây ồn ào, gây náo nhiệt. Trong thành phố những tham vọng làm chủ tăng dần sẽ nuốt chửng và phá vỡ cả cộng đồng lẫn thành phố. Nhưng nếu cộng đồng sống trong ánh sáng của sự tỉnh táo, lúc đó nó sẽ đạt được sự sống vũ trụ và mở.

Đây là một đời sống giao hưởng. Mọi đa âm cùng vang lên, từ dân chúng tỏa sáng điều mà Ramakrishna nói khi bước vào cánh cửa Benares: *“Tôi cảm thấy toàn bộ tâm linh siêu việt ngập tràn con người tôi”*.

4.

Thành phố là hình thức cao nhất của sự sống cộng đồng. Bởi vậy thần Mặt Trời-Hiram kiến trúc sư bậc thầy xây dựng nên thành phố; bởi vậy sống giữa trung tâm là Helena, người đàn bà đẹp siêu linh; bởi vậy người ta nói các thiên thần dạy con người xây dựng thành phố; bởi vậy thành phố là cô dâu của Con Chiên; bởi vậy thành phố trần gian là bản sao của thành phố Trời.

Thành phố là nơi ở của cộng đồng người đã được tinh thần hóa, đời sống đa âm giao hòa hài hòa là sự sống siêu việt và mở. Bởi vì thành phố là chốn mà trật tự và sự sống của nó hoàn toàn tách khỏi đất, nơi đến từng viên đá cũng đã được tinh thần hóa, ở đây không bao giờ

còn phương cách để sử dụng quyền lực đã lộng hành trên đầu con người sống trong thiên nhiên vật chất.

Thành phố không cần lãnh đạo bằng quyền lực, mà cần dẫn dắt bằng tinh thần. Đây là công cụ thống trị phù hợp với sự sống đã tinh thần hóa. Điều này người xưa gọi là *ars regia*, là nghệ thuật của vua chúa, bởi không phải sự hà khắc, trừng phạt mà là một tri thức cao cả: nghệ thuật.

Ars regia chỉ có thể có ở nơi nào quyền lực vô tận của các sức mạnh vật chất và trần thế chấm dứt. Ở nông thôn, nơi đất, làng, kinh tế là chủ, không thế, bởi ở đó quyền lực của các sức mạnh vật chất và đất vẫn đầy đủ. Ở vùng nông thôn đời sống từ vật chất vẫn chưa nâng cao, trộn lẫn với đời sống từ thế giới tinh thần bị thoái hóa trở lại. Phần lớn đời sống vẫn nằm dưới ảnh hưởng của các sức mạnh vật chất, và vì vậy một cách phù hợp chỉ có thể bằng sức mạnh, sự hà khắc, sự thô bạo, nghĩa là bằng quyền lực thống trị mà thôi.

Trong thành phố, quyền lực của các sức mạnh vật chất và đất bị đẩy lùi ra phía sau: thành phố là chốn thiêng, nơi các bức tường thiêng bao quanh, các đường phố cắt thành phố ra khỏi đất vật chất. Từ nền tảng sự dạy dỗ của các kiến trúc sư siêu việt bậc thầy, thành phố đã nâng khỏi mặt đất.

Không bao giờ còn là vật chất nữa. Quyền lực của các sức mạnh đất ở đây đã bị chấm dứt. Thành phố không phục vụ cho các sức mạnh vật chất, mà phục vụ cho tinh thần: hãy theo đấy mà sống, đấy là ý nghĩa, tinh thần dẫn dắt, điều này mang ý nghĩa nữ thần sống trong tim thành phố, người là cô dâu của tinh thần.

Ai có ý định dịch tri thức của từ *ars regia* ra ngôn ngữ thời nay theo nghĩa của từng từ, sẽ làm mất đi ý nghĩa siêu hình học thực sự của nghệ thuật mang tính chất vua chúa. Các hình ảnh tượng trưng, các tương đồng, các truyền thuyết, các mối quan hệ siêu việt đã mờ nhạt, một phần đã bị mất hoàn toàn. Cho dù tri thức của từ này là mối liên hệ

chuỗi của các lĩnh vực: hình ảnh tượng trưng, tương đồng, truyền thuyết, siêu hình học.

Thành phố là lời tuyên bố hoàn toàn của đa âm cộng đồng, và có *ars regia* dẫn dắt, duy trì đời sống của thành phố, và cũng đa âm như cái dẫn dắt nó, sự sống. Bởi vậy cần từ bỏ ý định dịch các khái niệm cổ. Các hình ảnh trong đó người xưa giữ gìn nghệ thuật mang tính chất vua chúa, hãy để nguyên, và từ *ars regia* cũng giữ nguyên sự thần bí mà con người cổ đã biết.

Truyền thuyết nói về sự ra đời của thành phố. Truyền thuyết này giữ gìn ý nghĩa của sự thành lập. Bởi vì ý nghĩa của nông thôn, vùng ngoại vi luôn chung chung và ở mọi nơi đều như vậy; nhưng trong sự xuất hiện của tất cả các thành phố có một bí ẩn chủ quan riêng mang tính chất cá nhân và một lần duy nhất. Tất cả mọi thành phố được hoàn thành bằng một ủy thác duy nhất, và ủy thác này là của thành phố đó, giống như số phận và tính cách ở từng con người cá nhân.

Truyền thống còn gìn giữ kỉ niệm của những sự việc làm mang tính chất anh hùng. Người anh hùng trong buổi ban đầu của thời gian đã chiến thắng con rồng. Chiến thắng rồng có ý nghĩa như chiến thắng thiên nhiên vật chất: chiến thắng những đam mê trần thế, những sức mạnh ma quỷ vật chất.

Rồng là lính canh của cây đời sống, nó ngồi giữa những cái rễ cây. Cây của đời sống - là cây vũ trụ mang tính chất siêu việt, là tri thức siêu hình học và là sự tỉnh táo. Nữ thần cây-kore *koszmou*, Trinh Nữ Thế gian, là *Heszperiszek* hay *Pallasz Athene*, *Andromeda* hay *Ariadne*. Ai chiến thắng con rồng người ấy giải phóng sự trinh trắng. Bởi vì sự trinh trắng trong giam cầm của rồng bắt buộc phải phục vụ cho lũ ma quỷ: cái Tôi tâm linh chừng nào chưa được giải phóng vẫn bắt buộc ở bên dưới sự sống của thân xác.

Giải phóng sự trinh trắng và tiêu diệt con rồng không là gì khác ngoài việc áp dụng các sức mạnh huyền bí vào sự nhập định. Ai đã trải qua sự nhập định, chiến thắng được con rồng trong bản thân mình, giải

phóng sự trinh trắng, sẽ là chủ nhân của cây Đời Sống. Giữa những cái rễ của cây nảy sinh nguồn sống, thứ nước trong sạch, không bao giờ cạn, nước của sự bất tử. Ai sử dụng sự nhập định vào hiện thực thế gian, tham gia sự sáng tạo thế giới tinh thần, như vậy giải phóng thế gian khỏi sự thống trị của các lực lượng vật chất.

Nhưng chỉ kẻ trước tiên chiến thắng được con rồng trong bản thân nó, kẻ đó mới chiến thắng được rồng trên thế gian. Người anh hùng là một loại sinh linh người như vậy, kẻ đã bước qua ngưỡng cửa đáng nguy hiểm nhất của sự nhập định, được giải phóng và được thánh hóa.

Thánh hóa chỉ có nghĩa như sau: phó mặc toàn bộ bản thân cho sự sắp xếp của các sức mạnh thần linh, để con người có thể và hãy trở thành lời tuyên bố trực tiếp của các sức mạnh tinh thần. Ai đạt được điều này, là đạt tới con Đường.

Đây là cái mà truyền thống Trung Quốc gọi là Đạo. Đạo nghĩa là không bao giờ cần hành động nữa, không bao giờ cần làm gì nữa, hoàn toàn tháo bỏ nỗi đam mê hoạt động, để con người không cần sự duy trì vẫn biết sống có trật tự trong sự phục vụ các sức mạnh Thượng Đế.

Người nào đạt tới Đạo, không bao giờ cần hành động nữa, mà trở thành công cụ của Thượng Đế, và là kẻ thực hiện các hành động của Thượng Đế. Đây là người anh hùng, là công cụ của tinh thần Thượng Đế; đây là kẻ chiến thắng con rồng, Herakles, Perszeus, Theszeusz; là kẻ giải phóng sự trinh trắng; người anh hùng, kẻ đã tìm ra nguồn đời sống, làm nước phụt lên từ sa mạc, và cho nhân loại thứ nước này để uống.

Khi linh hồn anh hùng chiến thắng con rồng và giải phóng sự trinh trắng, nó kết hôn với sự trinh trắng. Người anh hùng làm hôn phối với Trinh Nữ Thế gian. Trinh Nữ là chính thế gian, là người Mẹ, là Magna Mater. Đây là tội loạn luân huyền bí, khi người anh hùng (heros) lấy mẹ ruột của mình làm vợ.

Đây là dấu hiệu của sự quay trở lại lớn: sự ăn năn (metanoia). Ý nghĩa của sự quay trở lại, là sau khi đã chiến thắng con rồng, linh hồn

anh hùng hợp nhất của sự trinh trắng: quay lại. Quay trở lại với Mẹ. Không phải ra bên ngoài mà vào bên trong, về phía cội nguồn, về phía những cái rễ, về phía tinh thần và Thượng Đế.

Ý nghĩa của sự loạn luân huyền bí: sự quay đi với các ảo ảnh của thiên nhiên vật chất và sự thức tỉnh với thế giới tinh thần. Và sự thức tỉnh với thế giới tinh thần chỉ có nghĩa gần đây: đánh thức trong con người cái Tôi thần thánh, cái Tôi con người vũ trụ.

Vở kịch huyền bí này nằm trong trái tim của thành phố. Đây là tâm linh của sự sống thành phố, và cũng là ý nghĩa của nó. Sống trong thành phố có nghĩa là trở thành một bộ phận của huyền bí này. Sự sống thành phố thực ra mang nghĩa sau: con người tham dự vào sự nhập định tập thể.

Sự nhập định là *ars regia*, là nghệ thuật mang tính chất vua chúa, sự nhập định mang tên như vậy bởi vì người nghệ sĩ là cái đầu của đẳng cấp: vua chúa. Nhưng *ars regia* không phải là sự hoạt động; mà chính là sự đối lập của nó.

Đây là việc dự phần vào vở kịch huyền bí. Vua không phải là nghệ nhân của vở kịch, và sự nhập định tập thể do vua điều khiển, vua là hình ảnh tấm gương và biểu trưng của linh hồn anh hùng, là người trong các động tác huyền bí dâng hiến, cầu nguyện, làm lễ, rửa tội, xưng tội, tổ chức ngày lễ thay cho cả thành phố.

5.

Trong thời gian mang tính chất lịch sử, thành phố rõ ràng đã đánh mất ý nghĩa của nó như thống trị hoặc quyền lực, vua chúa hoặc đẳng cấp hoặc nhân dân. Thành phố trở thành nơi chung sống bên ngoài một cách thuần túy. Sự sống huyền bí giờ đây không còn ai hiểu nữa. Cho

dù gần như trong mọi thời gian đều từng có những nỗ lực chăm chút tinh thần cổ trong một hình thức nào đấy.

Trong thời Trung cổ từng có vô cùng nhiều những nỗ lực như vậy, nhưng vai trò của từng cổ gắng đó không vượt qua nổi các hình thức cộng đồng lẫn trốn, tránh gọi sự nghi ngờ. Trong các cộng đồng bí mật ấy, lời tuyên thệ trộn lẫn nhau nằm trong các bí mật của việc xây dựng thành phố, và các cộng đồng thành phố cổ chỉ duy trì cái khung bên ngoài của nó mà thôi.

Thành phố có ý nghĩa gì trong đời sống con người, có thể nói, cộng đồng bí mật như vậy có thể tìm thấy ở các nhóm người hoàn toàn đã bị thoái hóa trở lại, ở những người nguyên thủy. Những nhóm người này đã bị đứt đoạn với mức đời sống cao từ hàng nghìn năm, và đắm chìm vào thiên nhiên vật chất cũng đã rất lâu rồi.

Nhưng, gần như ở tất cả các bộ lạc Papua, Da Đen, Da Đỏ vẫn còn các nhóm đàn ông bí mật, mà ở đó huyền bí của sự sống cổ vẫn có thể nhận ra từ các hình dạng méo mó của các quy tắc, nghi lễ, từ ngữ, phong tục. Các nhóm Mặt Trời khác nhau ở người da đỏ Bắc Mỹ cũng nói lên điều này; các nhóm Trinh nữ Thế gian ở Úc cũng vậy. Ở châu Âu Hội Tam Điểm và các hội có họ hàng với hội này giữ khá nhiều điều từ truyền thống, nhưng hoạt động của họ phần lớn chỉ dùng để tranh chấp các vị trí quyền lực mà thôi.

Một dấu vết khác của *ars regia* trong thời kì lịch sử, từ tác phẩm *Politeia* của Platon trở đi đến tận tác phẩm *Civitas Dei* của Augustinus, *Nhà nước Mặt Trời* của Campanella, *Atlantia* Mới của Bacon, *Utopia* của Morus cho đến cấu trúc cộng đồng nhân tạo và trừu tượng mới đây nhất, nói chung người ta đều gọi là không tưởng (utopia).

Không tưởng duy trì truyền thống của việc xây dựng thành phố tinh thần, mà, tất nhiên nó không hề biết, không hề nhớ lại gốc rễ huyền bí tâm linh của thành phố cổ, dù không tưởng ở Platon và Augustinus vẫn còn chưa quên hẳn nguồn gốc của nó. Nhưng từ thời hiện đại trở

đi, không tưởng chỉ còn là một kết cấu hợp lí hóa vô nghĩa, một hình dung ấu trĩ và phi hiện thực.

6.

Thành phố là chốn của sự hình thành cộng đồng người siêu việt, nhưng thực ra không phải một chốn, mà là sự thống nhất hài hòa, tinh tảo và mở của sự sống đa âm. Bởi vậy trong thời Trung cổ người ta cho rằng thành phố không phải là Cha và Con, mà là linh hồn Thiên: không phải là Tạo Hóa, không nhân danh Đấng Chuyển Hóa và Giữ Gìn, mà nhân danh sự nâng đỡ và thống nhất lại một thế gian đã bị đắm chìm và tan rã, nhân danh cách thức giải quyết cuối cùng của sự sống.

Ở Ai Cập cổ người ta dạy rằng thành phố là *szahu* của cộng đồng. *Szahu* có nghĩa là thân xác tinh thần vĩnh cửu, là ánh sáng được vinh danh, là kẻ thành công trong việc tinh thần hóa vật chất giao cho nó và chuyển hóa thiên nhiên rơi vào nó. Việc tinh thần hóa và chuyển hóa không phải là nhiệm vụ của số phận cá nhân con người - Mục đích của con người không phải là chuyển đổi bản thân mình.

Sự chuyển hóa đối với nhân loại siêu việt một lần và mãi mãi là nhiệm vụ chung và chỉ có thể thực hiện được một cách chung, cùng nhau. Nhiệm vụ của nhân loại siêu việt là đem trái đất trả lại chỗ đó, nơi ở buổi ban đầu của thời gian, thời kì vật chất hóa, nhân loại đã đem thiên nhiên theo mình. Con người cần tinh thần hóa toàn bộ thiên nhiên.

Quá trình tinh thần hóa này cần tiến hành một cách tinh tảo và sáng sủa trong thành phố. Trong thành phố tất cả mọi hoạt động đời sống cần có trong hiện tại, nhưng mỗi hoạt động lại cần tăng dần mức độ tháo gỡ khỏi vật chất. Vì vậy thành phố là biểu tượng của toàn bộ đời sống trần gian, hòa làm một với biểu tượng trời, đá vật chất, với

lithosz empszükhos, thành phố làm từ đất với thành phố trời, ngoại ô với nội thành, với Brahma-pura, Ogdoad và Ta Csien.

Thành phố là một chốn tích cực của *asa*-điều thiện. Người ta gom góp vàng ở đây. Gom góp *thelesma*. Vua là người anh hùng của thành phố, là Theszeusz giết rồng là Herakles và Horus và Brahma và Kecalkoatl, như các truyền thống khác nhau gọi tên khác nhau. Vua là người mang sự sống cơ bản nhất.

Trong thành phố một lần nữa thực hiện sự sống cổ: sự sống đầu tiên và siêu việt trong cộng đồng vũ trụ. Bởi vậy thành phố là *szahu* của cộng đồng, cộng đồng bất tử, vĩnh cửu, một cơ thể tinh thần được vinh danh.

Bởi vậy Hiram cắt đứt thành phố khỏi đất bằng bốn bức tường và lát đá trên mặt đất và nền nhà, để thành phố hãy tách rời khỏi đất và hãy hoàn toàn nâng cao hẳn lên.

Thành phố là một cơ thể: một cộng đồng tái hòa nhập, một cơ thể của sự đông đảo quay trở lại sự thống nhất, là thứ tự xác định mình tách khỏi thế giới vật chất, và tất cả mọi góc của nó đều bị khóa, chỉ mở lên về phía trên.

V. Nhân dân

1.

Cái tư duy mang tính lịch sử đặc biệt người thời hiện đại gọi là khoa học là những nhân tố lớn của sự sống bằng trí tuệ của cái Tôi cá nhân, chứ không phải bằng trực giác trực tiếp của con người vũ trụ luôn nỗ lực nhận thức. Bởi sự khởi đầu lộn ngược, nên cần phải đi đến một kết quả cũng lộn ngược. Và thế là quan niệm cho rằng cội nguồn của sự sống ở bên dưới đã hình thành; và thế là cái tư tưởng: sự tiến bộ hoặc sự phát triển đi từ dưới lên trên đã hình thành.

Cũng đủ nếu con người suy nghĩ lại điều Saint-Martin nói về định luật hấp dẫn của Newton, một định luật đã trở nên giáo điều một cách không lay chuyển nổi của quan niệm về thiên nhiên trong thời hiện đại. Định luật hấp dẫn này nảy sinh từ một sự hiểu lệch cơ bản. Newton cho rằng các vật rơi xuống vì sức hút của trái đất. Saint-Martin trái lại cho rằng, lực mang tính chất cực: sức hấp dẫn của trái đất hoàn toàn song song với nỗ lực trở về trọng tâm của các vật. Hành động quay trở lại lực trọng tâm của trái đất trong rơi tự do cũng mang đúng đặc tính như sức hút của trọng tâm. Các vật không “rơi trở lại trái đất” từ sự thụ động thuần túy mà là một nỗ lực quay lại trọng tâm “từ sự chủ động của nó”.

Trong một thứ khoa học đi hầu hạ cho trí tuệ của cái Tôi cá nhân: khoa học xã hội, chứa chất đầy sự nhiễu loạn. Nhất cử nhất động trong đời sống cộng đồng đều tồn tại và có từ sự tương đồng chính xác của đời sống bên trong từng con người, bởi vì từng quá trình đều là sự phù

hợp chính xác của thế giới tâm lí học. Và tất cả mọi hiện tượng chỉ có thể hiểu từ góc độ siêu hình học.

Khoa học trái lại, nhìn cộng đồng người như kết quả của một sự phát triển dài lâu (cái gọi là) đời sống là sự thu thập những yếu tố sau: lúc đầu là con người hoang dã cô đơn, tiếp đến là gia đình, từ nhiều gia đình bộ lạc hình thành, từ bộ lạc tiếp đến quốc gia, và cứ như thế tiếp tục cho đến khi trở thành một nhân loại hoàn toàn.

Như thế trong cấu tạo người đầu tiên xuất hiện các tế bào riêng biệt, sau đó tụ hợp thành tế bào nhóm, rồi người ta làm các nhóm phát triển, và trong một trật tự như thế nào đấy người ta sắp xếp thành một thực thể sống.

Truyền thống nhân loại cổ đã từng biết, tổ chức cộng đồng ngay từ giây phút xuất hiện đã không phải đi từ dưới lên, từ thiên nhiên vật chất, mà là từ bên trên, từ ý tưởng tạo hóa siêu việt, từ ý tưởng xuất phát, một cách toàn bộ, giống như trong thời gian là một tổ chức mở rộng nhất. Cộng đồng trong mọi khoảnh khắc là cộng đồng: Một trong sự đông đảo và sự đông đảo trong Một; đây là tổ chức sống, là cộng đồng, là tập thể cổ, là sự hiện thực hóa thiên nhiên vật chất: là nhân dân.

Nhân dân không thể định nghĩa được vì nó không phải là khái niệm. Nhân dân không do ngôn ngữ chung xác định: ngôn ngữ chung cũng do nhân dân tạo ra. Nhân dân không do số phận chung quyết định: số phận chung do nhân dân tạo ra. Nhân dân không do chủng loài xác định: chủng loài là dấu hiệu đời sống học của đời sống chung của nhân dân. Nhân dân không do chỗ ở chung xác định: chỗ ở chung là hệ quả cần thiết của đời sống nhân dân. Các nhân tố bên ngoài không làm nên nhân dân, bản thân nhân dân tự vượt lên những yếu tố bên ngoài và là điều kiện đầu tiên của những điều khác. Nhân dân là hình ảnh cổ của sự sống cộng đồng nguyên sơ. Nhân dân là tính chất tập thể cổ.

Một số người linh cảm một điều gì đấy từ thế giới cổ, nhất là những người dù chỉ trong những nỗ lực nhỏ, nhưng nhận biết về truyền

thống, và đặc biệt, những người kiên quyết từ bỏ các định nghĩa khoa học thời hiện đại và tự tin với trực giác của họ ví dụ ở châu Âu có Böhme, Saint-Martin, Baader, hoặc gần đây nhất, trong nhiều lĩnh vực là Goldberg, họ nhìn thấy rất rõ, nhân dân không phải là kết quả của (cái gọi là) sự phát triển muộn màng, mà chính là nhân tố đời sống đầu tiên.

Goldberg, dù bằng thuật ngữ khoa học đi chăng nữa, vẫn nhấn mạnh rằng nhân dân có nguồn gốc tâm linh, và trong đời sống nhân dân những nhân tố quan trọng nhất: ngôn ngữ, truyền thuyết, đạo đức, phong tục, đạo luật, ngoài con đường tâm linh ra không thể hiểu được bằng con đường khác.

“Sự sống của nhân dân không không giải thích nổi từ thiên nhiên vật chất, mà sự sống của nhân dân mâu thuẫn với tất cả những gì có từ thiên nhiên vật chất, hoặc xuất hiện từ đấy. Nhân dân không xuất hiện từ thiên nhiên mà đứng đối diện với thiên nhiên”.

Nhân dân là hình thức sự sống vũ trụ của cộng đồng: như có con người cá nhân và con người vũ trụ, có cộng đồng mang tính thiên nhiên và cộng đồng mang tính vũ trụ. Nhân dân mang tính chất vũ trụ siêu việt, hay nói cách khác là hình thức sự sống tinh thần. Sự sống của nhân dân luôn và trong mọi trường hợp, như Goldberg nói: bản chất của sự hoàn thành sẽ tăng dần đặc trưng cho nó.

Nhiều con người cùng nhau chưa phải là nhân dân; nhân dân chỉ là một cộng đồng thực sự trong đó sự hoạt động của con người biết nhân lên và thực chất có tăng lên. Nói theo ngôn ngữ siêu hình học và chính xác: nhân dân là một cộng đồng thật sự, ở đó sức sống của con người cá nhân tăng dần lên cùng nhiều người khác, bởi sự sống cộng đồng mang một cường độ lớn mà đời sống cá nhân không thể so bì: sáng sủa hơn, cao hơn, tinh thần hóa, mang tính cội nguồn cao.

Con người cá nhân không bao giờ biết và không thể biết tạo dựng ngôn ngữ, huyền thoại, nghệ thuật, đạo đức. Ngôn ngữ, huyền thoại, đạo đức là sáng tạo của nhân dân: là sự nở hoa và tỏa rạng ngời của

cường độ sự sống chung. Chính điều này tách nhân dân ra khỏi một đồng người trần trụi.

Sự đông đảo trần trụi-đám đông, nói lên sự suy thoái của sự sống cá nhân, còn nhân dân, một cộng đồng cổ có nguồn gốc tâm linh-tinh thần, là sự sống cá nhân của người đã tăng trưởng. Một kẻ sống trong đám đông trần trụi, nhận thức, cảm xúc, hoạt động, tri thức, giá trị tuyệt đối về đời sống của nó rơi xuống trạng thái mê muội chìm đắm. Nhưng kẻ sống trong nhân dân, về mặt nhận thức, cảm xúc, trong hoạt động, trong tri thức, trong giá trị tuyệt đối, đời sống của nó luôn được nâng lên trạng thái cao hơn.

Sự sống đã nâng cao này thể hiện ra thành ngôn ngữ, là tập quán, truyền thuyết, nhịp điệu sống, nghệ thuật, đạo đức. Còn đám đông chỉ là một sự đông đảo số lượng thuần túy, không phải là một cộng đồng thực chất: chỉ là một đồng người tình cờ nói cùng một ngôn ngữ và sống cùng một nơi, có giới tính khác nhau và mang tính cụ thể. Cộng đồng thực sự là nhân dân do sức mạnh siêu việt tạo dựng và duy trì làm một, là sự thống nhất của các sinh linh cùng loài.

Rất có thể con người và khoa học thời lịch sử không có kinh nghiệm nhân dân, không có bởi đến thời lịch sử, nhân dân đã biến thành đám đông, và tính chất tâm linh của sự sống nhân dân đã chấm dứt. Bởi vậy không có và không thể có truyền thuyết mở; nhịp điệu sống trở thành cái bên ngoài, rồi trở thành sự phô trương; các ngôn ngữ không sâu sắc và không bao giờ được tinh thần hóa nữa, trái lại: ngôn ngữ nghèo nàn đi và khô cứng. Nhân dân bị phân hóa và mức độ cường độ của sự sống bị hạ thấp.

Cộng đồng biến thành đám đông, nơi đáng lẽ đời sống con người mở và nâng cao, lại bị khóa kín và chìm đắm xuống.

2.

Khái niệm về nhân dân thời cổ bắt đầu bị tan rã khi bước vào thời gian của lịch sử, rồi từ từ tan rã hoàn toàn và trở thành đám đông vật chất thuần túy, điều cần biết, là trong cộng đồng người, phi ngoại lệ, ai cũng là thành viên của nhân dân, trừ duy nhất một người: đó là vua.

Vua là người đánh xe, nhân dân là cái xe; vua là *átman*, còn nhân dân là thân thể; vua là linh hồn, nhân dân là thiên nhiên; vua là đàn ông, là dương, nhân dân là đàn bà, là âm. Vua là trời và tinh thần, nhân dân là đất và thiên nhiên.

Các thành viên của nhân dân là giáo chủ, quân nhân, kẻ cầm quyền, hiệp sĩ, quan tòa, thương gia, nông dân, công nhân, người hầu. Nhân dân là một cộng đồng giới tính người, là sự thống nhất nguyên sơ của trạng thái cùng chung sống.

Ba đẳng cấp nhân danh con số Ba, bởi vậy Ba cùng với nhau là toàn thể. Nhưng nhân dân là con số Bốn, bởi vậy nhân dân: là toàn diện. Bởi vậy các vương quốc cổ đều không phải là ba trật tự mà là bốn vương quốc bốn phương: Trung Quốc, Ấn Độ, Peru, Iran, và Ai Cập, bởi vì ngoài Bốn ra còn có sự toàn diện. Nhân dân là sự toàn diện của đời sống cộng đồng, là sự toàn diện của đẳng cấp, mà ông chủ, cái đầu, người chồng, người đánh xe chính là vua.

Vua và nhân dân là hai cực của sự sống, và cả hai cùng gắn bó với nhau. Không thể hình dung nổi thiếu bên này hay bên kia, như không thể hình dung nổi đàn ông thiếu đàn bà, bóng tối thiếu ánh sáng, trời thiếu đất. Vua là Một, đối diện với sự Đông Đảo; nhưng nhiều như nhân dân: Một do vua, kẻ tạo thành một. Bởi thế nhân dân mới thành sự toàn diện.

Trên ngưỡng cửa của thời lịch sử, khi nhân dân bị phá vỡ, vua cũng biến mất. Chế độ vua rơi vào tay *brahman* và chế độ vua biến thành sự thống trị; sau đó rơi vào tay *ksatrija* và biến thành quyền lực thuần túy. Khi dương đã hỏng thì âm cũng suy cùng nó.

Nhịp điệu sự sống giờ đây đứng lại: không còn dương dương âm âm nữa: chỉ một dương, một âm. Những điểm trọng tâm tắt, cường độ

sự sống rơi xuống thấp: mức độ sự sống cần nâng cao của sự sống nhân dân chìm xuống, nhân loại biến thành một đồng người bừa bãi. Trạng thái này Herakleitos gọi là *polloi* - sự đông đảo.

3.

“Thượng Đế có mặt hai lần trong tình bạn - sách thiêng Iran viết - ba lần trong nhóm; năm lần trong gia đình, chín lần giữa các anh chị em; mười lần giữa cha và con trai, và một trăm lần trong quốc gia, một vạn lần trong nhân dân”.

Cái gì là nhân dân, không thể nói một cách chính xác. Nhân dân không phải là sự hiện diện một lần của Thượng Đế, như cái Tôi cá nhân, không phải hai lần, như tình bạn, không phải mười lần như mối quan hệ giữa cha và con trai, không phải một trăm lần như mối quan hệ của những người sống trong một quốc gia. Nhân dân là sự hiện diện vạn lần của Thượng Đế.

Trong *dhaja* - quốc gia chỉ một trăm lần, nhưng trong *daéna* một vạn lần. Nhân dân là sự hiện diện vạn lần của Thượng Đế, hay sự hiện diện vạn lần của nhân loại trong Thượng Đế. Bởi vì với điều này, khi tôi sống trong nhân dân, trong sự sống Thượng Đế không chỉ tôi hiện diện và đại diện cho chính tôi, mà sự sống Thượng Đế còn hiện diện và đại diện cho mọi sinh linh, những kẻ cùng tôi sống trong nhân dân, và tôi đại diện và hiện diện cho tất cả những ai cùng sống với tôi trong nhân dân. Đây là điều đầu tiên: nhân dân là sự linh thiêng và là cộng đồng một vạn lần linh thiêng.

Điều thứ hai: con người không hiểu về cả số phận riêng của mình, không thấy cả sự sống riêng của mình, nhưng dù dờ dẫm và mê muội thế nào đi chăng nữa, con người nhất thiết và luôn biết rằng cái Tôi thật của nó mang khuôn mặt Thượng Đế. Con người không bao giờ có thể

bị chìm đắm sâu đến nỗi không thể cứu vớt, sự tỉnh táo của nó chưa bao giờ tối tăm đến nỗi nó không cảm thấy sự hiện diện của sinh linh Thượng Đế trong chính bản thân nó.

Bởi vậy hình ảnh tạo dựng về Thượng Đế, như Thượng Đế cá nhân, linh hồn bất tử, sinh linh vĩnh hằng, như *átman* ngự trị trong con người, hoặc như *purusa* hoặc linh hồn hoặc cái Tôi tinh thần vẫn liên tục được hình thành trong quá trình lịch sử. Trong thời cổ trái lại, người ta đã từng nhận biết ngay lập tức Thượng Đế sống trong cái Tôi tinh thần của con người, Thượng Đế chỉ có một khuôn mặt giữa nhiều khuôn mặt, và khuôn mặt thứ hai là Thượng Đế sống trong cộng đồng. Một trong nhiều, và nhiều trong một, như một vạn sinh linh cùng nhau, trong duy nhất một khuôn mặt.

Sao lại có thể - Baader hỏi - Thượng Đế trong một cái Tôi cũng sống đúng như Thượng Đế trong một cộng đồng? Đúng, sao lại có thể: Thượng Đế như sự đông đảo của cộng đồng và cũng đúng như Thượng Đế của một cái Tôi?

Có vẻ như Thượng Đế là một cá nhân duy nhất và đồng thời là sự đông đảo vô tận, cái này cũng đúng như cái kia. Đây là sự đông đảo vô tận, nơi Thượng Đế có thật và sống thật sự, và sự thể hiện khuôn mặt Thượng Đế của sự đông đảo cũng đúng như của duy nhất một con người. Và, sự đông đảo này mang tính chất cộng đồng thực chất: nhân dân.

Bởi vậy trong cộng đồng - *daéna*, Thượng Đế hiện diện một vạn lần, có điều này bởi vì nhân dân là sự thể hiện bản chất nâng cao của sự sống, nhân dân là sự sống ngày càng nâng cao so với đời sống của một cá nhân người, nhân dân là cộng đồng linh thiêng, bởi nhân dân là khuôn mặt và sự hiện diện của Thượng Đế, nhưng so với khuôn mặt được hiện diện trong cái Tôi cá nhân, khuôn mặt này có cường độ và sự đích thực không gì so sánh nổi.

Đây cũng là ý nghĩa của mối quan hệ giữa vua và nhân dân. Cả hai sự sống này đều linh thiêng, như sự thể hiện đúp của khuôn mặt

Thượng Đế: vua là MỘT - nhân dân là Vạn, là nhiều. Con người cổ biết rằng MỘT là con số lớn nhất, lớn đến nỗi là cái nhiều vô tận, là cái nhiều không thể đếm nổi, là cái nhiều nhất mà bên cạnh nó không có gì nhiều hơn.

Cái nhiều nhất này bằng MỘT: cái vô tận cũng đúng bằng MỘT, bởi cả hai cái đều là cái lớn nhất. Trong khuôn mặt của sự sống vua và trong khuôn mặt của sự sống nhân dân hai khuôn mặt lớn nhất của Thượng Đế được thể hiện.

Điều thứ ba như sau: sự sống tồn tại trong *daéna*-cộng đồng, không chỉ có nghĩa là khuôn mặt Thượng Đế, là *epiphania*-Thượng Đế, là vạn lần sự hiện diện Thượng Đế, hay là cộng đồng linh thiêng, mà còn có nghĩa là trên thế gian ngoài vua ra trật tự hợp luật duy nhất dành cho con người là sự sống trong nhân dân, bởi vì nhân dân không là gì khác ngoài bản sao trần thế của cộng đồng trời.

Đây là cộng đồng trời, mà sau này tiếng Hi Lạp gọi là *ekklesia*, là cộng đồng của những người đã được chọn lựa, là bản sao trung thành và chính xác của cộng đồng tinh thần, của cộng đồng vĩnh cửu của các linh hồn, của sự hợp nhất từ vĩnh hằng.

Nilus trần thế phù hợp với Nilus trời, Gangesz trần thế phù hợp với Gangesz trời, như đất cũng là đất của trời, biển cũng là biển của trời, bởi vì tất cả những gì hiện hình trong thiên nhiên vật chất đều có hình dạng đúp, hình elip tinh thần, có tương đồng mang tính chất trời, như nhân dân trần thế với nhân dân trời, cộng đồng thiêng của trời.

Sự khác biệt chỉ là: đất, biển, sông, núi, quốc gia, sự phù hợp, mang tính chất trời, còn hình ảnh cổ, ý tưởng - đều chỉ là sự thể hiện. Nhân dân không phải là sự thể hiện, không là lời tuyên bố, mà bản thân nhân dân là Thượng Đế, là khuôn mặt, sự sống, bản chất Thượng Đế, như nhà vua: chỉ có điều, đây không là khuôn mặt của MỘT mà là của NHIỀU, không là dương mà là âm, và sau rốt không là vua mà là: nhân dân.

4.

Tất nhiên khi nói nhân dân là âm, một nguyên tố tối, người đàn bà, đất, thụ động, không chỉ có nghĩa đây là một ẩn dụ thuần túy có thể nói lên điều gì, đây chỉ là sự so sánh hoặc thoát tông ta cứ tưởng như vậy. Nhân loại cổ cho rằng nhân dân là đất, bởi vì có sự phù hợp giữa thiên nhiên vật chất và nhân dân, nghĩa là có sự tương đồng. Sự tương đồng này không nằm trên bề ngoài giống nhau, mà nằm ở nhân tố, là có cùng sự thể hiện tương đồng trong các vòng khác nhau của sự sống một hiện thực tinh thần.

Giữa các thể hiện-lời tuyên bố, ý tưởng như nhau, trong mọi trường hợp đều có một sự phù hợp theo quy luật. Con người cổ không tư duy bất cứ cái gì một cách bên ngoài, bởi vì con người cổ nhìn tất cả theo phương pháp siêu hình học, tinh táo.

Truyền thống dạy con người cổ rằng: để hiểu được hiện thực chỉ *meta ta phüszika*, chỉ với một mức độ vượt quá thiên nhiên mới có thể hiểu được. Chính vì vậy, khi trong thời cổ người ta nhìn thấy sự tương đồng giữa đất và nhân dân, nhân dân và âm, nhân dân và người đàn bà, nhận ra tương đồng giữa nguyên tố phi hình thức nhưng là nguyên tố hình thức hóa, người ta nhận ra rằng, nhân dân phù hợp với thiên nhiên vật chất.

Nhân dân là cái giường của đẳng cấp: trong nhân dân trật tự các giá trị thế gian được thể hiện, và nhân dân mang trong nó sự phù hợp của sự sống người với trật tự của các giá trị. Nhân dân duy trì trong nó các đẳng cấp: tinh thần, hoạt động và các chất lượng sinh sản - duy trì ba *guna*: *szattva*, *radzsasz*, *tamasz*. Nhân dân tiếp nhận trong nó trật tự của thống trị tinh thần, nhân dân chấp nhận quyền lực của trật tự hoạt động, và nhân dân sống trong sự sinh sôi của thiên nhiên.

Nhân dân là khả năng của sự sống người, là nơi và trong đó các giá trị có thể tiếp tục tồn tại và thực hiện, có thể cầm quyền và cai trị,

tăng trưởng và phì nhiêu. Nhân dân là bốn *asrama*, là chốn hoàn thành bốn giai đoạn của đời sống: người học trò *brahman*, người chủ gia đình, người tu hành trong rừng và của đời sống người hành hương. Trong nhân dân thể hiện con số Mười lớn, mười *amsaszpan* và mười *szefiroth*.

Trong nhân loại cổ các bộ lạc phù hợp với con số mười, hoặc bảy, hoặc bốn, nhưng không phải là sự hợp nhất từ mười, hoặc bảy hoặc bốn các nhóm người khác nhau về giới của các bộ lạc khác nhau, mà bởi vì trong đời sống nhân dân đẳng cấp vũ trụ cần thiết phải thể hiện, để tương đồng có thể sống với các giá trị thế gian.

Ở Peru và Ai Cập các con số Ba và Mười ngự trị. Ở Peru sự duy trì đẳng cấp Mười quan trọng đến nỗi một kẻ duy nhất cũng không được bước qua các mức độ của Ajlu-cộng đồng Mười: nếu ở Ajlu đưa trẻ thứ một trăm sinh ra, người ta lập tức chuyển một ai đấy sang Ajlu khác.

Ở Babilon, Kaldea, Palesztin đẳng cấp Mười Hai ngự trị: bởi vậy ở Judea từng có mười hai bộ lạc và phù hợp với mỗi bộ lạc là một con vật trong vòng động vật vũ trụ. Giữa các con vật mang tính chất lửa bộ lạc Juda phù hợp với Leo, bộ lạc Iszakar với con Aries, Zebulon với Sagittarius; đá của Juda là rubi, của Iszakar là hoàng ngọc (topaz) của Zebulon là ngọc lục bảo (smaragd); tinh tú của Juda là Mặt Trời, của Iszakar là Sao Hỏa, của Zebulon là Jupiter.

Các bộ lạc mang tính chất không khí: Efraim là Gemini, Mansze là Libra, Bejnamin là Aquarius. Động thực vật, nghề nghiệp, trang phục của mọi bộ lạc đều phù hợp với đất thiên nhiên, sự hoạt động, nhiệm vụ. Trật tự như vậy cũng tồn tại trên nền tảng tương đồng khác ở Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng và Mexico.

5.

Nếu ở ranh giới của thời gian cổ và thời kì lịch sử sự tan rã của nhân dân là một hiện tượng tự thân, điều đó nói lên rằng đây là một tai họa lớn nhất chạm tới nhân loại trong đời sống thế gian. Nhưng sự tan rã không diễn ra chỉ một mình, thậm chí không một khu vực nào của sự sống người mà tai họa, theo đúng nghĩa đen rơi xuống không cùng một mức độ, một cách khác nhau.

Cùng với sự tan rã của nhân dân, trong cùng một thời gian, xảy ra sự chấn động đẳng cấp vĩnh cửu của nhân loại, xung đột của các đẳng cấp bắt đầu; Chấn động xảy ra - như Khổng tử nói - vua không ra vua, người hầu không ra người hầu, cha không ra cha, con không ra con.

Vua không bao giờ còn là vua nữa bởi vì siêu hình học duy nhất cổ xưa của nhân loại cổ đã mờ nhạt dần và bắt đầu xuất hiện thứ (gọi là) triết học cá nhân; cùng lúc trong sự sống người, sự tỉnh táo của cái Tôi tinh thần ngày càng mờ dần dần, và ý thức cảm tính mê muội của cái Tôi vật chất trở nên thống trị.

Ý thức về nguồn gốc Thượng Đế mau chóng biến mất; sự nhập định biến thành cái bên ngoài trần trụi, sau đó trong những cái bên ngoài nó cũng chỉ còn là những hội nhóm bí mật ẩn náu. Những hội nhóm này bắt đầu bị các quyền lực cầm quyền, quyền lực cai trị, kinh tế và phục vụ xua đuổi. Khái niệm phi thời gian từ đời sống nhân loại sau một vài thế hệ đã hoàn toàn bị đánh mất, thay thế vào đó là ý thức lịch sử - một sự bức bối liên tục.

Con người không hiểu biết bao nhiêu về sự nhất quán và các mối liên quan khăng khít, bởi vậy về một hiện tượng duy nhất con người cũng không hiểu nổi. Khi chỉ nói về sự tan vỡ của nhân dân, biết bao nhân tố ẩn náu trong đó cùng xuất hiện: bên cạnh cộng đồng là khái niệm siêu hình học, hệ thống phân cấp, linh hồn, sự tỉnh táo và đẳng cấp.

Sự sống của nhân dân dành cho cộng đồng người một khả năng để ngôn ngữ của họ trở nên sâu sắc và cơ bản, để họ có nhịp độ sống, có truyền thuyết, có vua, có trật tự đời sống phân cấp và có đạo luật. Sự

sống của nhân dân luôn tạo ra điều kiện bởi vì nhân dân là *epiphania* của tinh thần Thượng Đế trong cộng đồng người: là duy nhất có thể, và vì vậy nhân dân là hình thức sự sống hợp luật duy nhất của cộng đồng.

Sự sống của nhân dân tạo khả năng để đời sống con người cá nhân tăng trưởng lên dần và tiếp xúc được với hiện thực siêu việt. Nhưng - ở đây tiếp theo một quá trình đã xác định - sự sống của nhân dân cũng tạo khả năng cho một điều khác nữa. Trong sự sống nâng cao, tích cực, là sự hiện diện vạm vỡ của tinh thần Thượng Đế, con người không sống trong thiên nhiên vật chất - không chìm đắm vào vật chất, mù quáng, hầu hạ cho các sức mạnh vật chất, mà đứng trên vật chất: bay lơ lửng bên trên thiên nhiên, như ngay từ đầu đã là ông chủ của thiên nhiên.

Và điều quan trọng nhất trong toàn bộ: trong sự sống người các sức mạnh thiên nhiên trở thành kẻ hầu cho con người. Các sức mạnh vật chất trong sự sống này tan ra và yếu đi, và quyền lực đen tối nguy hiểm của chúng cũng bị mất trước con người.

Nhân dân không xuất hiện từ thiên nhiên mà đứng đối diện với thiên nhiên. Nhân dân không từ dưới phát triển lên mà bay từ trên xuống. Sự phù hợp với đặc tính người không có: sự phù hợp của nó là *daéna*-cộng đồng trời, là sự hợp nhất vĩnh cửu của những kẻ đã được chọn lựa.

Bởi vậy nhân dân không đến từ thiên nhiên và không có trong thiên nhiên, mà từ thế giới tinh thần xuống và chống lại thiên nhiên, chế ngự thiên nhiên và hãm phanh thiên nhiên.

Tác động, sức mạnh và hiệu lực của các định luật thiên nhiên vật chất không mang tính chất thường xuyên và tuyệt đối, ngay từ đầu đã chỉ là một dạng hình và không thể thay đổi, luôn phụ thuộc vào mức độ, giới hạn vật chất hóa của con người.

Có thể hình dung ra một trạng thái của sự sống người, trong đó duy nhất chỉ có các định luật của vật chất ngự trị, và ngoài chúng ra không còn bất cứ tác động của cái nào khác. Cuối thời kì đen tối nhân loại đã đến gần trạng thái này, và gần như sắp đạt tới.

Nhưng không được phép đo lường đời sống cổ bằng các mức độ này. Trong thời gian trước lịch sử cái gọi là quyền lực của các định luật thiên nhiên vật chất trên đầu con người nhỏ bé một cách vô tỉ lệ, và càng nói về các thời kì xa hơn quyền lực này càng nhỏ hơn, quay lại thời kì bắt đầu thì nó hoàn toàn biến mất.

Tác động của các định luật thế gian vật chất và tinh thần phụ thuộc ở chỗ con người không riêng biệt mà đặt toàn bộ sự sống nhân loại vào những Quyền Lực nào và ở mức độ nào, và phục vụ cho những Thế Lực nào.

Trong thời gian cổ những người lãnh đạo nhân dân, nhất là vua đều nhận thức ra trật tự của sự tiến hóa và họ đều biết nhiệm vụ đầu tiên của người lãnh đạo, hay người đánh xe là đặt đời sống người phụ thuộc vào các Quyền lực vũ trụ của thế giới tinh thần chứ không phải vào thiên nhiên vật chất.

Brahman, trật tự tinh thần đã làm điều này, nhưng trước hết là cái đầu của hệ thống phân cấp, nhà vua. Vua là người dâng tặng đời sống người cho thế giới tinh thần, hiến dâng và phục vụ, nhất là do vua, bản sao phân cấp của thế giới tinh thần được duy trì trong đời sống người và sự thống trị vô điều kiện của các giá trị thế gian được chăm chú.

Nhân dân là cộng đồng người, mà trong sự sống của nó các định luật thiên nhiên vật chất tan ra và các sức mạnh vật chất bị phá vỡ trong bầu khí quyền của sự thống trị tinh thần. Nhân dân trong đời sống cộng đồng là một vòng tròn linh thiêng, sức mạnh vật chất vô thần, thấp kém không thể bước vào vòng tròn thiêng này.

Nhưng nếu sức mạnh vật chất ấy vẫn có thể bước vào vòng tròn thiêng này, đấy là tội lỗi của nhân dân, họ đã rơi vào tội vật chất hóa, bởi vậy họ cần phải chuộc lỗi. Về tội lỗi tập thể này - kể cả khi con người lịch sử không hề linh cảm rằng hành động tội lỗi tập thể này nghĩa là gì - các cuốn sách thiêng khác nhau đã nói rất nhiều.

Ý nghĩa của tội lỗi tập thể này: nhân dân đã vi phạm đạo luật của sự thống trị tinh thần, làm tổn thương hệ thống phân cấp, dẫn đến sự

phản bội và không chung thủy với tinh thần Thượng Đế. Hậu quả của tội lỗi này ngay lập tức xuất hiện trong việc, từ các vòng của nhân dân các sức mạnh tinh thần đã rút đi, và cộng đồng - trong mức độ của tội lỗi - nằm dưới quyền lực của các sức mạnh vật chất ma quỷ độc ác, tàn bạo, phi tinh thần, hoang dại.

Và sự trừng phạt nhân dân không chung thủy với Thượng Đế xuất hiện như sau: nhu cầu, sự tấn công, dịch bệnh, hạn hán, những thứ có thể chấm dứt nếu nhân dân cùng vua một lần nữa dâng hiến và chuộc lỗi.

Cần phục hồi hệ thống phân cấp tinh thần, bởi nếu không làm điều này, tác động của các sức mạnh vật chất ngày càng lớn, ngày càng mạnh, và nhân dân ngày càng hoang dã, trở thành con mồi cho những sức mạnh theo nhu cầu một cách không thương xót.

Tri thức này ở Ai Cập, Babilon, Kaldea, Judea, Trung Quốc, Mexico, Peru, Ấn Độ nằm trong sở hữu của những người canh giữ truyền thống, và lần cuối cùng, trước ngưỡng cửa thời lịch sử ở Hi Lạp xuất hiện với Pythagoras.

Pythagoras là con người cổ cuối cùng muốn trả lại vị trí của trật tự linh thiêng cứu nhân dân khỏi sự tan rã. Ông biết đây là con đường duy nhất có thể: các sức mạnh thiên nhiên vật chất dần dần bị mất hiệu lực, nếu có tác động của các sức mạnh của thế giới tinh thần và các sức mạnh tinh thần ngày càng được bảo đảm, ngày càng lớn hơn.

Thí nghiệm của Empedokles cũng mong muốn đạt được điều này, và đã thất bại, nhân dân đã nằm dưới quyền lực của các sức mạnh thiên nhiên. Còn ở Platon, tri thức này rất có thể đến linh cảm cũng chưa hề xảy ra.

6.

Ở ranh giới của thời lịch sử những chủ thể thần thánh cuối cùng của nhân loại cổ, khi từ Trung Quốc đến Hi Lạp người ta nói về sự cứu vớt cộng đồng và sự khôi phục nó, các chủ thể này đã nhìn rõ, trong nhân loại các sức mạnh vật chất ngày càng trở nên có quyền lực hơn, và các sức mạnh tinh thần ngày càng bị vô hiệu hóa.

Và bởi vì họ nhìn thấy cái gì đang xảy ra, nên họ biết, sức mạnh mù quáng của vật chất do tội lỗi tập thể của nhân dân gây ra. Những sức mạnh đen tối đã xông vào vòng linh thiêng, những sức mạnh mà đáng lẽ nếu dân chúng sống trong trật tự của các giá trị tinh thần, chúng đã tự bắt lực rơi rụng xuống.

Khả năng tấn công của các sức mạnh mù quáng chưa bao giờ từng xảy ra trong một sự sống tích cực nâng cao, và nếu như trên một vài bình diện mở của nó một sức mạnh đen tối nào đó đột nhập, sức mạnh của sự sống thần thánh đã xua đuổi chúng đi ngay.

Giờ đây có vẻ như toàn bộ dân chúng ngày càng trở nên không có mái che: chỉ trong một khoảng thời gian ngắn họ đã đánh mất cường độ sự sống của họ nhanh đến mức không thể chống đỡ được nữa. Và điều khủng khiếp hơn đã xảy ra: tai họa của cộng đồng xảy ra song song cùng sự lu mờ dần tính chất tinh tảo của mỗi con người.

Bởi vì cái xảy ra trong cộng đồng, chỉ là một nửa của sự vật, còn nửa kia xảy ra trong con người. Cái bên ngoài có luôn song song với cái bên trong. Cái gì có ở trên - Hermes Trismegistos nói - cũng giống hệt cái có ở dưới.

Trong con người sự tinh tảo bắt đầu bị thay thế bởi sự dờ dẫm mê ngủ. Trong cộng đồng, nhân dân bắt đầu biến thành đám đông. Trong toàn bộ nhân loại sự sống tích cực bắt đầu bị đời sống suy thoái thay thế, sự sống mở bị đời sống khóa kín thay thế.

Đám đông mê muội bắt đầu sống một đời sống bị khóa kín và suy thoái, quyền lực của các sức mạnh vật chất trong một khoảng thời gian ngắn nhân lên rất nhanh. Những sức mạnh trước đó không ai cần để ý

tối, bỗng nhiên xuất hiện, và bắt đầu chinh phục những lĩnh vực đời sống ở mức độ ngày càng lớn.

Sự tằm tối lan truyền với tốc độ khủng khiếp, sự hoang dại lớn dần, và nhân loại trong một vài năm cũng quên hẳn các công cụ chống đỡ, thậm chí họ không hề nhận ra các vị cứu tinh trong sự mê muội mù lòa, mà bắt đầu xua đuổi các vị cứu tinh này.

Quyền lực của vật chất bắt đầu cai trị lên đầu con người như thế đó, cái (gọi là) sự ưu tiên của các định luật vật lí trên các định luật tinh thần, quyền lực của vật chất trên con người: ăn, mặc, canh tác, thời tiết, nguồn gốc ý nghĩa quyết định của các quá trình vật lí và hóa học đều nằm ở đây.

Tội lỗi của dân chúng là không bao giờ còn duy trì lĩnh vực thần thiêng trong sự sống nữa. Các sức mạnh đen tối xâm nhập và tiêu diệt dân chúng. Cường độ tích cực của sự sống bị đánh mất, và cộng đồng tan vỡ. Nhân loại không còn có thể trở thành nhân dân nữa mà biến thành một đồng rời rạc của các thực thể giới tính khác nhau. Đồng người này là: đám đông.

Nỗ lực sức mạnh cuối cùng của con người cổ không ở dân tộc nào kiên cường bằng ở Iran. Zarathustra là cá nhân thần thánh cổ bằng toàn bộ tri thức và sức mạnh siêu việt thêm một lần nữa thử lay động dân chúng. Zarathustra biết rằng, nếu nhân loại tự thần phục vụ cho các sức mạnh thiên nhiên vật chất, và cho phép quyền lực của các sức mạnh ấy tung hoành trên đầu con người, quá trình này sẽ không bao giờ ngăn chặn lại được nữa.

Nhân loại sẽ hoàn toàn biến thành thiên nhiên vật chất, đời sống của nó sẽ trở thành một hiện tượng sinh học, ý nghĩa của nó trở thành sự thực hành mang tính động vật trong toàn bộ, bản năng của nó trở nên thú tính, trên sự sống của nó những định luật vật lí và hóa học ngu xuẩn trần trụi quyết định, và một điều quan trọng nhất sẽ thành sự thực: bản thân cộng đồng tự nó sẽ ngày càng đến gần hơn đám đông phi tinh thần, vô nghĩa, trước hết nó trở thành thô thiển, nguyên thủy, dã man,

người rừng, sau đó trên con đường thoái hóa trở lại nó bắt đầu cởi bỏ dạng hình vẫn còn là hình người, và ngày càng trở nên đen tối, méo mó trở lại, ngày càng máy móc hóa, đờ đẫn hơn, lười biếng hơn, đến chừng nó sẽ rơi xuống thấp hơn cả vòng của những con vật cao quý hơn.

Trong truyền thống Iran con kiến luôn có một ý nghĩa đặc biệt: con kiến là hình ảnh của cộng đồng buổi ban đầu, là nhân dân mang tính người, mang tính thần thánh, cao cả, nhưng rồi dân chúng phạm tội, và không hoàn tội. Thế là nhân dân cần phải trở thành đám đông, cần tan rã thành một bầy vô nghĩa.

Quyền lực của các sức mạnh vật chất ngày càng lớn, luôn bắt lực nhường chỗ cho những thế lực ngày càng đui mù, thấp kém, và tầm quyết định của nó cũng ngày càng lớn. Dân chúng từ từ rời bỏ dạng hình con người, và trở thành sâu bọ. Nếu kẻ nào trong đời sống cá nhân xa dần sự tỉnh táo và ngày càng mê muội, sẽ đến với sự tăm tối bên ngoài: từ trọng tâm đi ra ngoài ngoại vi (*periféria*) và ngày càng trở nên ngoại vi hơn.

Hình thức sự sống ngoại vi nhất, biểu tượng động vật của bóng tối bên ngoài là con rắn, con vật bò dưới đất. Ở Iran người ta biết, con rắn là sự sống người bị thoái hóa trở lại - một sự sống người đã hoàn toàn đánh mất trọng tâm của nó, và trở thành khu vực thuần túy, thành cái bên ngoài thuần túy, thành sự tăm tối bên ngoài thuần túy.

Bởi vậy con rắn không có cánh, chẳng có chân, hình dạng của nó chẳng khác gì một khu vực không có trọng tâm. Nếu con người thoái hóa trở lại một cách tập thể, và trong cộng đồng bước ra khỏi vòng sự sống người, nó cần trở thành sâu bọ, ồn ào, thụ động, hốt hải, thành con kiến rô bốt.

Sự sống bị thu hẹp, ngày càng tăm tối, đơn điệu sẽ ngày càng thoái hóa trở lại. Con kiến không có số phận, sự sống, không biết gì về các vòng thần thánh, không nhận biết Thượng Đế, chẳng tinh thần, chẳng sự giải thoát, chẳng sự nở hoa của đời sống, chẳng niềm vui, chẳng cái

Đẹp, chỉ một sự hót hải đơn điệu, một nghĩa vụ vô nghĩa, một công việc thụ động trong hình thức đơn điệu xám xịt tuyệt vọng.

VI. Luật pháp

1.

Trong một cộng đồng có trật tự, truyền thống cổ cho thấy ba mục đích và nghĩa của đời sống người. Ba mục đích này phù hợp với ba trật tự đạo đức, ba trật tự đạo đức phù hợp với ba đẳng cấp, ba đẳng cấp phù hợp với ba chất lượng của sự sống, ba chất lượng của sự sống đặt ra ba pháp luật.

Trong cộng đồng có trật tự ba mục đích của đời sống là: *artha*, *kama* và *dharma*. *Artha* có thể dịch là lợi nhuận, sự thu được, sự tăng trưởng vật chất. Không gì chống lại việc có thể đặt song song *artha* với *tamasz* trong ba *guna*, với sự sinh sôi vật chất, và giữa các đẳng cấp, với *vaisja* đẳng cấp kinh tế, với thương gia và người canh tác đất.

Và giữa ba trật tự đạo đức *artha* phù hợp với đạo đức thực dụng (*pragmatik*). Pháp luật của *artha* là thứ đạo luật mong muốn đảm bảo lợi ích, ưu tiên sự trù phú sinh sôi cho dân chúng.

Dịch từ *kama* khó hơn. *Kama* là thứ trong đó có đam mê và xúc cảm, thứ mang lại niềm vui, sự thỏa mãn, sự ngây ngất thể xác và tinh thần, bởi vậy ở Ấn Độ cổ *kama* cũng đúng là tình yêu, như một phần của nghệ thuật, có khoa học *kama* phục vụ cho sự hưởng lạc và thỏa mãn của con người. *Kama* phù hợp với đạo đức *eudaimonia*.

Trong ba chất lượng sự sống *kama* phù hợp với *radzsa*, trong ba đẳng cấp, *kama* song song với *ksatrija*. Nếu *kama* đưa ra luật, lúc đó mục đích sẽ là cung cấp niềm vui và sự thỏa mãn cho con người.

Dharma gần như không thể dịch ra được. Thực chất nó có nghĩa định luật thế gian, nhưng cả số phận, cả trật tự nữa, bởi vì thế gian cũng có *dharma* của nó, dân chúng, quốc gia, con người, gia đình, tất cả mọi sự vật-lịch sử cũng không khác, là sự thể hiện của *dharma*, nhưng đặc tính cũng là *dharma*, bản năng hành động cũng là *dharma* và trật tự vũ trụ cũng là *dharma*.

Đẳng cấp đứng song song với *dharma*: *brahman*. Chất lượng sự sống phù hợp với *dharma*: *szattva*, tư tưởng của nhận thức cân bằng. Tương đồng đạo đức của *dharma*: đạo đức *normativ*. Luật pháp mà *dharma* mang lại nằm trên nền tảng của tính chất siêu hình vũ trụ và các lời tuyên bố. Những luật *dharma* như mười điều răn của Kinh Thánh Do Thái, như sách của Mozes, luật của Manu và Menes và Csamuragga.

Trong thời kì lịch sử khi sự thống nhất siêu việt của cộng đồng người bị đứt đoạn thành các chủng tộc, các dân tộc, sự thống nhất của dân chúng bị đứt đoạn thành các giai cấp, tất nhiên người ta không thể đưa ra các luật khác ngoài những luật phục vụ cho sự thỏa mãn hoặc lợi nhuận, nhưng chỉ là sự thỏa mãn hoặc lợi nhuận của một dân tộc, một loài giống hay một giai cấp nhất định.

Và như vậy thời kì lịch sử không hề biết rằng, không chỉ có và có luật *dharma*, mà thực ra đây là đạo luật duy nhất và tuyệt đối. Cội rễ của luật này mang đến sự thỏa mãn và niềm vui có trong cảm xúc và sự đam mê, cội rễ của luật này mang lợi nhuận có trong khát vọng tăng trưởng kinh tế. Bởi vậy luật *kama* do *ksatrija* mang lại, phù hợp với thiên nhiên với *radzsasz*, bởi vì đặc tính của đẳng cấp hiệp sĩ là hoạt động say mê. Luật *artha* do *vaisja* mang lại, phù hợp với *tamasz*.

Con người lịch sử không nghĩ rằng cái mang lại sự thỏa mãn hoặc lợi nhuận, bởi trên bề mặt, phụ thuộc vào khoảnh khắc sẽ mất đi trong mức độ lớn nhất. Bởi vậy luật của *kama* và *artha* không được coi là luật.

Chừng nào chỉ nói về sự thỏa mãn và lợi nhuận, có thể phù hợp trong một thời gian ngắn. Nhưng khi nói về một mức độ sâu hơn: sự quyết định mang ý nghĩa tinh thần, trật tự của cộng đồng, lúc đó *kama* và *artha* đầu hàng, và đúng là đã thất bại.

Không một luật nào do sự thỏa mãn hoặc lợi nhuận mang lại, có thể duy trì được bất kì loại hình cộng đồng nào. Bởi vậy sự cần thiết đối với con người lịch sử ngay trong bước đầu tiên là họ đã thất bại trong việc tạo ra trật tự luật pháp. Đằng sau những luật pháp thời lịch sử là đạo đức thực dụng (*pragmatikus*) hoặc đạo đức *eudaimonia*, và do đam mê (*radzsa*) hoặc khát vọng lợi nhuận (*tamasz*) mang lại, nhưng chưa bao giờ là đạo đức hệ thống phân cấp hoặc *normativ*, và chưa bao giờ là tư duy tinh thần (*szattva*).

Luật chỉ mang lại trật tự, đời sống cộng đồng chỉ có thể điều chỉnh đúng nếu luật của cộng đồng phù hợp với luật thế gian, hay nó chính là nguồn trực tiếp: *dharma*. Ở giới hạn của thời gian lịch sử Khổng tử thất bại vì thế, ông đã mong muốn mang số phận cộng đồng ra phó mặc cho người quân tử, cho đẳng cấp hiệp sĩ, cho tầng lớp quý tộc, cho sự hoạt động của *ksatrija*.

Platon cũng thất bại như vậy, khi ông cũng muốn tạo ra kẻ cai trị từ đẳng cấp *ksatrija*. *Ksatrija* chỉ biết tạo ra luật-thỏa mãn; và luật-thỏa mãn có thể quý phái, nghiêm chỉnh, đẹp, to lớn nhưng không bao giờ có thể lập ra được trật tự sau cùng trong dân chúng.

Còn trong thời kì lịch sử muộn hơn, khi tầng lớp quý tộc cũng đã thất thế, khát vọng lợi nhuận cũng ước muốn tạo ra luật, lúc đó trật tự cộng đồng còn tan vỡ mạnh hơn nữa. Không gì tội nghiệp hơn khi cuối thời lịch sử, một mặt từ những *vaisja* phi nhập định và khát lợi nhuận, một mặt từ những *ksatrija* đói quyền lực, vội vã, nóng nảy, nhưng phần lớn từ hội nhóm lập ra của những kẻ *sudra* (kẻ hầu) hoàn toàn với bản năng vô thức tạo ra các quy định và tưởng rằng đây là họ đang lập ra luật pháp.

Kết quả tất nhiên không thể khác ngoài hậu quả tất yếu tiếp diễn: đời sống cộng đồng ngày càng hỗn loạn, sự căng thẳng giữa các đẳng cấp ngày càng trầm trọng, và tinh thần của cộng đồng ngày càng đen tối.

2.

Ý nghĩa của sự sống cùng tuổi với sự tạo dựng thế gian. Không cần nhấn mạnh riêng điều này, bởi vì Tạo Hóa không tạo dựng ra thế gian từ sự vô nghĩa, mà một cách tình tảo, và khi sự tạo dựng này được thể hiện, cũng xuất hiện luôn tuyên ngôn về ý nghĩa của nó.

Hình dạng hóa thân của ý nghĩa này là con người, Đầu Tiên và là Con Người cổ, con người vũ trụ, kẻ mang ý nghĩa Thượng Đế. Con người vũ trụ biết một cách trực tiếp và tình tảo ý nghĩa này, bởi vì nó chính là ý nghĩa đó. Tri thức đầu tiên và trực tiếp về ý nghĩa sự sống do truyền thống cổ gìn giữ, và là bản chất và nội dung của siêu hình học của dân chúng thời cổ. Đây là *sruti*, như truyền thống Ấn Độ đã dạy, là lời tuyên bố trực tiếp.

Quá trình thứ hai của sự tạo dựng thế gian: một sự chăm sóc để duy trì sự sống. Quá trình duy trì sự sống có quy tắc, trật tự, quy luật của nó. Chỉ có một loại duy trì duy nhất, tất cả các kiểu duy trì khác chỉ là một sự sống chịu đựng, bớt đi hoặc hư hoại, hoặc đen tối đi hoặc ít đi.

Quy luật về duy trì sự sống trực tiếp tiếp sau quy luật về ý nghĩa sự sống. Quy luật là quá trình thứ hai, là *szmruti*, như truyền thống Ấn Độ đã dạy, là cái ngay từ đầu đã khiến phải nhớ đến, là cái cần giữ, để sự sống được duy trì.

Tri thức về sự sống và về duy trì sự sống gắn bó với nhau mật thiết; luật luôn nảy sinh từ tri thức về ý nghĩa sự sống, và cần phải nảy

sinh từ đó. Nền tảng của luật cần mang tính chất siêu hình học. Luật chỉ là luật khi là lời tuyên bố.

Luật không chỉ nói lên những quy tắc chung sống của các thực thể sống trong cộng đồng. Nó luôn luôn được xây dựng từ các đặc tính cơ bản của sự sống và nói về số phận của linh hồn, về giáo dục, về các nghĩa vụ giới tính, về ăn, mặc, về sự dâng hiến, về cái chết, về đời sống vĩnh cửu, về sự nhập định, về hệ thống phân cấp, về các vòng đời sống của thế giới bên kia.

Luật là luật của sự sống vũ trụ, là thứ trong ý nghĩa Tạo Hóa như khả năng duy nhất đúng của duy trì sự tạo dựng, trong khoảnh khắc tạo dựng và cùng xuất hiện với sự tạo dựng. Đây là luật sự sống vũ trụ, tuyên ngôn cùng sự sống, cái mà truyền thống Ấn Độ gọi là *dharma*.

Mọi dân tộc thời cổ đều nhận các luật một cách trực tiếp từ bàn tay Thượng Đế, ở Ai Cập cũng như ở Trung Quốc, Iran hay Hi Lạp. Luật là lời tuyên ngôn Thượng Đế, dù là sách của Manu hay Tora.

Thượng Đế trực tiếp cho biết cái gì là sự sống và cần phải duy trì như thế nào, cái gì là cái cần làm và cái gì là cái bị cấm; cần duy trì trật tự như thế nào, cần con người cầm quyền như thế nào, con người như thế nào hãy cai trị, quyền lực trong tay người như thế nào, của cải trong tay người như thế nào, người làm việc là người như thế nào.

Luật này hoàn toàn độc lập với việc có thỏa mãn được các say mê của con người hay không, hoàn toàn độc lập với việc có lợi nhuận hay không. Nền tảng của luật không phải là *kama* cũng không là *artha*, mà là *dharma*, và *dharma* không là gì khác ngoài chính bản thân luật, tách xa mọi yêu cầu của con người, đứng trên mọi khát vọng và lợi nhuận.

Dharma là điểm, nơi luật và tuyên ngôn của sự sống trùng làm một, là nơi tri thức về sự sống biến thành luật, và là nơi bản thân luật không là gì khác, ngoài tri thức vĩnh cửu nói về sự sống.

3.

Manu của Ấn Độ, Menes của Ai Cập, Minos của Hi Lạp, Vang của Trung Quốc, Kecalcoatl của Mexico, kẻ ghi lại luật đã tuyên ngôn và nói cho con người biết, thực không phải là ai chính là Con Người, con người vũ trụ. Trí tuệ của Thượng Đế.

“Manu - sách luật Ấn Độ viết - ngự trị trên ghế thiên; hướng sự tỉnh táo đến sinh linh cao nhất, và sau khi kính cẩn làm lễ xong nói như sau với Thượng Đế: Thưa Chúa tể, vì các luật thiêng và trật tự thế gian hãy cho phép con dạy cộng đồng người ở bốn mức độ, và cần phải đi theo trật tự của các mức độ ấy như thế nào.

Bởi vì chỉ có ngài, duy nhất có ngài giữa những sinh linh hữu hạn biết ý nghĩa thực chất: cái là Một và Đầu Tiên trên thế gian, ý nghĩa của các nghi lễ là gì, tri thức siêu việt nghĩa là gì, Veda không có biên giới, không bao giờ khô cạn và không bao giờ thành kính đủ. Khi Manu, kẻ mà sự thông thái là vô tận nhận những lời sâu sắc của thông thái Thượng Đế, cúi đầu và nói câu trả lời mang nhiều ý nghĩa: thế gian hãy nghe những gì cần nghe”.

Điều đầu tiên sự thông thái nói cho Manu biết, là thế gian ngay từ buổi ban đầu đã nằm trong ý nghĩ của Thượng Đế, như một hình ảnh tinh thần. *“Đây là toàn bộ, cái mi nhìn thấy, từng là sự hình dung của Thượng Đế trong buổi đầu của thời gian, chưa lan truyền, sống trong bao bọc của bóng tối, không ai nhận ra, với trí óc không giải thích nổi, thiếu lời tuyên bố, như kẻ chìm đắm vào giấc mộng.*

Khi đó xuất hiện trong sự cao cả êm đềm Sức Mạnh trên tất cả, là kẻ bản thân cũng vô hình và tạo dựng ra năm nguyên tố của thế gian, kẻ biến những ý nghĩ giấu trong sự tưởng tượng ra thành hữu hình và đánh tan sự tăm tối. Đây là kẻ mang ý nghĩa cho con người, không phải là cảm giác của con người, đây là kẻ không có lấy một bộ phận hữu hình, kẻ vĩnh viễn có đấy, đấy là Linh Hồn, là linh hồn của mọi sinh linh, kẻ mà sinh linh duy nhất cũng không nắm bắt nổi, đây là lời tuyên bố”.

Sự sống cổ bất phân chia, Một biến thành Hai: thành Linh Hồn và Thể Gian, thành cái Tôi tinh thần vô hình và thành cá nhân thể hiện.

Sự việc thứ hai mà Manu được sự thông thái cho biết, tại sao lại xuất hiện con số Ba, ba chất lượng của sự sống, ba *guna*.

Buổi ban đầu thể gian là Một: Linh Hồn, Sự Sống. Biểu tượng của Một là quả cầu - hình ảnh sự thống nhất.

Khi Hai xuất hiện, quả cầu thay đổi, trọng tâm duy nhất chia đôi: đây là quả trứng. Quả trứng thể gian: *“Trong quả trứng này nằm yên một Sức Mạnh lớn, linh hồn tạo hóa suốt một năm thể gian, và không làm gì hết chỉ tách các ý nghĩ ra khỏi nhau. Và từ nửa quả trứng tạo thành Trời, nửa kia thành Đất... và tạo dựng linh hồn sống, lời tuyên bố đầu tiên của ý nghĩ tinh thần Thượng Đế, với ba chất lượng sự sống: nhận thức trong sạch, sự hoạt động sôi nổi và sự sinh sản tằm tối”*.

Trên thể gian xuất hiện Ba: ba *guna* - nhận thức, đam mê, sinh sản - *szattva*, *radzsasz* và *tama* thực chất là hai: linh hồn tạo hóa và sự căng thẳng của thể gian được thể hiện, hai điểm của quả trứng.

Nhưng Hai thực chất là một: cái Tôi vĩnh cửu và vô hình của tinh thần Thượng Đế. Từ cái Tôi bước ra linh hồn và sự nhị phân của thể gian, từ nhị phân bước ra Ba: ba chất lượng sự sống, nhận thức, đam mê và sự sinh sản.

Trong sự sống người Một là cái Tôi, linh hồn bất tử; Hai là hai giới: sự căng thẳng của đàn ông và đàn bà; Ba là cộng đồng. Bởi vậy cộng đồng có ba trật tự: trật tự tinh thần - giáo chủ, trật tự hiệp sĩ cai trị và trật tự kinh tế.

Bởi vậy trong đời sống cộng đồng cần duy trì mối quan hệ với một chất lượng nào đấy của sự sống trong tư tưởng, hành động, sự nỗ lực, quá trình; Bởi vậy *brahman* cần đứng bên trên và thực hành sự thống trị, bởi *brahman* đại diện cho nhận thức, bởi vậy cần *ksatrija* cho hoạt động, bởi đại diện cho đam mê, bởi vậy cần *vaisja* với hành động là canh tác sản phẩm vật chất, vì đại diện cho bản năng sinh sản tối tăm.

Bởi vậy sự hoạt động của *ksatrija* không bao giờ chỉ huy được cộng đồng, nhưng sự sinh sản của *vaisja* cũng không nổi, bởi chất lượng sự sống và các vòng của nó không bao giờ có thể là nhận thức. Bởi vậy sự hoạt động cần *kama*, sự thỏa mãn, và sinh sản cần *artha*, cần đi với lợi nhuận.

Nhưng cũng chính vì vậy không bao giờ *kama* hoặc *artha* có thể nói, cái gì là cái chỉ huy cộng đồng. *Dharma* chỉ có quan hệ với nhận thức, và chỉ *brahman* biết tuyên bố, trên nền tảng luật thế gian đã tuyên ngôn cái gì là đúng, cái gì không đúng, cái gì là cái dẫn dắt được cộng đồng, cái gì không.

Chỉ *brahman* có thể là người lính canh hệ thống phân cấp; chỉ *brahman* duy trì được sự thống trị của các giá trị vĩnh cửu trong cộng đồng người: đạo đức. Chỉ *brahman* có thể dạy dỗ, nuôi nấng và chỉ đạo, bởi nắm giữ tri thức của *dharma*, chỉ *brahman* giữ gìn truyền thống, tri thức đã tuyên ngôn về sự sống và trật tự của sự sống.

4.

Dharma là ý chí luật đã tuyên ngôn của tinh thần tạo hóa, không chỉ tạo dựng ra sự sống, mà còn muốn duy trì trật tự của nó nữa, là cái duy nhất biết, bởi chỉ mình nó có thể biết cái gì là trật tự và có thể duy trì như thế nào.

Buổi đầu của thời cổ con người Thượng Đế nắm được lời tuyên bố này và viết ra. Đây là nguồn gốc của luật. Đây là luật duy nhất đúng. Tất cả mọi quy định được gọi là luật lập ra nằm ngoài *dharman* đều chỉ là sự cưỡng bức của con người, ở bất kì nơi nào và do ai viết ra cũng thế. Luật chỉ có một: lời tuyên bố, sự thể hiện của tinh thần Thượng Đế. Cuối thời cổ lần cuối cùng quan niệm này xuất hiện trong *Nomoia* của Platon, và từ đó trở đi, đã biến mất.

Có thể nhận ra ngôn từ của luật luôn vượt qua giới hạn của thiên nhiên vật chất.

Manu nói: *“Ông thầy là hình ảnh trần gian của Thượng Đế; cha của thân thể là Brahman, hình ảnh Tinh Thần Tạo Hóa; mẹ của thân thể là hình ảnh của Đất; đứa con đầu là hình ảnh của Linh hồn. Chính vì vậy người thầy; người cha, người mẹ và đứa con đầu của gia đình cần kính trọng theo các mức độ... Những nỗi đau đớn và lo lắng mà người cha và người mẹ trải qua khi sinh ra và nuôi dưỡng đứa con, và cái mà họ chịu đựng, trả ơn một trăm năm chưa hết.*

Tất cả mọi người cần đối xử để cha mẹ và người thầy thỏa mãn với họ... những câu kinh quan trọng nhất dành cho cha mẹ và người thầy... bởi người cha, người mẹ và người thầy có nghĩa là ba thế giới, là sức mạnh tạo dựng, là thiên nhiên vật chất và thế giới tinh thần vĩnh cửu, và ba thế giới có nghĩa là ba Veda... Người mẹ là garhapatja, lửa của hôn nhân, người cha là daksina, lửa của nghi thức, người thầy là ahavanija, lửa của sự hiến dâng, và giữa các loại lửa đây là ba loại lửa cần kính trọng nhất”.

“Nếu tự bản thân con người trở thành chủ gia đình, và không quên ba điều này, sẽ đạt tới sự thống trị trong cả ba thế giới: thân thể nó được lưu danh và trở thành Thượng Đế, nó sẽ sống hạnh phúc không ngừng trong thế giới bên kia. Nếu nó kính mẹ, nó sẽ hưởng niềm vui của thế giới vật chất, nếu nó kính cha, nó sẽ hưởng niềm vui của thế giới khí (eter), nếu nó kính ông thầy, nó sẽ hưởng sự ngây ngất của những thế giới trời”.

Luật nhận ra từ dấu hiệu luôn nói cần vượt qua thiên nhiên vật chất. Nó không phải là sự hà khắc sử dụng trong đời sống cộng đồng, thứ điển hình cho luật ksatrija; không phải khát vọng bội thu khuất sau luật, như điển hình của luật vaisja; không phải là sự vô nghĩa của bạo lực trần trụi, mà điển hình là luật của sudra.

Luật dharma không ra lệnh, mà tuyên bố. Không nói cái này cái nọ cần phải thực hành bằng mọi giá, nếu không ra tòa, vào tù hoặc bị

cắt cổ. *Dharma* không xử phạt. *Dharma* là lời tuyên bố thiêng mà tinh thần tạo hóa đã nói ra, và con người được tự do giữ hay không.

“Nếu mi giữ - luật lên tiếng - con đường này đợi mi: tăng trưởng, sáng sủa, mi bước vào vòng của những linh hồn giống mi trong sạch, nghiêm chỉnh, sâu sắc và thần thánh. Nếu mi không giữ luật, con đường này đợi mi: mi ngày mỗi tăm tối, rơi xuống giữa các linh hồn bẩn thỉu và mi sẽ đau khổ”.

Trong *dharma* không có cưỡng bức và mệnh lệnh. Tất cả mọi người đều có thể giữ hoặc vi phạm, tự do, nhưng có thể thấy cái gì sẽ xảy ra với nó. Luật tuyên bố cho kẻ có trách nhiệm, những người có khả năng quyết định số phận mình. Cộng đồng cũng có quyền duy trì hoặc bỏ đi *dharma*, nghe lời của tuyên bố và sống theo hoặc cho phép nghe theo lời của đam mê, khát khao lợi nhuận hoặc bản năng vô thức.

Nhưng: cộng đồng hãy thấy. Nếu đi chệch khỏi *dharma*, không duy trì luật tuyên ngôn, sẽ bị thất bại và thiệt thòi trong sự hỗn loạn và tuyệt vọng. Không ai sẽ thi hành sự trừng phạt trên đầu cộng đồng, mà cộng đồng tự xử phạt mình bằng cách: sự đi chệch khỏi *dharma* sẽ mang đến đau khổ, bất công, đổ máu, tranh đấu không ngừng, khó khăn và sự hoang mang cho cộng đồng.

5.

Luật, những quy định mang tính chất vật chất có vẻ vô nghĩa của thời kì đen tối cũng vẫn gìn giữ một cái gì đó từ đặc tính cổ và cội nguồn của nó. Đặc tính này làm thế giới vật chất phụ thuộc vào thế giới tinh thần. Luật, cho dù không là gì khác, ngoài những quy định đơn giản, một sự ra lệnh tầm thường, nhưng vẫn chế ngự thiên nhiên vật chất trong giá trị nào đó dưới một trật tự cao hơn.

Trong thời kì đen tối các luật của *kama* và *artha* không thể hiện trật tự cao hơn của chúng bằng cách nào ngoài bằng sự đe dọa, bởi vì giữa các công cụ để điều khiển cộng đồng không có lấy một công cụ tinh thần duy nhất, mà toàn bộ, như Baader nói, chỉ là bạo lực và quy định.

“Nhân tố tinh thần của bộ máy cầm quyền rơi xuống dưới điểm đóng băng”. Giờ đây không ai hiểu nổi, luật kiên cường, sắc bén và chắc chắn không cần cho giai cấp quyền lực, mà cần cho mọi thành viên của cộng đồng, bởi vì: *“Sự hợp luật được điều chỉnh của thế giới bên ngoài là điều kiện cho tự do bên trong của linh hồn”* - thời đen tối chỉ nhìn thấy tự do bên ngoài, mà không biết rằng, tự do thật sự là quyền chọn lựa, là sự tự chủ, là sự tự phủ nhận bản thân, là kỉ luật tự thân, nghĩa là tự do của linh hồn.

Luật thể hiện trong đời sống cộng đồng một trật tự không thể sao chép và tuyệt đối, mà linh hồn con người hoặc nói không hoặc nói có với nó, nhưng một cách tự do, có trách nhiệm và tỉnh táo. Vì luật linh hồn con người trong cộng đồng trở nên tự do. Nó làm cái nó muốn và cái nó đã quyết định.

Luật đặt con người cạnh thế giới tinh thần tuyệt đối, và trong mọi khoảnh khắc đời sống của nó, nó có thể lên tiếng: có hoặc không. Không mặc cả.

Lẩn tránh? Không thể. Mi đến hay ở lại? Hoặc mi theo ta hoặc chống lại ta. Và trong sự lên tiếng này không có chút gì mang tính vật chất. Đây là điều mà từ một quy định phụ cũng không thể nào xóa bỏ nổi.

Luật đặt con người bên cạnh thế giới tinh thần của các giá trị một cách không thể lui bước, và bắt nó phải quyết định không bao giờ được ngừng lại. Kẻ nào vi phạm hoặc lẩn tránh luật, kẻ đó trực tiếp phủ nhận thế giới tinh thần. Và ý nghĩa tội lỗi không phải là tôi đã gây thiệt hại cho ai đó. Tội lỗi là tôi đã rút chính bản thân mình ra khỏi mối quan hệ với thế giới tinh thần.

6.

Ý nghĩa cuối cùng của luật như sau: người nào đi theo *dharma*, là đi theo lời tuyên bố của tinh thần vĩnh cửu, không vì bị cưỡng bức, mà một cách tự do, bởi nó biết luật vì quyền lợi của nó và vì quyền lợi của nó. Sinh Linh tạo hóa đã thốt lên ngay từ buổi ban đầu của mọi thời gian.

Đây là quyền lợi gì? Cái tốt này là cái tốt gì?

Người ta muốn gọi nó là gì cũng được, tái hòa nhập, quay trở lại trạng thái cổ, sự chuyển hóa, sự giải thoát, ngôn từ khác nhau nhưng sự vật chỉ có một.

Người ta gọi nó là *nirvana*, là *Átman*, là sự tinh thần hóa, là phúc lạc. Thế nào cũng được. Luật đánh dấu con đường nâng lên sự sống Thượng Đế và tuyên bố. Trong tính chất của luật quan trọng nhất là con đường nâng lên cao một cách chung, đồng thời. Bởi vì với từng người mở ra đời sống chỉ là trường hợp ngoại lệ; sự chuyển hóa cá nhân là một ân sủng mà tinh thần Tạo Hóa luôn duy trì, nhưng chỉ như một khả năng, mà trong trường hợp sau cùng mới áp dụng đến.

Trong ý nghĩa của luật từng người không thể bước vào sự sống Thượng Đế. Chỉ cùng nhau, như một cộng đồng (gọi là) nhân dân, mang tính chất tập thể, hay dùng một từ khác: những con người tập hợp cùng nhau và đều đã được thanh tẩy cho trong sạch.

Luật là sự đánh dấu con đường quay trở lại trạng thái tinh thần cổ của sự sống. Bởi vậy tinh thần của Tạo Hóa ngay từ buổi ban đầu của mọi thời gian sau lời tuyên bố về ý nghĩa của sự sống đã nói: đây là sự sống, đây là ý nghĩa của sự sống, đây là con đường quay trở lại toàn bộ sự sống. Con đường này để thế giới một lần nữa là MỘT, là tinh thần, là Thượng Đế.

Luật tuyên bố sự tái hòa nhập, con đường tôn vinh giữa nhân dân. Bởi vậy không cần đến sự đe dọa, sự trừng phạt, hành hạ. Cái mà luật

tuyên bố là của cải chung của nhân loại cũng đúng như của cải cá nhân của từng người. Nhưng từ sự tốt đẹp này không sản sinh ra sự thỏa mãn hoặc lợi nhuận hoặc quyền lực. Thứ duy nhất nảy sinh ra từ đấy: đời sống mở ra, kết hoa, yên bình và được tinh thần hóa.

Với lời của luật không dính chút gì vật chất, và thứ luật chỉ cần dính một hạt bụi duy nhất của thế gian vật chất thôi, đấy cũng không phải là luật, mà chỉ là một cử chỉ quyền lực. Luật không màng tới bất cứ thứ gì khác, chỉ: con người hãy quay trở lại với sự sống Thượng Đế, nhưng không phải từng cái Tôi khát khao vinh danh mà là con người vũ trụ, là nhân dân.

Luật không nói với con người mà nói với nhân dân: với nhân loại vũ trụ. Luật sẽ thánh hóa đời sống nhưng chỉ duy nhất một đời sống mang mục đích nâng lên cao đến sự sống Thượng Đế, sau đó tự bản thân nó chấp nhận đời sống đã thánh hóa này: hãy trôi đi tất cả, hãy cứ là sự hoang dã, vật chất, thiên nhiên, chiến lợi phẩm của các sức mạnh ma quỷ, hãy cứ bị phục vụ cho các bản năng, các dục vọng mờ mịt, cho lợi nhuận, cho đam mê. Đời sống này tự nó bỏ qua con đường mà tinh thần Tạo Hóa ngay từ buổi đầu tiên của mọi thời gian không ngoại trừ ai, đã nói cho biết.

Sự sống chỉ hợp luật bên trong, giới hạn của luật *Dharma* là một sự sống hợp luật. Cái gì ngoài *dharma*, ngoài lời tuyên ngôn, trong vật chất cũng có thể mang tính chất lợi nhuận, có thể làm thỏa mãn, có thể mang lại quyền lực, nhưng không hợp luật, phi luật. Phi luật bởi vì nó không có mục đích hợp luật.

Luật là lời tuyên bố nói về sự sống thần thánh. Có thể vi phạm, nhưng sự trừng phạt cũng không đến. Sự vi phạm trong thiên nhiên vật chất có trường hợp mang đến thành công: mang lại quyền lực, của cải, sự thỏa mãn - nhưng kẻ đã vi phạm luật, dù là con người, dù là dân chúng, dù bằng biện pháp cá nhân, dù làm chung nhau, nhưng đã tự loại mình ra khỏi sự sống thần thánh.

“Dân chúng - Zarathustra nói - những kẻ bỏ bê luật đã ủy nhiệm, đã bắt buộc, và lạm dụng điều ấy, những kẻ không theo và không kính trọng luật, là thứ dân chúng vô thần, chúng sẽ rơi xuống hàng nô lệ, đời sống của chúng sẽ hấp hối giữa bạo lực và sự sỉ nhục, và chúng không thoát khỏi hoàn cảnh ấy chừng nào chúng chưa rũ rời, chưa quỳ gối và cầu nguyện vì người giải thoát cho chúng”.

Điều giờ đây đang vang lên: *sziddhánta*.

Sziddhánta có nghĩa rằng: TRÍ TUỆ CUỐI CÙNG.

(Viết từ tháng 8 năm 1943
đến tháng Giêng năm 1944.)

HẾT TẬP II.

MỤC LỤC TẬP 2

1. Phần thứ tư SỰ NHẬP ĐỊNH

1. I. Hermes Trismegistos
2. II. Bình luận
3. III. Bảy nhà thông thái
4. IV. Các bậc thang phép thuật
5. V. Thiên nhiên và cõi âm
6. VI. Sự thống nhất của sự sống

2. Phần thứ năm SỰ TƯƠNG ĐỒNG

1. I. Ngôn ngữ hình
2. II. Chiêm tinh học
3. III. Song tử
4. IV. Ba đẳng cấp và bốn mùa
5. V. Bệnh tật
6. VI. Nước

3. Phần thứ sáu NHÀ VUA VÀ DÂN CHÚNG

1. I. Cộng đồng cổ
2. II. Người đánh xe
3. III. Thống trị và quyền lực
4. IV. Brahma-Pura
5. V. Nhân dân
6. VI. Luật pháp

Table of Contents

Phần thứ tư SỰ NHẬP ĐỊNH

I. Hermes Trismegistos

II. Bình luận

III. Bảy nhà thông thái

IV. Các bậc thang phép thuật

V. Thiên nhiên và cõi âm

VI. Sự thống nhất của sự sống

Phần thứ năm SỰ TƯỞNG ĐỒNG

I. Ngôn ngữ hình

II. Chiêm tinh học

III. Song tử

IV. Ba đẳng cấp và bốn mùa

V. Bệnh tật

VI. Nước

Phần thứ sáu NHÀ VUA VÀ DÂN CHÚNG

I. Cộng đồng cổ

II. Người đánh xe

III. Thống trị và quyền lực

IV. Brahma-Pura

V. Nhân dân

VI. Luật pháp